

Số: /ĐA-UBND

Tỉnh Biên, ngày tháng 03 năm 2022

ĐỀ ÁN

**THÀNH LẬP THỊ XÃ TỈNH BIÊN THUỘC TỈNH AN GIANG
VÀ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ TỈNH BIÊN**

An Giang là một tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long, nằm trong vùng đô thị Tây nam với 3.536,8 km² diện tích tự nhiên và dân số 1.904.532 người. Tỉnh có 11 đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm: thành phố Long Xuyên, thành phố Châu Đốc, thị xã Tân Châu và 08 huyện: An Phú, Châu Phú, Châu Thành, Chợ Mới, Phú Tân, Thoại Sơn, Tri Tôn và Tịnh Biên; 156 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có 21 phường, 19 thị trấn và 116 xã. Là tỉnh có vị trí địa lý rất thuận lợi kết nối với các nước Đông Nam Á, đặc biệt là Campuchia và Thái Lan bằng đường bộ và đường hàng không; phía Đông giáp tỉnh Đồng Tháp, phía Tây bắc giáp Vương quốc Campuchia với đường biên giới dài 104 km, phía Nam giáp thành phố Cần Thơ và phía Tây nam giáp tỉnh Kiên Giang.

An Giang có địa hình đa dạng, đường biên giới dài, nhiều sông núi và nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, vị trí và điều kiện tự nhiên thuận lợi, cùng với hệ thống giao thông đường bộ và đường thủy phát triển đồng bộ đã tạo cho tỉnh nhiều tiềm năng và lợi thế kinh tế phong phú, đa dạng như: kinh tế nông - lâm nghiệp, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến nông - thủy sản, kinh tế cửa khẩu, mậu dịch quốc tế và du lịch; nhiều danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử, văn hoá tiêu biểu đã thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước.

Huyện Tịnh Biên nằm ở phía Tây của tỉnh An Giang, có 14 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm: 03 thị trấn (Tịnh Biên, Nhà Bàng, Chi Lăng) và 11 xã: An Phú, Thới Sơn, Núi Voi, Nhơn Hưng, Văn Giáo, Vĩnh Trung, An Cư, An Hảo, An Nông, Tân Lập và Tân Lợi. Là trung tâm thương mại, giữ vai trò đầu mối giao thương quốc tế với khu kinh tế Cửa khẩu Quốc tế Tịnh Biên; là đầu mối giao thông thuận lợi giữa Việt Nam với các nước Campuchia, Thái Lan.

Huyện Tịnh Biên có đường biên giới chung với Vương quốc Campuchia dài gần 20 km, nên có lợi thế và tiềm năng rất lớn để phát triển kinh tế cửa khẩu, du lịch thông qua cửa khẩu Quốc tế Tịnh Biên và tuyến Quốc lộ 91, Quốc lộ N1, ĐT. 948, ĐT. 955A, ĐT. 945, ĐT. 949, ĐT. 941 chạy ngang địa bàn. Đây là cầu nối giao thương quan trọng nối huyện Tịnh Biên nói riêng và tỉnh An Giang nói chung với các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long và các nước trong khu vực Đông Nam Á, tạo nên điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập nhanh cùng vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Đồng thời đây cũng là bàn đạp vững chắc để huyện thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực. Đô thị Tịnh Biên trong khu kinh tế cửa khẩu An Giang với cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên đảm nhiệm tính chất

giao thương Quốc tế, đồng thời nơi đây có vị trí trọng yếu về an ninh quốc phòng với sự đoàn bộ binh của Quân khu 9, đơn vị chủ lực đầu tiên của Nam bộ trước đây đóng quân trên địa bàn, có nhiệm vụ rất lớn trong công tác bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới Quốc gia.

Để khai thác tiềm năng, lợi thế của huyện Tịnh Biên, Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh An Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 xác định đô thị Tịnh Biên mở rộng nằm trong tiểu vùng phát triển kinh tế phía Tây của tỉnh An Giang với động lực phát triển của tiểu vùng là phát triển công nghiệp tập trung, thương mại dịch vụ cửa khẩu, du lịch văn hóa, tín ngưỡng và du lịch sinh thái, tham quan mua sắm,... Chương trình phát triển đô thị tỉnh An Giang giai đoạn 2017 - 2020 và định hướng đến năm 2030 xác định đô thị Tịnh Biên mở rộng đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV trước năm 2020 và đã được Bộ Xây dựng công nhận đô thị Tịnh Biên mở rộng, tỉnh An Giang đạt tiêu chí đô thị loại IV tại Quyết định số 985/QĐ-BXD ngày 06/7/2018.

Đến nay, đô thị Tịnh Biên đã bảo đảm các điều kiện và đạt đủ các tiêu chuẩn thành lập thị xã theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Đó là cơ sở để tiến tới thành lập thị xã Tịnh Biên. Vì vậy, UBND huyện Tịnh Biên xây dựng Đề án thành lập thị xã Tịnh Biên thuộc tỉnh An Giang và thành lập các phường thuộc thị xã Tịnh Biên với các nội dung như sau:

Phần thứ nhất

CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP THỊ XÃ TỊNH BIÊN THUỘC TỈNH AN GIANG VÀ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ TỊNH BIÊN

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
2. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14 và Luật số 47/2019/QH14;
3. Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;
4. Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;
5. Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính;

6. Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;

7. Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030;

8. Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 29/06/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng Biên giới Việt Nam - Campuchia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

9. Quyết định số 245/QĐ-TTg ngày 12/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

10. Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 15/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

11. Quyết định số 456/QĐ-TTg ngày 22/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng KKT cửa khẩu An Giang, tỉnh An Giang đến năm 2030;

12. Quyết định số 801/2012/QĐ-TTg ngày 27/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đến năm 2020;

13. Quyết định số 2274/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh An Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

14. Quyết định số 3777/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh An Giang phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh An Giang giai đoạn 2017 - 2020 và định hướng đến năm 2030;

15. Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 của UBND tỉnh An Giang phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tịnh Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

16. Quyết định số 3844/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị Tịnh Biên, tỉnh An Giang đến năm 2035;

17. Quyết định số 985/QĐ-BXD ngày 06/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công nhận đô thị Tịnh Biên mở rộng, tỉnh An Giang đạt tiêu chí đô thị loại IV.

II. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP THÀNH LẬP THỊ XÃ TỊNH BIÊN THUỘC TỈNH AN GIANG VÀ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ TỊNH BIÊN

1. Sự cần thiết thành lập thị xã Tịnh Biên thuộc tỉnh An Giang và thành lập các phường thuộc thị xã Tịnh Biên

a) Sự cần thiết thành lập thị xã Tịnh Biên thuộc tỉnh An Giang

Huyện Tịnh Biên nằm ở phía Tây của tỉnh An Giang với tổng diện tích tự nhiên 354,59 km², quy mô dân số toàn huyện là 143.098 người. Huyện Tịnh Biên được thành lập theo Quyết định số 300/CP ngày 23 tháng 8 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ, sau khi điều chỉnh địa giới huyện Bảy Núi. Hiện nay, huyện Tịnh Biên có 14 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm: 03 thị trấn (Tịnh Biên, Nhà Bàng, Chi Lăng) và 11 xã: An Phú, Thới Sơn, Núi Voi, Nhơn Hưng, Văn Giáo, Vĩnh Trung, An Cư, An Hảo, An Nông, Tân Lập và Tân Lợi. Tịnh Biên là một trong bốn huyện biên giới của tỉnh An Giang, phía Đông giáp huyện Châu Phú, phía Tây giáp Vương quốc Campuchia, phía Nam và Tây nam giáp huyện Tri Tôn và huyện Châu Thành, phía Bắc giáp thành phố Châu Đốc.

Huyện Tịnh Biên có đường biên giới chung với Vương quốc Campuchia với đường biên giới Việt Nam - Campuchia dài gần 20 km và tuyến Quốc lộ 91, Quốc lộ N1, ĐT. 948, ĐT. 955A, ĐT. 945, ĐT. 949, ĐT. 941 chạy ngang địa bàn nên có lợi thế và tiềm năng rất lớn để phát triển kinh tế cửa khẩu, du lịch thông qua cửa khẩu Quốc tế Tịnh Biên. Với định hướng xây dựng Tịnh Biên là đô thị trực thuộc tỉnh An Giang, là trung tâm kinh tế, văn hóa, hành chính, thương mại, du lịch, công nghiệp có vai trò thúc đẩy sự phát triển vùng phía Tây tỉnh An Giang. Giữ vai trò đầu mối giao thương quốc tế với khu kinh tế Cửa khẩu Quốc tế Tịnh Biên, là cầu nối giao thương quan trọng nối huyện Tịnh Biên với tỉnh An Giang nói chung với các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long và các nước trong khu vực Đông Nam Á, tạo nên điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập nhanh cùng vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Đồng thời đây cũng là bàn đạp vững chắc để huyện thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, từng bước xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh đô thị và thay đổi bộ mặt đô thị Tịnh Biên.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/HU ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Huyện ủy Tịnh Biên và Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Tịnh Biên khóa XI, nhiệm kỳ 2015 - 2020 và Quyết định số 2564/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện về ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016 - 2020, kết quả thực hiện có 14/14 chỉ tiêu đạt, vượt Nghị quyết.

Năm 2021 là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Tịnh Biên khóa XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Mặc dù gặp nhiều khó khăn và chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19 nhưng dưới sự quyết tâm cao của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong huyện, với tinh thần quyết liệt “Chống dịch như chống giặc”, thực hiện hiệu quả “mục tiêu kép” vừa phòng, chống dịch, vừa phát triển kinh tế - xã hội nên nền kinh tế của huyện vẫn tiếp tục phát triển ổn định. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2021 đạt 12,59%; cơ cấu kinh tế dịch chuyển đúng hướng: khu vực Công nghiệp - Xây dựng chiếm 11,86%, khu vực Thương mại - Dịch vụ chiếm 59,68%, khu vực Nông, lâm nghiệp chiếm 28,46%. Đời sống nhân dân được nâng

cao, đến nay, tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện còn 1,07%. Hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội như: hệ thống đường giao thông, điện lưới quốc gia, trường học, bệnh viện, nhà văn hóa,... được đầu tư xây dựng khá đồng bộ, hiện đại, đáp ứng các yêu cầu về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và cải thiện, nâng cao đời sống nhân dân.

Lĩnh vực văn hóa xã hội đều có những chuyển biến tích cực theo định hướng, hài hòa với phát triển kinh tế. Công tác giảm nghèo và chăm lo đời sống cho các đối tượng chính sách, xã hội được quan tâm thường xuyên. Công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh và các chương trình mục tiêu y tế quốc gia được duy trì thường xuyên; công tác xã hội hóa trên lĩnh vực giáo dục, y tế được thực hiện có hiệu quả đáp ứng nhu cầu học tập và khám chữa bệnh của nhân dân. Cơ sở vật chất, trường học, trang thiết bị y tế và các thiết chế văn hóa thể thao tiếp tục được đầu tư xây dựng phục vụ nhu cầu học tập, vui chơi giải trí ngày càng tăng của nhân dân. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Theo Quyết định số 456/QĐ-TTg, ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế cửa khẩu An Giang, tỉnh An Giang đến năm 2030, khu vực cửa khẩu Tịnh Biên được xác định:

- Là khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực, bao gồm: Công nghiệp - Thương mại - Dịch vụ - Du lịch - Đô thị và nông, lâm, ngư nghiệp gắn với cửa khẩu quốc tế;
- Là đầu mối giao thông quan trọng, trung tâm giao lưu phát triển kinh tế giữa các nước tiểu vùng sông Mekong, đặc biệt trong quan hệ với Vương quốc Campuchia;
- Là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội, động lực phát triển kinh tế, phát triển đô thị của vùng biên giới phía Tây Nam, tỉnh An Giang;
- Có ý nghĩa quan trọng về an ninh, quốc phòng.

Tại Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 12 tháng 04 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tịnh Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, cũng xác định mục tiêu: “Phát triển Tịnh Biên thành thị xã có nền kinh tế phát triển năng động với cơ cấu kinh tế hợp lý, lấy phát triển thương mại - du lịch làm động lực cho sự phát triển; ngoài ra, chú trọng phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại hóa”; “Xây dựng Tịnh Biên thành vùng động lực, đầu mối giao thương của khu vực biên giới Tây Nam của tỉnh An Giang nói riêng và vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói chung dựa trên cơ sở nâng cao chất lượng tăng trưởng, hướng đến tăng trưởng xanh; chú trọng phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao; thường xuyên ứng dụng trình độ khoa học công nghệ hiện đại vào sản xuất”

Đô thị Tịnh Biên Biên mở rộng đã được công nhận là đô thị loại IV tại Quyết định số 985/QĐ-BXD ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Theo Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030, đô thị Tịnh

Biên mở rộng sẽ được phân loại đô thị loại III (cấp đơn vị hành chính là thị xã) trong giai đoạn 2021 - 2025. Như vậy, việc thành lập thị xã Tịnh Biên là thực sự cần thiết, phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính, các định hướng quy hoạch, chương trình phát triển đô thị và quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Những thay đổi về kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hoá nhanh đã và đang đặt ra cho huyện Tịnh Biên nhiều vấn đề mới cần giải quyết như: quản lý kinh tế; quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc; quản lý kết cấu hạ tầng kỹ thuật; quản lý dân cư; phòng chống các tệ nạn; bảo đảm trật tự công cộng, cảnh quan và bảo vệ môi trường. Vì vậy, mô hình quản lý chính quyền nông thôn (huyện) như hiện nay không còn phù hợp, cần thiết thành lập thị xã Tịnh Biên nhằm tạo tiền đề pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức bộ máy quản lý đô thị.

Thị xã Tịnh Biên được thành lập có ý nghĩa quan trọng về mặt chính trị, thể hiện chủ trương phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo đời sống nhân dân, tạo sự cân đối về phát triển đô thị giữa các khu vực, vùng miền trong cả nước, thể hiện quyết tâm xây dựng thị xã Tịnh Biên giàu mạnh, văn minh, hiện đại như Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện Tịnh Biên lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra. Đồng thời thành lập thị xã Tịnh Biên sẽ là cơ sở để tiếp tục hoàn chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị Tịnh Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 cũng như thu hút các dự án đầu tư để mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đô thị và hiệu quả quản lý đô thị, đồng thời để định hướng đầu tư và phát triển đảm bảo tính bền vững; phù hợp với định hướng quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2020 và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh An Giang đến năm 2025.

b) Sự cần thiết thành lập các phường thuộc thị xã Tịnh Biên

Trong giai đoạn 2016 - 2020, cùng với sự phát triển chung của huyện Tịnh Biên, khu vực thị trấn Tịnh Biên, thị trấn Chi Lăng, thị trấn Nhà Bàng, xã An Phú, xã Thới Sơn, xã Núi Voi, xã Nhơn Hưng, kinh tế - xã hội đã có bước phát triển mạnh mẽ; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng các ngành thương mại, dịch vụ, công nghiệp, giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp; thu ngân sách đạt và vượt kế hoạch đề ra; công tác văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện, nâng cao.

Trên địa bàn khu vực thị trấn Tịnh Biên, thị trấn Chi Lăng, thị trấn Nhà Bàng, xã An Phú, xã Thới Sơn, xã Núi Voi, xã Nhơn Hưng tập trung nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh, các cơ quan, doanh nghiệp, trường học và các dự án khu kinh tế biên giới, khu đô thị như: khu dân cư cao cấp Sao Mai, khu dân cư chợ Tịnh Biên, khu dân cư chợ Nhơn Hưng..., hệ thống các nhà hàng, khách sạn, khu du lịch, tham quan,... tạo sự chuyển biến trong quá trình phát triển đô thị, từng bước hình thành lõi sống đô thị.

Tại Quyết định số 3844/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung đô thị Tịnh Biên, tỉnh An Giang đến năm 2035 đã xác định phạm vi đô thị gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của

khu vực thị trấn Tịnh Biên, thị trấn Chi Lăng, thị trấn Nhà Bàng, xã An Phú, xã Thới Sơn, xã Núi Voi, xã Nhơn Hưng.

UBND tỉnh An Giang đã từng bước lập quy hoạch phân khu cho thị trấn Tịnh Biên, thị trấn Chi Lăng, thị trấn Nhà Bàng, xã An Phú, xã Thới Sơn, xã Núi Voi, xã Nhơn Hưng. Đồng thời tiếp tục tập trung huy động nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật với quy mô lớn, hiện đại, đồng bộ, từng bước hình thành không gian đô thị trên địa bàn các xã, thị trấn. Kết quả của quá trình đầu tư, xây dựng của tỉnh An Giang nói chung và huyện Tịnh Biên nói riêng trong thời gian qua đã được Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 985/QĐ-BXD ngày 06 tháng 7 năm 2018 công nhận Đô thị Tịnh Biên Biên mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại IV. Trong đó, xác định khu vực nội thị gồm 07 đơn vị hành chính là thị trấn Tịnh Biên, thị trấn Chi Lăng, thị trấn Nhà Bàng, xã An Phú, xã Thới Sơn, xã Núi Voi, xã Nhơn Hưng thuộc huyện Tịnh Biên. Ngày 24 tháng 02 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030 tại Quyết định số 241/QĐ-TTg, theo đó đô thị Tịnh Biên mở rộng sẽ được phân loại đô thị loại III (cấp đơn vị hành chính là thị xã) trong giai đoạn 2021 - 2025.

Như vậy, việc thành lập 07 phường: Tịnh Biên, Chi Lăng, Nhà Bàng, An Phú, Thới Sơn, Núi Voi, Nhơn Hưng thuộc thị xã Tịnh Biên là phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ranh giới 07 phường phù hợp với phạm vi phân loại đô thị.

Thực trạng phát triển của thị trấn Tịnh Biên, thị trấn Chi Lăng, thị trấn Nhà Bàng, xã An Phú, xã Thới Sơn, xã Núi Voi, xã Nhơn Hưng đã bảo đảm các tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thị xã theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13. Vì vậy, việc thành lập 07 phường thuộc thị xã Tịnh Biên là cần thiết, phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính, các định hướng quy hoạch, chương trình phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; góp phần bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn đang có tốc độ đô thị hóa cao.

2. Điều kiện thành lập thị xã Tịnh Biên thuộc tỉnh An Giang và thành lập các phường thuộc thị xã Tịnh Biên

Việc thành lập thị xã Tịnh Biên thuộc tỉnh An Giang và thành lập các phường Tịnh Biên, Chi Lăng, Nhà Bàng, An Phú, Thới Sơn, Núi Voi, Nhơn Hưng thuộc thị xã Tịnh Biên đã bảo đảm được các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 128 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, cụ thể là:

- Phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030 tại Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đến 2020 tại Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 27 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình phát triển đô thị tỉnh An Giang giai đoạn 2017 - 2020 và định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 3777/QĐ-UBND ngày

30/12/2016 của UBND tỉnh An Giang; Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tịnh Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 1114/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh An Giang; Quy hoạch chung đô thị Tịnh Biên, tỉnh An Giang đến năm 2035 tại Quyết định số 3844/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh An Giang.

- Bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền thị xã Tịnh Biên; bám sát mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh An Giang và thị xã Tịnh Biên theo quy hoạch, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng thương mại, dịch vụ, công nghiệp; hệ thống hạ tầng đô thị được đầu tư đồng bộ theo hướng đô thị công nghiệp, văn minh hiện đại.

- Thành lập thị xã Tịnh Biên và thành lập các phường Tịnh Biên, Chi Lăng, Nhà Bàng, An Phú, Thới Sơn, Núi Voi, Nhơn Hưng thuộc thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang sẽ góp phần tăng cường quốc phòng, an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh An Giang nói riêng và khu vực Tây Nam bộ nói chung.

- Phù hợp và tạo sự thuận tiện trong sản xuất, kinh doanh, sinh hoạt của nhân dân và được nhân dân đồng tình ủng hộ.

Phần thứ hai

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA HUYỆN TỊNH BIÊN VÀ CÁC XÃ, THỊ TRẤN LIÊN QUAN

A. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN HUYỆN TỊNH BIÊN

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH HUYỆN TỊNH BIÊN

Tịnh Biên là vùng đất có bề dày lịch sử khai phá; nhân dân giàu lòng yêu nước và tinh thần đấu tranh cách mạng đã không ngừng đứng lên chống ngoại xâm trong suốt quá trình hàng trăm năm mở đất và giữ đất. Kể từ khi tên gọi Tịnh Biên với tư cách là một đơn vị hành chính được hình thành cho đến nay về địa giới có nhiều thay đổi.

Năm 1832 vua Minh Mạng bỏ trấn thành lập đơn vị tỉnh, lúc bấy giờ Tịnh Biên là một phủ của Hà Tiên. Năm 1839 hai huyện Hà Âm và Hà Dương của tỉnh Hà Tiên nhập vào phủ Tịnh Biên. Phủ lỵ đặt ở Hà Dương (Tri Tôn). Năm thiệu trị thứ II (1842) phủ Tịnh Biên và Hà Dương được nhập vào tỉnh An Giang.

Năm Tự Đức thứ II (1850) bỏ phủ Tịnh Biên. Vùng đất Tịnh Biên ngày nay thuộc huyện Hà Dương. Huyện lỵ đặt tại thôn An Thạnh (chợ Tịnh Biên).

Năm 1867, Tịnh Biên là một hạt (quận) của tỉnh Châu Đốc. Cuối năm 1956 ngụy quyền Sài Gòn nhập Long Xuyên, Châu Đốc thành tỉnh An Giang, Tịnh Biên là quận của tỉnh An Giang.

Tháng 10/1964 đến ngày 30/4/1975 Tịnh Biên là quận của tỉnh Châu Đốc gồm

8 xã, quận lỵ đặt tại xã An Phú.

Cuối năm 1971 đến giữa năm 1974 các huyện Tịnh Biên, Tri Tôn, Huệ Đức của An Giang nhập với Phú Quốc, Hà Tiên và Châu Thành (Rạch Giá) thành tỉnh Châu Hà. Giữa năm 1974, Châu Hà nhận thêm một phần tỉnh An Giang thành tỉnh Long Châu Hà.

Ngày 20/12/1975, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung Ương Đảng ra Nghị quyết số 19 thành lập tỉnh An Giang, Tịnh Biên là một huyện biên giới của tỉnh. Huyện lỵ đặt tại thị trấn Tịnh Biên.

Ngày 11/3/1977 theo Quyết định số 56/CP của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), Tịnh Biên - Tri Tôn hợp nhất thành huyện Bảy Núi. Huyện lỵ đặt tại thị trấn Tri Tôn. Theo Quyết định 181-CP ngày 25/4/1979 của Hội đồng Chính phủ, tách các ấp Voi 1, Voi 2 của xã Tú Tề lập thành một thị trấn lấy tên là thị trấn Chi Lăng; tách các ấp Hòa An, Bình An của xã Tà Đảnh, một phần đất của xã Tú Tề lập thành một xã mới lấy tên là xã Tân Lập; xã Tú Tề đổi tên thành xã Tân Lợi.

Ngày 23/8/1979, Hội đồng Chính phủ ra quyết định số 300/CP chia huyện bảy Núi thành 2 huyện Tịnh Biên và Tri Tôn. Sau khi điều chỉnh địa giới Bảy Núi, huyện Tịnh Biên có 11 xã, 01 thị trấn với 39 ấp, lấy thị trấn Chi Lăng là huyện lỵ (thị trấn Tịnh Biên bị chế độ Pôn Pốt san bằng).

Do yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng, ngày 10/5/1986 Hội đồng Bộ trưởng có quyết định số 56/HĐBT thành lập thị trấn huyện lỵ Nhà Bàng bao gồm 03 ấp được tách ra từ xã Thới Sơn và một phần của xã Nhơn Hưng. Lúc này Tịnh Biên có 02 thị trấn, 11 xã, 39 ấp.

Theo Nghị định số 119/2003/NĐ-CP ngày 17/10/2003 của Chính phủ thành lập xã Núi Voi trên cơ sở 1.225 ha diện tích tự nhiên và 4.387 nhân khẩu của thị trấn Chi Lăng. Nghị định số 52/2005/NĐ-CP ngày 14/4/2005 của Chính phủ thành lập thị trấn Tịnh Biên trên cơ sở toàn bộ 1.938 ha diện tích tự nhiên và 12.850 nhân khẩu của xã Xuân Tô.

Như vậy, hiện nay huyện Tịnh Biên có 14 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm: 03 thị trấn (Tịnh Biên, Nhà Bàng, Chi Lăng) và 11 xã: An Phú, Thới Sơn, Núi Voi, Nhơn Hưng, Văn Giáo, Vĩnh Trung, An Cư, An Hảo, An Nông, Tân Lập và Tân Lợi.

II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

a) Vị trí

Huyện Tịnh Biên nằm ở phía Tây của tỉnh An Giang, thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, cách trung tâm thành phố Long Xuyên 70 km về phía Tây - Tây bắc, tiếp giáp với thành phố Châu Đốc về phía Bắc. Tọa độ địa lý kéo dài từ 10°26'15" đến 10°40'30" độ vĩ Bắc và 104°54'00" đến 105°7'00" độ kinh Đông.

b) Địa giới hành chính:

- Phía Đông giáp huyện Châu Phú;
- Phía Tây giáp Vương quốc Campuchia;
- Phía Nam và Tây nam giáp huyện Tri Tôn và huyện Châu Thành;
- Phía Bắc giáp thành phố Châu Đốc.

2. Điều kiện tự nhiên

a) Địa hình

Với đặc điểm địa hình bán sơn địa, khá phức tạp, vừa có đồi núi vừa có đồng bằng, mang sắc thái đặc biệt. Phân theo hình thái, địa hình của huyện Tịnh Biên có 03 dạng sau:

- Địa hình đồng bằng phù sa: vùng này có tổng diện tích khoảng 20.260 ha chiếm tỷ lệ 57% diện tích, phân bố khu vực phía Đông tỉnh lộ 948 và phía Bắc kênh Vĩnh Tế. Địa hình mang nét đặc trưng chung của vùng đồng bằng Tây Nam Bộ với cao trình từ 4 m trở xuống (trung bình từ 2 - 3 m), nền thổ nhưỡng phù sa sông được bồi đắp từ sông Hậu. Vùng này thuận lợi trồng lúa, nuôi trồng thủy sản và rừng ngập nước (trồng tràm).

- Địa hình đồi núi thấp: vùng này có tổng diện tích khoảng 6.330 ha, chiếm 17,81% diện tích tự nhiên của toàn huyện, phân bố ở các xã, thị trấn: An Phú, Nhơn Hưng, Thới Sơn, thị trấn Nhà Bàng, An Cư, An Hảo, Tân Lợi, Núi Voi. Độ cao địa hình $> +30$ m so với mực nước biển, trong đó, ngọn núi cao nhất là núi Cẩm với đỉnh cao khoảng 710 m. Các ngọn núi khác phân bố rải rác giống như dạng đồi độc lập với độ cao trung bình khoảng 100 m. Thành phần của các ngọn núi này chủ yếu là đá có lẫn cát. Vùng này có tiềm năng khoáng sản, vật liệu xây dựng, phù hợp cho việc phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng với nhiều đồi núi, danh thắng đẹp.

- Địa hình đồng bằng nghiêng ven chân núi: tổng diện tích vùng này khoảng 8.953 ha, chiếm khoảng 25,19% diện tích tự nhiên, phân bố ở các xã, thị trấn: Văn Giáo, Vĩnh Trung, An Cư, thị trấn Chi Lăng. Được hình thành từ quá trình rửa trôi đất cát trên núi, có cao trình từ 5 - 30 m so với mực nước biển và nghiêng dần ra xung quanh (từ vài trăm mét đến vài cây số). Trừ một số nơi ven chân núi có dạng đồi lượn sóng, độ dốc bình quân từ 30 - 80, còn phần lớn đã được san bằng để canh tác lúa nương. Vùng này có khả năng trồng cây ăn trái, trồng lúa đặc sản và phát triển trang trại chăn nuôi đàn gia súc.

b) Khí hậu

Tịnh Biên nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa: nóng ẩm, mưa nhiều, chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió mùa. Thời tiết trong năm chia làm 2 mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô, có nền nhiệt cao và ổn định, lượng mưa nhiều và phân bố theo mùa.

Nhiệt độ trung bình hàng năm khá cao và ổn định khoảng $27,5^{\circ}\text{C}$. Biên độ nhiệt giữa các tháng nóng nhất và lạnh nhất từ $2 - 3^{\circ}\text{C}$. Nhìn chung không có sự khác biệt lớn so với những nơi khác trong tỉnh và khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Đây là một điều kiện khá thuận lợi để huyện phát triển nông nghiệp.

- Nhiệt độ trung bình cao nhất trong năm (khoảng tháng 4) là 28,3°C.
- Nhiệt độ trung bình thấp nhất trong năm (khoảng tháng 1) là 25,5°C.

Tổng số ngày mưa nhiều trung bình trong năm khoảng 128 ngày với lượng mưa bình quân 1.478 mm nhưng phân bố không đều, chia thành hai mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô.

- Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 11 với lượng mưa chiếm khoảng 90% so với tổng lượng mưa của năm. Các tháng có lượng mưa cao nhất là tháng 7 - 9 (lượng mưa chiếm hơn 1/3 tổng lượng mưa cả năm). Mùa mưa thường trùng với mùa nước nổi hàng năm nên khu vực đồng bằng của huyện thường bị ngập lụt.

- Mùa khô bắt đầu từ tháng 12 và kéo dài đến tháng 4 năm sau với lượng mưa chiếm khoảng 10% so với tổng lượng mưa của năm. Các tháng có lượng mưa thấp nhất là tháng 1 - 3 với lượng mưa chiếm khoảng 1% (hầu như không có mưa). Đây là đặc điểm điển hình cho tính khô hạn của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Huyện nằm trong vùng có khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm quanh năm nên lượng bốc hơi bình quân tương đối lớn khoảng 1.017 mm. Lượng bốc hơi lớn diễn ra trong mùa khô, tập trung nhiều vào tháng 3, tháng 4. Trong mùa mưa lượng bốc hơi không cao, lượng bốc hơi ít nhất diễn ra trong tháng 9, bình quân khoảng 63 mm. Mặc dù lượng bốc hơi bình quân nhỏ hơn tổng lượng mưa trong năm nhưng lại tập trung vào những tháng mùa khô nên thường gây ra tình trạng hạn hán.

Độ ẩm không khí bình quân hàng năm khá cao, khoảng 83% và thay đổi theo chế độ mùa. Tuy nhiên không có sự chênh lệch lớn giữa các tháng mùa khô và mùa mưa nên khá thuận lợi cho sản xuất.

Tổng số giờ nắng bình quân hàng năm tương đối cao với 2.420 giờ. Số giờ nắng thấp nhất của tháng là 153 giờ (thường vào tháng 9), số giờ nắng cao nhất của tháng là 283 giờ (thường vào tháng 3). Mùa khô có số giờ nắng trung bình 8 giờ/ngày, mùa mưa có số giờ nắng trung bình 6 giờ/ngày.

Chế độ gió cũng mang tính khu vực và khá thuần nhất. Hàng năm có hai hướng gió chính, từ tháng 5 đến tháng 10 thịnh hành gió mùa Tây nam, từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau thịnh hành gió mùa Đông bắc. Tốc độ gió thay đổi theo mùa, tốc độ gió bình quân trong năm 10,64 m/s, tốc độ gió bình quân lớn nhất trong năm khoảng 15,20 m/s (theo tài liệu tại trạm Châu Đốc).

Nhìn chung Tịnh có điều kiện khí hậu thuận lợi thích hợp với nhiều loại cây trồng cho phát triển nền nông nghiệp đa dạng và phong phú. Tuy nhiên, cũng cần phải chú ý đến các hiện tượng bất lợi như nắng, nóng, khô hạn và lượng mưa phân bố không đều giữa các mùa,... để có kế hoạch chỉ đạo sản xuất cho hợp lý. Yếu tố hạn chế nhất đối với sử dụng đất là do mưa lớn tập trung theo mùa thường làm ngập úng các khu vực thấp trũng gây khó khăn cho việc thâm canh tăng vụ và mở rộng diện tích.

c) Thủy văn

Chế độ thủy văn của huyện Tịnh Biên chịu ảnh hưởng chủ yếu từ chế độ bán nhật triều của sông Hậu. Nguồn nước mặt được đưa từ sông Hậu vào địa bàn huyện thông qua các tuyến kênh Cấp I chạy ngang địa bàn như kênh Vĩnh Tế, kênh Trà Sư, ... và phân phối lại cho các tuyến kênh cấp II, cấp III, kênh mương nội đồng, phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của nhân dân ở các xã thuộc khu vực đồng bằng.

Hàng năm vào mùa mưa, lượng nước từ trên núi chảy xuống, kết hợp với lượng nước từ thượng nguồn sông Mê Kông đổ về gây ngập tràn phần lớn diện tích đồng bằng của huyện từ tháng 8 đến tháng 10, ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt và sản xuất của nhân dân. Tuy nhiên, mùa nước nổi cũng có mặt tích cực, mùa nước đã mang lại nguồn phù sa và vệ sinh đồng ruộng, cải thiện chất lượng đất, mang lại nguồn lợi thủy sản và tạo công ăn việc làm cho một bộ phận nông dân trong mùa nước nổi.

Nhìn chung hệ thống sông, kênh mương của huyện dày đặc, nguồn nước dồi dào và đã được cải tạo khá nhiều để phục vụ tưới tiêu nên thuận lợi cho sản xuất và đời sống của nhân dân vốn là đặc thù nổi bật của Đồng bằng sông Cửu Long.

3. Tài nguyên thiên nhiên

a) Tài nguyên đất

Theo tài liệu thổ nhưỡng Chính lý, bổ sung bản đồ đất tỉnh An Giang do trường Đại học An Giang xây dựng năm 2005, trên địa bàn huyện Tịnh Biên có các loại đất như sau:

- Nhóm đất than bùn

Đất than bùn chứa phen tiềm tàng (Tên khoa học: Proto-Endo Thionic Histosols, ký hiệu trên bản đồ HSt(pen)): Đây là loại đất có chứa phen tiềm tàng, có tầng Histic (tầng H) hay tầng O dày tối thiểu 40 cm. Đất có lớp than bùn dày phổ biến từ 50 cm trở lên, ở địa hình thấp, trũng, bán phân hủy hay chưa phân hủy. Thành phần cơ giới của đất chủ yếu là sét và lưu huỳnh (nguyên tố chính trong đất phen).

Loại đất này có diện tích không nhiều với 438 ha, chiếm 1,23% so với tổng diện tích tự nhiên của huyện và phân bố ở phía Bắc xã Tân Lập và một phần ở xã Tân Lợi dọc hai bên bờ kênh Trà Sư. Hiện trạng sử dụng đất hiện tại trên nền thổ nhưỡng này là lúa hai vụ.

- Nhóm đất cát núi

+ Đất cát xói mòn mạnh trơ sỏi đá, nghèo dinh dưỡng (Tên khoa học: Dystric Leptosols, ký hiệu trên bản đồ LPd)

Đây là loại đất có phẫu diện rất mỏng (thường không dày hơn 30 cm). Sa cẩu của loại đất này phần lớn là cát và các thành phần không phải là đất (cấp hạt có đường kính > 2 mm), cùng với xác bã hữu cơ. Do đặc điểm là bị rửa trôi liên tục nên các tầng chẩn đoán không hình thành rõ ràng, hàm lượng dinh dưỡng của loại đất này rất kém.

Loại đất này có diện tích 8.816 ha, chiếm 24,84% so với tổng diện tích tự nhiên của huyện. Loại đất này phân bố ở hai khu vực chủ yếu ở ven chân núi Dài nhỏ, núi Ông Két, núi Trà Sư và tập trung xung quanh ven chân núi Cấm.

+ Đất cát xói mòn mạnh trơ sỏi đá, dinh dưỡng khá (Tên khoa học: Eutric Leptosols, ký hiệu trên bản đồ LPe)

Đây là loại đất có phẫu diện rất mỏng, thường không dày hơn 30 cm. Sa cấu của loại đất này phần lớn là cát và các thành phần không phải là đất (cấp hạt có đường kính > 2 mm), cùng với xác bã hữu cơ. Do đặc điểm là bị rửa trôi liên tục nên các tầng chẩn đoán không hình thành rõ ràng, tuy nhiên hàm lượng dinh dưỡng của loại đất này khá hơn loại đất trên.

Loại đất này có diện tích 2.290 ha, chiếm 6,45% so với tổng diện tích tự nhiên của huyện và phân bố rải rác ở khu vực đồi núi huyện Tịnh Biên như núi Dài, núi Trà Sư, núi Phú Cường và núi Cấm.

+ Đất cát rửa trôi có tầng mặt mỏng (Tên khoa học: Orthi Haplic Arenosols, ký hiệu trên bản đồ ARha)

Loại đất này có phẫu diện chủ yếu là sa cấu cát và vật liệu rửa trôi từ trên núi xuống. Độ sâu của phẫu diện khoảng 1,2 m với độ chặt khá, rễ thực vật phát triển trung bình và giảm dần theo độ sâu. Thành phần cơ giới của đất chủ yếu là cát, tỷ lệ sét ít, thường <10% và hàm lượng dinh dưỡng không cao do thường xuyên bị rửa trôi. Tuy nhiên loại đất này có thể bố trí cây trồng được nhưng cần có biện pháp quản trị đất tốt.

Loại đất này phân bố ở khu vực có địa hình thấp hơn hai loại đất trên, và có diện tích rất lớn với 6.053 ha, chiếm 17,06% so với tổng diện tích tự nhiên của huyện Tịnh Biên. Phân bố chủ yếu ở các xã An Phú, thị trấn Nhà Bàng, Thới Sơn, An Cư, Văn Giáo, Vĩnh Trung, thị trấn Chi Lăng và Núi Voi.

- Nhóm đất phù sa cổ (hay đất xám)

+ Nhóm đất phù sa cổ đỏ nâu, có tầng rửa trôi (Tên khoa học: Albic Plinthosols, ký hiệu trên bản đồ PTa)

Đây là loại đất có hàm lượng chất hữu cơ rất kém trong suốt chiều sâu của phẫu diện. Chất hữu cơ chỉ hiện diện ở tầng mặt, biến thiên từ 10 - 20 cm nhưng hàm lượng thấp. Thành phần cơ giới của loại đất này chủ yếu là sét và sét pha thịt, cộng thêm hàm lượng hữu cơ nghèo đưa đến kết quả là độ chặt của các tầng rất cao, rễ thực vật khó phát triển xuống sâu.

Đây là loại đất có diện tích khá ít, chỉ 595 ha, chiếm 1,68% so với diện tích tự nhiên của huyện và phân bố ở phía Bắc kinh Vĩnh Tế ở thị trấn Tịnh Biên và xã An Nông.

+ Nhóm đất phù sa cổ đỏ nâu, có tầng rửa trôi, tầng mặt dày (Umbri Albic Plinthosols, ký hiệu trên bản đồ PTau)

Đây là loại đất có đặc tính tương tự như loại đất PTa. Tuy nhiên do phân bố ở địa hình thấp hơn nên có tầng mặt dày hơn, thường > 25 cm và có chứa hàm lượng

chất hữu cơ nhiều hơn. Đặc trưng của loại đất này là tuy hàm lượng chất hữu cơ nhiều nhưng hàm lượng chất dinh dưỡng cho cây trồng lại không nhiều. Loại đất này có thể bố trí sản xuất nông nghiệp nhưng cần thường xuyên bón phân.

Loại đất này có diện tích 865 ha, chiếm 2,44% so với diện tích tự nhiên toàn huyện và phân bố ở xã Thới Sơn và phía Đông Nam của xã Nhơn Hưng. Ngoài hai khu vực này ra, loại đất này còn phân bố ở xã An Nông gần khu vực biên giới và giáp với huyện Tri Tôn, tuy nhiên diện tích ở khu vực này rất ít.

+ Đất xám bạc màu, nghèo dinh dưỡng, có tầng mặt mỏng (Ochri Dystric Podzoluvisols, ký hiệu trên bản đồ PDdo)

Đây là loại đất có nguồn gốc phát sinh từ vật liệu phù sa cổ. Tuy nhiên, loại đất này khác với hai loại đất PTa và PTau là không có đóm đỏ Plinthite. Tầng mặt mỏng có sa cấu phổ biến là cát pha thịt màu xám sậm, các tầng bên dưới chủ yếu là cát. Đóm rỉ nâu đến đỏ sậm xuất hiện nhiều ở các tầng bên dưới. Hàm lượng dinh dưỡng của loại đất này khá thấp, khi bố trí sản xuất cần bón nhiều phân.

Loại đất này có diện tích 3.076 ha, chiếm 8,67% so với tổng diện tích tự nhiên và thường phân bố ở đồng bằng ven chân núi. Tuy nhiên, độ cao địa hình phân bố của loại đất này thường thấp hơn độ cao địa hình phân bố của loại đất PTau.

- Nhóm đất phù sa

+ Đất phù sa đang phát triển, gầy, dinh dưỡng kém (Gleyi Dystric Fluvisols, ký hiệu trên bản đồ FLdg)

Đây là loại đất có hàm lượng carbon hữu cơ giảm bất thường theo chiều sâu, có vật liệu phù sa bồi hàng năm. Bề mặt có độ pH > 5, càng xuống sâu pH càng giảm. Do phân bố ở địa hình khá cao nên sa cấu từ thịt đến cát pha. Loại đất này tuy được phù sa bồi đắp hàng năm nhưng hàm lượng dinh dưỡng hình thành trong đất khá thấp, khi bố trí cây trồng cần bổ sung nhiều phân bón.

Loại đất này có diện tích khá rộng với 5.819 ha, chiếm 16,40% diện tích tự nhiên của toàn huyện và phân bố trải dài dọc theo hai bên kênh Vĩnh Tế từ xã Nhơn Hưng, An Phú, thị trấn Tịnh Biên, An Nông và dọc theo bờ Tây của kênh Trà Sư từ xã Nhơn Hưng đến Vĩnh Trung. Bên cạnh đó, loại đất này còn tập trung một phần ở xã An Hảo, Tân Lập và Tân Lợi. Kiểu sử dụng đất chủ yếu trên nền thổ nhưỡng này là hai vụ lúa.

+ Đất phù sa gầy, đọng mùn, dinh dưỡng kém (Humi Umbric Gleysols, ký hiệu trên bản đồ GLuh)

Đây là loại đất có đặc tính gầy xuất hiện trong vòng 50 cm lớp đất mặt. Do đó loại đất này thường xuất hiện ở những vùng đất có địa hình thấp trũng. Tầng mặt tương đối dày, thường là 25 cm hay sâu hơn, có màu sậm do tích tụ nhiều chất hữu cơ. Tuy nhiên đất có độ phì nhiêu thấp.

Đây là loại đất có địa hình trũng thấp nằm về phía Đông nam của huyện Tịnh Biên, nơi giáp với xã Đào Hữu Cảnh của huyện Châu phú. Tổng diện tích của loại đất này là 1.085 ha, chiếm 3,06% tổng diện tích tự nhiên của toàn huyện.

- Nhóm đất phèn

+ Đất phèn hoạt động nặng, tầng mặt dày, dinh dưỡng kém, không có jarosite (Tên khoa học: Umbri-Orthi-Epi Thionic Fluvisols, ký hiệu trên bản đồ FLt(oep)u)

Đây là loại đất phèn nặng, không có khoáng jarosite trong vòng 50 cm tầng mặt hay xuất hiện rất ít ở một vài nơi. Trị số pH rất thấp, thường < 3,5. Đặc trưng trị số pH thấp là yếu tố hạn chế lớn nhất đến sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng, đặc biệt là cây lúa trong mùa khô. Trong sản xuất nông nghiệp cần chú trọng đến biện pháp quản trị đất trong sản xuất.

Loại đất này có tổng diện tích 2.203 ha, chiếm 6,21% so với tổng diện tích tự nhiên của toàn huyện và phân bố ở khu vực phía Đông của huyện trải dài từ xã Nhơn Hưng đến xã Núi Voi. Kiểu sử dụng hiện tại trên nền thổ nhưỡng này là lúa 2 vụ.

+ Đất phèn hoạt động trung bình, tầng mặt mỏng, dinh dưỡng kém, không có jarosite, gley (Tên khoa học: Dystric-Orthi-Endo-Endo Thionic gleysols, ký hiệu trên bản đồ GLt(oen)d)

Đây là loại đất phèn trung bình. Trong phần diện đất có tầng loang lổ đỏ vàng gley nằm trong vòng 50 cm lớp đất mặt. Tầng mặt thường mỏng và độ bão hòa base thấp là những yếu tố kết hợp không thuận lợi cho cây trồng. Do đặc tính phèn “lấn át” các đặc tính dinh dưỡng, phì nhiêu đất đai khác nên trong bố trí sản xuất cần lựa chọn những cây trồng thích hợp và chú ý đến biện pháp quản trị đất trong sản xuất.

Loại đất này có diện tích 1.900 ha, chiếm 5,35% so với tổng diện tích tự nhiên của huyện và phân bố ở phía đông của huyện, nơi giáp với huyện Châu Phú từ xã Vĩnh Trung đến xã Tân Lập. Kiểu sử dụng chủ yếu trên nền thổ nhưỡng này là lúa 2 vụ.

+ Đất phèn hoạt động trung bình, tầng mặt dày, dinh dưỡng kém, không có đốm Jarosite, có phù sa bồi (Umbri-Orthi-Endo Thionic Fluvisols, ký hiệu trên bản đồ FLt(oen)u)

Đây là loại đất phèn hoạt động trung bình, có tầng mặt dày hơn 25 cm với độ bão hòa base thấp nên nguồn dinh dưỡng cho cây trồng không cao. Trong phần diện không có hoặc rất ít đốm jarosite, có phù sa bồi nhưng không đáng kể.

Loại đất này có diện tích rất thấp với 283 ha, chiếm 0,80% so với tổng diện tích tự nhiên của huyện và phân bố ở phía Nam của xã Tân Lập.

Ngoài ra, trên địa bàn còn có các loại đất xáo trộn, không phân loại bao gồm đá núi, đất thổ cư, đất giao thông, thủy lợi,... với diện tích 2.120 ha, chiếm 5,96% diện tích tự nhiên toàn huyện.

b) Tài nguyên nước

Tài nguyên nước của huyện bao gồm nguồn nước mưa, nguồn nước mặt và nguồn nước ngầm:

- Nguồn nước mưa

Mùa mưa tập trung từ tháng 5 đến tháng 11 hàng năm với lượng mưa rất cao, chiếm trên 90% tổng lượng mưa của năm. Đối với một huyện miền núi như Tịnh Biên, nguồn nước mưa có ý nghĩa rất quan trọng, là nguồn nước cung cấp chủ yếu cho sinh hoạt hàng ngày của người dân sinh sống ở vùng cao. Đồng thời mùa mưa cũng là thời điểm canh tác của đất ruộng trên và nương rẫy thuộc vùng đồi núi, các vùng không có nguồn nước tưới và là nguồn cung cấp cho các hồ chứa trên địa bàn toàn huyện. Tuy nhiên nguồn tài nguyên này rất khó kiểm soát, phụ thuộc vào điều kiện thời tiết hàng năm.

- Nguồn nước mặt

Tài nguyên nước mặt của huyện được cung cấp từ các kênh cấp I trên địa bàn và các hồ chứa nước trên núi. Chất lượng nguồn nước mặt chưa cao, tuy nhiên có thể phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt (qua xử lý). Vào mùa khô lượng nước ở các tuyến kênh cấp II, cấp III và kênh mương nội đồng xuống thấp (khoảng tháng 3 hàng năm) gây tình trạng thiếu nước, cần quan tâm nạo vét thường xuyên nhằm đảm bảo đủ nước cho sản xuất của người dân khu vực này.

Nguồn nước mặt cung cấp cho nhân dân sống ở khu vực đồi núi chủ yếu từ các hồ chứa nước trên núi. Toàn huyện có 03 hồ chứa nước lớn là hồ Thanh Long, hồ Thủy Liêm, hồ Ô Túc Sa với dung tích ước khoảng 650.000 m³. Ngoài ý nghĩa cung cấp nước sử dụng cho nhân dân vùng núi, nguồn tài nguyên này còn có tiềm năng phát triển du lịch khá lớn.

- Nguồn nước ngầm

Nguồn nước ngầm có ý nghĩa rất quan trọng đối với cư dân sinh sống vùng núi. Qua kết quả khảo sát chất lượng nước ngầm tại huyện Tịnh Biên theo Báo cáo quan trắc hiện trạng môi trường tỉnh An Giang năm 2010 cho thấy: Đã xuất hiện một vài vị trí có Coliforms vượt đến 31 lần so với giới hạn cho phép. Nồng độ NH₄⁺ cũng vượt giới hạn đến 14 lần. Tuy nhiên, ở các thông số còn lại đều nằm trong giới hạn cho phép theo qui chuẩn và có xu hướng giảm so với các năm trước. Về cơ bản, nguồn nước ngầm có chất lượng khá tốt, có thể phục vụ cho đời sống sinh hoạt.

c) Tài nguyên rừng

Tịnh Biên là huyện có diện tích rừng cao thứ hai của tỉnh An Giang với 5.638,94 ha, chiếm 15,88% diện tích tự nhiên của huyện và 38,32% diện tích tự nhiên của tỉnh. Phần lớn diện tích rừng là rừng trồng với các loại cây mọc nhanh như: bạch đàn, keo lá tràm, tai tượng kết hợp với các loại cây gỗ quý như: sao, dầu, giáng hương, cây gió bầu (để tạo trầm) và các loại cây ăn quả lâu năm. Rừng tự nhiên có diện tích không nhiều nhưng vẫn còn giữ được các loại cây gỗ quý như giáng hương, thao lao, dầu, cẩm xe. Rừng đất ngập nước chủ yếu là cây tràm (rừng tràm Trà Sư).

Hiện tại, phần lớn diện tích đồi núi của huyện đã được phủ xanh, tuy nhiên vẫn còn một số khu vực đất đồi núi chưa sử dụng (còn rất ít) và núi đá không có rừng cây khó cải tạo. Chủ yếu ở các xã Núi Voi, An Phú, An Nông và An Hào.

Rừng tự nhiên ở Tịnh Biên thuộc rừng nhiệt đới đa dạng sinh học các loài gen và rừng ngập nước với nhiều loại cây quý hiếm, có giá trị rất lớn trong việc bảo vệ môi trường sinh thái cải tạo khí hậu, điều tiết nguồn nước, nâng cao năng suất cây trồng và vật nuôi của nhân dân trong vùng. Rừng không chỉ có giá trị lâm sản mà còn có giá trị du lịch.

Tài nguyên rừng của huyện đóng vai trò quan trọng về mặt sinh thái và an ninh quốc phòng của huyện nói riêng và của tỉnh nói chung. Hơn nữa, việc khai thác nguồn tài nguyên rừng sẽ mang lại hiệu quả kinh tế rất lớn. Trong tương lai, chủ trương của huyện sẽ tiếp tục phát triển diện tích rừng trên các đồi núi chưa sử dụng và khôi phục diện tích rừng hiện có nhằm bảo vệ tính đa dạng của hệ sinh thái rừng. Đồng thời mang lại ý nghĩa quan trọng về kinh tế cho nhân dân vùng núi, vùng dân tộc và công tác bảo vệ an ninh quốc phòng.

d) Tài nguyên khoáng sản

So với các huyện khác trong tỉnh, Tịnh Biên có nguồn tài nguyên khoáng sản khá phong phú với các loại đá xây dựng, đá ốp lát, đá aplit, cát núi, than bùn, kaolin, sét gạch ngói. Hoạt động khoáng sản ở Tịnh Biên trong thời gian qua đã có những đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như đóng góp cho ngân sách, tạo việc làm cho lao động tại chỗ, cung cấp nguồn nguyên liệu xây dựng cho các công trình xây dựng trong tỉnh, ngoài ra đá xây dựng còn cung ứng một phần cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Quặng molipden: có 5 điểm khoáng hóa tại khu vực Trà Sư, núi Két, Tây bắc núi Cẩm, núi Cậu, núi Giải nhỏ.

Kết quả điều tra của Liên đoàn Bản đồ Địa chất miền Nam (1987) tại khu vực Bảy Núi cho thấy hàm lượng molybden trung bình 0,001%, thấp hơn hàm lượng công nghiệp (0,25%), các mạch thạch anh - molybden có bề dày nhỏ, nên hiện tại khai thác sẽ không có hiệu quả. Ngoài ra, phần lớn các điểm khoáng sản molybden hiện đang nằm trong khu vực cấm khai thác.

- Vàng gốc: có 1 điểm vàng tại khu vực Núi Đất.

- Felspat (aplit): có 3 điểm khoáng sản felspat tại núi Bà Đội, núi Giải nhỏ và núi Bà Đất.

Nhìn chung kaolin tại đây có thể dùng làm đồ gốm dân dụng; tuy nhiên việc khai thác kaolin nếu kết hợp với khai thác cát xây dựng sẽ đem lại hiệu quả kinh tế cao.

- Than bùn: Các mỏ than bùn được phân bố chủ yếu ở khu vực Bảy Núi. Hầu hết các mỏ đều có chất lượng than bùn tốt, đáp ứng được yêu cầu sản xuất phân hữu cơ vi sinh và acid humic.

- Cát xây dựng: Cát núi nằm theo triền hoặc trong các trũng giữa núi Cẩm và núi Giải thuộc các xã An Cư, Thới Sơn, là sản phẩm trầm tích do dòng nước mang cát từ trên triền cao của các thềm cổ tích tụ mà thành. Thường có màu trắng tương đối thô hạt và độ chọn lựa yếu.

- Sét gạch ngói: có 3 điểm tại An Cư, An Nông và An Hảo.

- Đá xây dựng: Có nhiều chủng loại, bao gồm các loại đá trầm tích và magma, phân bố tại các khu vực núi Phú Cường, Trà Sư,... Phạm vi sử dụng cũng đa dạng như: đá trải đường, đá xây, đồ bê tông.

+ Loại đá phun trào: Ở khu vực phía Nam của núi Giải, núi Phú Cường, núi Sà Lôn và phía Nam núi Cấm. Đá có màu xanh đen, cường độ chịu lực không cao ($700 - 1000 \text{ kg/cm}^2$) nhưng lại khó vỡ và sử dụng tốt cho các công trình dân dụng.

+ Đá ốp lát: chủ yếu là các nhóm đá granite, granodiorite, rhyolite có nhiều màu sắc rất được ưa chuộng trong trang trí cao cấp. Cụ thể có các loại đá ốp lát như: granite hồng xen đốm đen, hoa văn nhỏ, granodiorite con tằm có màu xám xanh, hoa văn dạng đốm lớn hình da báo, granite hồng ở khu mỏ Ô Mai... Ngoài ra, còn có đá phiến đen ở núi Phú Cường. Những mỏ đá có thể khai thác làm đá ốp lát: Mỏ đá núi Cấm, chủ yếu nằm trên sườn Đông Nam núi Cấm, xen giữa dãy núi Cấm và núi Nam Qui và mỏ đá Gập Ghềnh: ở phía Bắc núi Giải nhỏ và là 1 phần rất nhỏ khối granite thuộc pha 2 phức hệ Đèo Cả tuổi kareta thuộc xã An Phú (Tịnh Biên).

e) Tài nguyên nhân văn

Trên địa bàn huyện Tịnh Biên có 01 khu di tích lịch sử cấp quốc gia là chùa Hòa Thạnh; cụm di tích lịch sử cách mạng và danh thắng được công nhận cấp tỉnh bao gồm: Căn hầm bí mật Văn phòng Huyện ủy, Chốt thép Nhơn Hưng, chùa Phước Điền, chùa Thới Sơn, đỉnh Thới Sơn, tượng Đài chiến thắng Dốc Bà Đắc và Miếu Bà Chúa Xứ Bàu Mướp. Ngoài ra, chùa Vạn Linh, chùa Phật Lớn, tượng Phật Di Lạc là những nơi thờ tự lâu đời và Cữu Trùng đài cũng là một công trình kiến trúc độc đáo. Hiện tại các công trình này đã được huyện đầu tư cải tạo, nâng cấp phục vụ nhu cầu du lịch. Hàng năm đến những ngày lễ hội thu hút rất nhiều du khách trong và ngoài tỉnh đến tham quan.

Bên cạnh đó, huyện thường tổ chức khá nhiều lễ hội của các dân tộc như: Tết Chôl Chhnăm Thmây của đồng bào dân tộc Khmer vào trung tuần tháng 4 dương lịch; Lễ Dôlta, hội Đua bò của đồng bào dân tộc Khmer được tổ chức vào trung tuần tháng 09 dương lịch hàng năm, Lễ giỗ Phật thầy Tây An - Đoàn Minh Huyền tổ chức vào ngày 12/08 âm lịch đã thu hút khá nhiều du khách đến tham quan. Đồng thời, trong các ngày Lễ hội vía Bà Chúa Xứ Núi Sam thành phố Châu Đốc ngày 23, 24, 25 tháng 4 âm lịch, lượng du khách tập trung về huyện Tịnh Biên khá cao, theo ước tính có khoảng 40% du khách đến Núi Sam vào Tịnh Biên. Tất cả các yếu tố trên đã tạo nên một nét văn hóa đặc trưng cho huyện và tạo ra một tiềm năng rất lớn về du lịch hành hương, du lịch sinh thái của huyện trong tương lai.

III. DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, DÂN SỐ VÀ CƠ CẤU LAO ĐỘNG

1. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Huyện Tịnh Biên có tổng diện tích tự nhiên là 35.459,15 ha (tương đương 354,59 km^2) (theo kết quả Thống kê đất đai 2021).

Trong đó:

a) Đất phi nông nghiệp là 4.694,41 ha; gồm:

- Đất xây dựng trụ sở là 37,35 ha.
- Đất ở là 1.167,05 ha.
- Đất quốc phòng là 467,93 ha.
- Đất an ninh là 1,78 ha.
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp là 75,56 ha.
- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp là 210,48 ha.
- Đất có mục đích công cộng là 2.081,52 ha.
- Đất cơ sở tôn giáo là 99,84 ha.
- Đất cơ sở tín ngưỡng là 14,90 ha.
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ là 30,22 ha.
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 472,97 ha.
- Đất có mặt nước chuyên dùng là 34,79 ha.

b) Đất nông nghiệp là 30.764,74 ha.

c) Đất chưa sử dụng là 0,00 ha.

2. Dân số và cơ cấu lao động

a) Dân số

Huyện Tịnh Biên có quy mô dân số đến 31/12/2021 là 143.098 người. Trong đó: Dân số thường trú là 108.720 người; dân số tạm trú quy đổi 34.378 người, gồm:

- Dân số nội thị (bao gồm thị trấn Tịnh Biên, Nhà Bàng, Chi Lăng và 06 xã: An Phú, Thới Sơn, Núi Voi, Nhơn Hưng, Văn Giáo và Vĩnh Trung) là 97.562 người. Trong đó: Dân số thường trú là 71.793 người, dân số tạm trú và quy đổi là 25.769 người.

- Dân số ngoại thị (gồm các xã An Cư, An Hảo, An Nông, Tân Lập và Tân Lợi) là 45.536 người. Trong đó: Dân số thường trú là 36.927 người, dân số tạm trú và quy đổi là 8.609 người.

- Tỷ lệ tăng dân số năm 2021 của huyện Tịnh Biên là 1,99%; trong đó tăng tự nhiên là 0,98%, tăng cơ học là 1,01%.

b) Lao động

- Tổng số lao động trong độ tuổi năm 2021 của huyện Tịnh Biên là 65.957 người. Trong đó:

- + Lao động nông - lâm - ngư nghiệp là 15.242 người, chiếm 23,51%;
- + Lao động phi nông nghiệp là 50.448 người, chiếm 76,49%.
- Tổng số lao động khu vực nội thị là 43.959 người. Trong đó:
- + Lao động nông - lâm - ngư nghiệp là 5.431 người, chiếm 12,35%;

+ Lao động phi nông nghiệp là 38.528 người, chiếm 87,65%.

c) Thành phần dân cư

Trên địa bàn huyện Tịnh Biên có 03 dân tộc chính là Kinh, Khmer, Hoa và một số ít các dân tộc khác. Trong đó, dân tộc Kinh chiếm tỷ lệ cao nhất trong cơ cấu dân số của huyện với 70,23%. Ngoài ra, huyện Tịnh Biên còn là địa bàn cư trú lâu đời của cộng đồng dân tộc người Khmer có nền văn hóa dân tộc đặc trưng tiếng nói, chữ viết, món ăn và đặc biệt là hệ thống chùa chiền rất đặc thù chiếm 29,44% trong cơ cấu dân số của huyện. Bên cạnh đó còn có người Hoa và một số đồng bào khác như Chăm, Dao,... chiếm 0,33% dân số toàn huyện.

3. Diện tích, dân số của đơn vị hành chính trực thuộc

a) Khu vực nội thị:

- Thị trấn Tịnh Biên có 21,78 km² diện tích tự nhiên, dân số 16.971 người; trong đó dân số thường trú là 14.169 người, dân số tạm trú là 2.802 người.

- Thị trấn Nhà Bàng có 6,09 km² diện tích tự nhiên, dân số 24.2450 người; trong đó dân số thường trú là 11.821 người, dân số tạm trú là 12.424 người.

- Thị trấn Chi Lăng có 6,71 km² diện tích tự nhiên, dân số 10.545 người; trong đó dân số thường trú là 6.327 người, dân số tạm trú là 4.218 người.

- Xã An Phú có 21,56 km² diện tích tự nhiên, dân số 8.168 người; trong đó dân số thường trú là 8.130 người, dân số tạm trú là 1.520 người.

- Xã Thới Sơn có 24,15 km² diện tích tự nhiên, dân số 7.337 người; trong đó dân số thường trú là 6.873 người, dân số tạm trú là 464 người.

- Xã Núi Voi có 15,20 km² diện tích tự nhiên, dân số 5.341 người; trong đó dân số thường trú là 4.408 người, dân số tạm trú là 933 người.

- Xã Nhơn Hưng có 19,12 km² diện tích tự nhiên, dân số 6.992 người; trong đó dân số thường trú là 6.132 người, dân số tạm trú là 860 người.

- Xã Văn Giáo có 27,16 km² diện tích tự nhiên, dân số 8.123 người; trong đó dân số thường trú là 6.270 người, dân số tạm trú là 1.853 người.

- Xã Vĩnh Trung có 24,85 km² diện tích tự nhiên, dân số 8.320 người; trong đó dân số thường trú là 7.625 người, dân số tạm trú là 695 người.

b) Khu vực ngoại thị

- Xã An Cư có 42,29 km² diện tích tự nhiên, dân số 9.363 người; trong đó dân số thường trú là 9.207 người, dân số tạm trú là 156 người.

- Xã An Hảo có 53,56 km² diện tích tự nhiên, dân số 20.042 người; trong đó dân số thường trú là 11.748 người, dân số tạm trú là 8.294 người.

- Xã An Nông có 32,23 km² diện tích tự nhiên, dân số 3.473 người; trong đó dân số thường trú là 3.395 người, dân số tạm trú là 78 người.

- Xã Tân Lập có 30,62 km² diện tích tự nhiên, dân số 4.940 người; trong đó dân số thường trú là 4.898 người, dân số tạm trú là 42 người.

- Xã Tân Lợi có 29,26 km² diện tích tự nhiên, dân số 7.718 người; trong đó dân số thường trú là 7.679 người, dân số tạm trú là 39 người.

IV. HIỆN TRẠNG KINH TẾ

1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Năm 2021 - năm đầu thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2026, diễn ra trong bối cảnh thế giới đang phải đối mặt với nhiều khó khăn bao trùm, với không ít thách thức đan xen, nhất là “đại dịch” Covid-19 xuất hiện và diễn biến phức tạp, tác động sâu rộng đến các ngành kinh tế và đời sống xã hội. Dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Huyện ủy, giám sát của HĐND huyện, sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, có hiệu quả của UBND huyện, cùng với sự nỗ lực của các cấp, các ngành, sự phối hợp của các đoàn thể và sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân và doanh nghiệp. Huyện Tịnh Biên đã tập trung thực hiện thắng lợi mục tiêu kép: vừa phòng, chống dịch bệnh, vừa đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế xã hội.

a) Tổng giá trị sản xuất (theo giá hiện hành) trên địa bàn huyện năm 2021 đạt 13.880,97 tỷ đồng, tăng 33,80% so với năm 2020. Trong đó: Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 2.285,27 tỷ đồng, chiếm 16,12%; thương mại - dịch vụ - du lịch đạt 5.570,93 tỷ đồng, chiếm 43,68%; giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản đạt 6.024,77 tỷ đồng, chiếm 40,20%.

b) Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2019 - 2021 đạt 12,96%, trong đó: năm 2019 tăng 13,05%, năm 2020 tăng 13,24% và năm 2021 tăng 12,59%. Cơ cấu kinh tế của huyện chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành Thương mại - Dịch vụ và Công nghiệp - Xây dựng, giảm tỷ trọng ngành Nông - Lâm - Ngư nghiệp. Đến năm 2021, huyện Tịnh Biên có cơ cấu kinh tế như sau: khu vực Công nghiệp - Xây dựng chiếm 13,86%, khu vực Thương mại - Dịch vụ chiếm 61,68% và khu vực Nông - Lâm - Ngư nghiệp chiếm 24,46%.

c) Năm 2021, dưới tác động nặng nề của đại dịch Covid-19, tổng thu ngân sách trên địa bàn huyện Tịnh Biên đạt 792,28 tỷ đồng, giảm 23,88% so với năm 2020. Tổng chi ngân sách trên địa bàn huyện năm 2021 là 688,28 tỷ đồng, giảm 26,24% so với năm 2020.

Thu nhập bình quân đầu người tăng từ 48,19 triệu đồng (năm 2019) lên 54,72 triệu đồng/người/năm (năm 2021). Tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện năm 2021 là 1,07%; bình quân 3 năm 2019 - 2021 là 1,66% (năm 2019 là 2,26%; năm 2020 là 1,65%; năm 2021 là 1,07%), thấp hơn bình quân chung 3 năm của tỉnh An Giang là 1,80%.

2. Phát triển ngành, lĩnh vực

a) Về phát triển công nghiệp - xây dựng

Với mục tiêu thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn theo hướng đô thị, ngay từ năm 2016, huyện Tịnh Biên đã xây dựng và triển khai Đề án phát triển Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (TTCN) và làng nghề huyện Tịnh Biên giai đoạn 2016 - 2021. Qua 5 năm thực hiện, công nghiệp, TTCN

và làng nghề Tịnh Biên đã có nhiều khởi sắc, đóng góp quan trọng vào sự phát triển chung của huyện Tịnh Biên nói riêng và tỉnh An Giang nói chung.

Hoạt động sản xuất công nghiệp - TTCN và xây dựng trên địa bàn huyện tăng trưởng khá nhanh và ổn định. Năm 2021, giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 2.285,27 tỷ đồng (giá hiện hành), chiếm 16,12% trong tổng giá trị sản xuất và chiếm 13,86% trong cơ cấu kinh tế của huyện.

Tổng số cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn huyện năm 2021 là 1.673 cơ sở, thu hút hơn 5.529 lao động. Toàn huyện có 769 cơ sở tiểu thủ công nghiệp, trong đó một số sản phẩm bước đầu tham gia thị trường như rượu cà na, rượu hồng quân, các cơ sở may, chế biến gỗ, sản phẩm từ đá, dừa tre Núi Cấm, dừa thốt nốt góp phần tạo sản phẩm lưu niệm cho du khách.

Năm 2021, huyện có 187 cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp được đầu tư mới với tổng vốn đầu tư 10,5 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho 565 lao động. Ngoài ra, có 31 cơ sở được đầu tư mở rộng với tổng vốn đầu tư 8,8 tỷ đồng.

Trong những năm qua, ngành CN - TTCN của huyện đã được nhiều thành tựu quan trọng như: thu hút các nhà máy lớn đi vào hoạt động như: nhà máy sản xuất gạch Tuynel, nhà máy thép Đông Dương với công suất 1.000 tấn/tháng, nhà máy khí công nghiệp; phát triển 2 làng nghề truyền thống,... đã góp phần giải quyết việc làm cho lao động địa phương.

Ngành xây dựng trong giai đoạn vừa qua cũng có những bước tiến đáng kể: với tổng số vốn do huyện quản lý và làm chủ đầu tư là 497 tỷ đồng (gồm: vốn ngân sách huyện, ngân sách tỉnh, vốn Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn hỗ trợ có mục tiêu của Trung ương) đã thực hiện đầu tư, nâng cấp và xây dựng mới các cơ sở hạ tầng kỹ thuật của huyện như: Khu hành chính huyện, Trụ sở UBND, công an, quân sự các xã, thị trấn, các điểm trường học, trạm y tế, Trung tâm Y tế, Trung tâm Dạy nghề và Giáo dục Thường xuyên, các tuyến đường giao thông nông thôn và các công trình thủy lợi kịp thời phục vụ sản xuất, đồng thời, trong giai đoạn 2016 - 2021 có nhiều công trình trọng điểm do Trung ương, tỉnh đầu tư trên địa bàn huyện như nâng cấp Quốc lộ 91, Quốc lộ N1, nạo vét mở rộng kênh Trà Sư - Tri Tôn, đầu tư hệ thống cấp điện, cấp nước sinh hoạt khu du lịch Núi Cấm, Nhà thi đấu Đa năng, Bệnh viện Đa khoa huyện,... đã tác động thiết thực tạo sự chuyển biến về kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

Trên địa bàn Tịnh Biên có nhiều dự án đã và đang được đầu tư xây dựng như: Dự án KDC Sao Mai An Giang; Dự án khu dân cư và Chợ Tịnh Biên; Dự án KDC biệt thự sinh thái Nhà Bàng; Các dự án nhà ở xã hội (KDC vượt lũ GD1; GD2); Dự án bố trí dân cư biên giới 2011 - 2015 và định hướng 2020,... cùng với hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại không ngừng được nâng cấp, cải tạo đáp ứng tốt cho việc kinh doanh, mua bán của các tiêu thương khu vực cửa khẩu Quốc tế.

Huyện Tịnh Biên nằm trong vùng Kinh tế trọng điểm vùng ĐBSCL, có Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Tịnh Biên; Chính phủ đã có quy hoạch sẽ từng bước ban hành những cơ chế, chính sách để thúc đẩy cho vùng phát triển; các công trình hạ tầng kỹ thuật quan trọng (giao thông, thủy lợi, điện, nước,...) mang tính ảnh hưởng

toàn vùng đã và sẽ được Trung ương đầu tư (cầu Cao Lãnh, cầu Vàm Cống, các tuyến cao tốc...) là tiền đề để các địa phương trong vùng khai thác và phát huy nội lực. Các chính sách phát triển lĩnh vực công nghiệp - xây dựng, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư; cơ chế liên kết vùng và hỗ trợ đầu tư phát triển vùng Kinh tế trọng điểm vùng ĐBSCL là những điều kiện thuận lợi để Tỉnh Biên phát triển trong giai đoạn tới.

Cùng với sự tăng trưởng nhanh của ngành công nghiệp - xây dựng, huyện luôn chú trọng đầu tư, cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông, cơ sở hạ tầng ngày một đồng bộ, kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, tạo mọi điều kiện tốt nhất để các doanh nghiệp yên tâm sản xuất, góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của huyện, giải quyết việc làm và nâng cao đời sống nhân dân.

b) Về phát triển thương mại - dịch vụ và du lịch

Ngành thương mại - dịch vụ và du lịch luôn được xác định là ngành trọng điểm và là mũi đột phá của địa phương. Trong những năm qua, huyện luôn chú trọng chủ động triển khai nhiều biện pháp đồng bộ, mời gọi đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, tăng cường quảng bá, giới thiệu hình ảnh địa phương; tuyên truyền, hướng dẫn, tập huấn chuyên đổi hành vi ứng xử văn hóa trong kinh doanh du lịch.

Đô thị Tịnh Biên nằm trong khu kinh tế cửa khẩu An Giang với cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên đảm nhiệm tính chất giao thương Quốc tế, đồng thời nơi đây có vị trí trọng yếu về an ninh quốc phòng với sự đoàn bộ binh của Quân khu 9, đơn vị chủ lực đầu tiên của Nam bộ trước đây đóng quân trên địa bàn, có nhiệm vụ rất lớn trong công tác bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới Quốc gia.

Theo thống kê năm 2021, giá trị sản xuất ngành Thương mại - Dịch vụ của huyện đạt 5.570,93 tỷ đồng (giá hiện hành), chiếm 43,68% trong tổng giá trị sản xuất và chiếm 61,68% trong tỷ trọng cơ cấu kinh tế; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2019 - 2021 là 26,17%/năm.

Kinh tế cửa khẩu tiếp tục giữ vai trò quan trọng và là đầu tàu trong nền kinh tế của huyện Tịnh Biên nói riêng và tỉnh An Giang nói chung. Năm 2021, dưới ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch Covid-19, tổng giá trị xuất - nhập khẩu hàng hóa qua cửa khẩu Tịnh Biên đạt hơn 345 triệu USD, giảm 7,81% so với cùng kỳ năm 2020.

Đến nay toàn huyện có 21 chợ (2 chợ loại 2 và 19 chợ loại 3), trong đó đã xã hội hóa 5 chợ (Nhà Bàng, Tịnh Biên, cửa khẩu Quốc tế Tịnh Biên, Chi Lăng, Bàu Mướp, Nhà Bàng, Cây Mít) và 5 tụ điểm kinh doanh (An Phú, An Nông, Nhơn Hưng, Lâm viên núi Cẩm, Sơn Đông).

Về du lịch, huyện Tịnh Biên có nhiều tiềm năng phát triển loại hình dịch vụ du lịch nhờ các đặc điểm tự nhiên: là một huyện biên giới, có địa hình bán sơn địa, gần 2/3 diện tích tự nhiên không bị ảnh hưởng lũ, vừa có đồng bằng, vừa có nhiều đồi núi với nhiều danh thắng, địa danh nổi tiếng cả vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Theo định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và định hướng phát triển du lịch tỉnh An Giang giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 xác định tỉnh An Giang, trong đó có đô thị Tịnh Biên nằm trong không gian du lịch phía

Tây của Tỉnh với định hướng khai thác các sản phẩm du lịch đặc trưng nghiên cứu tìm hiểu văn hóa, di tích lịch sử, lễ hội. Nằm trong vùng trọng điểm phát triển du lịch vùng đồng bằng sông Cửu Long và của tỉnh An Giang, đô thị Tịnh Biên có nhiều tiềm năng phát triển loại hình dịch vụ du lịch nhờ các đặc trưng về tự nhiên, lịch sử và nhân văn, kết nối khu du lịch Quốc gia núi Sam Châu Đốc với khu du lịch núi Cấm, rừng trà Trà Sư, tượng phật di lặc trên Núi Cấm là tượng phật trên núi cao nhất đạt Kỷ lục Châu Á (cao 33,6m), cửa khẩu Quốc tế Tịnh Biên, Hà Tiên (Kiên Giang) và nhiều địa danh khác hình thành tuyến du lịch đặc sắc của Quốc gia tập trung tại vùng Bảy Núi. Ngoài ra, khu vực Tịnh Biên là nơi diễn ra nhiều lễ hội văn hóa, tín ngưỡng, tâm linh nổi tiếng, hàng năm đón hàng triệu lượt khách du lịch từ khắp nơi trong và ngoài nước đến tham quan, mua sắm và cúng viếng người như Lễ giỗ cụ Đoàn Minh Huyền, Lễ hội đua bò Bảy Núi, Tết Cholchanăm Thamây, Tết Đônta,...

Năm 2021, lượng khách hàng năm đến tham quan trên bàn huyện đạt hơn 2,3 triệu lượt, với doanh thu đạt 847,3 tỷ đồng. Khách đến tham quan du lịch và mua sắm tại Tịnh Biên chủ yếu là khách nội địa, khách quốc tế không đáng kể, chỉ có 5.179 lượt khách quốc tế tham quan du lịch và mua sắm.

Trong những năm tới, khu vực thương mại - dịch vụ, du lịch được xác định là mũi nhọn của nền kinh tế huyện và sẽ được đầu tư mạnh đồng thời với việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng như nhà nghỉ, khu vui chơi giải trí, hệ thống giao thông, điện, nước,... nhằm phục vụ du lịch. Bên cạnh đó, chú trọng khai thác tối đa ưu thế của huyện là nằm trên tuyến du lịch lữ hành liên vùng, liên quốc gia như: Long Xuyên - Châu Đốc - Tịnh Biên - Tri Tôn - Hà Tiên, An Giang - Việt Nam và Phnom Pênh - Campuchia.

Dịch vụ bưu chính viễn thông phát triển nhanh, chất lượng phục vụ ngày càng tốt, thông tin liên lạc đảm bảo thông suốt. Số lượng và chủng loại báo, tạp chí đa dạng. Các loại hình dịch vụ khác như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, tư vấn pháp luật, tin học, y tế có bước phát triển vượt bậc, góp phần quan trọng vào việc hình thành môi trường đầu tư kinh doanh sôi động và lành mạnh trên địa bàn huyện Tịnh Biên.

c) Về sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp

Trong thời gian qua, sản xuất nông nghiệp của huyện đã từng bước chuyển sang sản xuất hàng hóa gắn với thị trường, đầu tư thâm canh tăng năng suất và chất lượng sản phẩm. Chính vì vậy, tuy tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản ngày càng giảm trong cơ cấu kinh tế của huyện nhưng giá trị sản xuất của ngành ngày một tăng và không ngừng nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm nông nghiệp. Huyện xác định phát triển sản xuất nông nghiệp vẫn giữ vai trò quan trọng, là “trụ đỡ” đảm bảo phát triển kinh tế bền vững.

Năm 2021, ngành nông - lâm - thủy sản có giá trị sản xuất đạt 6.024,77 tỷ đồng, chiếm 40,20% trong tổng giá trị sản xuất và chiếm 24,46% trong cơ cấu kinh tế của huyện.

- Sản xuất nông nghiệp:

+ Trồng trọt:

Huyện Tĩnh Biên đã chủ động quy hoạch, ban hành nghị quyết và tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Những tiến bộ khoa học kỹ thuật được ứng dụng ngày càng nhiều và mang lại hiệu quả rõ nét. Năm 2021, 95% diện tích đất lúa canh tác của huyện ứng dụng mô hình “3 giảm, 3 tăng”, “1 phải, 5 giảm” góp phần tăng năng suất lúa lên 7,19 tấn/ha, tăng 1,33 tấn/ha so với năm 2015; giá trị sản xuất đạt 125 triệu đồng/ha; mở mới vùng sản xuất 3 vụ được 5.546 ha, góp phần tăng hệ số sử dụng đất từ 1,87 lần (năm 2015) lên 2,02 lần (năm 2021); thực hiện mô hình “cánh đồng lớn” với diện tích 2.724 ha ở các xã Tân Lập, An Hảo, Tân Lợi, nhiều mô hình chuyển dịch cơ cấu cây trồng được áp dụng như: trồng hoa trên Núi Cẩm, mô hình bảo tồn và phát triển cây dược liệu, trồng các loại cây ăn trái như: Thanh Long ruột đỏ, xoài cát Hòa Lộc,... Trong những năm qua, huyện đã xây dựng được 53 mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao với mô hình khép kín, liên kết với các doanh nghiệp bao tiêu đầu ra, hướng đến một nền nông nghiệp xanh, sạch và hiệu quả, góp phần nâng cao đời sống và thu nhập của người nông dân.

+ Chăn nuôi:

Có vai trò, vị trí quan trọng trong sản xuất nông nghiệp của huyện; điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội tương đối thuận lợi như khí hậu ôn hòa, ít bị ngập lũ, mặt bằng rộng, nguồn nước dồi dào, nguồn phụ phẩm nông nghiệp đa dạng, nông dân có truyền thống chăn nuôi lâu đời là một lợi thế của huyện.

Trong năm qua, ngành chăn nuôi gặp rất nhiều khó khăn mặc dù đã chủ động thực hiện các giải pháp phòng chống dịch tả lợn Châu Phi theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tỉnh ủy nhưng do địa bàn rộng, nhiều cửa ngõ tiếp giáp với các địa bàn lân cận đều xuất hiện dịch bệnh nên đã lây lan vào địa bàn huyện. Chăn nuôi gia cầm, đại gia súc (bò, dê) phát triển tốt do có thị trường tiêu thụ rộng rãi, không có dịch bệnh lớn xảy ra, người chăn nuôi mạnh dạn tăng đàn, phát triển thêm được nhiều hộ chăn nuôi quy mô lớn liên kết hoặc nuôi gia công cho doanh nghiệp và thương lái trên địa bàn; tổng đàn gia súc của huyện là 25.033 con và gia cầm là 167.859 con. Công tác kiểm dịch, vệ sinh chuồng trại, tiêm phòng ngày càng được chú trọng, góp phần thúc đẩy ngành chăn nuôi của huyện ngày một hiệu quả, ổn định, bền vững, nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi.

+ Thủy lợi nội đồng và phòng chống lụt bão, ngăn ngừa, ứng phó với biến đổi khí hậu:

Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão, ngăn ngừa, ứng phó với biến đổi khí hậu luôn được huyện quan tâm. Trong những năm qua, toàn huyện thực hiện 04 dự án với tổng mức đầu tư 103 tỷ đồng để phục vụ tưới tiêu 2.340 ha cây trồng; đầu tư xây dựng 08 cống đầu kênh Vĩnh Tế với kinh phí hơn 9,5 tỷ đồng phục vụ 576 ha cây trồng và thi công 11 công trình nạo vét, chống hạn với tổng kinh phí hơn 7,2 tỷ

đồng phục vụ 6.500 ha cây trồng. Bên cạnh đó, hệ thống các công trình thủy lợi như đê sông, đê bao nội đồng, cống đầu mối, kênh chính, kênh cấp I, cấp II, kênh nội đồng cũng được đầu tư gia cố, duy tu bảo vệ hàng năm, góp phần phục vụ công tác chuyển dịch cơ cấu cây trồng và nâng cao hiệu quả sản xuất.

Công tác duy tu, bảo dưỡng, đầu tư hệ thống đê kè, bờ bao nhất là các khu vực xung yếu được quan tâm nhưng do kinh phí hạn hẹp, đầu tư theo từng giai đoạn, một số dự án chưa được thực hiện đồng bộ nên tình trạng sạt lở chưa được khắc phục triệt để. Trong năm qua, mặc dù Tịnh Biên không bị ảnh hưởng trực tiếp của các cơn bão nhưng tình hình mưa bão, giông lốc đã ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân. Huyện luôn chủ động ứng phó bão lũ, hạn chế thiệt hại cho người dân theo phương châm “4 tại chỗ”; kịp thời thăm hỏi, hỗ trợ cho các trường hợp bị ảnh hưởng, nhanh chóng ổn định đời sống và hoạt động sản xuất cho người dân.

+ Lâm nghiệp:

Lâm nghiệp có vai trò quan trọng trong bảo vệ môi trường và giảm nhẹ thiên tai, nhất là các khu vực đồi núi và biên giới với đường biên giới dài gần 20 km như Tịnh Biên. Công tác trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng được huyện quan tâm, chú trọng, chỉ đạo quyết liệt, đạt được nhiều kết quả quan trọng như: tổ chức diễn tập thành công phòng cháy chữa cháy rừng; từ năm 2016 đến nay, huyện đã trồng mới được 1.215.314 cây các loại, nâng tổng diện tích rừng hiện tại của huyện là 8.774 ha, góp phần nâng tỷ lệ che phủ rừng năm 2020 đạt 25,24%; trong năm 2021, không có vụ cháy rừng nào xảy ra trên địa bàn. Ý thức được tầm quan trọng của rừng, trong nhiều năm qua chính quyền và nhân dân Tịnh Biên luôn nâng cao tinh thần bảo vệ rừng, thường xuyên tổ chức tuần tra bảo vệ, kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Ngoài ra, các cơ quan chức năng tiếp tục tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao ý thức bảo vệ, chăm sóc và phòng chống cháy rừng.

+ Thủy sản:

Công tác kiểm tra, giám sát, tuyên truyền về việc khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản luôn được huyện chú trọng. Năm 2021, huyện đã tổ chức kiểm tra hoạt động khai thác thủy sản 45 đợt, tháo dỡ 15 đồng chà, 95 dớn sai kích thước, tịch thu một số tang vật như: bình ắc quy, xiết điện và xử phạt hành chính với số tiền hơn 13 triệu đồng. Tổ chức 05 lớp tuyên truyền văn bản pháp luật về khai thác, phát triển nguồn lợi thủy sản.

V. PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, XÃ HỘI

1. Văn hóa, thể dục thể thao và thông tin truyền thông

Trong thời gian qua, huyện Tịnh Biên đã thực hiện hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, của tỉnh về nếp sống văn minh, chương trình xây dựng nông thôn mới, phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ngày càng đi vào chiều sâu, đời sống văn hóa vùng đồng bào dân tộc Khmer được quan tâm phát triển. Năm 2021, toàn huyện có 29.238/30.531 hộ gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 96%; 177/177 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đăng ký doanh hiệu văn hóa được kiểm tra và công nhận, đạt tỷ lệ 100%; duy trì và nâng cao chất lượng 61/61 khóm, ấp văn hóa, đạt tỷ

lệ 100%, trong đó có 07 khóm, ấp được công nhận là điểm sáng văn hóa biên giới; có 04 xã được công nhận là xã nông thôn mới. Các thiết chế văn hóa - thể thao được đầu tư xây dựng kiên cố, đúng tiêu chuẩn, mức hưởng thụ về các loại hình văn hóa thông tin của người dân không ngừng được nâng cao. Tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao (TDTT), tạo không khí phấn khởi trong nhân dân, nhất là tổ chức thành công Đại hội TDTT huyện Tịnh Biên năm 2018 và dẫn đầu phong trào thể thao quần chúng, đóng góp nhiều vận động viên cho tỉnh và quốc gia. Trên địa bàn huyện hiện có 10 di tích được xếp hạng, trong đó có 01 di tích cấp Quốc gia và 09 di tích cấp tỉnh.

Huyện thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý điều hành và tổ chức thực hiện, nổi bật là triển khai hệ thống trực tuyến cấp xã, tổ chức thành công mô hình phòng họp không giấy đầu tiên trong tỉnh, phát triển cổng thông tin điện tử huyện. Đến năm 2021, tỷ lệ phủ sóng truyền thanh của huyện đạt 70% và tỷ lệ phủ sóng thông tin di động đạt 100%.

2. Công tác y tế và dân số

Huyện thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, công tác dân số kế hoạch hóa gia đình; công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, thủ tục khám chữa bệnh được nâng cao, cải thiện; chủ động phòng, chống, phát hiện và khống chế dịch bệnh; công tác quản lý hoạt động ngành y, dược ngoài công lập, quản lý thị trường thuốc tân dược, thực phẩm chức năng được tăng cường. Bảo tồn và phát triển y học cổ truyền, kết hợp đông tây y trong hoạt động khám chữa bệnh, vận động các nguồn vốn xã hội hóa, xây dựng phòng khám nhân đạo. Cơ sở vật chất y tế được quan tâm đầu tư, nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện từ 100 giường lên 120 giường; xây dựng Trung tâm y tế huyện, phòng khám đa khoa khu vực Tịnh Biên, xây dựng 06 trạm y tế xã với tổng kinh phí gần 30 tỷ đồng. Năm 2021, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 9%, tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân đạt 98,78%.

Các cơ sở y tế tổ chức trực, khám chữa bệnh phục vụ nhân dân 24/24 và chuẩn bị đầy đủ phương tiện, cơ sở thuốc sẵn sàng cấp cứu người bệnh, nhất là trong công tác truy vết, lấy mẫu xét nghiệm, cách ly, điều trị bệnh Covid-19 và tiêm vắc xin Covid-19 cho người dân. Tổ chức hiệu quả mô hình trạm y tế lưu động tại các xã, thị trấn (có 14 trạm y tế lưu động tại các xã, thị trấn).

Công tác an sinh, phúc lợi xã hội được đảm bảo; quan tâm, thăm hỏi, chăm sóc các đối tượng người cao tuổi, người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người có hoàn cảnh khó khăn; đồng thời tích cực thực hiện tốt các công tác bình đẳng giới và bảo vệ chăm sóc trẻ em. Hiện nay, 100% số xã trên địa bàn huyện Tịnh Biên đạt chuẩn các tiêu chí về văn hóa - xã hội trong xây dựng nông thôn mới.

3. Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm và an sinh xã hội

Xác định công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động là nhiệm vụ quan trọng trong công tác giảm nghèo, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững, những năm qua, với sự nỗ lực của các cấp, ngành và cộng đồng dân cư, công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm trên địa bàn huyện Tịnh Biên đã đạt

được nhiều kết quả quan trọng, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân.

Trên cơ sở chương trình đào tạo nghề và giải quyết việc làm của huyện giai đoạn 2021 - 2026, Tỉnh Biên đã chỉ đạo rà soát nhu cầu học nghề của lao động nông thôn, đồng thời triển khai hiệu quả các chính sách dạy nghề cho người nghèo, người tàn tật, khuyến khích phụ nữ, thanh niên khởi nghiệp, hỗ trợ vay vốn giải quyết việc làm, khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân và kinh tế hộ gia đình nhằm giải quyết việc làm tại chỗ cho người lao động. Cơ quan chức năng huyện chủ động phối hợp với Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh và các doanh nghiệp trên địa bàn có nhu cầu tuyển dụng lao động đẩy mạnh hoạt động tư vấn, tổ chức các phiên giao dịch việc làm, cung cấp thông tin các đơn vị, doanh nghiệp cần tuyển lao động, tư vấn hỗ trợ đi xuất khẩu lao động..., tạo thuận lợi cho người lao động có nhu cầu đăng ký tuyển dụng và tìm được việc làm phù hợp.

Huyện thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng. Trợ cấp thường xuyên hơn 40.000 đối tượng chính sách với tổng kinh phí gần 59 tỷ đồng; phụng dưỡng tốt các Mẹ Việt Nam anh hùng. Tính đến nay, toàn huyện có 151 Mẹ được tặng và truy tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam anh hùng; Công tác an sinh xã hội luôn được quan tâm, xã hội hóa xây nhà tình thương, nhà đại đoàn kết, quà tết cho hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn, khuyến học,... mỗi năm trên 25 tỷ đồng. Trong những năm qua, huyện thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ trong công tác giảm nghèo như: triển khai 08 mô hình giảm nghèo bền vững tại 07 xã với 258 hộ, kinh phí gần 2 tỷ đồng, ngân hàng chính sách xã hội cho vay 14 chương trình giảm nghèo với tổng kinh phí hơn 1.443 tỷ đồng,... tính đến nay, tỷ lệ hộ nghèo của huyện giảm từ 17,77% năm 2015 xuống còn 1,07% cuối năm 2021.

Nhờ làm tốt các giải pháp kết hợp giữa đào tạo nghề, giới thiệu và giải quyết việc làm gắn với các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện, 3 năm qua Tỉnh Biên đã giải quyết việc làm cho 34.247 lao động, xuất khẩu lao động 78 người, mở 92 lớp dạy nghề với 2.883 lao động, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề của huyện lên 27,68%; chương trình vay vốn từ quỹ Quốc gia giải quyết việc làm 373 lao động, chương trình vay vốn đã góp phần giải quyết việc làm ổn định và tạo nhiều việc làm mới. Bên cạnh đó, huyện luôn thực hiện tốt công tác bảo trợ xã hội, bình đẳng giới; phòng chống tệ nạn xã hội; bảo vệ, chăm sóc sức khỏe trẻ em. Trong những năm qua, huyện đã hỗ trợ trên 118.000 lượt trẻ em với số tiền khoảng 15.000 triệu đồng.

4. Công tác giáo dục

Mặc dù có những khó khăn nhất định do dịch bệnh Covid-19 nhưng với sự nỗ lực khắc phục khó khăn của huyện nên hoạt động giảng dạy tại các trường lớp đã đi vào ổn định. Ngành giáo dục tập trung đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá chất lượng học sinh; khai thác và sử dụng tốt các trang thiết bị phục vụ dạy và học, phòng chống bạo hành trẻ em, nhất là các cơ sở giữ trẻ tư nhân.

Công tác giáo dục - đào tạo của huyện không ngừng được nâng cao và đổi mới. Trong những năm qua, Tịnh Biên mở nhiều lớp bồi dưỡng chính trị hệ cho cán bộ, giáo viên, tạo sự chuyển biến cơ bản về nhận thức, nắm vững quan điểm, chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo, từ đó vận dụng vào quá trình quản lý, chỉ đạo và giảng dạy. Huyện cũng chỉ đạo đẩy mạnh phân cấp quản lý, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục, gắn với trách nhiệm người đứng đầu, quản lý chặt chẽ việc dạy thêm, học thêm, các khoản thu trong nhà trường. Tăng cường kiểm tra, giám sát, kiên quyết xử lý nghiêm các vụ việc tiêu cực phát sinh. Thực hiện nghiêm túc quy định “3 công khai, 4 kiểm tra”, quy chế “Dân chủ ở cơ sở”, giữ vững mối đoàn kết trong môi trường sư phạm.

Hiệu quả từ phong trào thi đua “Dạy tốt, học tốt”, “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học” được khẳng định. Bậc giáo dục mầm non 100% trẻ được đánh giá đạt theo quy định. Đối với giáo dục tiểu học và trung học cơ sở thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng nhằm phát huy tư duy, sáng tạo tích cực của học sinh; bảo đảm phát triển hài hòa cả về đức, trí, thể, mỹ, xác định mục tiêu lấy chất lượng đầu ra của từng cấp học là thước đo đánh giá chất lượng các cơ sở giáo dục.

Toàn huyện Tịnh Biên hiện có 71 trường học, trong đó có 13/71 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 18,3%; tỷ lệ học sinh đi học trong độ tuổi đến năm 2021: mẫu giáo đạt 107,06%/70%, bậc tiểu học đạt 102,08%/70%, bậc trung học cơ sở đạt 102,29%/79%, bậc trung học phổ thông và tương đương đạt 95,51%/50% vượt kế hoạch đề ra. Huyện không ngừng nâng cấp và trang bị cơ sở vật chất, thiết bị, thí nghiệm, thực hành đáp ứng nhu cầu dạy và học trên địa bàn. Hằng năm, tỷ lệ huy động học sinh đến trường đạt, vượt chỉ tiêu nghị quyết, góp phần giảm tỷ lệ học sinh bỏ học (hơn 50%).

Do tình hình dịch bệnh Covid-19, huyện đã trưng dụng các trường học làm khu cách ly tập trung, khu điều trị; hiện nay, huyện đang tiến hành sửa chữa tu bổ để đảm bảo điều kiện, cơ sở vật chất để phục vụ công tác giảng dạy khi tình hình ổn định trở lại.

Năm 2021, ngành giáo dục huyện được Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh xếp hạng 4 toàn tỉnh; về khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập đạt kết quả tốt.

VI. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG

1. Hệ thống hạ tầng xã hội

a) Nhà ở

Trong thời gian gần đây, chất lượng sống đô thị ngày một nâng cao, một số dự án khu nhà ở và công trình nhà dân trong khu đô thị Sao Mai, khu dân cư trung tâm Chợ cửa khẩu Tịnh Biên,... được xây dựng mới với hình thức kiến trúc hiện đại, đẹp mắt, đảm bảo công năng và tiện nghi sống góp phần làm tăng tính thẩm mỹ công trình, bộ mặt đô thị và chất lượng cuộc sống người dân từng bước được nâng cao. Nhìn chung nhà ở tại đô thị Tịnh Biên mở rộng xây dựng theo dạng nhà liên kế bám

sát theo các trục đường giao thông chính, dạng nhà ở có sân, vườn,... một số khu ở mới đang xây dựng hạ tầng.

Nhà ở của dân cư đô thị ngày càng được quản lý tốt hơn cả về quy hoạch lẫn kiến trúc. Diện tích nhà ở được cải thiện ngày một rộng hơn, hình thức kiến trúc ngày càng đẹp theo hướng văn minh hiện đại. Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người năm 2021 khu vực nội thị đạt 29,93 m²/người, riêng thị trấn Tịnh Biên, Nhà Bàng và Chi Lăng lần lượt đạt 35,07 m²/người, 32,18 m²/người và 28,31 m²/người.

Tỷ lệ nhà kiên cố, khá kiên cố và bán kiên cố toàn huyện chiếm 94,72%, trong đó khu vực nội thị chiếm 98,71%. Nhà ở trong các khóm ấp hầu hết đã được xây dựng kiên cố theo dạng nhà vườn, biệt thự khang trang. Dọc các trục đường tỉnh như đường tỉnh 945, đường tỉnh 955A, các tuyến đường kết nối với Quốc lộ 91, đường huyện và các nhánh trục chính là nhà ở dạng chia lô, nhiều hộ dân kết hợp kinh doanh dịch vụ. Các khu vực phát triển đô thị mới mật độ đất xây dựng đã lấp đầy trên 50%, do các hộ tự xây dựng theo đúng quy hoạch. Các khu dân cư mới đều được đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, công trình công cộng và trồng cây xanh. Bên cạnh đó, hệ thống công trình công cộng trên địa bàn như trụ sở cơ quan, bệnh viện, trường học, khu vui chơi giải trí,... đã và đang được đầu tư, nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới tạo sự khang trang và mỹ quan cho đô thị.

b) Trụ sở Cơ quan hành chính

Hiện tại, đô thị Tịnh Biên có hệ thống công trình công cộng khá hoàn chỉnh bao gồm: Các công trình hành chính - cơ quan công sở đóng trên địa bàn thị trấn Tịnh Biên, Nhà Bàng và Chi Lăng, các công trình phục vụ toàn đô thị Tịnh Biên và công trình công cộng phục vụ các xã. Hệ thống công trình cơ quan hành chính đã được xây dựng, nâng cấp cải tạo ổn định và tương đối đầy đủ.

Công trình trung tâm hành chính huyện Tịnh Biên: Các cơ quan hành chính huyện được quy hoạch và xây dựng tập trung trong khu vực trung tâm của thị trấn Tịnh Biên, gồm Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Tịnh Biên và nhiều phòng, ban của huyện, tất cả đều được xây dựng kiên cố cao 2 - 4 tầng có kiến trúc đẹp, đủ diện tích sàn đáp ứng nhu cầu làm việc. Cảnh quan khu trung tâm hành chính khá đẹp có hệ thống đường giao thông rộng, điện chiếu sáng và trang trí, trồng cây xanh tạo bóng mát và cảnh quan.

Công trình hành chính thị trấn Tịnh Biên, Nhà Bàng, Chi Lăng, các xã: Trụ sở làm việc của UBND đều được cải tạo hoặc xây mới bảo đảm diện tích mặt bằng và chất lượng công trình, thuận lợi cho điều hành công việc và tiếp đón nhân dân.

c) Cơ sở y tế

Huyện Tịnh Biên hiện có 01 bệnh viện đa khoa huyện, quy mô diện tích 1,9 ha, với 120 giường bệnh và 154 cán bộ CNVC; 02 phòng khám khu vực Chi Lăng và Tịnh Biên, 01 phòng khám Nhân Đạo và 14 trạm y tế của các xã, thị trấn với tổng số giường bệnh là 110 giường và 153 cán bộ CNVC; bình quân số giường bệnh/1.000 dân khu vực nội thị huyện Tịnh Biên đạt 3,07 giường/1.000 dân. Ngoài ra, trên địa bàn còn có 65 cơ sở khám, chữa bệnh ngoài công lập với tổng số 198 cán bộ y tế.

Công tác y tế trường học cũng được nâng cao, đẩy mạnh. Năm 2021, học sinh 3 bậc Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông đã có 15.577 học sinh tham gia bảo hiểm y tế (BHYT), đạt 100% học sinh tham gia BHYT; Tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân đạt 98,78%; Bệnh viện đa khoa huyện Tịnh Biên với cơ sở vật chất được đầu tư đồng bộ, ứng dụng nhiều kỹ thuật mới, tiên tiến trong công tác khám chữa bệnh, cùng đội ngũ y bác sĩ có năng lực, tinh thần trách nhiệm cao đã đáp ứng các nhu cầu khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân.

Công tác bảo tồn và phát triển y học cổ truyền, kết hợp Đông - Tây y trong khám và chữa bệnh luôn được huyện chú trọng và quan tâm chỉ đạo thực hiện, vận động xã hội hóa đầu tư xây dựng phòng khám nhân đạo góp phần tích cực trong công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động y tế tư nhân góp phần đảm bảo thực hiện tốt chính sách chăm sóc sức khỏe nhân dân.

d) Cơ sở văn hóa, thể dục thể thao

Công trình văn hóa: hiện nay tại thị trấn Nhà Bàng, huyện Tịnh Biên có Trung tâm Văn hóa huyện và hội trường Trung tâm hành chính huyện là nơi tổ chức hội nghị các sự kiện chính trị xã hội và Thư viện huyện Tịnh Biên phục vụ nhu cầu đọc sách của người dân. Ngoài ra còn có 14 nhà văn hóa của tất cả các xã, thị trấn trên địa bàn huyện để phục vụ sinh hoạt cộng đồng. Hoạt động văn hoá, thông tin, thể thao những năm qua được đẩy mạnh phát triển nhờ đó đã có tác động tích cực đến đời sống tinh thần của nhân dân và trật tự an toàn xã hội. Các hình thức tổ chức ngày càng đa dạng, cùng hướng tới các sự kiện chính trị của đất nước. Chất lượng phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được nâng lên. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, phục dựng các lễ hội được quan tâm, tổ chức tốt.

Công trình thể thao: huyện Tịnh Biên hiện có công trình thể thao cấp đô thị là SVD trung tâm VH-TT Huyện và các sân bóng tại các xã, thị trấn. Ngoài ra còn có một số sân tennis và sân bóng chuyền, sân cầu lông, bể bơi. Tại trung tâm các xã, thị trấn đều xây dựng sân tập thể thao quy mô nhỏ và các câu lạc bộ thể hình - phòng tập GYM nên cơ bản đáp ứng được nhu cầu luyện tập thể thao của người dân.

đ) Giáo dục và đào tạo

Công tác giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện Tịnh Biên những năm gần đây có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng giảng dạy, học tập đang từng bước được nâng lên. Hiện nay, hệ thống mạng lưới trường lớp tại huyện Tịnh Biên đủ đáp ứng và phủ kín toàn bộ các xã, thị trấn. Mỗi xã thị trấn đều có các trường từ mẫu giáo đến THCS. Hệ thống trường học trên địa bàn huyện đã và đang được đầu tư, phân bổ ngày một hợp lý hơn. Trường mẫu giáo tăng do số trẻ huy động đến trường ngày một tăng; trường tiểu học giảm do những năm gần đây thực hiện chủ trương xóa trường tạm, trường ghép, đầu tư xây dựng trường học kiên cố đảm bảo điều kiện dạy và học ngày một tốt hơn.

Quy mô trường lớp trên địa bàn huyện đang tiếp tục được nâng cao. 13/71 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 18,3%. Huyện không ngừng nâng cấp và

trang bị cơ sở vật chất, thiết bị, thí nghiệm, thực hành đáp ứng nhu cầu dạy và học trên địa bàn. Công tác xã hội hóa giáo dục đạt kết quả tốt, tỷ lệ huy động trẻ trong các độ tuổi đến lớp ở các cấp học đạt cao. Năm 2021, tỷ lệ học sinh đi học trong độ tuổi: mẫu giáo đạt 107,06%/70%, bậc tiểu học đạt 102,08%/70%, bậc trung học cơ sở đạt 102,29%/79%, bậc trung học phổ thông và tương đương đạt 95,51%/50% vượt kế hoạch đề ra. Huyện đã hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục Tiểu học và THCS được duy trì vững chắc. Số lượng cán bộ giáo viên cơ bản đáp ứng được hoạt động của ngành. Chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên được nâng lên, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhiệm vụ đổi mới công tác quản lý, giảng dạy và nâng cao chất lượng giáo dục. Trên địa bàn đô thị Tịnh biên có 04 cơ sở giáo dục đào tạo từ cấp Phổ thông trung học trở lên bao gồm: 03 trường Trung học phổ thông (Xuân Tô, Tịnh Biên và Chi Lăng) và 01 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên cơ bản đáp ứng nâng cao trình độ dân trí, lao động có trình độ, đảm bảo nhu cầu dạy và học của địa phương.

e) Công trình dịch vụ thương mại - dịch vụ, bưu chính viễn thông

Địa bàn hiện có các siêu thị điện máy xanh, Bách hóa xanh và 21 chợ lớn nhỏ các loại, trong đó có Chợ cửa khẩu Quốc tế Tịnh Biên là chợ đầu mối lớn kinh doanh đa dạng các mặt hàng là nơi buôn bán, bán lẻ, phân phối hàng hóa đến nhiều thị trường trong và ngoài huyện; một hệ thống cửa hàng tiện ích, cửa hàng tạp hóa phát triển rộng khắp đã góp phần thúc đẩy giao thương, mua bán hàng hóa đảm bảo đáp ứng nhu cầu thiết yếu về sản xuất và phục vụ đời sống của nhân dân.

Dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, ngân hàng, điện lực,... được đầu tư và đổi mới công nghệ, chất lượng hoạt động được nâng cao, đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân. Hiện nay trên địa bàn có 02 hãng viễn thông là Viettel và viễn thông VNPT đã phủ sóng thông tin di động 100% địa bàn huyện.

g) Hoạt động vận tải hàng hóa, hành khách

Tổng số phương tiện vận tải trên địa bàn huyện Tịnh Biên là 1.841 chiếc, giảm 105 chiếc so với năm 2020, trong đó có: 222 phương tiện vận chuyển hàng hoá và 1.585 phương tiện vận tải hành khách. Vận tải hàng hoá bằng cả đường bộ và đường thủy, vận tải hành khách chủ yếu là đường bộ phục vụ giao lưu liên kết với thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ - Châu Đốc - Long Xuyên.

Hiện nay đã có 07 đơn vị vận tải hành khách tuyến Việt Nam đi Campuchia và ngược lại. Trong đó có 02 đơn vị vận tải liên vận (Tân Vạn Thuận 2 của Việt Nam chạy tuyến Trà Vinh - Phnom pênh và Sóc Trăng - Phnom pênh; Ăngko của Campuchia chạy tuyến Campuchia - Việt Nam), 05 đơn vị vận tải du lịch theo tour (Cty TNHH Mai Thảo - Phú Tân, Cty TNHH Thái Hân - Tịnh Biên, Cty TNHH Lý Thành Đạt - Tri Tôn, Cty CP Xây Dựng Vận Tải Cần Thơ, Cty Du Lịch Cần Thơ), đã tác động mạnh đến hoạt động giao thương, du lịch giữa 02 nước, đồng thời thúc đẩy hoạt động biên mậu phát triển.

Để phục vụ cho nhu cầu vận tải hành khách, trên địa bàn huyện Tịnh biên có bến xe Tịnh Biên diện tích 2.400 m², bình quân 25 đầu xe hoạt động các tuyến TP. HCM, Cần Thơ, Cà Mau, Chơn Thành, Bình Dương đã được nâng cấp và được cấp phép là bến xe loại 4. Vận tải hành khách công cộng ngoài các tuyến xe khách liên tỉnh, xe du lịch còn có tuyến xe buýt TT. Tịnh Biên - Vĩnh Tre vẫn duy trì hoạt động 16 xe/ngày, các hãng taxi,... Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đạt trên 20%.

2. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Về giao thông

Nhằm nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông, giai đoạn 2016 - 2020, huyện Tịnh Biên đầu tư hơn 800 tỷ đồng xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội và phát triển đô thị theo hướng đồng bộ, từng bước hiện đại. Trong đó, có nhiều công trình, dự án mang tính động lực phát triển, phù hợp với quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tịnh Biên đến năm 2020. Sau 5 năm thực hiện, hạ tầng kỹ thuật đô thị, kết cấu hạ tầng giao thông có nhiều chuyển biến rõ rệt và ngày càng hoàn thiện, nhiều tuyến giao thông huyết mạch đã và đang được đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, từ đó kết nối từ nội địa ra biên giới; kết nối các cụm xã, các khu dân cư, các điểm thu hút du khách vận chuyển thuận lợi, tạo bước ngoặt mới trong quá trình xây dựng và phát triển. Điển hình như: ĐT. 955A, ĐT. 948, đường Lâm Vô, HL. 11, dự án cơ sở hạ tầng Núi Cấm, dự án khu dân cư dưới chân Núi Cấm,... và đặc biệt xây dựng cơ sở hạ tầng 04 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới. Đối với những tuyến đường sẵn có, huyện chủ trương bổ sung các hạng mục như tăng cường lớp thảm bê tông nhựa lên mặt đường bê tông xi măng cũ, hoàn thiện hệ thống thoát nước, hào kỹ thuật, chiếu sáng, vỉa hè,... theo tiêu chí đường đô thị. Kết quả là đô thị Tịnh Biên đã được Bộ Xây dựng công nhận đạt tiêu chí đô thị loại IV theo Quyết định số 985/QĐ-BXD ngày 06 tháng 7 năm 2018.

Giao thông đối ngoại:

- Đường bộ:

Trên địa bàn đô thị Tịnh Biên có các tuyến giao thông đối ngoại sau:

+ Quốc lộ N1: Là trục giao thông thứ 5 (4 tuyến còn lại là QL1A, đường Hồ Chí Minh, cao tốc Bắc - Nam, QL. 50) kết nối hệ thống đường hành lang ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long dọc biên giới Tây nam Việt Nam. Đoạn qua huyện Tịnh Biên bắt đầu từ QL. 91 đến ranh giới huyện Tri Tôn với chiều dài 8,16 km; đạt tiêu chuẩn đường cấp II Đồng bằng, với mặt đường láng nhựa, bề rộng nền đường 10 m.

+ Quốc lộ 91: Bắt đầu tại ngã tư Bến Xe giao với QL. 1A thuộc địa phận quận Ninh Kiều, đi qua quận Bình Thủy, quận Ô Môn, quận Thốt Nốt (thành phố Cần Thơ), thành phố Long Xuyên, huyện Châu Thành, huyện Châu Phú, thành phố Châu Đốc và kết thúc tại cửa khẩu Tịnh Biên, thuộc khóm Xuân Hòa, thị trấn Tịnh Biên. Quốc lộ 91 đi dọc bờ Nam sông Hậu từ Cần Thơ đến Châu Đốc, sau đó tiếp tục đi dọc theo biên giới Việt Nam - Campuchia. Quốc lộ 91 tiếp nối với Quốc lộ 2 của Campuchia trên địa phận tỉnh Tà Keo, cách Phnom Penh khoảng 110 km. Đoạn

Quốc lộ 91 chạy qua huyện Tịnh Biên dài 14,6 km bắt đầu từ ranh giới thành phố Châu Đốc đến cầu Hữu Nghị (giao với ĐT. 955A), trong đó có 2,70 km là công trình cầu. Đường đạt tiêu chuẩn cấp II Đồng bằng, mặt đường nhựa, bề rộng nền đường 10 m.

+ Đường tỉnh 945: Đoạn đi qua Tịnh Biên có chiều dài 7,20 km bắt đầu từ ranh giới huyện Châu Phú đến cầu 13 Tân Lập. Đường đạt tiêu chuẩn đường cấp III Đồng bằng, mặt đường láng nhựa, bề rộng nền đường 7,5 m.

+ Đường tỉnh 948: Khởi đầu tiếp giáp Quốc lộ 91 (thị trấn Nhà Bàng và kết thúc tại thị trấn Tri Tôn (huyện Tri Tôn). Đây là tuyến kết nối giao thông với đường tỉnh 941 (đi Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang). Toàn tuyến dài trên 18,45 km, đi qua 5 xã và 3 thị trấn, trong đó có 3 xã vùng biên giới, có đông đồng bào dân tộc Khmer. Tuyến đường có ý nghĩa quan trọng trong liên kết phát triển du lịch, gồm: Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang. Đường đạt tiêu chuẩn đường cấp III Đồng bằng, mặt đường láng nhựa, bề rộng nền đường 9 m.

+ Đường tỉnh 955A: Đoạn đi qua Tịnh Biên có chiều dài 11,3km, bắt đầu từ ranh giới thành phố Châu Đốc đến QL. 91. Đường đạt tiêu chuẩn đường cấp III Đồng bằng, mặt đường láng nhựa, bề rộng nền đường 7,5 m.

+ Đường tỉnh 949: Đi qua ranh giới phía Nam của huyện Tịnh Biên với chiều dài 21,90 km, bắt đầu từ Quốc lộ 91 đến đường tỉnh 955B. Tuyến có vai trò là cửa ngõ phía Nam kết nối với huyện Châu Thành và thành phố Long Xuyên. Đường đạt tiêu chuẩn đường cấp III Đồng bằng, mặt đường láng nhựa và bề rộng nền đường 7,5 m.

- Đường thủy:

Kênh Vĩnh Tế đi qua huyện Tịnh Biên nối từ thành phố Châu Đốc đến thị xã Hà Tiên là tuyến giao thông đường thủy chính trên địa bàn huyện. Hiện chỉ giới hạn tàu có trọng tải dưới 250 tấn vào mùa nước lớn và 50 tấn vào mùa nước kiệt.

Ngoài ra giao thông đường thủy phát triển theo hệ thống các tuyến kênh mương trên địa bàn nhưng chỉ phục vụ đi lại cho các phương tiện nhỏ lẻ. Ngoài ra, trong những năm gần đây, huyện còn phát triển giao thông đường thủy phục vụ du lịch trên địa bàn.

Giao thông đối nội:

- Các tuyến đường trục chính quan trọng khu vực nội thị đã được huyện quan tâm đầu tư xây dựng, toàn bộ các tuyến đường trong khu vực nội thị có chiều rộng lòng đường $\geq 7,5\text{m}$ và các tuyến đường nội bộ có chiều rộng lòng đường $\leq 7,5\text{ m}$ đều đang được cải tạo nhằm đáp ứng nhu cầu đô thị hóa và đi lại của người dân.

- Tổng chiều dài mạng lưới đường giao thông chính trên địa bàn đô thị Tịnh Biên (đường có chiều rộng phần xe chạy $\geq 7,5\text{m}$) là 124,55 km. Các tuyến đường giao thông trong khu dân có kết cấu mặt đường nhựa và cấp phối đảm bảo chất lượng an toàn giao thông và cảnh quan đô thị. Diện tích đất giao thông chính đô thị 1,14 km^2 ; mật độ đường chính là 5,18 km/km^2 .

b) Về cấp nước

Hiện tại đô thị Tịnh Biên đang được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước từ 12 nhà máy nước (NMN) và trạm cấp nước (TCN), với công suất hiện trạng như sau: NMN Nhà Bàng: công suất 4.405 m³/ngđ; NMN Xuân Tô: công suất 2.589 m³/ngđ; NMN An Phú: công suất 1.655 m³/ngđ; NMN Chi Lăng: công suất 1.407 m³/ngđ; NMN Núi Cấm: công suất 3.741 m³/ngđ; TCN An Cư: công suất 874 m³/ngđ; TCN Núi Voi: công suất 1.144 m³/ngđ; TCN Xuân Bình: công suất 761 m³/ngđ; TCN An Phú 2: công suất 2.500 m³/ngđ; TCN Nhơn Hưng: công suất 453 m³/ngđ; TCN Phước Điền: công suất 446 m³/ngđ; TCN Tân Lập: công suất 450 m³/ngđ; TCN Văn Trà: công suất 350 m³/ngđ. Tổng công suất cấp nước cho đô thị Tịnh Biên từ các nhà máy nước và trạm cấp nước là 20.775 m³/ngđ.

Các nhà máy nước, trạm cấp nước sử dụng nguồn nước thô từ kênh Vĩnh Tế, kênh Trà Sư và các hồ nước ngọt trong khu vực. Các mạng cấp nước hiện nay chỉ cung ứng cục bộ theo phạm vi phục vụ của trạm và chưa hòa mạng thống nhất cho toàn huyện Tịnh Biên.

Mạng lưới đường ống cấp nước trên địa bàn đô thị Tịnh Biên có đường kính từ dưới D100 và D100÷D250 với tổng chiều dài khoảng 274,40 km. Tỷ lệ cung cấp nước sạch từ nhà máy trên địa bàn khu vực nội thị phục vụ các hộ dân là 99,84%, ở khu vực ngoại thị là 93,34% và toàn huyện Tịnh Biên là 97,61%, tỷ lệ thất thoát nước là 19,44%.

c) Về cấp điện và chiếu sáng công cộng

- Cấp điện:

Đô thị Tịnh Biên sử dụng lưới điện quốc gia thông qua trạm biến áp 110/22kV Châu Đốc công suất 40+25MVA. Trục tiếp cấp điện qua trạm trung gian 35/22kV Tịnh Biên 2x6,3MVA. Trong ranh giới huyện có 02 tuyến 220kV và 01 tuyến 110kV chạy qua. Toàn bộ lưới điện trung áp là lưới điện trên không, vận hành theo chế độ trung tính nối đất trực tiếp, thuộc hệ 3 pha 4 dây.

Hiện nay trong ranh giới thiết kế có 04 đường 22kV chạy qua đều xuất tuyến từ trạm trung gian 35/22kV Tịnh Biên, có 281 trạm biến áp 22/0,4kV chủ yếu là trạm treo trên cột 1 pha có công suất nhỏ, tất cả đều được đấu rẽ nhánh.

Nguồn điện cung cấp cho khu vực nội thị tương đối đảm bảo, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của người dân đô thị Tịnh Biên. Thời gian cung cấp điện đảm bảo, 100% các hộ dân sử dụng lưới điện quốc gia.

Hệ thống điện chiếu sáng đã được quan tâm và đầu tư trong những năm qua. Hệ thống đèn trang trí tại các giao lộ chính và các khu cây xanh công cộng trong đô thị đã và đang được triển khai, góp phần tạo cảnh quan chung cho đô thị.

- Chiếu sáng công cộng:

Hệ thống chiếu sáng đô thị đã được quan tâm và đầu tư xây dựng hoàn chỉnh. Các tuyến đường trung tâm, các tuyến đường chính đô thị, các giao lộ chính và khu

cây xanh công cộng trong đô thị đều được chiếu sáng, đường ngõ xóm cũng có hệ thống điện chiếu sáng do dân tự quản, góp phần tạo cảnh quan chung cho đô thị.

Tổng chiều dài đường phố chính là 124,55 km thì toàn bộ 124,55 km đường đã có điện chiếu sáng. Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 100%. Tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng đạt 60,05%. Các công viên, vườn hoa 100% được chiếu sáng.

d) Về thông tin và bưu điện

Hiện nay tỷ lệ bình quân hộ sử dụng điện thoại và điện thoại di động của đô thị đạt khá cao. 100% các khu vực trên địa bàn đô thị đã được phủ sóng thông tin di động. Tổng số thuê bao internet khu vực nội thị huyện Tịnh Biên đạt 26.115 thuê bao, tỷ lệ thuê bao Internet trên 100 dân đạt mức cao khoảng 31,8 thuê bao/100 dân.

e) Truyền thanh, truyền hình.

Hệ thống truyền thanh, truyền hình đã được xây dựng, sửa chữa, nâng cấp bảo đảm cung cấp kịp thời những thông tin kinh tế - xã hội, chủ trương đường lối, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của huyện và tỉnh.

f) Về thoát nước và xử lý nước thải

Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

Hệ thống thoát nước trên địa bàn huyện Tịnh Biên là hệ thống thoát nước chung nước mưa và nước thải sinh hoạt. Chủ yếu tập trung trong khu vực trung tâm các thị trấn, một số khu vực dân cư tập trung, sau đó xả ra kênh, rạch. Kết cấu là mương xây đầy nắp đan thoát chung cho nước mưa và nước thải sinh hoạt, kích thước từ B400 x 600 - B600 x 800 mm. Tổng chiều dài cống thoát nước chính là 105,88 km, mật độ cống thoát nước chính đạt 4,40 km/km². Nước thải sinh hoạt hiện được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trong các hộ dân cư, cơ quan và công trình công cộng. Tỷ lệ xử lý nước thải sinh hoạt đạt trên 20%.

Các khu vực mới xây dựng đều đã xây dựng hệ thống cống riêng thoát nước mưa. Nước thải của các nhà máy công nghiệp được xử lý theo quy định sau đó xả ra hệ thống mương thoát nước ngoài nhà máy. Tỷ lệ các cơ sở sản xuất mới có trạm xử lý nước thải đạt 100%.

Thu gom và xử lý chất thải rắn (CTR)

Hiện nay trên địa bàn huyện Tịnh Biên sử dụng chung bãi rác của huyện đặt tại xã An Cư với diện tích khoảng 3,45 ha. Tất cả lượng rác thải được thu gom đều mang về bãi rác tập trung này. Sau đó chôn lấp và tiêu hủy, dùng hóa chất để diệt côn trùng, ruồi nhặng. CTR của các hộ gia đình nằm sâu trong các ngõ xóm, người dân tự xử lý bằng cách chôn lấp trong vườn nhà hoặc đốt.

Huyện đã xây dựng thí điểm nhà máy xử lý rác bằng công nghệ yếm khí tùy nghi A.B.T với công suất 5m³/ngđ tại địa bàn xã An Hảo với diện tích 8.102m².

Theo Quy hoạch chất thải rắn tỉnh An Giang thì bãi chôn lấp CTR đặt tại xã An Cư hiện đã quá tải sẽ đóng cửa để chuyển sang xử lý tại KXL chất thải rắn Kênh 10, diện tích KXL 18 ha, đặt tại phía Tây thành phố Châu Đốc (khu vực giáp ranh

với đô thị Tịnh Biên). Khi hoàn thành sẽ xử lý toàn bộ lượng CTR công nghiệp, CTR nguy hại của thành phố Châu Đốc và đô thị Tịnh Biên (tỷ lệ CTR chôn lấp đạt thấp hơn 10% khối lượng thu gom).

Nghĩa trang, nhà tang lễ

Trên địa bàn Tịnh Biên có tổng số 12 khu đất nghĩa trang, nghĩa địa với tổng diện tích 30,22 ha. Các nghĩa trang công giáo và nghĩa trang nhân dân khác có quy mô nhỏ lẻ, nằm rải rác trên địa bàn các xã thị trấn. Người dân trên địa bàn đô thị Tịnh Biên sau khi mất một phần được đưa đi hỏa táng tại các cơ sở hỏa táng đặt tại các chùa Khmer, xu hướng sử dụng hình thức hỏa táng tăng dần lên trong thời gian gần đây.

g) Về công viên cây xanh

Hệ thống công viên, cây xanh đô thị đã được huyện tập trung đầu tư phát triển, cùng với việc nâng cấp và chỉnh trang đô thị. Khu vực nội thị huyện có 9 công viên, vườn hoa: công viên Nhà Bàng, công viên Mũi tàu nhỏ, công viên Mũi tàu lớn, công viên số 10, công viên khu hành chính, công viên phía trước huyện ủy - hội trường - UBND, công viên Minh Nguyệt, công viên Quảng Trường và công viên Bản đồ Việt Nam.

Ngoài ra còn có một số không gian cây xanh, thảm cỏ dải phân cách lớn của một số tuyến đường lớn. Tổng diện tích đất cây xanh toàn đô thị là 124,26 ha, trong đó diện tích cây xanh khu vực nội thị là 103,06 ha. Chỉ tiêu đất cây xanh toàn đô thị là 8,56 m²/người và chỉ tiêu đất cây xanh khu vực nội thị là 10,56 m²/người.

VII. AN NINH - QUỐC PHÒNG

Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn huyện Tịnh Biên tiếp tục ổn định. Pháp luật hình sự và tệ nạn xã hội cơ bản được kiểm soát. Trật tự an toàn xã hội được đảm bảo và có bước tiến bộ. Các lực lượng vũ trang đã chú trọng tổ chức triển khai các chủ trương của Đảng và Nhà nước về an ninh quốc phòng, "phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc", chủ động trong việc bảo vệ, phòng ngừa, phòng chống có hiệu quả mọi dấu hiệu phá hoại, tuyên truyền chiến tranh tâm lý "diễn biến hòa bình". Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 08/BCT về Chiến lược bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới. Đến cuối năm 2021, trên địa bàn có 100% ấp khóm đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự. Địa phương được đánh giá là đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Về trật tự an toàn xã hội: tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 09/CP, chương trình quốc gia phòng chống tội phạm và chương trình chống ma túy, kiểm chế phạm pháp hình sự và tệ nạn xã hội. Nhìn chung, tội phạm hình sự, trọng án, vi phạm hành chính, tệ nạn xã hội hàng năm đều giảm, tai nạn giao thông được kiểm chế.

Về quân sự địa phương: lực lượng vũ trang địa phương thường xuyên được quan tâm củng cố, kiện toàn, luôn sẵn sàng chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Công tác gọi công dân nhập ngũ luôn đạt chỉ tiêu, công tác tuyển sinh được quan tâm. Công tác huấn luyện, diễn tập, giáo dục, bồi dưỡng kiến

thức quốc phòng, an ninh, tuyên truyền bảo vệ chủ quyền biên giới đạt kết quả tốt, góp phần nâng cao chất lượng xây dựng khu vực phòng thủ, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Thực hiện tốt việc kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh.

VIII. TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CÔNG CHỨC

1. Huyện ủy Tịnh Biên

a) Thường trực Huyện ủy gồm 03 người: Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy; Phó Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện;

b) Các cơ quan thuộc Huyện ủy:

Văn phòng Huyện ủy, Ban Tổ chức Huyện ủy, Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Ban Dân vận Huyện ủy, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện.

2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện

a) Tổ chức Đảng: có 62 tổ chức đảng trực thuộc Huyện ủy, trong đó có 17 Đảng bộ, 45 Chi bộ; toàn huyện có 4.374 đảng viên; Ban Chấp hành Đảng bộ huyện ủy có 42 đồng chí, Ban Thường vụ Huyện ủy có 13 đồng chí.

b) Hội đồng nhân dân huyện có 40 đại biểu, Thường trực Hội đồng nhân dân huyện có Chủ tịch, Phó Chủ tịch; các Ban của Hội đồng nhân dân huyện có Ban Kinh tế - Xã hội và Ban Pháp chế.

c) Ủy ban nhân dân huyện có 13 phòng, ban chuyên môn với 117 biên chế (công chức: 110; hợp đồng theo Nghị định 68: 07), trong đó: nam 71 người, nữ 37 người, dân tộc thiểu số 04 người; Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên 107 người (chiếm 97,30 %), trung cấp 02 người (chiếm 0,01%), sơ cấp 0 người (chiếm 0%); Lý luận chính trị: cao cấp 27 người (chiếm 27%), trung cấp 56 người (chiếm 56%).

3. Cán bộ, công chức cấp xã

a) Tổ chức đảng: Có 14 Đảng ủy xã, thị trấn

b) HĐND xã, thị trấn: Gồm 14 HĐND xã, thị trấn với tổng số 345 đại biểu.

c) Cán bộ công chức cấp xã: 307 người, trong đó: nam 214 người, nữ 93 người; dân tộc thiểu số 15 người; Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên 265 người (chiếm 86,40%), cao đẳng: 05 người (chiếm 1,60%), trung cấp: 33 người (chiếm 10,70%), chưa qua đào tạo: 04 người (chiếm 1,30%); Lý luận chính trị: cao cấp 31 người (chiếm 10,50%), trung cấp 230 người (chiếm 78,50%), sơ cấp 32 người (chiếm 11,00%).

d) Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã đã bố trí là 190 người.

đ) Những người hoạt động không chuyên trách cấp thôn đã bố trí là 180 người.

IX. ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP THỊ XÃ TỊNH BIÊN THUỘC TỈNH AN GIANG

Thành lập thị xã Tịnh Biên thuộc tỉnh An Giang đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 2, Điều 128 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, cụ thể:

1. Phù hợp với các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, gồm:

Phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030 tại Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đến 2020 tại Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 27 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình phát triển đô thị tỉnh An Giang giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 3777/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh An Giang; Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tịnh Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 1114/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh An Giang; Quy hoạch chung đô thị Tịnh Biên, tỉnh An Giang đến năm 2035 tại Quyết định số 3844/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh An Giang.

2. Bảo đảm lợi ích chung của quốc gia, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền địa phương các cấp của tỉnh; phát huy tiềm năng, lợi thế sẵn có nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện nói riêng và tỉnh nói chung.

3. Việc thành lập bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội khu vực biên giới thuộc tỉnh An Giang. Theo đó, thành lập thị xã và 07 phường là điều kiện để nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có công tác an ninh trật tự, an toàn xã hội.

4. Tạo tiền đề pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với quá trình đô thị hóa đang diễn ra nhanh chóng trên địa bàn; bảo đảm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước của chính quyền địa phương các đơn vị hành chính sau khi thành lập.

5. Việc thành lập các phường sẽ tạo điều kiện khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế của các đơn vị như: hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội sẽ được tiếp tục quan tâm đầu tư đồng bộ nhất là hệ thống các công trình hạ tầng đô thị, giao thông, y tế, giáo dục, các thiết chế văn hoá,... Từ đó, nhân dân sẽ được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ văn hoá, giáo dục, chăm sóc sức khỏe,... với điều kiện thuận lợi hơn, chất lượng tốt hơn. Cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nhiều dự án hợp tác về kinh tế của các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp sẽ tạo ra nhiều cơ hội giải quyết việc làm cho người dân, góp phần nâng cao thu nhập, nâng cao mức sống và được nhân dân toàn huyện đồng tình ủng hộ.

IX. ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP THỊ XÃ

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 13 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; xem xét tổng

quan, huyện Tịnh Biên đã có những bước phát triển mạnh mẽ, về cơ bản hội đủ các tiêu chí, tiêu chuẩn của thị xã trực thuộc tỉnh, cụ thể như sau:

1. Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

a) Quy định là từ 100.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Tổng dân số huyện Tịnh Biên năm 2021 là 143.098 người. Trong đó: Dân số khu vực nội thị là 97.562 người, dân số khu vực ngoại thị là 45.536 người.

Đánh giá: Đạt

2. Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

a) Quy định là từ 200 km² trở lên.

b) Hiện trạng: Tổng diện tích tự nhiên huyện Tịnh Biên theo kết quả Thống kê đất đai năm 2021 là 354,59 km².

Đánh giá: Đạt

3. Tiêu chuẩn 3: Số đơn vị hành chính trực thuộc

a) Số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc:

- Quy định từ 10 đơn vị trở lên.

- Hiện trạng: huyện Tịnh Biên có 14 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, gồm: thị trấn Tịnh Biên, thị trấn Nhà Bàng, thị trấn Chi Lăng và 11 xã: An Phú, Thới Sơn, Núi Voi, Nhơn Hưng, Văn Giáo, Vĩnh Trung, An Cư, An Hảo, An Nông, Tân Lập và Tân Lợi.

Đánh giá: Đạt

b) Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã:

- Quy định là từ 50% trở lên.

- Hiện trạng: huyện Tịnh Biên dự kiến thành lập 07 phường/14 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại IV gồm: Tịnh Biên, Nhà Bàng, Chi Lăng, An Phú, Thới Sơn, Núi Voi và Nhơn Hưng. Như vậy, tỷ lệ số phường của thị xã Tịnh Biên là 50%.

Đánh giá: Đạt

4. Tiêu chuẩn 4: Đã được công nhận là đô thị loại IV

Huyện Tịnh Biên đã được công nhận là đô thị loại IV tại Quyết định số 985/QĐ-BXD ngày 06/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công nhận đô thị Tịnh Biên mở rộng, tỉnh An Giang đạt tiêu chí đô thị loại IV. Trong đó xác định đô thị Tịnh Biên mở rộng, tỉnh An Giang gồm 14 đơn vị hành chính cấp xã của huyện Tịnh Biên.

Đánh giá: Đạt

5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Cân đối thu chi ngân sách:

- Quy định: Cân đối thu, chi là cân đối đủ

- Hiện trạng: Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện Tịnh Biên năm 2021 đạt 792,28 tỷ đồng. Chi ngân sách đạt 688,28 tỷ đồng. Cân đối thu, chi: Dư.

Đánh giá: Đạt

b) Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước:

- Quy định: bằng 0,7 lần so với bình quân chung của cả nước.

- Hiện trạng: Năm 2021, thu nhập bình quân đầu người huyện Tịnh biên đạt 54,72 triệu đồng/người/năm; thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam năm 2021 khoảng 68,4 triệu đồng/người/năm. Như vậy, thu nhập bình quân đầu người của huyện Tịnh Biên bằng 0,8 lần so với bình quân chung của cả nước.

Đánh giá: Đạt

c) Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất:

- Quy định: Đạt bình quân 3 năm (2019 - 2021) của tỉnh An Giang là 4,62%. Trong đó: năm 2019 đạt 6,27%; năm 2020 đạt 5,45%; năm 2021 đạt 2,15%.

- Hiện trạng: Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm (2019 - 2021) của huyện Tịnh Biên là 12,96%/năm. Trong đó: năm 2019 đạt 13,24%; năm 2020 đạt 13,05%; năm 2021 đạt 12,59%.

Đánh giá: Đạt.

d) Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất (2018, 2019, 2020):

- Quy định: Đạt bình quân 3 năm (2019 - 2021) của tỉnh An Giang là 1,80%.

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm (2019 - 2021) của huyện Tịnh Biên là 1,66% (trong đó: năm 2019 là 2,26%; năm 2020 là 1,65%; năm 2021 là 1,07%)

Đánh giá: Đạt.

đ) Tỷ trọng công nghiệp xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế:

- Quy định: Từ 75% trở lên

- Hiện trạng: Năm 2021, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của huyện Tịnh Biên đạt 75,54%. Trong đó, tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng đạt 13,86%, ngành thương mại - dịch vụ đạt 61,68%.

Đánh giá: Đạt

e) Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn thị xã:

- Quy định: Từ 75% trở lên

- Hiện trạng: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp năm 2021 của toàn huyện Tịnh Biên là 76,49%, trong đó tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị là 87,65%.

Đánh giá: Đạt.

Đánh giá chung: huyện Tịnh Biên đạt 5/5 tiêu chuẩn của thị xã trực thuộc tỉnh quy định trong Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 13 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

B. HIỆN TRẠNG CÁC XÃ, THỊ TRẤN DỰ KIẾN THÀNH LẬP PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

I. HIỆN TRẠNG THỊ TRẤN TỊNH BIÊN

1. Lịch sử hình thành

Dưới thời vua Gia Long (1802 - 1820), thị trấn Tịnh Biên ngày nay có tên gọi là An Thạnh điểm (nhỏ hơn thôn) thuộc huyện Vĩnh Định, trấn Vĩnh Thanh. Năm 1824, sau khi kênh Vĩnh Tế đào xong, triều Nguyễn khuyến khích dân tứ xứ đến khai hoang lập thôn ấp dọc hai bờ kênh Vĩnh Tế và nhiều thôn ấp mới đã ra đời, vùng đất thị trấn Tịnh Biên ngày nay thuộc thôn An Thạnh, huyện Vĩnh Định, trấn Vĩnh Thanh.

Năm 1832, vua Minh Mạng đổi trấn thành tỉnh. Nam kỳ được chia thành 06 tỉnh, vùng đất thị trấn Tịnh Biên ngày nay thuộc thôn An Thạnh, tổng Châu Phú, huyện Tây Xuyên, phủ Tuy Biên, tỉnh An Giang.

Năm 1839, vua Minh Mạng cho lập phủ Tĩnh Biên gồm hai huyện Hà Dương và Hà Âm, vùng đất thị trấn Tịnh Biên ngày nay thuộc thôn An Thạnh, huyện Hà Dương phủ Tĩnh Biên, tỉnh Hà Tiên. Năm 1842, vua Thiệu Trị tách phủ Tĩnh Biên cùng huyện Hà Dương thuộc tỉnh An Giang. Năm 1850, vua Tự Đức bỏ phủ Tĩnh Biên, nhập hai huyện Hà Âm và Hà Dương vào phủ Tuy Biên. Vùng đất thị trấn Tịnh Biên ngày nay thuộc thôn An Thạnh, huyện Hà Dương, phủ Tuy Biên, tỉnh An Giang. Huyện trị Hà Dương đặt tại thôn An Thạnh (thị trấn Tịnh Biên ngày nay).

Năm 1868, sau khi chiếm xong Nam kỳ, thực dân Pháp tiến hành thiết lập các đơn vị hành chính mới. Ngày 05/01/1876, Pháp bỏ Nam kỳ lục tỉnh, chia thành 4 khu vực: Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long và Bassac. Vùng đất thị trấn Tịnh biên ngày nay nằm trên hai làng Xuân Tô và An Thạnh, hạt Châu Đốc, khu vực Bassac. Ngày 01/1/1900, Toàn quyền Paul Doumer áp dụng Nghị định 20/12/1899, đổi hạt thành tỉnh, thị trấn Tịnh Biên ngày nay thuộc hai làng Xuân Tô (tổng Thành Ý) và An Thạnh (tổng Quy Đức), tỉnh Châu Đốc.

Năm 1903, tỉnh Châu Đốc có 3 quận Tân Châu, Tri Tôn, Tịnh Biên. Thị trấn Tịnh Biên ngày nay nằm trên hai làng Xuân Tô (thuộc tổng Thành Ý, quận Tri Tôn) và làng An Thạnh (thuộc tổng Quy Đức, quận Tịnh Biên), tỉnh Châu Đốc. Ngày 20/10/1925, Pháp nhập hai làng An Thạnh và Phú Thạnh thành làng An Phú. Vùng đất thị trấn Tịnh Biên ngày nay nằm trên hai làng Xuân Tô (thuộc tổng Thành Ý, quận Tri Tôn) và một phần làng An Phú (thuộc tổng Quy Đức, quận Tịnh Biên), tỉnh Châu Đốc.

Dưới thời chính quyền Sài Gòn, ngày 22/10/1956, tỉnh An Giang được thành lập trên cơ sở hợp nhất hai tỉnh Châu Đốc và Long Xuyên, đổi làng thành xã. Thị trấn Tịnh Biên ngày nay nằm trên xã Xuân Tô và một phần xã An Phú thuộc tổng

Quy Đức, quận Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Ngày 08/9/1964, địa bàn thị trấn ngày nay thuộc huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Ngày 11/3/1977, hai huyện Tịnh Biên và Tri Tôn được hợp nhất thành huyện Bảy Núi theo Quyết định 56/CP của Hội đồng Chính phủ. Địa bàn thị trấn Tịnh Biên ngày nay thuộc xã Xuân Tô, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang.

Ngày 25/4/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 181/CT về việc điều chỉnh một số xã trong huyện. Bấy giờ xã Xuân Tô (thị trấn Tịnh Biên ngày nay) có 04 ấp: Xuân Hòa, Xuân Hiệp, Xuân Bình và Xuân Phú.

Ngày 23/8/1979, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 300/CP, huyện Bảy Núi được chia thành hai huyện Tri Tôn và Tịnh Biên. Thị trấn Tịnh Biên ngày nay thuộc xã Xuân Tô, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Ngày 12/4/2005, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị định số 52/2005/NĐ-CP thành lập thị trấn Tịnh Biên thuộc huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Xuân Tô. Ngày 19/7/2005, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quyết định số 2031/QĐ-CT.UBND về việc đổi tên ấp thành khóm thuộc thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên. Thị trấn Tịnh Biên bao gồm 05 khóm: Xuân Hòa, Xuân Biên, Xuân Hiệp, Xuân Bình, Xuân Phú và tồn tại cho đến ngày nay.

2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

a) Vị trí địa lý

Tịnh Biên là thị trấn biên giới nằm ở phía Tây bắc của huyện Tịnh Biên, là trung tâm huyện lỵ, kinh tế, tài chính, thương mại, dịch vụ của huyện.

b) Địa giới hành chính

- Phía Bắc và phía Đông giáp xã An Phú;
- Phía Nam giáp xã An Nông và xã An Cư;
- Phía Tây giáp Vương quốc Campuchia.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Thị trấn Tịnh Biên có tổng diện tích tự nhiên là 2.178,42 ha (tương đương 21,78 km²) (theo kết quả Thống kê đất đai năm 2021).

Trong đó:

a) Đất phi nông nghiệp là 481,70 ha, bao gồm:

- Đất xây dựng trụ sở là 8,62 ha.
- Đất ở là 122,22 ha.
- Đất quốc phòng là 48,78 ha.
- Đất an ninh là 0,22 ha.
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp là 7,66 ha.

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp là 86,29 ha.
 - Đất có mục đích công cộng là 152,18 ha.
 - Đất cơ sở tôn giáo là 7,37 ha.
 - Đất cơ sở tín ngưỡng là 2,11 ha.
 - Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ là 1,78 ha.
 - Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 44,46 ha.
- b) Đất nông nghiệp là 1.696,72 ha.

4. Dân số, lao động

- a) Thị trấn Tịnh Biên có quy mô dân số năm 2021 là 16.971 người. Trong đó:
- Dân số thường trú là 14.169 người.
 - Dân số tạm trú quy đổi là 2.802 người.

Thành phần dân cư chủ yếu là người Kinh. Ngoài ra, trên địa bàn thị trấn còn có một bộ phận người Khmer và Hoa.

- b) Lao động của thị trấn Tịnh Biên có 11.527 người. Trong đó:
- Lao động nông nghiệp là 1.190 người, chiếm 10,32%.
 - Lao động phi nông nghiệp là 10.337 người, chiếm 89,68%.

c) Thị trấn Tịnh Biên có 05 khóm, gồm: khóm Xuân Hòa, khóm Xuân Bình, khóm Xuân Biên, khóm Xuân Phú và khóm Xuân Hiệp.

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

Nằm ở phía Tây bắc của huyện Tịnh Biên, thị trấn Tịnh Biên là đầu mối giao lưu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện với cửa khẩu Quốc tế Tịnh Biên; có hệ thống cơ sở hạ tầng được đầu tư hoàn chỉnh, vị trí địa lý thuận lợi, tiềm năng đất đai, nguồn lao động trẻ, dồi dào là điều kiện tốt để thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển. Thời gian qua, thị trấn Tịnh Biên đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật và được coi là bước đột phá nhất trong lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ tăng nhanh và giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế của thị trấn. Số doanh nghiệp, hộ tư nhân đăng ký sản xuất, kinh doanh các ngành nghề và buôn bán dịch vụ trên địa bàn ngày càng tăng cao.

a) Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Năm 2021, mặc dù chịu tác động tiêu cực của dịch Covid-19 đến mọi mặt của đời sống xã hội, dịch tả lợn, dịch lở mồm long móng tái phát,... Tuy nhiên, với nỗ lực lớn, quyết tâm cao vượt qua mọi khó khăn, thách thức để tập trung phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm công tác phòng chống dịch bệnh. Thị trấn Tịnh biên đã xác định rõ trách nhiệm, mục tiêu và quyết tâm hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế đề ra. Kinh tế năm 2021 tiếp tục đạt mức tăng trưởng cao, tổng giá trị sản xuất đạt 842,40 tỷ đồng, tăng 12,11% so với năm 2020. Trong đó, giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ đạt 457,80 tỷ đồng, tăng 17,80%; công nghiệp - xây dựng đạt 132,20 tỷ đồng,

tăng 15,74%; nông - lâm - ngư nghiệp đạt 252,40 tỷ đồng, tăng 10,60% so với năm 2020. Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2019 - 2021 đạt 13,52%, trong đó năm 2019 tăng 12,80%, năm 2020 tăng 14,56%, năm 2021 tăng 13,20%.

b) Cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế của thị trấn Tịnh Biên chuyển dịch tích cực theo hướng tăng nhanh tỷ trọng thương mại - dịch vụ, công nghiệp - xây dựng và giảm tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp. Năm 2021, thị trấn Tịnh Biên có cơ cấu kinh tế như sau: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 63,81%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 13,58% và khu vực nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 22,61%.

c) Phát triển ngành, lĩnh vực

- Thương mại - dịch vụ:

Ngành thương mại - dịch vụ của thị trấn không ngừng tăng trưởng và ngày càng đa dạng các loại hình dịch vụ, đáp ứng ngày càng tốt cho đời sống nhân dân tại địa phương và du khách đến địa bàn. Lợi thế kinh tế biên giới với cửa khẩu Quốc tế Tịnh Biên tiếp tục được phát huy và đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của thị trấn.

Năm 2021, giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ đạt 457,80 tỷ đồng, tăng 17,80% so với năm 2020, chiếm 63,81% trong cơ cấu kinh tế của thị trấn. Hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa, tham quan tại chợ cửa khẩu Quốc tế Tịnh Biên đóng vai trò chủ đạo trong phát triển kinh tế - xã hội của thị trấn. Sau thời gian thực hiện giãn cách xã hội, do là địa bàn trung tâm kinh tế, chính trị, xã hội, đầu mối các hoạt động dịch vụ, thương mại của huyện Tịnh Biên nên các hoạt động thương mại, dịch vụ đã nhanh chóng phục hồi trở lại. Thị trường hàng hóa và dịch vụ sôi động, sức mua hàng hóa tăng mạnh, lượng khách tham quan mua sắm tại chợ cửa khẩu được phục hồi tạo động lực mạnh mẽ phát triển ngành thương mại - dịch vụ. Địa bàn thị trấn có 899 hộ kinh doanh cá thể, 03 chợ (chợ Tịnh Biên, chợ tươi sống và chợ cửa khẩu Quốc tế Tịnh Biên), 01 bến xe (bến xe Xuân Tô) kết hợp trung tâm dịch vụ, văn phòng cho thuê, 06 tổ chức tín dụng, ngân hàng, mạng viễn thông phủ khắp các địa bàn dân cư và nhiều doanh nghiệp đang hoạt động ổn định, hàng trăm cửa hàng, cửa hiệu đã cho thấy sức hút và tiềm năng phát triển thương mại - dịch vụ của thị trấn Tịnh Biên nói riêng và huyện Tịnh Biên nói chung.

Xác định được tầm quan trọng của ngành thương mại - dịch vụ trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong những năm qua các cấp ủy Đảng, chính quyền thị trấn Tịnh Biên và các cấp, các ngành luôn chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng, tạo cơ chế thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài vùng vào đầu tư sản xuất kinh doanh, chú trọng tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, tuyên truyền vận động người dân trên địa bàn nhằm nâng cao ý thức trong các hoạt động thương mại - dịch vụ, hướng đến văn minh đô thị.

- Công nghiệp - xây dựng

Đi đôi với ngành thương mại - dịch vụ, trong những năm qua ngành công nghiệp - xây dựng tại thị trấn Tịnh Biên có những bước đột phá mạnh mẽ, góp phần

quan trọng vào sự phát triển chung của thị trấn. Năm 2021, giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng của thị trấn đạt 132,20 tỷ đồng, tăng 15,74% so với năm 2020 và chiếm 13,58% trong cơ cấu kinh tế.

Các cơ sở sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm, sản phẩm gia dụng và các cơ sở may trên địa bàn đa số được áp dụng máy móc và kỹ thuật của công nghiệp ở một số công đoạn trong quá trình sản xuất. Phối hợp cùng NHCSXH huyện thẩm định 02 cơ sở may gia công có nhu cầu mở rộng và đã giới thiệu vay vốn 200 triệu đồng/01 cơ sở.

Trong năm 2021, thị trấn đã được trên đầu tư sửa chữa, cải tạo Đình An Nông trị giá 700 triệu đồng, vốn từ ngân sách của tỉnh; xây dựng Công viên đường số 11; lát gạch vỉa hè đoạn từ cầu Sập đến ngã tư khối Phòng, Ban huyện; đồng thời triển khai thi công hệ thống cống thoát nước dọc quốc lộ 91 đoạn từ Ban CHQS huyện đến giáp ranh xã An Phú. Vận động bê tông hóa đường nội bộ với chiều dài 300m. Kết hợp phòng Kinh tế - Hạ tầng định vị 75 trường hợp xin xây dựng nhà ở riêng lẻ; xác nhận nhà ở hợp pháp 47 trường hợp phục vụ lắp đặt điện, nước sinh hoạt và tách hộ khẩu; kết hợp cùng các khóm khảo sát 18 hộ xin sửa chữa nhà theo hiện trạng trên hành lang kênh Vĩnh Tế. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện xây dựng nhà theo Quyết định 22, trong năm đã hoàn thành và đưa vào sử dụng 12 căn. Thực hiện cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được 56 hồ sơ; các khu đất công do UBND thị trấn quản lý có 21 khu, trong đó chuẩn bị đo đạc 9 khu.

- Nông - lâm nghiệp - ngư nghiệp

Trong những năm qua, quá trình đô thị hóa tại thị trấn Tịnh Biên nói riêng và huyện Tịnh Biên nói chung diễn ra với tốc độ cao, tỷ trọng ngành nông - lâm - ngư nghiệp ngày càng giảm trong cơ cấu kinh tế. Tuy nhiên, ngành vẫn đóng vai trò rất quan trọng đối với địa phương, là nguồn nguyên liệu đầu vào cho các ngành khác. Sự tiến bộ không ngừng của khoa học kỹ thuật góp phần ngày một nâng cao giá trị của ngành.

Năm 2021, tuy chịu tác động tiêu cực của dịch Covid-19, dịch tả lợn, dịch lở mồm long móng tái phát nhưng với nỗ lực lớn, quyết tâm cao vượt qua mọi khó khăn, thách thức, dưới sự chỉ đạo các cấp ủy Đảng, chính quyền, ngành nông - lâm - ngư nghiệp vẫn đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp của thị trấn Tịnh Biên đạt 252,40 tỷ đồng, tăng 10,60% so với năm 2020, chiếm 22,61% trong cơ cấu kinh tế của thị trấn.

Trồng trọt:

Năm 2021, tổng diện tích lúa xuống giống là 1.672,5 ha, đạt 100% đúng lịch thời vụ, đến nay đã thu hoạch dứt điểm; năng suất bình quân đạt 5,4 tấn/ha lúa khô, giá bán dao động từ 4.600 - 6.400 đ/kg. Đất ruộng trên xuống giống lúa được 191,5 ha; hoa màu 23,3 ha; khoai mỳ 33,4 ha. Về dịch hại như: chuột, ốc bươu vàng, sâu cuốn lá, rầy nâu, đạo ôn, lép hạt,... nhiễm nhẹ, mức thiệt hại không đáng kể. Nông dân áp dụng Chương trình “3 giảm 3 tăng” được trên 95%; “1 phải 5 giảm” trên 25%. Cơ cấu giống: giống IR 50404: 89%, giống OM 5451: 09%, giống khác: 02%.

Chuyển dịch sản xuất đất nông nghiệp từ trồng lúa kém hiệu quả sang cây trồng khác 37,330 ha, đạt tỷ lệ 124,33%.

Công tác khuyến nông: đã kết thúc được 02 lớp sản xuất lúa theo SRP. Diện tích nhân giống lúa cộng đồng là 78,5 ha (103 hộ); điều tra công nghệ trước thu hoạch: 14 máy gặt đập liên hợp, 35 máy cày, 02 máy cuộn rom.

Chăn nuôi:

Công tác tiêm phòng, vệ sinh chuồng trại luôn được đảm bảo. Trong năm 2021, tiêm phòng dịch tả heo tai xanh 150 con, cúm gia cầm 18.750 con, tiêm ngừa bệnh chó dại 185 con, tiêm phòng bệnh lở mồm long móng cho trâu, bò 600 con, tụ huyết trùng 200 con. Tổ chức phát thuốc tiêu độc được 03 đợt với số lượng 22 lít thuốc.

Lâm nghiệp:

Triển khai thực hiện tốt các phương án bảo vệ rừng, thường xuyên tổ chức lực lượng phối hợp tuần tra bảo vệ rừng, chống chặt phá rừng và thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy rừng theo Nghị định 133/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Trong năm 2021, phối hợp tuần tra được 11 cuộc có 55 lượt đồng chí tham gia; địa bàn xảy ra 02 vụ cháy, lực lượng tại chỗ đã kịp thời dập tắt không gây thiệt hại nhiều. Tổ chức trồng cây phân tán được 4.000 cây.

Ngư nghiệp:

Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn thị trấn Tịnh Biên là 8.000 m² (diện tích mặt nước: 6.000m²) với 01 hộ nuôi. Số lượng giống 1.000.000 con, sản lượng thu hoạch 50 tấn với giá bán 18.000 đ/kg. Thường xuyên ra quân tuần tra, kiểm tra, cam kết không đánh bắt thủy sản trái phép bằng ngư cụ cấm và sử dụng lưới không đúng kích cỡ, đồng thời ngăn chặn không để xảy ra tình hình chất chà trên kênh Vĩnh Tế.

d) Thu chi ngân sách

Công tác thu ngân sách được tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quản lý và khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu. Tổng thu ngân sách trên địa bàn thị trấn năm 2021 đạt 17,443 tỷ đồng.

Chi ngân sách đã bám sát phân khai của huyện, Nghị quyết của HĐND thị trấn; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng chế độ, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tổng chi ngân sách năm 2021 của thị trấn đạt 17,166 tỷ đồng.

đ) Thu nhập bình quân đầu người đạt từ 60,33 triệu đồng năm 2019 tăng lên 65,29 triệu đồng/người/năm năm 2021. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn năm 2021 giảm còn 0,27%; bình quân giai đoạn 2019 - 2021 là 0,33%, thấp hơn bình quân chung của huyện Tịnh Biên.

6. Hiện trạng văn hóa, xã hội

a) Giáo dục

Công tác xã hội hóa giáo dục được quan tâm và trở thành phong trào sâu rộng trong nhân dân. Thường xuyên tăng cường cơ sở vật chất, tổ chức tốt hoạt động thi đua dạy và học, nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn. Chất lượng giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực, theo hướng thực chất.

Các trường hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2020 - 2021. Duy trì sĩ số học sinh ở các bậc học đạt từ 99 - 100%; chất lượng dạy và học không ngừng được nâng lên, tỷ lệ học sinh yếu, kém giảm; học sinh khá, giỏi và học sinh đạt giải ở các kỳ thi cấp huyện, cấp tỉnh được tăng lên so với hàng năm. Kết quả xếp loại các trường đều Hoàn thành tốt nhiệm vụ. Kết quả chung về công tác giáo dục của thị trấn đạt chỉ tiêu năm 2021 (tổng số điểm 89/100 điểm).

Năm học 2021 - 2022 đã triển khai thực hiện đúng theo kế hoạch như: thực hiện tốt tháng hành động vì sự nghiệp giáo dục năm 2021, vận động học sinh đến trường đạt 100% và vượt so với chỉ tiêu trên giao ở các bậc học Mầm non, Mẫu giáo, Tiểu học và THCS, tỷ lệ huy động học sinh ra lớp 3.124/3.071 học sinh.

Phối hợp cùng Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên tổ chức hướng nghiệp cho học sinh lớp 9, năm học 2020 - 2021, có 29 em tham gia. Phối hợp cùng Mặt trận, đoàn thể và Hội khuyến học vận động hỗ trợ công tác tổng kết năm học ở các trường được 30 triệu đồng; thực hiện tốt công tác tiếp sức mùa thi tuyển sinh lớp 10 và kỳ thi tốt nghiệp THPT Quốc gia năm 2021; vận động hỗ trợ học bổng cho học sinh THCS, THPT,... với tổng số tiền trên 200 triệu đồng; hỗ trợ 57 bộ sách giáo khoa cho học sinh Tiểu học, với số tiền trên 36 triệu đồng.

b) Y tế

Công tác y tế được đảm bảo; công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được quan tâm chỉ đạo; đáp ứng nhu cầu thực hiện các chương trình y tế quốc gia; đảm bảo công tác phòng, chống dịch bệnh và khám chữa bệnh.

Các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế được triển khai tốt, tổ chức các cuộc nói chuyện chuyên đề phòng, chống các bệnh truyền nhiễm như: tay chân miệng, sốt xuất huyết, dịch bệnh Covid-19 và HIV/AIDS ở các địa bàn dân cư được 24 cuộc, với 1.259 lượt người tham gia. Thực hiện tốt công khám, chữa bệnh cho nhân dân, tổng số lượt khám bệnh là 10.357 lượt người; khám y học cổ truyền 10.425 lượt người, bốc 72.797 thang thuốc nam. Bên cạnh đó, tổ chức khám sơ tuyển sức khỏe NVQS cho 47 thanh niên và khám sức khỏe cho 3.020 học sinh ở các điểm trường; cho trẻ uống Vitamin A được 660/660 trẻ, đạt 100%.

Tiêm ngừa phòng 08 bệnh truyền nhiễm cho 266 trẻ; tiêm phòng bệnh sởi - Rubella cho 986 trẻ trên 12 tháng đến 60 tháng tuổi và tiêm phòng ngừa bệnh Bạch hầu - uốn ván cho 326 học sinh lớp 2. Thực hiện tốt công tác truyền thông, tư vấn phụ nữ mang thai phòng ngừa lây truyền HIV từ mẹ sang con; thường xuyên giám sát chỉ số BI ở 05 khóm, nhằm đánh giá mật độ muỗi vằn trong cộng đồng trên 10%. Khảo sát tỷ lệ suy dinh dưỡng, cân nặng đạt 9,29%/9,30%, giảm còn 0,01%. Thê thấp còi đạt 12,7%/12,8% so với chỉ tiêu. Tình hình bệnh sốt xuất huyết xảy ra 07 ca giảm 165 ca so với năm 2020; tay chân miệng 07 ca, giảm 17 ca so với năm 2020;

bệnh nhân lao đang quản lý điều trị 24 ca; bệnh nhân HIV/AIDS đang quản lý 48 người trong đó nữ 28, nam 20.

Phối cùng các ngành tổ chức kiểm tra An toàn thực phẩm 111 cơ sở, kết quả có 03 cơ sở chưa đảm bảo an toàn thực phẩm; ra quân thực hiện các chiến dịch diệt lăng quăng, vệ sinh môi trường, có 485 người tham gia, nhằm đảm bảo cho phòng, chống dịch bệnh sốt xuất huyết.

Thực hiện chỉ tiêu BHYT, BHXH: vận động tham gia BHYT hộ gia đình và học sinh lũy kể đến tháng 10 được 6.761/6.659 thẻ, đạt tỷ lệ 101,53%; tỷ lệ bao phủ toàn dân được 9.786 thẻ, đạt tỷ lệ 69,46%. Vận động tham gia BHXH tự nguyện lũy kể đến tháng 10 được 141/126 người, đạt tỷ lệ 111,9%.

Năm 2021, thị trấn quyết liệt thực hiện các biện pháp chỉ đạo của các cấp, các ngành để phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn theo hướng chủ động, hiệu quả từ các khóm tới từng hộ gia đình trên địa bàn; thực hiện tốt công tác y tế dự phòng; chủ động phòng, chống, phát hiện và khống chế các loại dịch bệnh xảy ra.

c) Lĩnh vực văn hóa thông tin, thể dục thể thao

Tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền về tổ chức thực hiện có hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết của trung ương, của tỉnh, của huyện về nếp sống văn minh; tuyên truyền học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chuyên đề năm 2021. Làm tốt công tác quản lý di tích lịch sử văn hóa phù hợp với quy định của pháp luật và truyền thống văn hóa của địa phương. Công tác thông tin và truyền thông luôn bám sát các nhiệm vụ chính trị, đảm bảo tốt việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, các quy định của địa phương. Trong năm 2021, các phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng luôn được duy trì và tổ chức tốt. Tổ chức thành công Đại hội TDTT lần VIII và đạt được nhiều thành tích cao trong Đại hội TDTT huyện tổ chức.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, củng cố và nâng chất. Tính đến cuối năm 2021, thị trấn Tịnh Biên có 3.698/3.771 hộ được công nhận gia đình văn hóa, chiếm 98,06%, đạt 100,06% chỉ tiêu Nghị quyết; có 22 đơn vị được công nhận danh hiệu “khóm, ấp văn hóa”, “khóm, ấp sức khỏe”; 3.367/3.771 hộ được công nhận là gia đình sức khỏe; 03 cơ sở thờ tự được công nhận văn hóa, “cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp” đạt chuẩn văn hóa. Công tác thông tin tuyên truyền được đảm bảo truyền tải tất cả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến từng địa bàn dân cư, góp phần thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ.

Công tác quản lý các hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa và phòng chống các tệ nạn xã hội được duy trì thường xuyên, có hiệu quả. Năm 2021, thị trấn Tịnh Biên duy trì các hoạt động của Đội Kiểm tra liên ngành 178 thị trấn, thường xuyên tổ chức tuần tra, kiểm tra xử lý các cơ sở kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn. Qua đó đã phát hiện cho làm cam kết ngưng hoạt động đối với 23 cơ sở kinh doanh, dịch vụ game bắn cá, karaoke, cơ sở massage, trò chơi trẻ em; đồng thời ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 01 cơ sở với số tiền 4.000.000đ; nhắc nhở 03 hộ gia đình

hát karaoke gây tiếng ồn và 37 quán cà phê, ăn uống khi đang có dịch bệnh Covid-19. Quản lý, kiểm tra chặt chẽ hoạt động quảng cáo và việc chấp hành Luật quảng cáo của các công ty, doanh nghiệp, tổ chức ra quân dán 50 tờ tranh tuyên truyền về phòng, chống dịch bệnh Covid-19; dựng 01 bảng pa nô tuyên truyền phòng, chống ma túy. Đồng thời tháo dỡ 13 pano cũ rách, 215 tờ bướm, rao vặt và cho vay nặng lãi dán trên các trụ điện.

d) Thực hiện các chính sách an sinh xã hội

Công tác an sinh, phúc lợi xã hội được đảm bảo, triển khai đầy đủ, kịp thời và đúng đối tượng; thường xuyên quan tâm, thăm hỏi, chăm sóc các đối tượng người cao tuổi, người có công, người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người có hoàn cảnh khó khăn, nhất là các dịp lễ, tết; thực hiện tiếp nhận, giải quyết chế độ trợ cấp một lần, hỗ trợ kinh phí mai táng, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định. Tiếp tục kiểm tra, rà soát, lập hồ sơ các hộ người có công với cách mạng đủ điều kiện hỗ trợ về nhà ở trên địa bàn.

Năm 2021, thị trấn đã tiếp nhận và cấp phát quà Tết của Chủ tịch nước cho 168 đối tượng chính sách, tổng trị giá 34.000.000 đ. Thăm chúc tết, tặng quà cho gia đình chính sách, cán bộ lão thành cách mạng, các cụ hưu trí và các Tổ trưởng Tổ tự quản trên địa bàn thị trấn với tổng số tiền 50.050.000 đ. Vận động các nguồn quỹ xã hội từ thiện được 1.099.400.000 đ/500.000.000 đ, đạt tỷ lệ 219,88%; quỹ đền ơn đáp nghĩa 70.000.000 đ; quỹ an sinh xã hội 8.060.000 đ; quỹ hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 là 3.600.000 đ.

Làm hồ sơ mới cho người khuyết tật và người nuôi dưỡng người khuyết tật đặc biệt nặng được 29 đối tượng; báo giảm 31 đối tượng chính sách, bảo trợ xã hội từ trần và thôi hưởng; đồng thời hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị hưởng mai táng phí đúng theo quy định. Lập danh sách mua BHYT cho 01 đối tượng từ đầy, 29 đối tượng theo Quyết định 62 và 62 đối tượng bảo trợ xã hội, người cao tuổi; báo giảm BHYT đối với 51 trường hợp người cao tuổi, bảo trợ xã hội và 04 trường hợp vợ liệt sĩ tái giá. Cấp phát thẻ BHYT cho trẻ em từ 0 - 6 tuổi 187 thẻ, phối hợp với các khám sinh hoạt câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững và nhóm phòng, chống bạo lực gia đình được 15 cuộc. Phối hợp Phòng Lao động tổ chức tuyên truyền kiến thức bảo vệ, chăm sóc trẻ em và xâm hại tình dục được 01 cuộc.

Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo luôn được quan tâm. Hiện nay, hộ nghèo toàn thị trấn còn 10 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 0,27%; hộ cận nghèo còn 36 hộ, chiếm tỷ lệ 0,96%. Tổ chức cấp phát thẻ BHYT cho hộ nghèo, cận nghèo tổng số 280 thẻ; cấp phát hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, cận nghèo quý III, quý IV năm 2020 và Quý I, Quý II năm 2021 với tổng số tiền 19.960.000 đ. Hoàn thành công tác điều tra cung lao động 2021. Phối hợp cùng ngân hàng CSXH và các đoàn thể thực hiện tốt công tác quản lý vốn ủy thác kiểm tra đối chiếu nợ 100%, nhất là đối với các hộ có món vay 50.000.000 đ, hộ vay đến hạn, quá hạn và lãi tồn đọng; đồng thời bổ sung hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro đối với những hộ không có khả năng trả nợ.

Công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm: đã hoàn thành chương trình đào tạo nghề năm 2021, gồm 01 lớp may công nghiệp với 30 học viên. Xác nhận hồ sơ

giải quyết việc làm cho 871/350 trường hợp, đạt tỷ lệ 248,86%, trong đó lao động trong tỉnh 53 trường hợp, ngoài tỉnh 818 trường hợp.

đ) Công tác dân tộc, tôn giáo

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương. Tôn trọng và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Khmer; thực hiện tốt công tác chăm sóc các hộ dân tộc, nhất là các hộ dân tộc nghèo, khó khăn. Thông qua đó, góp phần tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động được nhiều nguồn lực chăm lo các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn.

7. Quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Công tác quân sự, quốc phòng được triển khai thực hiện đúng kế hoạch, duy trì lực lượng thực hiện nhiệm vụ phòng, chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn và phòng, chống cháy nổ, cháy rừng; theo dõi nắm chắc tình hình nội, ngoại biên kịp thời xử lý khi có tình huống xảy ra. Thực hiện nghiêm túc Quy chế phối hợp theo Nghị định số 133/2015/NĐ-CP của Chính phủ; trong năm đã phối hợp cùng các ngành, các lực lượng tuần tra trên tuyến biên giới và trong nội địa được 70 cuộc với 420 lượt đồng chí tham gia, đồng thời duy trì nghiêm các chốt trực trên tuyến biên giới.

Chăm lo củng cố, xây dựng lực lượng dân quân đảm bảo số lượng và đạt chất lượng; tổ chức biên chế đúng thành phần lực lượng theo quy định. Tổ chức tuyển chọn kết nạp vào 07 đội viên; tổ chức cho ra quân 14 đội viên. Hiện nay tổng lực lượng dân quân thị trấn là 144 đồng chí đạt 1,02% so với dân số; trong đó có 23 đảng viên, 63 đoàn viên. Thường xuyên khảo sát, phúc tra, nắm chắc số lượng quân nhân dự bị kịp thời báo cáo về trên điều chỉnh bổ sung đủ biên chế. Hoàn thành chương trình huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị cho lực lượng dân quân với tổng số 79 đồng chí, kết quả chung đạt loại khá. Lập danh sách 04 đồng chí đưa đi bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh đối tượng 4.

Hoàn thành tốt công tác tuyển quân năm 2021, kết quả giao quân 11/11 thanh niên đạt 100%. Bên cạnh đó, thực hiện tốt công tác bình nghị công khai và đưa thanh niên đi khám sức NVQS, chuẩn bị thực lực giao quân năm 2022.

Thực hiện tốt việc lập hồ sơ các đối tượng theo Quyết định số 62 và Quyết định số 49 của Thủ tướng Chính phủ. Tính đến nay, số hồ sơ được nhận tiền theo Quyết định 62 là 187/221 hồ sơ (chờ hưởng 21 hồ sơ, hồ sơ không đủ điều kiện hưởng 13 hồ sơ); số hồ sơ được nhận tiền theo Quyết định số 49 là 17/42 hồ sơ, (24 hồ sơ đang chờ hưởng, 01 hồ sơ không đủ điều kiện hưởng).

b) An ninh

Tình hình an ninh trật tự cơ bản ổn định, hoạt động của các đối tượng và trong dân tộc, tôn giáo chưa có vấn đề phức tạp xảy ra. Tuy nhiên, về phạm pháp hình sự,

trong năm xảy ra 01 vụ giết người. Phối hợp cùng các lực lượng và các đội nghiệp vụ công an huyện tổ chức tuần tra, kiểm soát; đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, đảm bảo trật tự an toàn giao thông,... Qua đó đã triệt xóa 09 tụ điểm đánh bạc, liên quan đến 36 đối tượng, đề nghị ra quyết định xử phạt hành chính 44.850.000 đ; phát hiện 01 trường hợp cho vay nặng lãi, đã tạm giữ 01 xe mô tô và tiền mặt 3.330.000 đ và tham mưu UBND huyện ra quyết định xử phạt hành chính 10.000.000 đ.

Tổ chức tuần tra chống buôn lậu được 90 cuộc với 360 lượt đồng chí tham gia. Kết quả phát hiện 01 trường hợp vận chuyển 500 bao thuốc lá ngoại, tiến hành lập biên bản tạm giữ tang vật và 01 xe mô tô, đã củng cố hồ sơ và chuyển giao đội CSKT Công an huyện xử lý. Phát hiện 06 thùng khẩu trang không rõ nguồn gốc, vụ việc giao 389 huyện xử lý, bên cạnh đó phát hiện và tạm giữ 02 xiệc điện vắng chủ.

Thường xuyên tổ chức kiểm tra các cơ sở kinh doanh, dịch vụ, game bắn cá trên địa bàn, qua đó phát hiện 02 trường hợp vi phạm và đã tham mưu Chủ tịch UBND thị trấn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 8.000.000 đ.

Tổ chức tuần tra đảm bảo trật tự ATGT được 180 cuộc, phát hiện 13 trường hợp vi phạm, xử phạt với số tiền 3.250.000 đ; giải tỏa 122 trường hợp lấn chiếm lòng lề đường. Trong năm xảy ra 02 vụ tai nạn giao thông, làm chết 02 người.

Phối hợp cùng các ngành, đoàn thể thực hiện tốt phong trào “toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”; tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng chống tội phạm, ma túy, mua bán người, trật tự ATGT, PCCC, Luật cư trú; phòng, chống buôn lậu,... được 17 cuộc với 714 lượt người tham dự. Tổ chức hội nghị “Công an lắng nghe ý kiến nhân dân” được 11 cuộc với 482 lượt cán bộ, công nhân viên chức và người dân tham dự. Duy trì tốt các mô hình đảm bảo ANTT, thông qua đó đã kịp thời cung cấp thông tin giúp lực lượng công an xử lý, góp phần đảm bảo ANTT trên địa bàn.

Quan tâm củng cố Ban bảo vệ dân phố đảm bảo đủ số lượng theo quy định. Hiện trên địa bàn thị trấn có 01 Ban bảo vệ dân phố, trong đó có 01 trưởng ban và 32 thành viên. Ban bảo vệ dân phố đã hỗ trợ tích cực cho lực lượng công an trong công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm, đảm bảo ANTT trên địa bàn. Đồng thời đã củng cố lại 05 Đội Dân phòng với có 40 thành viên và 104 Tổ Tự quản.

8. Tổ chức hệ thống chính trị

a) Hội đồng nhân dân thị trấn

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn nhiệm kỳ 2021 - 2026 có 31 người. Trong đó:

- Trình độ đại học là 21 người, chiếm 67,74%; trung cấp là 04 người, chiếm 12,90%.

- Trình độ về lý luận chính trị cao cấp là 01 người, chiếm 3,23%; trung cấp là 23 người, chiếm 74,19%; sơ cấp là 02 người, chiếm 6,45%.

b) Tổng số cán bộ, công chức là 20 người, gồm cán bộ 10 người, công chức 10 người. Trong đó:

- Trình độ đại học là 18 người, chiếm 90%; trung cấp là 02 người, chiếm 10%.
- Trình độ lý luận chính trị cao cấp là 1 người, chiếm 5%; trung cấp là 18 người, chiếm 90%; sơ cấp 1 người, chiếm 5%.

9. Đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thị xã

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; các số liệu thống kê đến 31/12/2020, UBND huyện Tịnh Biên đánh giá 04 tiêu chuẩn thành lập phường đối với thị trấn Tịnh Biên như sau:

a) Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên.
- Hiện trạng: Thị trấn Tịnh Biên có 16.971 người.

Đánh giá: Đạt

b) Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5 km² trở lên.
- Hiện trạng: Thị trấn Tịnh Biên có 21,78 km².

Đánh giá: Đạt

c) Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: Thu ngân sách trên địa bàn thị trấn Tịnh Biên năm 2021 đạt 17,443 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 17,166 tỷ đồng.

Cân đối có dư.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm:

Quy định đạt bình quân 3 năm (2019 - 2021) của huyện Tịnh Biên là 1,66% (năm 2019 là 2,26%; năm 2020 là 1,65%; năm 2021 là 1,07%)

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm (2019 - 2021) của thị trấn Tịnh Biên là 0,33% (năm 2019 là 0,40%; năm 2020 là 0,32%; năm 2021 là 0,27%).

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 70% trở lên.

Hiện trạng: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp của thị trấn Tịnh Biên đạt 89,68%.

Đánh giá: Đạt.

d) Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của thị trấn Tịnh Biên đã được Bộ Xây dựng đánh giá, công nhận đạt 11/12 tiêu chuẩn để thành lập phường theo quy định

Như vậy, phường Tịnh Biên dự kiến thành lập thuộc thị xã Tịnh Biên đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

II. HIỆN TRẠNG THỊ TRẤN NHÀ BÀNG

1. Lịch sử hình thành

Năm 1832, vua Minh Mạng đổi trấn thành tỉnh. Nam kỳ được chia thành 06 tỉnh, vùng đất thị trấn Nhà Bàng ngày nay thuộc thôn Nhơn Hòa, tổng Châu Phú, huyện Tây Xuyên, phủ Tuy Biên, tỉnh An Giang.

Năm 1868, sau khi chiếm xong Nam kỳ, thực dân Pháp tiến hành thiết lập các đơn vị hành chính mới. Ngày 05/1/1876, Pháp bỏ Nam kỳ lục tỉnh, chia thành 4 khu vực: Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long và Bassac. Vùng đất thị trấn Nhà Bàng ngày nay nằm trên thôn Nhơn Hòa, hạt Châu Đốc, khu vực Bassac. Ngày 01/1/1900, Toàn quyền Paul Doumer áp dụng Nghị định 20/12/1899, đổi hạt thành tỉnh, thị trấn Nhà Bàng ngày nay thuộc thôn Nhơn Hòa, xã Thới Sơn, tổng Quy Đức, tỉnh Châu Đốc cho đến năm 1954.

Dưới thời chính quyền Sài Gòn, ngày 22/10/1956, tỉnh An Giang được thành lập trên cơ sở hợp nhất hai tỉnh Châu Đốc và Long Xuyên, đổi làng thành xã. Thị trấn Nhà Bàng ngày nay nằm trên xã Thới Sơn thuộc tổng Quy Đức, quận Tịnh Biên, tỉnh An Giang, rồi thuộc tỉnh Châu Đốc (năm 1964) cho đến năm 1975.

Ngày 20/12/1975, Bộ Chính trị ra Quyết định thành lập tỉnh An Giang. Nhà Bàng thuộc huyện biên giới Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Ngày 11/3/1977, hai huyện Tịnh Biên và Tri Tôn được hợp nhất thành huyện Bảy Núi theo Quyết định 56/CP của Hội đồng Chính phủ. Địa bàn thị trấn Nhà Bàng ngày nay thuộc xã Thới Sơn, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang.

Ngày 23/8/1979, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 300/CP, huyện Bảy Núi được chia thành hai huyện Tri Tôn và Tịnh Biên. Thị trấn Nhà Bàng ngày nay thuộc xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Do yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, ngày 10/5/1986, Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 56-HĐBT tách 02 ấp Sơn Đông và Thới Hòa của xã Thới Sơn (227,5 ha diện tích tự nhiên với 4.673 nhân khẩu) và một phần xã Nhơn Hưng (311,5 ha diện tích tự nhiên với 2.548 nhân khẩu) thành lập thị trấn Nhà Bàng, là thị trấn huyện lỵ huyện Tịnh Biên, bao gồm 03 ấp: Thới Hòa, Tây Hưng và Hòa Hưng.

Ngày 22/4/1998, để phù hợp với tình hình mới, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quyết định số 785/QĐ.UB.CT, theo đó thị trấn Nhà Bàng tách 03 ấp thành 05 khóm: Thới Hòa, Trà Sư, Hòa Thuận, Hòa Hưng, Sơn Đông với 71 tổ an ninh nhân dân và tồn tại cho đến ngày nay.

2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

a) Vị trí địa lý

Thị trấn Nhà Bàng nằm ở phía Bắc của huyện Tịnh Biên, là trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, dịch vụ của huyện.

b) Địa giới hành chính

- Phía Bắc giáp xã Nhơn Hưng;
- Phía Đông và phía Nam giáp xã Thới Sơn;
- Phía Tây giáp xã An Phú.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Thị trấn Nhà Bàng có diện tích tự nhiên là 609,29 ha (gần bằng 6,09 km²) (theo kết quả Thống kê đất đai năm 2021).

Trong đó:

a) Đất phi nông nghiệp là 158,41 ha, bao gồm:

- Đất xây dựng trụ sở là 6,48 ha.
- Đất ở là 64,18 ha.
- Đất quốc phòng là 3,23 ha.
- Đất an ninh là 1,00 ha.
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp là 13,14 ha.
- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp là 0,62 ha.
- Đất có mục đích công cộng là 49,24 ha.
- Đất cơ sở tôn giáo là 6,78 ha.
- Đất cơ sở tín ngưỡng là 2,16 ha.
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ là 2,23 ha.
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 10,36 ha.

b) Đất nông nghiệp là 449,88 ha.

4. Dân số, lao động

a) Thị trấn Nhà Bàng có quy mô dân số năm 2021 là 24.245 người. Trong đó:

- Dân số thường trú là 11.821 người.
- Dân số tạm trú quy đổi là 12.424 người.

Thành phần dân cư chủ yếu là người Kinh. Ngoài ra, trên địa bàn thị trấn còn có một bộ phận người Khmer và Hoa.

b) Lao động của thị trấn Nhà Bàng có 15.861 người. Trong đó:

- Lao động nông nghiệp là 1.388 người, chiếm 8,75%.
- Lao động phi nông nghiệp là 14.473 người, chiếm 91,25%.

c) Thị trấn Nhà Bàng có 05 khóm, gồm: khóm Sơn Đông, khóm Hòa Hưng, khóm Hòa Thuận, khóm Trà Sư và khóm Thới Hòa.

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

Nằm ở phía Bắc của huyện Tịnh Biên, thị trấn Nhà Bàng là trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, dịch vụ của huyện; có hệ thống cơ sở hạ tầng được đầu tư hoàn chỉnh, vị trí địa lý thuận lợi, tiềm năng đất đai, nguồn lao động trẻ, dồi dào là điều kiện tốt để thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển. Trong những năm vừa qua, kinh tế - xã hội thị trấn Nhà Bàng phát triển mạnh mẽ và đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ tăng nhanh và giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế của thị trấn. Số doanh nghiệp, hộ tư nhân đăng ký sản xuất, kinh doanh các ngành nghề và buôn bán dịch vụ trên địa bàn cao nhất huyện và ngày càng tăng cao.

a) Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Năm 2021, mặc dù chịu tác động tiêu cực của dịch Covid-19 đến mọi mặt của đời sống xã hội, nhất là hoạt động giao thương, buôn bán, trao đổi hàng hóa vốn là thế mạnh của địa phương. Tuy nhiên, với nỗ lực lớn, quyết tâm cao vượt qua mọi khó khăn, thách thức để tập trung phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm công tác phòng chống dịch bệnh. Thị trấn Nhà Bàng đã xác định rõ trách nhiệm, mục tiêu và quyết tâm hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế đề ra và trong năm vẫn đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Kinh tế năm 2021 tiếp tục đạt mức tăng trưởng cao, tổng giá trị sản xuất đạt 861,90 tỷ đồng, tăng 14,27% so với năm 2020. Trong đó, giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ đạt 490,97 tỷ đồng, tăng 16,75%; công nghiệp - xây dựng đạt 160,36 tỷ đồng, tăng 18,28%; nông - lâm - ngư nghiệp đạt 210,57 tỷ đồng, tăng 6,27% so với năm 2020. Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2019 - 2021 đạt 13,49%, trong đó năm 2019 tăng 13,75%, năm 2020 tăng 14,23%, năm 2021 tăng 12,50%.

b) Cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế của thị trấn Nhà Bàng chuyển dịch tích cực theo hướng tăng nhanh tỷ trọng thương mại - dịch vụ, công nghiệp - xây dựng và giảm tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp. Năm 2021, thị trấn Nhà Bàng có cơ cấu kinh tế như sau: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 67,52%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 14,23% và khu vực nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 18,25%.

c) Phát triển ngành, lĩnh vực

- Thương mại - dịch vụ:

Thương mại - dịch vụ đóng vai trò là ngành kinh tế mũi nhọn của thị trấn Nhà Bàng, các loại hình dịch vụ không ngừng tăng trưởng và ngày càng đa dạng, đáp ứng ngày càng tốt cho đời sống nhân dân tại địa phương và du khách đến địa bàn.

Năm 2021, giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ đạt 490,97 tỷ đồng, tăng 16,75% so với năm 2020, chiếm 67,52% trong cơ cấu kinh tế của thị trấn. Hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa, tham quan tại các chợ và điểm tham quan trên địa bàn đóng vai trò chủ đạo trong phát triển kinh tế - xã hội của thị trấn. Sau thời gian thực

hiện giãn cách xã hội, do là trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, dịch vụ của huyện nên các hoạt động thương mại, dịch vụ đã nhanh chóng phục hồi trở lại. Thị trường hàng hóa và dịch vụ sôi động, sức mua hàng hóa tăng mạnh, lượng khách tham quan mua sắm tại chợ và du khách đến các điểm tham quan trên địa bàn ngày càng tăng nên nền kinh tế nhanh chóng phục hồi tạo động lực mạnh mẽ phát triển ngành thương mại - dịch vụ.

Đến năm 2021, địa bàn thị trấn có 1.609 cơ sở kinh doanh hoạt động trên địa bàn tăng 329 cơ sở, giải quyết việc làm cho 2.424 lao động; 02 chợ (chợ Nhà Bàng và chợ Bàu Mướp) là nơi buôn bán, trao đổi hàng hóa, mua sắm, tham quan của người dân trên địa bàn và du khách; với các điểm du lịch, tham quan nổi tiếng như: Miếu Bà chúa xứ Bàu Mướp, núi Trà Sư,... thu hút hơn 1 triệu lượt khách đến tham quan hàng năm; kết hợp trung tâm dịch vụ, văn phòng cho thuê, ngân hàng, mạng viễn thông phủ khắp các địa bàn dân cư và nhiều doanh nghiệp đang hoạt động ổn định, hàng trăm cửa hàng, cửa hiệu đã cho thấy sức hút và tiềm năng phát triển thương mại - dịch vụ của thị trấn Nhà Bàng.

Xác định được tầm quan trọng của ngành thương mại - dịch vụ trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong những năm qua các cấp ủy Đảng, chính quyền thị trấn Nhà Bàng và các cấp, các ngành luôn chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng, tạo cơ chế thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài vùng vào đầu tư sản xuất kinh doanh, chú trọng tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp yên tâm sản xuất.

- Công nghiệp - xây dựng

Trong những năm qua, ngành công nghiệp - xây dựng của thị trấn Nhà Bàng có nhiều chuyển biến theo hướng tích cực và chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế. Năm 2021, giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng của thị trấn đạt 160,36 tỷ đồng, tăng 18,28% so với năm 2020 và chiếm 14,23% trong cơ cấu kinh tế.

Công tác đầu tư xây dựng các công trình giao thông và xây dựng cơ bản trên địa bàn thị trấn được đa số nhân dân đồng tình ủng hộ để thực hiện các công trình như: mở rộng tuyến đường Nguyễn Thị Định nối dài, tuyến đường 30/4 nối dài, mở rộng tuyến đường Bàu Mướp, xây dựng cổng chào và láng bê tông bãi đậu xe khách của Miếu, hoàn thành bê tông hóa đường xuống trung tâm bồi dưỡng chính trị ra Quốc lộ 91 nối đường Sơn Đông, láng bê tông và lát gạch vỉa hè đường 30/4 trước UBND thị trấn, bê tông hóa đường vào Trường Mầm non Hoa Sen, xây dựng hệ thống mương thoát nước đường Nguyễn Sinh Sắc với tổng chiều dài 866,61m, lát gạch vỉa hè tuyến đường Dương Văn Hảo, lát gạch vỉa hè tuyến đường Đoàn Minh Huyền (đoạn từ đầu tỉnh lộ 948 đến cổng văn hóa xã Thới Sơn); tuyến đường kiểu mẫu Quốc lộ 91 lát gạch vỉa hè được 412/609 hộ với chiều dài 384,2 m đạt 67,65%; Hoàn thành sửa chữa hội trường UBND thị trấn, sửa chữa văn phòng khóm Sơn Đông, xây dựng trụ sở văn phòng khóm Hòa Hưng, Hòa Thuận, Thới Hòa, xây dựng công viên nội bộ thị trấn tổng số vốn đầu tư là 30.596.757.158 đ (trong đó nguồn vốn nhà nước là 17.335.236.158 đ và vốn xã hội hoá là 13.261.521.000 đ).

Với sự quan tâm đầu tư của các cấp, các ngành huyện Tịnh Biên; nỗ lực của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương cùng với sự đồng thuận của toàn thể nhân dân trên địa bàn, trong những năm qua, ngành công nghiệp - xây dựng nói riêng và kinh tế - xã hội thị trấn Nhà Bàng nói chung đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Cơ sở hạ tầng ngày càng khang trang và hoàn thiện, đời sống, ý thức người dân ngày một nâng cao, nền văn minh đô thị được thể hiện rõ.

- Nông - lâm nghiệp - ngư nghiệp

Quá trình đô thị hóa tại thị trấn Nhà Bàng diễn ra với tốc độ cao, tỷ trọng ngành nông - lâm - ngư nghiệp ngày càng giảm trong cơ cấu kinh tế. Tuy nhiên, ngành vẫn đóng vai trò rất quan trọng đối với địa phương. Năm 2021, giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp của thị trấn đạt 210,57 tỷ đồng, tăng 6,27% so với năm 2020, chiếm 18,25% trong cơ cấu kinh tế của thị trấn.

Trồng trọt:

Toàn thị trấn có 451,10 ha diện tích đất nông nghiệp, trong đó lúa 02 vụ là 124,3 ha. Trong những năm qua, nhờ chú trọng ứng dụng khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa trong sản xuất ngày càng mạnh mẽ, trình độ sản xuất của nông dân ngày càng tiên bộ, nhiều mô hình sản xuất hiệu quả được nhân rộng như: mô hình nhân giống lúa cộng đồng khóm Sơn Đông với diện tích 12 ha, mô hình chuyển đổi trồng lúa sang trồng màu như: Ổt, dưa leo sử dụng màn phủ; mô hình dùng máy cuộn rơm, máy đập bờ trong sản xuất lúa,... Áp dụng các phương pháp “3 giảm, 3 tăng”, mô hình “1 phải, 5 giảm”, từ đó giá trị trên đơn vị diện tích tăng liên tục, bình quân năng suất lúa 02 vụ đạt 75 triệu đồng/ha.

Chăn nuôi:

Toàn thị trấn với tổng đàn gia súc 1.343 con, gia cầm 11.380 con. Công tác tiêm phòng, vệ sinh chuồng trại luôn được chú trọng và đảm bảo.

Lâm nghiệp:

Triển khai thực hiện tốt các phương án bảo vệ rừng, thường xuyên tổ chức lực lượng phối hợp tuần tra bảo vệ rừng, chống chặt phá rừng và thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy rừng theo Nghị định 133/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

Ngư nghiệp:

Toàn thị trấn có 07 hộ nuôi thủy sản với tổng diện tích mặt nước là 3.167 m², chủ yếu là nuôi cá tra, cá rô phi và ba ba. Thị trấn thường xuyên ra quân tuần tra, kiểm tra, cam kết không đánh bắt thủy sản trái phép bằng ngư cụ cấm và sử dụng lưới không đúng kích cỡ, đảm bảo an toàn trong việc nuôi trồng và đánh bắt thủy sản.

d) Thu chi ngân sách

Công tác thu ngân sách được tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quản lý và khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu. Tổng thu ngân sách trên địa bàn thị trấn năm 2021 đạt 12,221 tỷ đồng.

Chi ngân sách đã bám sát phân khai của huyện, Nghị quyết của HĐND thị trấn; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng chế độ, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tổng chi ngân sách năm 2021 của thị trấn đạt 10,828 tỷ đồng.

đ) Thu nhập bình quân đầu người đạt từ 55,30 triệu đồng năm 2019 tăng lên 64,09 triệu đồng/người/năm năm 2021. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn năm 2021 giảm còn 0,24%; bình quân giai đoạn 2019 - 2021 là 0,32%, thấp hơn bình quân chung của huyện Tịnh Biên.

6. Hiện trạng văn hóa, xã hội

a) Giáo dục

Công tác xã hội hóa giáo dục được quan tâm và trở thành phong trào sâu rộng trong nhân dân. Thường xuyên tăng cường cơ sở vật chất, tổ chức tốt hoạt động thi đua dạy và học, nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn. Chất lượng giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực, theo hướng thực chất.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng tốt yêu cầu dạy và học, tỷ lệ huy động học sinh đến trường hằng năm đều đạt chỉ tiêu trên giao với tổng số là 13.156/12.783 học sinh, đạt tỷ lệ 102,9%. Chất lượng giáo dục ngày càng được nâng lên, tỷ lệ học sinh khá, giỏi ngày càng tăng, học sinh yếu, kém và lưu ban giảm đáng kể. Duy trì và giữ vững 02 Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I (Trường tiểu học Bán trú A Nhà Bàng và Trường Mầm non Hoa Sen). Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục Trung học cơ sở và phổ cập giáo dục xóa mù chữ đều đạt được nhiều thành tích đáng ghi nhận. Công tác khuyến học, khuyến tài được chú trọng quan tâm, phong trào xã hội hoá giáo dục được đông đảo tổ chức và cá nhân đồng tình ủng hộ bằng hiện vật và tiền mặt trị giá trên 2 tỷ đồng hỗ trợ cho 6.871 học sinh có hoàn cảnh khó khăn đến trường.

b) Y tế

Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân được nâng lên, thường xuyên theo dõi, giám sát và cơ bản khống chế được các loại dịch bệnh trên địa bàn, không để bùng phát thành dịch lớn,... Tổ chức tiêm phòng 09 bệnh truyền nhiễm cho 773 lượt trẻ em dưới 01 tuổi và tiêm ngừa uống vắc xin cho 921 lượt phụ nữ mang thai. Bệnh sốt xuất huyết xảy ra 220 ca, bệnh tay chân miệng 95 ca. Duy trì giữ vững 10 chuẩn y tế quốc gia và chuẩn tiên tiến về y học cổ truyền. Tỷ lệ tăng dân số còn 0,98%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm còn 7,95%. Bảo hiểm y tế toàn dân đạt 76,31% so với dân số. Hội đồng y khám được 12.890 lượt người, bốc 23.740 thang thuốc nam.

c) Lĩnh vực văn hóa thông tin, thể dục thể thao

Tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền về tổ chức thực hiện có hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết của trung ương, của tỉnh, của huyện về nếp sống văn minh; tuyên truyền học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chuyên đề năm 2021. Làm tốt công tác quản lý di tích lịch sử văn hóa phù hợp với quy định của pháp luật và truyền thống văn hóa của địa phương. Công tác thông

tin và truyền thông luôn bám sát các nhiệm vụ chính trị, đảm bảo tốt việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, các quy định của địa phương.

Các lễ hội văn hóa truyền thống của địa phương như: lễ hội vía Bà Chúa xứ Bà Mướp, tết cổ truyền và các ngày lễ lớn trong năm được tổ chức trang trọng, an toàn, tiết kiệm. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ngày càng đi vào chiều sâu; có 2.870 hộ gia đình văn hóa, đạt 99,51%.

Phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe ngày càng phát triển rộng khắp trên địa bàn. Tổ chức và tham gia tốt các phong trào thể dục thể thao hàng năm đều đạt kết quả cao qua các môn thi đấu. Tổ chức thành công Đại hội thể dục thể thao cấp thị trấn và xếp hạng 3 toàn đoàn tại Đại hội thể dục thể thao cấp huyện.

Toàn thị trấn có 3.326 hộ nhà khang trang, kiên cố chiếm tỷ lệ 99,76%; có 99,93% hộ sử dụng điện thường xuyên và 100% hộ sử dụng nước hợp vệ sinh; hộ có hố xí hợp vệ sinh 3.328/3.334 hộ, chiếm 99,83%.

d) Thực hiện các chính sách an sinh xã hội

Công tác an sinh, phúc lợi xã hội được đảm bảo, triển khai đầy đủ, kịp thời và đúng đối tượng; thường xuyên quan tâm, thăm hỏi, chăm sóc các đối tượng người cao tuổi, người có công, người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người có hoàn cảnh khó khăn, nhất là các dịp lễ, tết; thực hiện tiếp nhận, giải quyết chế độ trợ cấp một lần, hỗ trợ kinh phí mai táng, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định. Tiếp tục kiểm tra, rà soát, lập hồ sơ các hộ người có công với cách mạng đủ điều kiện hỗ trợ về nhà ở trên địa bàn.

Năm 2021, thị trấn xây mới 36 căn và sửa chữa 05 căn nhà tình nghĩa cho gia đình chính sách theo Quyết định 22 của Thủ tướng tổng trị giá 1.900.000.000 đồng; hỗ trợ xây nhà cho hộ nghèo theo Quyết định 33 của Thủ tướng Chính phủ được 12 căn với tổng số tiền là 430.000.000 đồng. Ngoài ra còn vận động các mạnh thường quân trong và ngoài tỉnh cất mới được 46 căn mới và sửa chữa 07 căn tổng trị giá 2.264.380.000 triệu đồng.

Giới thiệu việc làm mới cho 2.692 người đi lao động trong và ngoài tỉnh (trong đó có 01 trường hợp đi lao động tại Nhật Bản). Công tác giảm nghèo được tập trung thực hiện bằng nhiều nguồn để chăm lo, tính đến nay thị trấn còn 23 hộ nghèo chiếm 0,68%.

đ) Công tác dân tộc, tôn giáo

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương. Tôn trọng và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Khmer; thực hiện tốt công tác chăm cho các hộ dân tộc, nhất là các hộ dân tộc nghèo, khó khăn. Thông qua đó, góp phần tăng

cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động được nhiều nguồn lực chăm lo các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn.

7. Quốc phòng, an ninh

Tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội được giữ vững ổn định, việc thực hiện các chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm; phòng, chống mại dâm, ma túy, HIV/AIDS được thực hiện thường xuyên; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc ngày càng phát triển tích cực và có hiệu quả cao. Phạm pháp hình sự xảy ra 27 vụ; trật tự xã hội xảy ra 136 vụ; tệ nạn xã hội xảy ra 24 vụ; tai nạn giao thông xảy ra 03 vụ. Hoàn thành tốt công tác thu thập dữ liệu quốc gia về dân cư; phối kết hợp công an huyện triển khai 100% lực lượng công an chính quy tại công an thị trấn; thành lập Ban bảo vệ dân phố và lắp đặt camera an ninh trên địa bàn thị trấn đến nay có 64 đầu mắc camera trên toàn địa bàn 05 khóm.

Công tác xây dựng và huấn luyện lực lượng dân quân đảm bảo số lượng và chất lượng; công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hàng năm đều đạt chỉ tiêu trên giao. Công tác giáo dục kiến thức quốc phòng an ninh đều thực hiện tốt. Mở nhiều lớp giáo dục, cập nhật kiến thức quốc phòng - an ninh cho đối tượng 4 và tham gia cập nhật kiến thức quốc phòng - an ninh đối tượng 3 đảm bảo theo chỉ tiêu trên giao. Hoàn thành tốt công tác diễn tập chiến đấu phòng thủ, kết quả được đánh giá đạt loại giỏi.

8. Tổ chức hệ thống chính trị

a) Hội đồng nhân dân thị trấn

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn nhiệm kỳ 2021 - 2026 có 32 người. Trong đó:

- Trình độ thạc sỹ là 04 người, chiếm 12,50%; đại học là 20 người, chiếm 62,50%; trung cấp là 06 người, chiếm 18,75%.

- Trình độ về lý luận chính trị cao cấp là 03 người, chiếm 9,38%; trung cấp là 26 người, chiếm 81,25%; sơ cấp là 01 người, chiếm 3,13%.

b) Tổng số cán bộ, công chức là 22 người, gồm cán bộ 10 người, công chức 12 người. Trong đó:

- Trình độ thạc sỹ là 03 người, chiếm 13,64%; đại học là 14 người, chiếm 63,64%; trung cấp là 05 người, chiếm 22,73%.

- Trình độ lý luận chính trị cao cấp là 03 người, chiếm 13,64%; trung cấp là 14 người, chiếm 63,64%; sơ cấp 04 người, chiếm 18,18%.

9. Đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thị xã

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; các số liệu thống kê đến 31/12/2020, UBND huyện Tịnh Biên đánh giá 04 tiêu chuẩn thành lập phường đối với thị trấn Nhà Bàng như sau:

a) Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên.
- Hiện trạng: Thị trấn Nhà Bàng có 24.245 người.

Đánh giá: Đạt

b) Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5 km² trở lên.
- Hiện trạng: Thị trấn Nhà Bàng có 6,09 km².

Đánh giá: Đạt

c) Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: Thu ngân sách trên địa bàn thị trấn Nhà Bàng năm 2021 đạt 12,221 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 10,828 tỷ đồng.

Cân đối có dư.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm:

Quy định đạt bình quân 3 năm (2019 - 2021) của huyện Tĩnh Biên là 1,66% (năm 2019 là 2,26%; năm 2020 là 1,65%; năm 2021 là 1,07%)

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm (2019 - 2021) của thị trấn Nhà Bàng là 0,32% (năm 2019 là 0,42%; năm 2020 là 0,30%; năm 2021 là 0,24%).

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 70% trở lên.

Hiện trạng: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp của thị trấn Nhà Bàng đạt 91,25%.

Đánh giá: Đạt.

d) Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của thị trấn Nhà Bàng đã được Bộ Xây dựng đánh giá, công nhận đạt 11/12 tiêu chuẩn để thành lập phường theo quy định.

Như vậy, phường Nhà Bàng dự kiến thành lập thuộc thị xã Tĩnh Biên đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

III. HIỆN TRẠNG THỊ TRẤN CHI LĂNG

1. Lịch sử hình thành

Năm 1832, vua Minh Mạng đổi trấn thành tỉnh. Nam kỳ được chia thành 06 tỉnh, vùng đất thị trấn Chi Lăng ngày nay thuộc thôn Vĩnh Trung, tổng Châu Phú, huyện Tây Xuyên, phủ Tuy Biên, tỉnh An Giang.

Năm 1839, vua Minh Mạng cho lập phủ Tĩnh Biên gồm hai huyện Hà Dương và Hà Âm, vùng đất thị trấn Chi Lăng ngày nay thuộc thôn Vĩnh Trung, huyện Hà Dương phủ Tĩnh Biên, tỉnh Hà Tiên. Năm 1842, vua Thiệu Trị tách phủ Tĩnh Biên cùng huyện Hà Dương thuộc tỉnh An Giang. Năm 1850, vua Tự Đức bỏ phủ Tĩnh Biên, nhập hai huyện Hà Âm và Hà Dương vào phủ Tuy Biên. Vùng đất thị trấn Chi Lăng ngày nay thuộc thôn Vĩnh Trung, huyện Hà Dương, phủ Tuy Biên, tỉnh An Giang.

Năm 1868, sau khi chiếm xong Nam kỳ, thực dân Pháp tiến hành thiết lập các đơn vị hành chính mới. Ngày 05/1/1876, Pháp bỏ Nam kỳ lục tỉnh, chia thành 4 khu vực: Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long và Bassac. Vùng đất thị trấn Chi Lăng ngày nay thôn Vĩnh Trung, hạt Châu Đốc, khu vực Bassac. Ngày 01/1/1900, Toàn quyền Paul Doumer áp dụng Nghị định 20/12/1899, đổi hạt thành tỉnh, thị trấn Chi Lăng ngày nay thuộc làng Tú Tề, tổng Thành Ý, tỉnh Châu Đốc.

Năm 1903, tỉnh Châu Đốc có 3 quận Tân Châu, Tri Tôn, Tịnh Biên. Thị trấn Tịnh Biên ngày nay làng Tú Tề, tổng Thành Ý, quận Tri Tôn, tỉnh Châu Đốc.

Năm 1930, chính quyền Pháp cắt nửa tổng Thành Ý về quận Tịnh Biên, trong đó có làng Tú Tề. Đến khoảng trước năm 1945, toàn bộ tổng Thành Ý giao lại cho quận Tri Tôn, trong đó có làng Tú Tề.

Dưới thời chính quyền Sài Gòn, ngày 22/10/1956, tỉnh An Giang được thành lập trên cơ sở hợp nhất hai tỉnh Châu Đốc và Long Xuyên, đổi làng thành xã. Thị trấn Chi Lăng ngày nay thuộc xã Tú Tề, quận Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Ngày 11/3/1977, hai huyện Tịnh Biên và Tri Tôn được hợp nhất thành huyện Bảy Núi theo Quyết định 56/CP của Hội đồng Chính phủ. Địa bàn thị trấn Chi Lăng ngày nay thuộc xã Tú Tề, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang. Ngày 25/4/1979, Chính phủ ban hành Quyết định số 181-CP về việc điều chỉnh địa giới và đổi tên một số xã và thị trấn thuộc tỉnh An Giang, theo đó thành lập thị trấn Chi Lăng thuộc huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang trên cơ sở tách các ấp Voi I và Voi II của xã Tú Tề.

Ngày 23/8/1979, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 300/CP, huyện Bảy Núi được chia thành hai huyện Tri Tôn và Tịnh Biên. Thị trấn Chi Lăng thuộc huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Ngày 17/10/2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 119/2003/NĐ-CP, theo đó thành lập xã Núi Voi trên cơ sở 1.225 ha diện tích tự nhiên và 4.387 người của thị trấn Chi Lăng. Phần còn lại của thị trấn Chi Lăng thuộc huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang từ đó tồn tại cho đến ngày nay.

2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

a) Vị trí địa lý

Thị trấn Chi Lăng nằm ở trung tâm của huyện Tịnh Biên, là trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, dịch vụ phía Nam của huyện.

b) Địa giới hành chính

- Phía Bắc giáp xã Vĩnh Trung;
- Phía Đông giáp xã Núi Voi;
- Phía Nam giáp xã Tân Lợi;
- Phía Tây giáp xã An Cư.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Thị trấn Chi Lăng có diện tích tự nhiên là 670,63 ha (gần bằng 6,71 km²) (theo kết quả Thống kê đất đai năm 2021).

Trong đó:

a) Đất phi nông nghiệp là 379,02 ha, bao gồm:

- Đất xây dựng trụ sở là 1,32 ha.
- Đất ở là 42,29 ha.
- Đất quốc phòng là 303,98 ha.
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp là 6,82 ha.
- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp là 0,17 ha.
- Đất có mục đích công cộng là 21,82 ha.
- Đất cơ sở tôn giáo là 1,32 ha.
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ là 1,30 ha.

b) Đất nông nghiệp là 291,61 ha.

4. Dân số, lao động

a) Thị trấn Chi Lăng có quy mô dân số năm 2021 là 10.545 người. Trong đó:

- Dân số thường trú là 6.327 người.
- Dân số tạm trú quy đổi là 4.218 người.

Thành phần dân cư chủ yếu là người Kinh. Ngoài ra, thị trấn Chi Lăng còn là địa bàn cư trú lâu đời người Khmer và Hoa.

b) Lao động của thị trấn Chi Lăng có 6.450 người. Trong đó:

- Lao động nông nghiệp là 1.014 người, chiếm 15,72%.
- Lao động phi nông nghiệp là 5.436 người, chiếm 84,28%.

c) Thị trấn Chi Lăng có 03 khóm, gồm: khóm 1, khóm 2 và khóm 3.

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

Là đầu mối giao lưu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội khu vực phía Nam của huyện Tịnh Biên; thị trấn Chi Lăng có hệ thống cơ sở hạ tầng được đầu tư hoàn chỉnh, vị trí địa lý thuận lợi, tiềm năng đất đai, nguồn lao động trẻ, dồi dào là điều kiện tốt để thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển. Trong những năm qua, thị trấn Chi Lăng đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật về phát triển kinh tế - xã hội. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ tăng nhanh và giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế của thị trấn, tỷ trọng ngành nông - lâm - ngư nghiệp ngày một giảm.

a) Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Kinh tế năm 2021 của thị trấn Chi Lăng tiếp tục đạt mức tăng trưởng cao, tổng giá trị sản xuất đạt 519,33 tỷ đồng, tăng 13,21% so với năm 2020. Trong đó, giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ đạt 267,80 tỷ đồng, tăng 15,11%; công nghiệp - xây dựng đạt 98,56 tỷ đồng, tăng 15,25%; nông - lâm - ngư nghiệp đạt 152,97 tỷ đồng, tăng 8,84% so với năm 2020. Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2019 - 2021 đạt 13,56%, trong đó năm 2019 tăng 13,70%, năm 2020 tăng 14,20%, năm 2021 tăng 12,78%.

b) Cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế của thị trấn Chi Lăng chuyển dịch tích cực theo hướng tăng nhanh tỷ trọng thương mại - dịch vụ, công nghiệp - xây dựng và giảm tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp. Năm 2021, thị trấn Chi Lăng có cơ cấu kinh tế như sau: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 56,45%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 18,98% và khu vực nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 24,57%.

c) Phát triển ngành, lĩnh vực

- Thương mại - dịch vụ:

Ngành thương mại - dịch vụ của thị trấn không ngừng tăng trưởng và đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của thị trấn, các loại hình dịch vụ đa dạng, đáp ứng ngày càng tốt cho đời sống nhân dân tại địa phương, khu vực phía Nam huyện Tịnh Biên và du khách đến địa bàn.

Năm 2021, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19 nhưng dưới sự kiểm soát chặt chẽ và quyết liệt của địa phương ngành thương mại - dịch vụ và du lịch của thị trấn vẫn duy trì và đạt mức tăng trưởng cao, ổn định. Giá trị ngành thương mại - dịch vụ đạt 267,80 tỷ đồng, tăng 15,11% so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 56,45% trong cơ cấu kinh tế của thị trấn.

Hiện tại địa phương có hơn 300 tiểu thương tham gia buôn bán, trao đổi hàng hóa tại 02 chợ trên địa bàn thị trấn (chợ Chi Lăng và chợ tươi sống), ước tính hàng ngày có khoảng 1.300 - 1.500 lượt người, kết hợp trung tâm dịch vụ, văn phòng cho thuê, các tổ chức tín dụng, ngân hàng, mạng viễn thông phủ khắp các địa bàn dân cư và nhiều doanh nghiệp đang hoạt động ổn định, hàng trăm cửa hàng, cửa hiệu đã cho thấy sức hút và tiềm năng phát triển thương mại - dịch vụ của thị trấn.

Cùng với tiềm năng dịch vụ du lịch như các điểm tham quan, các công trình di tích lịch sử và hoạt động tôn giáo tín ngưỡng trên địa bàn, với vị thế là trung tâm

kinh tế, thương mại - dịch vụ phía Nam huyện Tịnh Biên, mỗi năm thị trấn Chi Lăng thu hút hơn 380.000 lượt khách tham quan trong và ngoài nước. Góp phần rất quan trọng vào sự phát triển chung của địa phương.

- Công nghiệp - xây dựng

Năm 2021, giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng của thị trấn đạt 98,56 tỷ đồng, tăng 15,25% so với năm 2020 và chiếm 18,98% trong cơ cấu kinh tế. Hệ thống cơ sở hạ tầng, giao thông phát triển khá đồng bộ là lợi thế lớn của thị trấn.

Hiện tại trên địa bàn thị trấn có 61 cơ sở sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm, sản phẩm gia dụng và các cơ sở may, thủ công mỹ nghệ,... đều áp dụng máy móc và kỹ thuật của công nghiệp ở một số công đoạn trong quá trình sản xuất, mang lại hiệu quả kinh tế ngày càng cao, giải quyết việc làm cho hơn 2.500 lao động tại chỗ.

Dưới sự quan tâm, đầu tư của các cấp, các ngành, cùng với sự nỗ lực, tranh thủ các nguồn vốn của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hệ thống giao thông tại thị trấn Chi Lăng những năm qua được đầu tư đồng bộ và khá hoàn thiện. Là nền tảng và động lực để kinh tế thị trấn phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong tương lai.

- Nông - lâm nghiệp - ngư nghiệp

Năm 2021, giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp của thị trấn Chi Lăng đạt 152,97 tỷ đồng, tăng 8,84% so với năm 2020, chiếm 24,57% trong cơ cấu kinh tế của thị trấn.

Trồng trọt:

Năm 2021, tổng diện tích lúa xuống giống là hơn 210 ha, đạt 100% đúng lịch thời vụ, đến nay đã thu hoạch dứt điểm; năng suất bình quân đạt 4,5 tấn/ha lúa khô, giá bán dao động từ 4.600 - 6.400 đ/kg. Xuống giống rau màu hơn 4,5 ha. Về dịch hại như: chuột, ốc bươu vàng, sâu cuốn lá, rầy nâu, đạo ôn, lép hạt,... nhiễm nhẹ, mức thiệt hại không đáng kể. Nông dân áp dụng Chương trình “3 giảm 3 tăng” được trên 90%; “1 phải 5 giảm” trên 25%. Chuyển dịch sản xuất đất nông nghiệp từ trồng lúa kém hiệu quả sang cây trồng khác hơn 7 ha.

Chăn nuôi:

Công tác tiêm phòng, vệ sinh chuồng trại luôn được đảm bảo. Trong năm 2021, hoạt động giết mổ gia súc gia cầm luôn được giám sát chặt chẽ; tiêm vaccine dại 123 con, tụ huyết trùng - dịch tả heo 158 con, lở mồm long móng 300 con, cúm gia cầm 3.040 con; cấp 17 lít thuốc sát trùng cho 64 hộ chăn nuôi; thường xuyên bám sát địa bàn vận động nhân dân vệ sinh chuồng trại định kỳ đảm bảo phòng, ngừa dịch bệnh. Tổng số gia súc, gia cầm hiện đang quản lý là 3.098 con, trong đó gia súc 556 con, gia cầm 2.542 con, thú cưng 338 con.

d) Thu chi ngân sách

Công tác thu ngân sách được tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quản lý và khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu. Tổng thu ngân sách trên địa bàn thị trấn năm 2021 đạt 8,218 tỷ đồng.

Chi ngân sách đã bám sát phân khai của huyện, Nghị quyết của HĐND thị trấn; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng chế độ, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tổng chi ngân sách năm 2021 của thị trấn đạt 8,016 tỷ đồng.

đ) Thu nhập bình quân đầu người đạt từ 54,50 triệu đồng năm 2019 tăng lên 62,22 triệu đồng/người/năm năm 2021. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn năm 2021 giảm còn 0,27%; bình quân giai đoạn 2019 - 2021 là 0,34%, thấp hơn bình quân chung của huyện Tịnh Biên.

6. Hiện trạng văn hóa, xã hội

a) Giáo dục

Công tác xã hội hóa giáo dục được quan tâm và trở thành phong trào sâu rộng trong nhân dân. Thường xuyên tăng cường cơ sở vật chất, tổ chức tốt hoạt động thi đua dạy và học, chất lượng giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực, theo hướng thực chất.

Năm học 2020 - 2021, tỷ lệ học sinh các bậc được huy động đạt 100% kế hoạch, học sinh bỏ học bậc Tiểu học chiếm 0,66%, bậc THCS chiếm 0,8%. Tỷ lệ học sinh khá giỏi đều tăng hàng năm, tiêu biểu tại kỳ thi trung học phổ thông năm 2020, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT đạt 100%. Tổ chức khai giảng năm học mới 2021 - 2022, tổng số học sinh được huy động 1.750 học sinh, trong đó, mẫu giáo là 210/210, mầm non là 172/165, tiểu học A là 542/517, tiểu học B là 297/278, THCS Cao Bá Quát là 529/534 học sinh. Cơ sở vật chất không ngừng được đầu tư và nâng cấp, chất lượng dạy và học không ngừng được nâng cao, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu dạy và học tại địa bàn thị trấn. Qua đánh giá chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức độ 3, trung học cơ sở đạt mức độ 2, hoàn thành 100% kế hoạch đề ra.

b) Y tế

Công tác y tế được đảm bảo; công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được quan tâm chỉ đạo; đáp ứng nhu cầu thực hiện các chương trình y tế quốc gia; đảm bảo công tác phòng, chống dịch bệnh và khám chữa bệnh.

Năm 2021, trên địa bàn thị trấn có 01 ca sốt xuất huyết, 01 ca tay chân miệng; công tác tuần tra, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm được đảm bảo; số người tham gia BHXH tự nguyện là 63 người, BHYT tự nguyện 1.775 người, độ phủ BHYT toàn dân đạt 93%; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm còn 6,89%.

Công tác tuyên truyền các biện pháp phòng ngừa dịch Covid-19 được tăng cường; tổ chức cách ly tại nhà, đo thân nhiệt đối với các đối tượng có nguy cơ nhiễm dịch bệnh được thực hiện chặt chẽ và đảm bảo.

c) Lĩnh vực văn hóa thông tin, thể dục thể thao

Tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền về tổ chức thực hiện có hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết của trung ương, của tỉnh, của huyện về nếp sống văn minh; tuyên truyền học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chuyên đề năm 2021. Làm tốt công tác quản lý di tích lịch sử văn hóa phù hợp với quy định của pháp luật và truyền thống văn hóa của địa phương. Công tác thông tin và truyền thông luôn bám sát các nhiệm vụ chính trị, đảm bảo tốt việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, các quy định của địa phương. Trong năm 2021, các phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng luôn được duy trì và tổ chức tốt. Tổ chức thành công Đại hội TDTT lần VIII và đạt được nhiều thành tích cao trong Đại hội TDTT huyện tổ chức.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, củng cố và nâng chất. Tính đến cuối năm 2021, thị trấn Chi Lăng có 1.186 hộ gia đình đăng ký thi đua đạt chuẩn gia đình văn hóa theo Nghị định 122 của Chính phủ; có 11 đơn vị được công nhận danh hiệu “khóm, ấp văn hóa”, “khóm, ấp sức khỏe”. Công tác thông tin tuyên truyền được đảm bảo truyền tải tất cả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến từng địa bàn dân cư, góp phần thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ.

Công tác quản lý các hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa và phòng chống các tệ nạn xã hội được duy trì thường xuyên, có hiệu quả. Tập trung tuyên truyền trong các ngày lễ lớn trong năm, đặc biệt là Đại hội Đảng bộ các cấp; tuyên truyền phòng ngừa dịch Covid-19; trong năm đã viết 297 tin, 169 bài và 79 chuyên mục tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước.

Duy trì việc quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn; tổ chức cho 02 cơ sở cho thuê âm thanh làm cam kết thực hiện nghiêm các văn bản quy định của pháp luật về âm thanh và tiếng ồn; đảm bảo ổn định đời sống tinh thần người dân và văn minh đô thị trên địa bàn.

d) Thực hiện các chính sách an sinh xã hội

Công tác an sinh, phúc lợi xã hội được đảm bảo, triển khai đầy đủ, kịp thời và đúng đối tượng; thường xuyên quan tâm, thăm hỏi, chăm sóc các đối tượng người cao tuổi, người có công, người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người có hoàn cảnh khó khăn, nhất là các dịp lễ, tết; thực hiện tiếp nhận, giải quyết chế độ trợ cấp một lần, hỗ trợ kinh phí mai táng, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định. Tiếp tục kiểm tra, rà soát, lập hồ sơ các hộ người có công với cách mạng đủ điều kiện hỗ trợ về nhà ở trên địa bàn.

Năm 2021, thị trấn đã tiếp nhận, rà soát và chi hỗ trợ với tổng số tiền 576 triệu đồng; vận động và cấp phát 2.954 phần quà cho các hộ nghèo và cận nghèo với tổng số tiền 507,4 triệu đồng; bảo trợ xã hội 282 trường hợp, 64 người có công với cách mạng; giới thiệu lao động trong và ngoài tỉnh được 340 lao động.

đ) Công tác dân tộc, tôn giáo

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương. Tôn trọng và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Khmer; thực hiện tốt công tác chăm sóc các hộ dân tộc, nhất là các hộ dân tộc nghèo, khó khăn. Thông qua đó, góp phần tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động được nhiều nguồn lực chăm lo các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn.

Địa bàn thị trấn Chi Lăng hiện có 633 người đồng bào dân tộc Khmer tập trung sinh sống chủ yếu ở khu vực khóm 3, 100% người dân tộc Khmer có bảo hiểm y tế, riêng các chính sách về hộ nghèo và cận nghèo luôn được địa phương quan tâm, đảm bảo không để đói xảy ra; có 02 cơ sở thờ tự là nhà thờ Chi Lăng và thánh thất Cao Đài với 316 tín đồ, các cơ sở thờ tự đều chấp hành các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, hoạt động theo khuôn khổ pháp luật.

7. Quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Công tác quân sự, quốc phòng được triển khai thực hiện đúng kế hoạch, duy trì lực lượng thực hiện nhiệm vụ phòng, chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn và phòng, chống cháy nổ; theo dõi nắm chắc tình hình kịp thời xử lý khi có tình huống xảy ra. Chăm lo củng cố, xây dựng lực lượng dân quân đảm bảo số lượng và đạt chất lượng; tổ chức biên chế đúng thành phần lực lượng theo quy định. Tổ chức tuyển chọn kết nạp vào 104 đội viên, quân nhân dự bị 1 là 120 đồng chí, quân nhân dự bị 2 là 1.069 đồng chí. Trong năm thị trấn luôn tham gia và tổ chức huấn luyện đúng, đủ số lượng theo kế hoạch của huyện và thị trấn đề ra.

Hoàn thành tốt công tác tuyển quân năm 2021, kết quả giao quân 4/4 thanh niên đạt 100%. Bên cạnh đó, thực hiện tốt công tác bình nghị công khai và đưa thanh niên đi khám sức NVQS, chuẩn bị thực lực giao quân năm 2022. Đối với các chính sách hậu phương quân đội theo Quyết định 290, 188, 142, 62, 49 của Chính phủ đến nay đã tiếp nhận 145 hồ sơ, hoàn chỉnh thủ tục và tổ chức xét duyệt 133 hồ sơ, 118 đối tượng được hưởng trợ cấp theo Quyết định 62 của Chính phủ.

b) An ninh

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thị trấn luôn được giữ vững và ổn định, trong năm không có vụ kiện cáo hay trọng án xảy ra. Từng bước xây dựng lực lượng nòng cốt trên địa bàn, đảm bảo công tác trấn áp các loại tội phạm.

Trong năm 2021, trên địa bàn thị trấn xảy ra 04 vụ làm mất trật tự xã hội (03 vụ trộm cắp tài sản và 01 vụ gây rối trật tự công cộng); tội phạm hình sự xảy ra 03 vụ, ma túy phát hiện 08 đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, 07 vụ vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ, triệt phá 03 tụ điểm đánh bạc, đăng ký quản lý cư trú 342 trường hợp.

8. Tổ chức hệ thống chính trị

a) Hội đồng nhân dân thị trấn

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn nhiệm kỳ 2021 - 2026 có 29 người. Trong đó:

- Trình độ đại học là 16 người, chiếm 55,17%; trung cấp là 02 người, chiếm 6,90%.

- Trình độ về lý luận chính trị cao cấp là 02 người, chiếm 6,90%; trung cấp là 15 người, chiếm 51,72%; sơ cấp là 02 người, chiếm 6,90%.

b) Tổng số cán bộ, công chức là 20 người, gồm cán bộ 09 người, công chức 11 người. Trong đó:

- Trình độ thạc sỹ là 02 người, chiếm 10,00%; độ đại học là 16 người, chiếm 80,00%; trung cấp là 02 người, chiếm 10,00%.

- Trình độ lý luận chính trị cao cấp là 02 người, chiếm 10,00%; trung cấp là 14 người, chiếm 70,00%; sơ cấp 04 người, chiếm 20,00%.

9. Đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thị xã

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; các số liệu thống kê đến 31/12/2020, UBND huyện Tịnh Biên đánh giá 04 tiêu chuẩn thành lập phường đối với thị trấn Chi Lăng như sau:

a) Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên.

- Hiện trạng: Thị trấn Chi Lăng có 10.545 người.

Đánh giá: Đạt

b) Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5 km² trở lên.

- Hiện trạng: Thị trấn Chi Lăng có 6,71 km².

Đánh giá: Đạt

c) Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: Thu ngân sách trên địa bàn thị trấn Chi Lăng năm 2021 đạt 8,218 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 8,016 tỷ đồng.

Cân đối có dư.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm:

Quy định đạt bình quân 3 năm (2019 - 2021) của huyện Tịnh Biên là 1,66% (năm 2019 là 2,26%; năm 2020 là 1,65%; năm 2021 là 1,07%)

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm (2019 - 2021) của thị trấn Chi Lăng là 0,34% (năm 2019 là 0,38%; năm 2020 là 0,38%; năm 2021 là 0,27%).

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 70% trở lên.

Hiện trạng: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp của thị trấn Chi Lăng đạt 84,28%.

Đánh giá: Đạt.

d) Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của thị trấn Chi Lăng đã được Bộ Xây dựng đánh giá, công nhận đạt 12/12 tiêu chuẩn để thành lập phường theo quy định.

Như vậy, phường Chi Lăng dự kiến thành lập thuộc thị xã Tịnh Biên đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

IV. HIỆN TRẠNG XÃ AN PHÚ

1. Lịch sử hình thành

Dưới thời vua Gia Long (1802 - 1820), xã An Phú ngày nay có tên gọi là An Thạnh điểm (nhỏ hơn thôn) thuộc huyện Vĩnh Định, trấn Vĩnh Thanh. Năm 1824, sau khi kênh Vĩnh Tế đào xong, triều Nguyễn khuyến khích dân tứ xứ đến khai hoang lập thôn ấp dọc hai bờ kênh Vĩnh Tế và nhiều thôn ấp mới đã ra đời, vùng đất xã An Phú ngày nay thuộc thôn An Thạnh, huyện Vĩnh Định, trấn Vĩnh Thanh.

Năm 1832, vua Minh Mạng đổi trấn thành tỉnh. Nam kỳ được chia thành 06 tỉnh, vùng đất xã An Phú ngày nay thuộc thôn An Thạnh, tổng Châu Phú, huyện Tây Xuyên, phủ Tuy Biên, tỉnh An Giang.

Năm 1839, vua Minh Mạng cho lập phủ Tĩnh Biên gồm hai huyện Hà Dương và Hà Âm, vùng đất xã An Phú ngày nay thuộc thôn An Thạnh, huyện Hà Dương phủ Tĩnh Biên, tỉnh Hà Tiên. Năm 1842, vua Thiệu Trị tách phủ Tĩnh Biên cùng huyện Hà Dương thuộc tỉnh An Giang. Năm 1850, vua Tự Đức bỏ phủ Tĩnh Biên, nhập hai huyện Hà Âm và Hà Dương vào phủ Tuy Biên. Vùng đất xã An Phú ngày nay thuộc thôn An Thạnh, huyện Hà Dương, phủ Tuy Biên, tỉnh An Giang.

Năm 1868, sau khi chiếm xong Nam kỳ, thực dân Pháp tiến hành thiết lập các đơn vị hành chính mới. Ngày 05/01/1876, Pháp bỏ Nam kỳ lục tỉnh, chia thành 4 khu vực: Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long và Bassac. Vùng đất xã An Phú ngày nay thuộc làng An Thạnh, tổng Quy Đức, hạt Châu Đốc, khu vực Bassac. Ngày 01/01/1990, Toàn quyền Paul Doumer áp dụng Nghị định 20/12/1899, đổi hạt thành tỉnh, xã An Phú ngày nay thuộc làng An Thạnh, tổng Quy Đức, quận Tịnh Biên, tỉnh Châu Đốc.

Ngày 20/10/1925, Pháp nhập hai làng An Thạnh và Phú Thạnh thành làng An Phú. Tên gọi An Phú xuất phát từ đây, vùng đất xã An Phú ngày nay làng An Phú, tổng Quy Đức, quận Tịnh Biên, tỉnh Châu Đốc.

Dưới thời chính quyền Sài Gòn, ngày 22/10/1956, tỉnh An Giang được thành lập trên cơ sở hợp nhất hai tỉnh Châu Đốc và Long Xuyên, đổi làng thành xã. Xã An Phú ngày nay chính thức được thành lập thuộc tổng Quy Đức, quận Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Ngày 08/9/1964, theo sắc lệnh 246/NV của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa, tỉnh An Giang tách thành 2 tỉnh An Giang và Châu Đốc, xã An Phú thuộc tổng Quy Đức, quận Tịnh Biên, tỉnh Châu Đốc, quận lỵ đặt tại xã An Phú.

Ngày 11/3/1977, hai huyện Tịnh Biên và Tri Tôn được hợp nhất thành huyện Bảy Núi theo Quyết định 56/CP của Hội đồng Chính phủ. Xã An Phú thuộc huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang.

Ngày 23/8/1979, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 300/CP, huyện Bảy Núi được chia thành hai huyện Tri Tôn và Tịnh Biên. Xã An Phú gồm 04 ấp: Phú Nhứt, Phú Tâm, Phú Hòa và Phú Hiệp thuộc huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang cho đến ngày nay.

2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

a) Vị trí địa lý

Xã An Phú nằm ở phía Bắc của huyện Tịnh Biên, với trục Quốc lộ 91 đi ngang địa bàn và nằm giữa thị trấn Tịnh Biên và thị trấn Nhà Bàng.

b) Địa giới hành chính

- Phía Bắc giáp Vương quốc Campuchia và xã Nhơn Hưng;
- Phía Đông giáp thị trấn Nhà Bàng và xã Thới Sơn;
- Phía Nam giáp xã Văn Giáo và xã An Cư;
- Phía Tây giáp thị trấn Tịnh Biên.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Xã An Phú có diện tích tự nhiên là 2.156,43 ha (gần bằng 21,56 km²) (theo kết quả Thống kê đất đai năm 2021).

Trong đó:

a) Đất phi nông nghiệp là 261,13 ha, bao gồm:

- Đất xây dựng trụ sở là 1,55 ha.
- Đất ở là 71,92 ha.
- Đất quốc phòng là 16,64 ha.
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp là 3,05 ha.
- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp là 0,83 ha.
- Đất có mục đích công cộng là 120,49 ha.

- Đất cơ sở tôn giáo là 10,26 ha.
- Đất cơ sở tín ngưỡng là 0,18 ha.
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ là 8,28 ha.
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 27,93 ha.
- b) Đất nông nghiệp là 1.895,30 ha.

4. Dân số, lao động

a) Xã An Phú có quy mô dân số năm 2021 là 9.688 người. Trong đó:

- Dân số thường trú là 8.168 người.
- Dân số tạm trú quy đổi là 1.520 người.

Thành phần dân cư chủ yếu là người Kinh. Ngoài ra, trên địa bàn xã còn có một bộ phận người Khmer và Hoa.

b) Lao động của xã An Phú có 5.687 người. Trong đó:

- Lao động nông nghiệp là 1.222 người, chiếm 21,49%.
- Lao động phi nông nghiệp là 4.465 người, chiếm 78,51%.

c) Xã An Phú có 04 ấp, gồm: ấp Phú Nhứt, ấp Phú Tâm, ấp Phú Hòa và ấp Phú Hiệp.

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

Nằm ở phía Bắc của huyện Tịnh Biên, với Quốc lộ 91 đi ngang qua địa bàn, nằm giữa thị trấn Tịnh Biên và thị trấn Nhà Bàng với đường biên tiếp giáp Vương quốc Campuchia gần 15 km; có hệ thống cơ sở hạ tầng được đầu tư đồng bộ, hoàn chỉnh, vị trí địa lý thuận lợi, tiềm năng đất đai, nguồn lao động trẻ, dồi dào là điều kiện tốt để thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển. Trong những năm qua, kinh tế xã An Phú phát triển mạnh mẽ và đạt được nhiều thành tựu vượt bậc. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ tăng nhanh và giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế của xã.

a) Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Kinh tế năm 2021 của xã An Phú tiếp tục đạt mức tăng trưởng cao, tổng giá trị sản xuất đạt 562,91 tỷ đồng, tăng 12,06% so với năm 2020. Trong đó, giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ đạt 223,87 tỷ đồng, tăng 12,76%; công nghiệp - xây dựng đạt 154,42 tỷ đồng, tăng 13,00%; nông - lâm - ngư nghiệp đạt 184,62 tỷ đồng, tăng 10,46% so với năm 2020. Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2019 - 2021 đạt 13,20%, trong đó năm 2019 tăng 13,60%, năm 2020 tăng 13,40%, năm 2021 tăng 12,60%.

b) Cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế của xã An Phú chuyển dịch tích cực theo hướng tăng nhanh tỷ trọng thương mại - dịch vụ, công nghiệp - xây dựng và giảm tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp. Năm 2021, xã An Phú có cơ cấu kinh tế như sau: khu vực thương mại -

dịch vụ chiếm 52,50%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 22,54% và khu vực nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 24,96%.

c) Phát triển ngành, lĩnh vực

- Thương mại - dịch vụ:

Năm 2021, giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ của xã An Phú đạt 223,87 tỷ đồng, tăng 12,76% so với năm 2020, chiếm 52,50% trong cơ cấu kinh tế của xã. Hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tập trung chủ yếu tại chợ An Phú và hàng trăm cửa hàng cửa hiệu phân bố dọc theo Quốc lộ 91. Sau thời gian thực hiện giãn cách xã hội, các hoạt động thương mại, dịch vụ và du lịch đã nhanh chóng phục hồi trở lại. Thị trường hàng hóa và dịch vụ sôi động, sức mua hàng hóa tăng mạnh, lượng khách tham quan tăng nhanh tại các điểm tham quan nổi tiếng trên địa bàn xã như: núi Dài 5 Giếng, chùa Huỳnh Quang, tịnh xá Ngọc Mai, tịnh xá Ngọc Thanh, chùa Kim Tiên, chùa Phước Linh, chùa Tà Ngáo,... đã mang lại nguồn thu lớn cho xã trong những năm vừa qua, giải quyết hơn 2.000 lao động tại chỗ.

Xác định được tầm quan trọng của ngành thương mại - dịch vụ trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong những năm qua các cấp ủy Đảng, chính quyền xã An Phú và các cấp, các ngành luôn chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng, tạo cơ chế thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài vùng vào đầu tư sản xuất kinh doanh, chú trọng tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc để các doanh nghiệp yên tâm sản xuất.

- Công nghiệp - xây dựng

Năm 2021, giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng của xã đạt 154,42 tỷ đồng, tăng 13,00% so với năm 2020 và chiếm 22,54% trong cơ cấu kinh tế và có xu hướng ngày càng tăng, góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của xã.

Triển khai trong dân về thực hiện các mô hình chương trình khuyến công, kết quả có 01 cơ sở Tường Vy được hỗ trợ 300 triệu đồng thực hiện dự án ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong quy trình sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ từ cây thốt nốt; phối hợp các ngành cấp trên thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra liên ngành, qua đó đã khảo sát và kiểm tra các cơ sở xăng dầu trên địa bàn xã, kết quả chưa phát hiện trường hợp vi phạm.

Trong năm 2021, xã được đầu tư xây dựng các công trình láng nhựa và sửa chữa đường tiểu lộ ấp Phú Hòa, đường tiểu lộ ấp Phú Tâm, đường tiểu lộ ấp Phú Tâm, đường Ô Tà Bang Hương lộ 6, lát gạch vỉ hè tổng kinh phí 20.523.533.000 đồng. Hệ thống giao thông trên địa bàn ngày càng hoàn thiện và đồng bộ, tạo động lực lớn thúc đẩy sự tăng trưởng toàn ngành.

- Nông - lâm nghiệp - ngư nghiệp

Ngành Nông - lâm nghiệp - ngư nghiệp vẫn đóng vai trò rất quan trọng đối với địa phương, là nguồn nguyên liệu đầu vào cho các ngành khác. Sự tiến bộ không ngừng của khoa học kỹ thuật góp phần ngày một nâng cao giá trị sản xuất của ngành.

Năm 2021, giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp của xã đạt 184,62 tỷ đồng, tăng 10,46% so với năm 2020, chiếm 24,96% trong cơ cấu kinh tế của xã.

Trồng trọt:

Năm 2021, xuống giống và thu hoạch 02 vụ lúa đông xuân và hè thu với diện tích 476 ha. Nhìn chung do giá lúa tăng hơn những năm trước nên trong sản xuất nông nghiệp nông dân được mùa trúng giá (trong đó vụ đông xuân năng suất bình quân đạt 6,5 - 7 tấn/ha, hè thu đạt từ 5 - 5,5 tấn/ha). Sản xuất hoa màu và vụ lúa mới xuống giống 352 ha (trong đó 230 ha lúa, còn loại hoa màu các loại) đạt tỷ lệ 100% so kế hoạch.

Thực hiện chuyển dịch sản xuất nông nghiệp 65,2 ha. Hỗ trợ 01 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết hợp phát triển du lịch đối với hộ ông Võ Văn Điền (ấp Phú Hiệp) diện tích 1,3 ha, khảo sát có 40 người dân tham gia chương trình Vnsat các mô hình nông nghiệp. Tổ chức hướng dẫn 41 hộ dân chuyển đổi cây trồng với diện tích 28,35 ha. Khai giảng 8 lớp dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững chương trình Vnsat có 185 nông dân tham dự, vận động nông dân có đất khu vực trạm bơm Bọng Đình Nghĩa chuyển đổi diện tích cây trồng 70 hộ với diện tích hơn 15 ha. Hoàn thành các thủ tục triển khai công trình thi công nạo vét kênh Vĩnh Tế, thông báo cho 73 hộ nhận tiền bồi thường dự án nâng cấp, cải tạo kênh Vĩnh Tế.

Chăn nuôi:

Công tác tiêm phòng, vệ sinh chuồng trại luôn được đảm bảo. Thực hiện tốt công tác tiêm phòng bệnh long mồm lở móng trên đàn gia súc, tiêm phòng tai xanh 04 đợt với số lượng 5.200 con (trong đó gia súc 1.700 con, gia cầm 3.500 con; thống kê số lượng gia súc và gia cầm xã đang quản lý với 301 con trâu/60 hộ, 1.698 con bò/152 hộ, 436 con heo/20 hộ, 1.876 con gà/71 hộ). Hoàn thành thủ tục hỗ trợ mô hình chăn nuôi (dê) theo chương trình 135/CP cho 23 hộ dân với số tiền 184 triệu (1 hộ 8 triệu đồng). Bên cạnh rà soát về mô hình nuôi chim yến có 2 mô hình với diện tích 1.003,3 ha.

Lâm nghiệp:

Triển khai thực hiện tốt các phương án bảo vệ rừng, thường xuyên tổ chức lực lượng phối hợp tuần tra bảo vệ rừng, chống chặt phá rừng và thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy rừng theo Nghị định 133/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Trong năm 2021, phối hợp các ngành tuyên truyền 12 cuộc với 182 người tham gia về công tác phòng chống cháy nổ và cháy rừng, duy trì và củng cố các tổ bảo vệ và chăm sóc rừng, trang bị công cụ phương tiện phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng. Tiếp nhận 2.500 cây các loại trồng phân tán tại các Hương lộ và cấp phát trong dân, thực hiện trồng mới 20.000 cây xanh các loại.

Ngư nghiệp:

Tổ chức tuyên truyền 12 cuộc với 182 lượt người tham gia, nội dung tuyên truyền về quy định đánh bắt thủy sản trái phép, tuần tra phát hiện bắt quả tang 01 trường hợp vi phạm và tạm giữ các tang vật đánh bắt thủy sản trái phép (vắng chủ). Thường xuyên ra quân tuần tra, kiểm tra, cam kết không đánh bắt thủy sản trái phép

bằng ngư cụ cấm và sử dụng lưới không đúng kích cỡ, đồng thời ngăn chặn không để xảy ra tình hình chài chà trên kênh Vĩnh Tế.

d) Thu chi ngân sách

Công tác thu ngân sách được tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quản lý và khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu. Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã năm 2021 đạt 8,083 tỷ đồng.

Chi ngân sách đã bám sát phân khai của huyện, Nghị quyết của HĐND xã; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng chế độ, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tổng chi ngân sách năm 2021 của xã đạt 7,925 tỷ đồng.

đ) Thu nhập bình quân đầu người đạt từ 52,06 triệu đồng năm 2019 tăng lên 58,68 triệu đồng/người/năm năm 2021. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn năm 2021 giảm còn 0,38%; bình quân giai đoạn 2019 - 2021 là 0,62%, thấp hơn bình quân chung của huyện Tịnh Biên.

6. Hiện trạng văn hóa, xã hội

a) Giáo dục

Công tác xã hội hóa giáo dục được quan tâm và trở thành phong trào sâu rộng trong nhân dân. Cơ sở vật chất trường lớp ngày một được tăng cường, tổ chức tốt hoạt động thi đua dạy và học, nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn. Chất lượng giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực, theo hướng thực chất.

Tổ chức khai giảng năm học mới và phòng chống dịch Covid-19 như khử trùng phun xịt thuốc khử trùng, hướng dẫn học sinh ngồi khoảng cách an toàn, đeo khẩu trang đúng quy định. Tỷ lệ huy động học sinh đến trường năm học 2021 - 2022 như sau:

- Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi: 393/393 em đạt 100%.
- Trường tiểu học “A”: 246/246 em đạt 100%.
- Trường tiểu học “B”: 449/449 em đạt 100%.
- Trường mẫu giáo “An Phú”: mẫu giáo 5 tuổi 156/120 em đạt 130%; nhà trẻ 15/27 em đạt 55,56%.
- Trường Mầm Non “Tuổi Ngọc”: 174/147 em đạt 118,3%.
- Trường Mẫu giáo “An Phú” và trường Mầm Non “Tuổi Ngọc” được công nhận trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích năm 2020 - 2021.

Công tác khuyến học: Thực hiện tốt công tác xã hội hóa vận động các mạnh thường quân trong và ngoài tỉnh ủng hộ 1.570 phần quà, tổng trị giá 1.315,12 triệu đồng, trong đó học bổng 87,05 triệu đồng. Tổ chức đại hội Hội khuyến học lần thứ IV nhiệm kỳ 2020 - 2025 thành công tốt đẹp.

b) Y tế

Công tác y tế được đảm bảo; công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được quan tâm chỉ đạo; đáp ứng nhu cầu thực hiện các chương trình y tế quốc gia; đảm bảo công tác phòng, chống dịch bệnh và khám chữa bệnh tại chỗ cho nhân dân.

Trong năm tổ chức khám 965 trường hợp, thực hiện các chương trình y tế đạt chỉ tiêu, chỉ tiêu trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng 54/584 đạt 9,25%. Tổ chức ra quân chiến dịch diệt lăng quăng theo kế hoạch tại ấp Phú Tâm với hơn 100 lượt người tham gia, cam kết và vận động 665 hộ dân thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết. Sở y tế kiểm tra đánh giá Trạm y tế xã đạt các tiêu chí quốc gia về y tế xã đạt chuẩn năm 2021.

Về hội Đông y, hội chữ thập đỏ: Thực hiện khám 5.053 người, hốt 32.477 thang thuốc, trong đó châm cứu 1.057 trường hợp. Vận động nhân dân và hướng dẫn nhân dân trồng cây thuốc Nam tại nhà phục vụ công tác khám chữa bệnh. Tổ chức vận động hiến máu nhân đạo đến nay thực hiện 100/95 người đạt 105,2 %, phối hợp các ngành hỗ trợ quà và tổ chức mai táng 17 trường hợp với 96 lượt hội viên tham gia.

Năm 2021, xã An Phú quyết liệt thực hiện các biện pháp chỉ đạo của các cấp, các ngành để phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn theo hướng chủ động, hiệu quả từ các ấp tới từng hộ gia đình trên địa bàn; thực hiện tốt công tác y tế dự phòng; chủ động phòng, chống, phát hiện và khống chế các loại dịch bệnh xảy ra.

c) Lĩnh vực văn hóa thông tin, thể dục thể thao

Tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền về tổ chức thực hiện có hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết của trung ương, của tỉnh, của huyện về nếp sống văn minh; tuyên truyền học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chuyên đề năm 2021. Làm tốt công tác quản lý di tích lịch sử văn hóa phù hợp với quy định của pháp luật và truyền thống văn hóa của địa phương. Công tác thông tin và truyền thông luôn bám sát các nhiệm vụ chính trị, đảm bảo tốt việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, các quy định của địa phương. Trong năm 2021, các phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng luôn được duy trì và tổ chức tốt. Tổ chức kiểm tra và tháo gỡ 214 mẫu quảng cáo sai quy định; thường xuyên tuyên truyền công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn xã; tổ chức phong trào giao hữu môn bóng chuyền và văn nghệ nhân dịp Tết quân - dân tại xã; hội hợp cùng xã đoàn và hội phụ nữ tổ chức trò chơi dân gian nhân kỷ niệm 89 năm ngày thành lập đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3/1931 - 26/3/2021) tuyên dương thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác, kỷ niệm 110 năm ngày quốc tế phụ nữ (8/3/1910 - 8/3/2021) có 50 hội viên và đoàn viên tham gia và tham dự đầy đủ các phong trào do trung tâm văn hóa thể thao huyện tổ chức nhân dịp chào mừng Đại hội Đảng bộ huyện Tịnh Biên lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Hàng năm, xã luôn duy trì và thường xuyên đẩy mạnh các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và huy động nhiều người tham gia; đặc biệt là củng cố, nâng chất các câu lạc bộ đàn ca tài tử, bóng chuyền, bóng đá và phong trào thể dục rèn luyện thân thể gắn với “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn

mới - đô thị văn minh”; nâng chất 02 cơ quan văn hóa nâng tổng số 18 cơ quan văn hóa, 04 ấp giữ chuẩn danh hiệu văn hóa 5 năm liền và là ấp sức khỏe, hiện có 1.853 hộ, trong đó nâng chất 5 năm liền là 1.597 hộ được huyện khen thưởng, các phong trào thi đua yêu nước ngày càng đầy mạnh.

Tăng cường quản lý, khai thác, ứng dụng khoa học công nghệ, thông tin vào hệ thống Đài truyền thanh của xã, kịp thời đưa chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước đến với nhân dân; phủ sóng trên địa bàn đạt hiện nay trên 75%.

d) Thực hiện các chính sách an sinh xã hội

Công tác an sinh, phúc lợi xã hội được đảm bảo, triển khai đầy đủ, kịp thời và đúng đối tượng; thường xuyên quan tâm, thăm hỏi, chăm sóc các đối tượng người cao tuổi, người có công, người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người có hoàn cảnh khó khăn, nhất là các dịp lễ, tết; thực hiện tiếp nhận, giải quyết chế độ trợ cấp một lần, hỗ trợ kinh phí mai táng, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định. Tiếp tục kiểm tra, rà soát, lập hồ sơ các hộ người có công với cách mạng đủ điều kiện hỗ trợ về nhà ở trên địa bàn.

Năm 2021, hoàn thành xây dựng nhà theo Quyết định 33/TTg cho 22 hộ với số tiền 220 triệu đồng và 22 căn nhà ở cho người có công cách mạng theo quyết định số 22-QĐ/TTg; xây mới 01 căn nhà tình nghĩa 50 triệu đồng cho gia đình chính sách khó khăn về nhà ở từ nguồn quỹ đền ơn đáp nghĩa huyện. Lập hồ sơ đề nghị hưởng bảo trợ xã hội hàng tháng, phát sinh mới 42 hồ sơ, điều chỉnh 09 hồ sơ, giảm 21 hồ sơ (từ trần) đến nay hồ sơ đang quản lý 261 trường hợp, trợ cấp 1 lần huy chương 3 trường hợp, còn 1 trường hợp đang chờ trích lục. Xây 04 căn nhà cho thân nhân người có công cách mạng khó khăn về nhà ở, hộ cận nghèo từ nguồn của Sở giao thông An Giang hỗ trợ. Thực hiện cấp phát tiền hỗ trợ Covid -19 cho vợ liệt sĩ tái giá 2 trường hợp với số tiền 3.000.000 đồng, lao động có dịch vụ kinh doanh 12 hộ, lao động tự do 210 người với số tiền 222.000.000 đồng.

Công tác giảm nghèo: nhận tiền và cấp tiền hỗ trợ nhân dịp tết Chôl Chnăm Thmây 2021 cho 02 hộ nghèo dân tộc số tiền 600.000 đồng. Cấp quà cho hộ nghèo, cận nghèo, hộ khó khăn 3.040 phần quà trị giá 905.100.000 đồng do các mạnh thường quân trong và ngoài địa bàn xã tài trợ, vận động xây mới được 13 căn nhà mái âm tình thương cho hộ nghèo và hộ khó khăn với tổng số tiền hơn 520 triệu đồng, cấp 4.582 thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, cận nghèo người vùng khó khăn và dân tộc. Tổ chức họp xét hộ nghèo, cận nghèo, kết quả hộ thoát nghèo 4/3 hộ đạt 133,3% kế hoạch.

đ) Công tác dân tộc, tôn giáo

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương. Tôn trọng và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Khmer; thực hiện tốt công tác chăm cho các

hộ dân tộc, nhất là các hộ dân tộc nghèo, khó khăn. Thông qua đó, góp phần tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động được nhiều nguồn lực chăm lo các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn.

7. Quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Công tác quân sự, quốc phòng được triển khai thực hiện đúng kế hoạch, duy trì lực lượng thực hiện nhiệm vụ phòng, chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn và phòng, chống cháy nổ, cháy rừng; theo dõi nắm chắc tình hình nội, ngoại biên kịp thời xử lý khi có tình huống xảy ra. Thực hiện nghiêm túc Quy chế phối hợp theo Nghị định số 133/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Tình hình biên giới và nội địa ổn định, luôn giữ vững mối quan hệ 2 xã bạn đối diện Campuchia, bảo vệ tốt cột mốc 272, 273 và đường biên giới do xã đảm trách. Thực hiện công tác gọi thanh niên nhập ngũ đạt 100% chỉ tiêu huyện giao hằng năm (trong đó có 4 đảng viên) xây dựng lực lượng dân quân 534/534 đạt 100% kế hoạch, hàng năm tổ chức huấn luyện cho lực lượng đạt chất lượng theo yêu cầu, đồng thời còn làm tốt giáo dục bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho đối tượng 5 mở 3 lớp có 140 đồng chí, kết quả đạt yêu cầu.

b) An ninh

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững, trong đó giảm đáng kể các vụ gây mất trật tự an toàn xã hội trên địa bàn (chỉ xảy ra 37 vụ vi phạm liên quan 46 đối tượng), phạm pháp hình sự 04 vụ (liên quan 05 đối tượng, quản lý 22 đối tượng theo Nghị định 163/CP), giáo dục 10 đối tượng tại địa phương, đưa đi trại giáo dưỡng 09 đối tượng, tai nạn giao thông xảy ra 03 vụ làm 04 người bị thương. Ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 44 trường hợp với số tiền là 20.370.000 đồng.

8. Tổ chức hệ thống chính trị

a) Hội đồng nhân dân xã

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026 có 30 người. Trong đó:

- Trình độ thạc sỹ là 02 người, chiếm 6,67%; đại học là 17 người, chiếm 56,67%; trung cấp là 03 người, chiếm 10,00%.

- Trình độ về lý luận chính trị cao cấp là 02 người, chiếm 6,67%; trung cấp là 20 người, chiếm 66,67%; sơ cấp là 07 người, chiếm 23,33%.

b) Tổng số cán bộ, công chức là 22 người, gồm cán bộ 11 người, công chức 11 người. Trong đó:

- Trình độ thạc sỹ là 02 người, chiếm 9,09%; đại học là 18 người, chiếm 81,82%; trung cấp là 02 người, chiếm 9,09%.

- Trình độ lý luận chính trị cao cấp là 02 người, chiếm 9,09%; trung cấp là 19 người, chiếm 86,36%; sơ cấp 02 người, chiếm 9,09%.

9. Đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thị xã

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; các số liệu thống kê đến 31/12/2020, UBND huyện Tịnh Biên đánh giá 04 tiêu chuẩn thành lập phường đối với xã An Phú như sau:

a) Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên.
- Hiện trạng: xã An Phú có 9.688 người.

Đánh giá: Đạt

b) Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5 km² trở lên.
- Hiện trạng: xã An Phú có 21,56 km².

Đánh giá: Đạt

c) Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: thu ngân sách trên địa bàn xã An Phú năm 2021 đạt 8,083 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 7,925 tỷ đồng.

Cân đối có dư.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm:

Quy định đạt bình quân 3 năm (2019 - 2021) của huyện Tịnh Biên là 1,66% (năm 2019 là 2,26%; năm 2020 là 1,65%; năm 2021 là 1,07%)

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm (2019 - 2021) của xã An Phú là 0,62% (năm 2019 là 0,84%; năm 2020 là 0,64%; năm 2021 là 0,38%).

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 70% trở lên.

Hiện trạng: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp của xã An Phú đạt 78,51%.

Đánh giá: Đạt.

d) Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của xã An Phú đã được Bộ Xây dựng đánh giá, công nhận đạt 12/12 tiêu chuẩn để thành lập phường theo quy định.

Như vậy, phường An Phú dự kiến thành lập thuộc thị xã Tịnh Biên đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

V. HIỆN TRẠNG XÃ NHƠN HƯNG

1. Lịch sử hình thành

Dưới thời vua Gia Long (1802 - 1820), xã Nhơn Hưng ngày nay thuộc làng Nhơn Hòa, đạo Châu Đốc, dinh Long Hồ. Năm 1824, sau khi kênh Vĩnh Tế đào xong, triều Nguyễn khuyến khích dân tứ xứ đến khai hoang lập thôn ấp dọc hai bờ kênh Vĩnh Tế và nhiều thôn ấp mới đã ra đời, vùng đất xã Nhơn Hưng ngày nay thuộc thôn Nhơn Hòa, huyện Vĩnh Định, trấn Vĩnh Thanh.

Năm 1832, vua Minh Mạng đổi trấn thành tỉnh. Nam kỳ được chia thành 06 tỉnh, vùng đất xã Nhơn Hưng ngày nay thuộc thôn Nhơn Hòa, tổng Châu Phú, huyện Tây Xuyên, phủ Tuy Biên, tỉnh An Giang.

Năm 1839, vua Minh Mạng cho lập phủ Tĩnh Biên gồm hai huyện Hà Dương và Hà Âm, vùng đất xã Nhơn Hưng ngày nay thuộc thôn Nhơn Hòa, huyện Hà Dương, phủ Tĩnh Biên, tỉnh Hà Tiên. Tháng 6/1842, vua Thiệu Trị tách phủ Tĩnh Biên cùng huyện Hà Dương thuộc tỉnh An Giang. Năm 1850, vua Tự Đức bỏ phủ Tĩnh Biên, nhập hai huyện Hà Âm và Hà Dương vào phủ Tuy Biên. Vùng đất xã Nhơn Hưng ngày nay thuộc thôn Nhơn Hòa, huyện Hà Dương, phủ Tuy Biên, tỉnh An Giang.

Năm 1868, sau khi chiếm xong Nam kỳ, thực dân Pháp tiến hành thiết lập các đơn vị hành chính mới. Ngày 05/01/1876, Pháp bỏ Nam kỳ lục tỉnh, chia thành 4 khu vực: Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long và Bassac. Vùng đất xã Nhơn Hưng ngày nay nằm trên hai làng Nhơn Hòa (tổng Quy Đức) và Vĩnh Hưng (tổng Châu Phú), hạt Châu Đốc, khu vực Bassac. Ngày 01/01/1990, Toàn quyền Paul Doumer áp dụng Nghị định 20/12/1899, đổi hạt thành tỉnh, xã Nhơn Hưng ngày nay thuộc hai làng Nhơn Hòa (tổng Quy Đức) và Vĩnh Hưng (tổng Châu Phú), tỉnh Châu Đốc.

Năm 1903, tỉnh Châu Đốc có 3 quận Tân Châu, Tri Tôn, Tịnh Biên. Xã Nhơn Hưng ngày nay nằm trên hai làng Nhơn Hòa (tổng Quy Đức) và Vĩnh Hưng (tổng Châu Phú), quận Tịnh Biên, tỉnh Châu Đốc. Ngày 06/01/1916, làng Vĩnh Hưng nhập về tổng Quy Đức, quận Tịnh Biên. Ngày 20/10/1925, Pháp nhập hai làng Nhơn Hòa và Vĩnh Hưng thành làng Nhơn Hưng thuộc tổng Quy Đức, quận Tịnh Biên, tỉnh Châu Đốc. Địa danh Nhơn Hưng xuất phát từ đây.

Dưới thời chính quyền Sài Gòn, ngày 22/10/1956, tỉnh An Giang được thành lập trên cơ sở hợp nhất hai tỉnh Châu Đốc và Long Xuyên, đổi làng thành xã. Xã Nhơn Hưng thuộc tổng Quy Đức, quận Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Ngày 08/9/1964, xã Nhơn Hưng thuộc huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Ngày 11/3/1977, hai huyện Tịnh Biên và Tri Tôn được hợp nhất thành huyện Bảy Núi theo Quyết định 56/CP của Hội đồng Chính phủ. Xã Nhơn Hưng thuộc huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang.

Ngày 23/8/1979, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 300/CP, huyện Bảy Núi được chia thành hai huyện Tri Tôn và Tịnh Biên. Xã Nhơn Hưng thuộc huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Do yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, ngày 10/5/1986, Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 56-HĐBT tách 02 ấp Sơn Đông và Thới Hòa của xã Thới Sơn (227,5 ha diện tích tự nhiên với 4.673 nhân khẩu) và một phần xã Nhơn Hưng (311,5 ha diện tích tự nhiên với 2.548 nhân khẩu) thành lập thị trấn Nhà Bàng, là thị trấn huyện lỵ huyện Tịnh Biên. Xã Nhơn Hưng còn lại 03 ấp, gồm: ấp Đông Hưng, ấp Tây Hưng, ấp Trung Bắc Hưng và tồn tại cho đến ngày nay.

2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

a) Vị trí địa lý

Xã Nhơn Hưng nằm ở phía Bắc của huyện Tịnh Biên, là xã tiếp giáp liền kề với thành phố Châu Đốc và Vương quốc Campuchia.

b) Địa giới hành chính

- Phía Bắc giáp Vương quốc Campuchia;
- Phía Đông giáp xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc;
- Phía Nam giáp xã Thới Sơn và thị trấn Nhà Bàng;
- Phía Tây giáp xã An Phú.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Xã Nhơn Hưng có diện tích tự nhiên là 1.912,18 ha (gần bằng 19,12 km²) (theo kết quả Thống kê đất đai năm 2021).

Trong đó:

a) Đất phi nông nghiệp là 287,91 ha, bao gồm:

- Đất xây dựng trụ sở là 2,34 ha.
- Đất ở là 70,83 ha.
- Đất quốc phòng là 4,24 ha.
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp là 3,21 ha.
- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp là 0,72 ha.
- Đất có mục đích công cộng là 135,79 ha.
- Đất cơ sở tôn giáo là 4,71 ha.
- Đất cơ sở tín ngưỡng là 2,26 ha.
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ là 5,90 ha.
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 57,92 ha.

b) Đất nông nghiệp là 1.624,27 ha.

4. Dân số, lao động

a) Xã Nhơn Hưng có quy mô dân số năm 2021 là 6.992 người. Trong đó:

- Dân số thường trú là 6.132 người.
- Dân số tạm trú quy đổi là 860 người.

Thành phần dân cư chủ yếu là người Kinh. Ngoài ra, trên địa bàn xã còn có một bộ phận người Khmer và Hoa.

b) Lao động của xã Nhơn Hưng có 4.526 người. Trong đó:

- Lao động nông nghiệp là 1.249 người, chiếm 27,60%.
- Lao động phi nông nghiệp là 3.277 người, chiếm 72,40%.

c) Xã Nhơn Hưng có 03 ấp, gồm: ấp Đông Hưng, ấp Tây Hưng và ấp Trung Bắc Hưng.

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

a) Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Năm 2021, kinh tế xã Nhơn Hưng vẫn đạt mức tăng trưởng cao bất chấp ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, tổng giá trị sản xuất đạt 776,28 tỷ đồng, tăng 12,89% so với năm 2020. Trong đó, giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ đạt 346,79 tỷ đồng, tăng 13,48%; công nghiệp - xây dựng đạt 177,35 tỷ đồng, tăng 13,74%; nông - lâm - ngư nghiệp đạt 252,14 tỷ đồng, tăng 11,49% so với năm 2020. Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2019 - 2021 đạt 13,50%, trong đó năm 2019 tăng 14,50%, năm 2020 tăng 13,50%, năm 2021 tăng 12,50%.

b) Cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế của xã Nhơn Hưng chuyển dịch tích cực theo hướng tăng nhanh tỷ trọng thương mại - dịch vụ, công nghiệp - xây dựng và giảm tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp. Năm 2021, xã Nhơn Hưng có cơ cấu kinh tế như sau: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 56,50%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 18,60% và khu vực nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 24,90%.

c) Phát triển ngành, lĩnh vực

- Thương mại - dịch vụ:

Năm 2021, giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ đạt 346,79 tỷ đồng, tăng 13,48% so với năm 2020, chiếm 56,50% trong cơ cấu kinh tế của xã và có xu hướng ngày càng tăng. Hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại địa phương chủ yếu diễn ra tại chợ Cây Mít với diện tích 1.323,00 ha, cùng 476 cơ sở hoạt động mua bán, sản xuất kinh doanh trên địa bàn tập trung chủ yếu dọc theo các tuyến đường huyết mạch đi qua địa bàn xã là Quốc lộ 91, đường tỉnh 948 và đường tỉnh 955A, hàng năm mang lại nguồn thu lớn, giá trị sản xuất cao cho xã, đáp ứng nhu cầu mua bán hàng hóa của người dân trên địa bàn và các xã lân cận.

Xác định được tầm quan trọng của ngành thương mại - dịch vụ trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong những năm qua các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và các cấp, các ngành luôn chú trọng đầu tư cơ sở hạ

tăng, kêu gọi đầu tư, tạo cơ chế thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài vùng vào đầu tư sản xuất kinh doanh, tạo sự chuyển biến khá rõ rệt, đánh dấu bước phát triển vượt bậc của ngành thương mại - dịch vụ của địa phương.

Hoạt động du lịch có bước phát triển vượt bậc, nổi bật là hoạt động du lịch tâm linh, tham quan các di tích lịch sử trên địa bàn như: di tích lịch sử cấp Quốc gia chùa Hòa Thành, hầm bí mật Văn phòng Huyện ủy, chốt thép Nhơn Hưng,... hằng năm thu hút hơn 78.000 lượt khách tham quan. Công tác quản lý, bảo tồn và trùng tu các di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn luôn được xã chú trọng.

- Công nghiệp - xây dựng

Năm 2021, giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng của xã đạt 177,35 tỷ đồng, tăng 13,74% so với năm 2020 và chiếm 18,60% trong cơ cấu kinh tế và có xu hướng tăng nhanh.

Các cơ sở sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm, sản phẩm gia dụng, đồ gỗ mỹ nghệ,... đa số được áp dụng máy móc và kỹ thuật tiên tiến ở một số công đoạn trong quá trình sản xuất, mang lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần nâng cao đời sống người dân và giải quyết hơn 1.000 lao động tại chỗ.

Trong năm 2021, hệ thống giao thông trên địa bàn xã luôn được chú trọng đầu tư, nâng cấp đồng bộ và ngày càng hoàn thiện. Trong năm xã mở mới 04 tuyến đường với tổng chiều dài trên 05 km, kinh phí hơn 12 tỷ đồng; khắc phục và sửa chữa 10 miệng cống bọng; lắp đặt biển tên đường trên các tuyến đường; 100% các tuyến đường trên địa bàn xã được nhựa hóa, cứng hóa và do các ban ngành, đoàn thể cùng nhân dân tự quản; nâng cấp, xây dựng mới 07 cổng chào ở xã và 03 ấp với tổng kinh phí hơn 300 triệu đồng; 18 tuyến đường đã được bê tông hóa và nhựa hóa góp phần nâng cao bộ mặt nông thôn xanh, sạch, đẹp; xây dựng đường kiểu mẫu Cây Mít phục vụ mục đích phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh và văn minh đô thị trên địa bàn xã.

- Nông - lâm nghiệp - ngư nghiệp

Xã tập trung phát triển nền nông nghiệp toàn diện, ứng dụng mạnh mẽ khoa học kỹ thuật, nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả và đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới. Năm 2021, giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp của xã Nhơn Hưng đạt 252,14 tỷ đồng, tăng 11,49% so với năm 2020, chiếm 24,90% trong cơ cấu kinh tế của xã và có xu hướng ngày càng giảm.

Trồng trọt:

Tổng diện tích giao trồng hàng năm đạt 2.662,4 ha, trong đó: lúa xuống giống được 2.612 ha, đạt 100% kế hoạch, năng suất lúa khô bình quân đạt 5,2 - 6,7 tấn/ha, giá giao động từ 5.100 - 5.300 đồng/kg; xuống giống màu được 54,9 ha, đạt 100% kế hoạch; chuyển đổi cây trồng được 51,85 ha, đạt 103,7% kế hoạch bao gồm chuyển đổi từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn (màu: 50,4 ha, cây ăn trái: 1,45 ha). Việc ứng dụng khoa học, kỹ thuật công nghệ trong sản xuất được chú trọng, góp phần nâng cao năng suất cây trồng, chất lượng sản phẩm. Thực hiện dự án VnSAT trên diện tích 626,45 ha với 330 học viên

tham gia; từng bước hình thành các sản phẩm đặc thù, nổi tiếng của địa phương như đường thốt nốt.

Chăn nuôi:

Xã hiện có 647 con gia súc, 10.025 con gia cầm. Công tác tiêm phòng, vệ sinh chuồng trại, kiểm tra dịch bệnh luôn được đảm bảo và đúng quy định. Trong năm 2021, xã thực hiện phát thuốc sát trùng cho 20 hộ chăn nuôi heo; kịp thời hỗ trợ cho các hộ chăn nuôi bị ảnh hưởng bởi dịch tả heo Châu Phi với số tiền 475.895.000 đồng

Lâm nghiệp:

Triển khai thực hiện tốt các phương án bảo vệ rừng, thường xuyên tổ chức lực lượng phối hợp tuần tra bảo vệ rừng, chống chặt phá rừng và thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy rừng theo Nghị định 133/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Xã hiện có 163,28 ha diện tích rừng, tỉnh đã giao cho công ty CP XD Thành Đô quản lý khai thác du lịch sinh thái. Công ty đã khai thác rừng trước đây để quy hoạch và trồng mới 6 triệu cây tràm nội và hơn 5.000 cây ăn trái phục vụ phát triển du lịch.

Ngư nghiệp:

Trong năm 2021, Đoàn kiểm tra thủy sản ra quân 02 đợt, trong đó vận động 2 hộ dân dừng việc cào hén do gây ô nhiễm nguồn nước, 3 hộ đặt dón tự tháo dỡ 12 cái dón, phát hiện 01 trường hợp khai thác thủy sản trái phép và đã xử phạt vi phạm hành chính số tiền 15 triệu đồng. Có 01 hộ thu hoạch cá tra với diện tích 300 m² được 1.100 kg với giá 16.000 đ/kg.

d) Thu chi ngân sách

Công tác thu ngân sách được tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quản lý và khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu. Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã năm 2021 đạt 10,977 tỷ đồng.

Chi ngân sách đã bám sát phân khai của huyện, Nghị quyết của HĐND xã; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng chế độ, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tổng chi ngân sách năm 2021 của xã đạt 10,817 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên đạt 10,701 tỷ đồng.

đ) Thu nhập bình quân đầu người đạt từ 55,63 triệu đồng năm 2019 tăng lên 58,47 triệu đồng/người/năm năm 2021. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn năm 2021 giảm còn 0,54%; bình quân giai đoạn 2019 - 2021 là 0,82%, thấp hơn bình quân chung của huyện Tịnh Biên.

6. Hiện trạng văn hóa, xã hội

a) Giáo dục

Công tác xã hội hóa giáo dục được quan tâm và trở thành phong trào sâu rộng trong nhân dân, nền giáo dục được đổi mới mạnh mẽ. Cơ sở vật chất được quan tâm đầu tư, tổ chức tốt hoạt động thi đua dạy và học, nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn. Chất lượng giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực, theo hướng thực chất.

Năm 2021, xã đầu tư nâng cấp 03/04 trường từ vốn nông thôn mới với kinh phí trên 35 tỷ đồng; huy động 1.300 em ra lớp, 100% trẻ trong độ tuổi đến trường; tỷ lệ học sinh bỏ học cấp tiểu học và THCS giảm dưới 0,1%, đạt và giữ vững các chuẩn phổ cập giáo dục, 100% trường tiểu học đạt chuẩn mức chất lượng tối thiểu.

Xây dựng xã hội học tập: Có 07 chi hội khuyến học với trên 650 hội viên; vận động trên 02 tỷ đồng, hỗ trợ trên 300 lượt học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Tổ chức 05 đợt dự khảo về nguồn, tham quan các di tích lịch sử cho trên 300 lượt giáo viên và học sinh có thành tích xuất sắc. Xã hội hóa công trình tượng cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc với tổng kinh phí 214.350.000đ,...

b) Y tế

Các chương trình mục tiêu Quốc gia về y tế luôn triển khai thực hiện có hiệu quả, tỷ lệ người dân tham gia BHYT là 4.549 người đạt 106,328% kế hoạch năm; BHYT hộ gia đình và học sinh là 7.253/6.095 thẻ, đạt 119% kế hoạch năm, vận động người dân tham gia BHXH tự nguyện được 178/77 người, đạt 231,2% kế hoạch năm; trạm y tế được đầu tư xây dựng mới với kinh phí 3,660 tỷ đồng, đạt chuẩn tiên tiến về y học cổ truyền. 100% áp đạt chuẩn văn hóa sức khỏe, có tổ y tế, cộng tác viên cơ sở. Việc khám, điều trị bệnh bằng Đông - Tây y kết hợp được quan tâm; khám, điều trị bệnh trên 6.000 lượt người (kể cả 03 cơ sở y tế tư nhân); thực hiện tốt chương trình y tế quốc gia, phòng chống dịch bệnh; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, nhất là vận động dùng bao tay trong kinh doanh dịch vụ ăn, uống.

c) Lĩnh vực văn hóa thông tin, thể dục thể thao

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, củng cố và nâng chất. Tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao hàng năm vào các dịp lễ, tết với khoảng 80% thanh thiếu niên tham gia; tổ chức thành công Đại hội thể dục, thể thao lần thứ VIII, tham gia Đại hội huyện, tỉnh đạt 10 huy chương các loại.

Vận động xã hội hóa trên 80 triệu, đầu tư nâng cấp thư viện xã và phòng đọc biên giới, hiện có gần 1.000 đầu sách; các thiết chế văn hóa được quan tâm đầu tư như: Trung tâm thể dục thể thao, điểm sinh hoạt cộng đồng, Chốt Thép, Đình thần với kinh phí trên 9 tỷ; các câu lạc bộ không ngừng được củng cố, kiện toàn. Bình xét, nâng chất được 1.684/1.785 hộ gia đình văn hóa, đạt 94,34%; 03/03 áp đạt chuẩn văn hóa, chuẩn điểm sáng văn hóa biên giới; có 08 cơ quan, đơn vị văn hóa, đặc biệt là xã đạt chuẩn xã văn hóa Nông thôn mới theo Quyết định số 5173/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 của chủ tịch UBND huyện Tịnh Biên. Đài truyền thanh xã được đầu tư, sửa chữa với kinh phí 481 triệu đồng, trang bị 02 máy vi tính, bố trí 44 cụm loa, đảm bảo phủ sóng toàn địa bàn, chất lượng nội dung chương trình, chuyên mục phong phú, kịp thời thông tin các hoạt động của hệ thống chính trị đến nhân dân, đảm bảo tuyên truyền đầy đủ, kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước.

d) Thực hiện các chính sách an sinh xã hội

Giới thiệu 294 hộ nghèo vay vốn trên 3 tỷ, 244 sinh viên vay vốn gần 1,3 tỷ; hỗ trợ 1.387 học sinh nghèo được miễn, giảm học phí và các khoản đóng góp khác trên 1,4 tỷ; cấp phát 10.176 lượt thẻ BHYT cho hộ nghèo, cận nghèo, dân tộc, đối tượng bảo trợ xã hội và 4.567 BHYT cho người dân 02 ấp khó khăn (Tây Hưng và Trung Bắc Hưng); hỗ trợ phát triển sản xuất từ Chương trình 135 cho hộ nghèo, cận nghèo với 77 hộ, kinh phí 643 triệu đồng, hỗ trợ 264 căn nhà 22 và 33 tổng trị giá trên 10 tỷ; thực hiện bảo trợ xã hội cho 845 lượt, vận động quà, tiền mặt trên 1 tỷ giúp hộ nghèo và gia đình chính sách gặp khó khăn, góp phần giảm hộ nghèo còn dưới 0,7%, giảm 14% so năm 2015. Thực hiện tốt các chính sách đối với người có công, trợ cấp 744 lượt với tổng kinh phí trên 79 tỷ.

Mở 10 lớp dạy nghề với 500 học viên đạt 100% kế hoạch, giải quyết việc làm trên 4.000 lao động, đạt gấp 3 lần nghị quyết, nâng lao động qua đào tạo nghề của xã lên trên 35%.

đ) Công tác dân tộc, tôn giáo

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước và các quy định của địa phương. Tôn trọng và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Khmer; thực hiện tốt công tác chăm sóc các hộ dân tộc, nhất là các hộ dân tộc nghèo, khó khăn. Thông qua đó, góp phần tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động được nhiều nguồn lực chăm lo các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn.

7. Quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Công tác quân sự, quốc phòng được triển khai thực hiện đúng kế hoạch, duy trì lực lượng thực hiện nhiệm vụ phòng, chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn và phòng, chống cháy nổ, cháy rừng; theo dõi nắm chắc tình hình nội, ngoại biên kịp thời xử lý khi có tình huống xảy ra.

Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh đạt 100% kế hoạch, đảm bảo trực sẵn sàng chiến đấu; quan tâm xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Diễn tập xử lý tình huống trên bản đồ và thực binh được đánh giá cao. Thực hiện tốt việc đăng ký, quản lý lực lượng dự bị động viên. Gọi thanh niên nhập ngũ đảm bảo dân chủ, công bằng, tuyển và giao quân hàng năm vượt chỉ tiêu, chính sách hậu phương quân đội được quan tâm. Xây dựng mới Ban chỉ huy Quân sự với kinh phí 5,4 tỷ đồng và Chốt dân quân với kinh phí 4,3 tỷ đồng.

b) An ninh

Tình hình an ninh trật tự luôn được giữ vững, ổn định, phong trào quần chúng tự quản thường xuyên được củng cố, nâng chất hoạt động; phòng, chống các tệ nạn xã hội có hiệu quả, an ninh nông thôn, trật tự an toàn xã hội được đảm

bảo. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc phát triển rộng khắp, định kỳ xã luôn tổ chức họp công an lắng nghe ý kiến của nhân dân. Thực hiện mô hình xã hội hóa lắp đặt tại 19 điểm với 55 mắt camera an ninh với tổng kinh phí 217.500.000 đồng.

8. Tổ chức hệ thống chính trị

a) Hội đồng nhân dân xã

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026 có 28 người. Trong đó:

- Trình độ thạc sỹ là 02 người, chiếm 7,14%; đại học là 19 người, chiếm 67,86%; cao đẳng là 01 người, chiếm 3,57%; trung cấp là 03 người, chiếm 10,71%.

- Trình độ về lý luận chính trị cao cấp là 04 người, chiếm 14,29%; trung cấp là 21 người, chiếm 75,00%; sơ cấp là 01 người, chiếm 3,57%.

b) Tổng số cán bộ, công chức là 22 người, gồm cán bộ 10 người, công chức 12 người. Trong đó:

- Trình độ thạc sỹ là 02 người, chiếm 9,08%; đại học là 18 người, chiếm 81,82%; cao đẳng là 01 người, chiếm 4,55%; trung cấp là 01 người, chiếm 4,45%.

- Trình độ lý luận chính trị cao cấp là 04 người, chiếm 18,18%; trung cấp là 18 người, chiếm 81,82%.

9. Đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thị xã

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; các số liệu thống kê đến 31/12/2020, UBND huyện Tịnh Biên đánh giá 04 tiêu chuẩn thành lập phường đối với xã Nhon Hưng như sau:

a) Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên.

- Hiện trạng: xã Nhon Hưng có 6.992 người.

Đánh giá: Đạt

b) Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5 km² trở lên.

- Hiện trạng: xã Nhon Hưng có 19,12 km².

Đánh giá: Đạt

c) Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: Thu ngân sách trên địa bàn xã Nhơn Hưng năm 2021 đạt 10,977 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 10,817 tỷ đồng.

Cân đối có dư.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm:

Quy định đạt bình quân 3 năm (2019 - 2021) của huyện Tịnh Biên là 1,66% (năm 2019 là 2,26%; năm 2020 là 1,65%; năm 2021 là 1,07%)

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm (2019 - 2021) của xã Nhơn Hưng là 0,82% (năm 2019 là 1,31%; năm 2020 là 0,60%; năm 2021 là 0,54%).

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 70% trở lên.

Hiện trạng: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp của xã Nhơn Hưng đạt 72,40%.

Đánh giá: Đạt.

d) Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của xã Nhơn Hưng đã được Bộ Xây dựng đánh giá, công nhận đạt 12/12 tiêu chuẩn để thành lập phường theo quy định.

Như vậy, phường Nhơn Hưng dự kiến thành lập thuộc thị xã Tịnh Biên đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

VI. HIỆN TRẠNG XÃ NÚI VOI

1. Lịch sử hình thành

Năm 1832, vua Minh Mạng đổi trấn thành tỉnh. Nam kỳ được chia thành 06 tỉnh, vùng đất xã Núi Voi ngày nay thuộc thôn Vĩnh Trung, tổng Châu Phú, huyện Tây Xuyên, phủ Tuy Biên, tỉnh An Giang.

Năm 1839, vua Minh Mạng cho lập phủ Tĩnh Biên gồm hai huyện Hà Dương và Hà Âm, vùng đất xã Núi Voi ngày nay thuộc thôn Vĩnh Trung, huyện Hà Dương phủ Tĩnh Biên, tỉnh Hà Tiên. Năm 1842, vua Thiệu Trị tách phủ Tĩnh Biên cùng huyện Hà Dương thuộc tỉnh An Giang. Năm 1850, vua Tự Đức bỏ phủ Tĩnh Biên, nhập hai huyện Hà Âm và Hà Dương vào phủ Tuy Biên. Vùng đất xã Núi Voi ngày nay thuộc thôn Vĩnh Trung, huyện Hà Dương, phủ Tuy Biên, tỉnh An Giang.

Năm 1868, sau khi chiếm xong Nam kỳ, thực dân Pháp tiến hành thiết lập các đơn vị hành chính mới. Ngày 05/1/1876, Pháp bỏ Nam kỳ lục tỉnh, chia thành 4 khu vực: Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long và Bassac. Vùng đất xã Núi Voi ngày nay thôn Vĩnh Trung, hạt Châu Đốc, khu vực Bassac. Ngày 01/01/1900, Toàn quyền Paul Doumer áp dụng Nghị định 20/12/1899, đổi hạt thành tỉnh, xã Núi Voi ngày nay thuộc làng Tú Tê, tổng Thành Ý, tỉnh Châu Đốc.

Năm 1903, tỉnh Châu Đốc có 3 quận Tân Châu, Tri Tôn, Tịnh Biên. xã Núi Voi ngày nay làng Tú Tề, tổng Thành Ý, quận Tri Tôn, tỉnh Châu Đốc.

Năm 1930, chính quyền Pháp cắt nửa tổng Thành Ý về quận Tịnh Biên, trong đó có làng Tú Tề. Đến khoảng trước năm 1945, toàn bộ tổng Thành Ý giao lại cho quận Tri Tôn, trong đó có làng Tú Tề.

Dưới thời chính quyền Sài Gòn, ngày 22/10/1956, tỉnh An Giang được thành lập trên cơ sở hợp nhất hai tỉnh Châu Đốc và Long Xuyên, đổi làng thành xã. Xã Núi Voi ngày nay thuộc xã Tú Tề, quận Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Ngày 11/3/1977, hai huyện Tịnh Biên và Tri Tôn được hợp nhất thành huyện Bảy Núi theo Quyết định 56/CP của Hội đồng Chính phủ. Địa bàn xã Núi Voi ngày nay thuộc xã Tú Tề, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang. Ngày 25/4/1979, Chính phủ ban hành Quyết định số 181-CP về việc điều chỉnh địa giới và đổi tên một số xã và thị trấn thuộc tỉnh An Giang, theo đó thành lập thị trấn Chi Lăng thuộc huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang trên cơ sở tách các ấp Voi I và Voi II của xã Tú Tề. Địa bàn xã Núi Voi ngày nay lúc bấy giờ thuộc ấp Voi I, thị trấn Chi Lăng, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang.

Ngày 23/8/1979, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 300/CP, huyện Bảy Núi được chia thành hai huyện Tri Tôn và Tịnh Biên. Địa bàn xã Núi Voi ngày nay lúc bấy giờ thuộc ấp Voi I, thị trấn Chi Lăng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Ngày 17/10/2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 119/2003/NĐ-CP, theo đó thành lập xã Núi Voi trên cơ sở 1.225 ha diện tích tự nhiên và 4.387 người của thị trấn Chi Lăng. Xã Núi Voi được thành lập từ đó và tồn tại cho đến ngày nay.

2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

a) Vị trí địa lý

Xã Núi Voi nằm ở phía Đông của huyện Tịnh Biên, cách trung tâm huyện lỵ Tịnh Biên khoảng 15 km về phía Đông nam.

b) Địa giới hành chính

- Phía Bắc giáp xã Ô Long Vĩ, huyện Châu Phú và xã Vĩnh Trung;
- Phía Đông giáp xã Đào Hữu Cảnh, huyện Châu Phú;
- Phía Nam giáp xã Tân Lợi;
- Phía Tây giáp thị trấn Chi Lăng.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Xã Núi Voi có diện tích tự nhiên là 1.519,88 ha (gần bằng 15,20 km²) (theo kết quả Thống kê đất đai năm 2021).

Trong đó:

- a) Đất phi nông nghiệp là 190,48 ha, bao gồm:
 - Đất xây dựng trụ sở là 1,49 ha.

- Đất ở là 37,89 ha.
 - Đất quốc phòng là 6,98 ha.
 - Đất xây dựng công trình sự nghiệp là 1,89 ha.
 - Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp là 0,19 ha.
 - Đất có mục đích công cộng là 97,61 ha.
 - Đất cơ sở tôn giáo là 4,01 ha.
 - Đất cơ sở tín ngưỡng là 0,15 ha.
 - Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ là 1,35 ha.
 - Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 38,58 ha.
 - Đất mặt nước chuyên dùng là 0,36 ha.
- b) Đất nông nghiệp là 1.329,41 ha.

4. Dân số, lao động

a) Xã Núi Voi có quy mô dân số năm 2021 là 5.341 người. Trong đó:

- Dân số thường trú là 4.408 người.
- Dân số tạm trú quy đổi là 933 người.

Thành phần dân cư chủ yếu là người Kinh. Ngoài ra, trên xã Núi Voi còn là địa bàn cư trú lâu đời của người Khmer với 82 hộ, 434 nhân khẩu và chiếm 8,99% dân số xã.

b) Lao động của xã Núi Voi có 3.458 người. Trong đó:

- Lao động nông nghiệp là 857 người, chiếm 24,78%.
- Lao động phi nông nghiệp là 2.601 người, chiếm 75,22%.

c) Xã Núi Voi có 03 ấp, gồm: ấp Mỹ Á, ấp Núi Voi và ấp Voi I.

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

Sau 18 năm hình thành và phát triển, xã Núi Voi có hệ thống cơ sở hạ tầng được đầu tư hoàn chỉnh, vị trí địa lý thuận lợi, tiềm năng đất đai, nguồn lao động trẻ, trình độ cao là điều kiện tốt để thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển mạnh mẽ. Trong những năm vừa qua, kinh tế - xã hội xã Núi Voi tăng trưởng nhanh, ổn định và đạt được nhiều thành tựu nổi bật. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ tăng nhanh và giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế của xã.

a) Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Năm 2021, tổng giá trị sản xuất của xã đạt 372,21 tỷ đồng, tăng 13,37% so với năm 2020. Trong đó, giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ đạt 156,52 tỷ đồng, tăng 13,52%; công nghiệp - xây dựng đạt 86,56 tỷ đồng, tăng 12,72%; nông - lâm - ngư nghiệp đạt 129,13 tỷ đồng, tăng 13,62% so với năm 2020. Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2019 - 2021 đạt bình quân 12,90%, trong đó năm 2019 tăng 14,20%, năm 2020 tăng 12,50% và năm 2021 tăng 12,00%.

b) Cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế xã chuyển dịch tích cực theo hướng tăng nhanh tỷ trọng thương mại - dịch vụ, công nghiệp - xây dựng và giảm tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp. Năm 2021, xã Núi Voi có cơ cấu kinh tế như sau: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 52,50%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 20,80% và khu vực nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 26,70%.

c) Phát triển ngành, lĩnh vực

- Thương mại - dịch vụ:

Năm 2021, giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ đạt 156,52 tỷ đồng, tăng 13,52% so với năm 2020, chiếm 52,50% trong cơ cấu kinh tế của xã. Ngành thương mại - dịch vụ có xu hướng tăng nhanh cả về giá trị sản xuất lẫn tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế, là ngành mũi nhọn và là ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Chợ Núi Voi với quy mô 2.600,60 m² nằm ở trung tâm xã được đầu tư xây dựng đạt chuẩn là nơi tập trung buôn bán, trao đổi hàng hóa của người dân tại địa phương và các xã lân cận. Hệ thống giao thông ngày càng hoàn thiện và đồng bộ, tạo điều kiện tốt cho các loại hình kinh doanh, dịch vụ phát triển ngày càng đa dạng, phong phú, đáp ứng tốt cho sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân tại địa bàn. Các cơ sở sản xuất, các hộ kinh doanh tiếp tục phát triển cả về quy mô, số lượng và chất lượng, tính đến cuối năm 2021 toàn xã có 332 hộ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Với sự phát triển nhanh và ổn định của các loại hình kinh doanh, mỗi năm ngành thương mại - dịch vụ giải quyết được hơn 1.000 lao động tại chỗ, góp phần ổn định đời sống và nâng cao thu nhập cho người dân trên địa bàn.

Bên cạnh đó, lượng khách hành hương, du lịch tâm linh cúng viếng tại các đình, chùa và cơ sở thờ tự của xã như: đình thần Tú Tề, chùa Mỹ Á, chùa Phi Lai,... cũng rất đông. Có những lúc cao điểm trong năm có trên 20.000 lượt khách đến địa phương, riêng năm 2020, tổng lượt khách đến địa phương là 85.136 lượt, các loại hình dịch vụ đi kèm như ăn, ở, buôn bán quà lưu niệm, các sản phẩm đặc thù của địa phương,... ngày càng phát triển, đây có thể xem là một trong những nguồn thu chính của địa phương, góp phần quan trọng vào sự phát triển chung của xã trong những năm vừa qua.

- Công nghiệp - xây dựng

Năm 2021, giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng của xã đạt 86,56 tỷ đồng, tăng 12,72% so với năm 2020 và chiếm 20,80% trong cơ cấu kinh tế và có xu hướng ngày càng tăng nhanh.

Toàn xã hiện có 110 cơ sở đang hoạt động, chủ yếu là chế biến lương thực thực phẩm, đồ gỗ mỹ nghệ, xây dựng cơ bản, khai thác khoáng sản, hàn tiện,... Lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng tiếp tục phát triển nhanh, giai đoạn 2019 - 2021 nhiều công trình cầu, đường nông thôn mới được triển khai xây dựng, hoàn thành và đưa vào sử dụng, phục vụ tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của xã như: nhà văn hóa xã, các phòng học và phòng chức năng của trường tiểu học, trường mầm non

Núi Voi, các tuyến đường giao thông nông thôn được nâng cấp mở rộng,... với tổng nguồn vốn đầu tư hàng chục tỷ đồng; các hộ dân có nhà ở ngày càng khang trang, năm 2021, có 1.058/1.197 hộ có nhà kiên cố, chiếm 88,39%; hệ thống điện nước phát triển rộng khắp các địa bàn dân cư, tính đến nay tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 99,84%; hộ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó hộ sử dụng thủy kế 1.106 hộ đạt 98,14%. Trật tự, mỹ quan đô thị được chỉnh trang như: thực hiện giải tỏa các hộ lấn chiếm lòng lề đường trên các trục lộ giao thông, vận động nhân dân lắp đặt bóng đèn chiếu sáng các khu dân cư và trên các tuyến đường giao thông, đặc biệt là các tuyến đường giao thông nông thôn được láng nhựa và bê tông hoá, tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông, giao thương, trao đổi hàng hóa nông sản trên địa bàn và vùng phụ cận.

- Nông - lâm nghiệp - ngư nghiệp

Năm 2021, giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp của xã Núi Voi đạt 129,13 tỷ đồng, tăng 13,62% so với năm 2020, chiếm 26,70% trong cơ cấu kinh tế của xã à có xu hướng ngày càng giảm.

Trồng trọt:

Năm 2021, tổng diện tích gieo trồng đạt 2.428,3 ha. Lúa vụ Đông Xuân đạt năng suất bình quân 6,24 tấn lúa khô/ha, giá lúa giao động từ 4.700 - 5.900 đồng/kg lúa khô (tùy theo giống lúa); lúa vụ Hè Thu đã thu hoạch xong với năng suất 5,09 tấn lúa khô/ha, giá lúa giao động từ 5.200 - 5.800 đồng/kg lúa khô (tùy theo giống lúa). Thu hoạch 25ha lúa ruộng trên, năng suất 4 tấn lúa khô/ha, giá lúa giao động từ 6.000 - 6.300 đồng/kg lúa tươi. Chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng tích cực, diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả được chú trọng chuyển đổi sang các giống cây trồng ngắn ngày như rau màu và cây ăn trái, bước đầu mang lại hiệu quả tích cực. Nền nông nghiệp chuyển dịch theo hướng ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và cơ giới hóa, tăng vụ, tăng vòng quay của đất; chi phí sản xuất đầu vào giảm, lợi nhuận sản xuất tăng, nông dân có lãi trên 30%. Giá trị kinh tế thu được trên 01 ha hàng năm tăng từ 65,4 triệu năm 2015 lên 91,9 triệu đồng cuối năm 2021. Tổng sản lượng lương thực quy ra thóc đạt 14.832 tấn, bình quân lương thực đầu người là 2,8 tấn /người/năm.

Chăn nuôi:

Công tác tiêm phòng, vệ sinh chuồng trại luôn được đảm bảo. Tình hình đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn phát triển ổn định, phân tán nhỏ lẻ theo hộ gia đình với tổng số 8.998 con, trong đó: bò 219 con/74 hộ, trâu 05 con/01hộ, heo 107 con/10 hộ, gà 1.631 con/74 hộ, vịt 12.717 con/30 hộ, vịt xiêm 257 con/14 hộ, dê 62 con/03 hộ, nuôi yếm có 02 hộ ở ấp Mỹ Á.

Ngư nghiệp:

Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã là 0,9 ha. Các đối tượng nuôi chủ yếu là cá tạp, cá tra, cá trê. Xã thường xuyên thông báo về việc cấm các loại hình khai thác đối với các ngư cụ bị cấm, tiến hành cho 17 hộ ký cam kết không

khai thác thủy sản bằng ngư cụ cấm. Thực hiện kiểm tra đánh bắt thủy sản bằng ngư cụ cấm, kết quả chưa phát hiện trường hợp vi phạm.

d) Thu chi ngân sách

Công tác thu ngân sách được tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quản lý và khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu. Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Núi Voi năm 2021 đạt 7,846 tỷ đồng.

Chi ngân sách đã bám sát phân khai của huyện, Nghị quyết của HĐND xã; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng chế độ, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, đảm bảo chi thường xuyên và các nhu cầu thiết yếu khác, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tổng chi ngân sách năm 2021 của xã đạt 7,626 tỷ đồng.

đ) Thu nhập bình quân đầu người đạt từ 56,80 triệu đồng năm 2019 tăng lên 57,80 triệu đồng/người/năm năm 2021. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn năm 2021 giảm còn 1,26%; bình quân giai đoạn 2019 - 2021 là 1,54%, thấp hơn bình quân chung của huyện Tịnh Biên.

6. Hiện trạng văn hóa, xã hội

a) Giáo dục

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo luôn được quan tâm đầu tư phát triển cả về số lượng và chất lượng. Mạng lưới trường, lớp ở các bậc học không ngừng mở rộng; cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm cho nhu cầu dạy và học; công tác huy động học sinh ra lớp đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch, tỷ lệ học sinh khá giỏi tăng hàng năm, tỷ lệ học sinh bỏ học < 3 %. Đặc biệt xây dựng 3 trường đạt chuẩn quốc gia, công tác khuyến học, khuyến tài luôn được quan tâm, các mô hình được nhân dân đồng thuận cao như: mô hình *Tổ nhân dân khuyến học* với 03 phong trào *Vui học đầu hôm, góc học tập và vượt lên chính mình*. Năm 2021, đã vận động trên 566 triệu đồng hỗ trợ học sinh nghèo, khó khăn. Công tác phổ cập ở các bậc học luôn đạt chuẩn theo quy định; công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm thực hiện khá tốt, dạy nghề cho 258 lao động, giải quyết việc làm cho 1.913 lao động. Ngoài ra, chính sách tín dụng cho học sinh, sinh viên luôn được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời.

b) Y tế

Các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế luôn được triển khai thực hiện đầy đủ và có hiệu quả. Tính đến nay, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 100% so chỉ tiêu nông thôn mới; giữ vững 10 tiêu chí quốc gia về y tế; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn 9,86%; dịch bệnh trên người được kiểm soát tốt, cơ sở vật chất y tế cũng được đầu tư sửa chữa, trang thiết bị tốt, góp phần nâng cao công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Năm 2021, tổng số lượt khám chữa bệnh là 12.820 lượt người, trong đó bảo hiểm y tế 4.032 lượt người, y học cổ truyền 4.737 lượt người, số còn lại là khám các chương trình khác.

Tình hình dịch bệnh: trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, xã thành lập ban chỉ đạo phòng chống dịch. Trong năm có 05 công dân Việt Nam từ nước ngoài (Campuchia) nhập cảnh về nước, xã đã thực hiện xong cách ly tập trung 14 ngày tại điểm cách ly tập trung của huyện và cách ly tập trung tại nhà dưới sự

theo dõi của trạm y tế xã. Số lao động ở trong và ngoài tỉnh trở về địa phương là 56 người được trạm y tế theo dõi sức khỏe hàng ngày, hiện cả 56 người đã hoàn thành việc cách ly tại nhà, không có trường hợp nào dương tính với Covid-19. Xã tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19 theo hướng dẫn của ngành y tế, giám sát người địa phương từ tâm dịch trở về theo dõi và cách ly tại nhà theo quy định; địa bàn xã xảy ra 03 ca sốt xuất huyết và 04 ca tay chân miệng, trạm y tế kết hợp cùng các ấp và đoàn thể làm vệ sinh môi trường để phun thuốc diệt muỗi và cấp phát Choramim khử khuẩn; thực hiện chiến dịch tiêm bổ sung vắc xin Sởi - Rubella cho trẻ từ 1-5 tuổi trên địa bàn xã năm 2020 cho 261 trẻ, khám phụ khoa cho 100 phụ nữ; khám sức khỏe cho hơn 300 người để sàng lọc, đánh giá nguy cơ mắc bệnh không lây nhiễm, trong đó là bệnh tăng huyết áp và đái tháo đường.

Tuyên truyền trên đài truyền thanh, ban ngành đoàn thể và giáo viên, học sinh về tác hại và cách phòng tránh dịch bệnh Covid-19 và các dịch bệnh như Sốt xuất huyết, bệnh sốt Chikungunya, tay chân miệng, cúm A,... nhất là dịch sởi, Rubella, Ebola, Zika; Thực hiện tháng hành động phòng chống HIV/AIDS và ngày thế giới phòng chống AIDS; tổ chức kiểm tra an toàn thực phẩm trên địa bàn dịp Tết được 29 cơ sở, trong đó đạt 10 cơ sở đạt, còn lại 03 cơ sở thiếu thủ tục.

c) Lĩnh vực văn hóa thông tin, thể dục thể thao

Thường xuyên duy trì sinh hoạt của các câu lạc bộ, duy trì các hoạt động thể dục thể thao. Tổ chức giải điền kinh mừng Đảng - mừng Xuân năm 2021 cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn với 50 vận động viên tham gia; tham gia Hội thao chào mừng Đại hội Đảng bộ huyện Tịnh Biên lần thứ XII nhiệm kỳ 2020 - 2025 với 02 môn bóng đá và điền kinh, kết quả đạt giải khuyến khích môn điền kinh.

Xây dựng kế hoạch triển khai Quyết định số 42/QĐ-UBND của UBND tỉnh về quản lý âm thanh, tiếng ồn và Hướng dẫn số 56/HD-SVHTTDL của Sở Văn hóa - Thể thao và du lịch về việc quản lý hoạt động treo, đặt các phương tiện tuyên truyền nhiệm vụ chính trị trên địa bàn tỉnh An Giang; xây dựng lịch kiểm tra, xử lý vi phạm âm thanh, tiếng ồn hàng tháng; kiện toàn đội kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội và công bố đường dây nóng; xây dựng kế hoạch ra quân xóa quảng cáo hàng quý, cuối năm trên địa bàn không còn quảng cáo, rao vặt; xây dựng kế hoạch triển khai Nghị định 122/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa, ấp văn hóa.

Kiện toàn thành viên CLB Đoàn ca tài tử ở 03 ấp; tổ chức kỷ niệm ngày sân khấu Việt Nam (12/8 âm lịch), có 40 người tham dự; phối hợp với công an huyện vận động 02 cơ sở thờ tự (chùa Mỹ Á và chùa Phi Lai) lắp đặt camera, khẩu hiệu cảnh báo, gắn loa phát thanh tuyên truyền phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và thành lập tổ tự phòng, tự quản về an ninh trật tự.

Thực hiện tuyên truyền, vận động các cơ sở, hộ kinh doanh tạm dừng các hoạt động tập trung đông người, qua đó có 08 cơ sở dịch vụ văn hóa giải trí công cộng và 13 cơ sở dịch vụ quán ăn và giải khát cam kết tạm dừng hoạt động. Đồng thời, thường xuyên tiến hành kiểm tra, nhắc nhở, kết quả xử phạt vi phạm hành chính điểm game

bắn cá tại ấp Mỹ Á do vi phạm Chỉ thị 19/CT-TTg của Thủ tướng Chính Phủ về việc tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 trong tình hình mới.

Đài truyền thanh thực hiện tốt lịch tiếp âm của các đài huyện, tỉnh, trung ương hàng ngày. Tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, tuyên truyền về mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới, thành lập phường Núi Voi, vệ sinh an toàn thực phẩm; thường xuyên cập nhật thông tin mới kịp thời viết bài, xây dựng bản tin địa phương phục vụ cho bà con. Bên cạnh đó, thường xuyên tuyên truyền về việc thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19 trên hệ thống loa đài của xã để bà con nắm rõ và thực hiện đúng, không để xảy ra dịch bệnh trên địa bàn xã, bảo vệ sức khỏe, tính mạng nhân dân.

d) Thực hiện các chính sách an sinh xã hội

Hoạt động đền ơn đáp nghĩa, xây nhà tình nghĩa, tình thương, đại đoàn kết, cùng với các hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện phát triển rộng khắp. Trong năm 2021, xã báo tăng bảo trợ xã hội 17 hồ sơ cho các đối tượng theo quy định, giảm 09 đối tượng bảo trợ xã hội; điều chỉnh đối tượng đang hưởng bảo trợ xã hội 08 đối tượng; lập hồ sơ xác định mức độ khuyết tật cho 21 người; lập danh sách điều dưỡng tập trung tại Hà Nội cho 01 đối tượng, lập danh sách quà Tết Nguyên Đán năm 2021 của Chủ tịch nước cho 26 người, quà địa phương cho 50 người.

Cấp tiền theo Quyết định 190 cho đối tượng hộ nghèo, bảo trợ xã hội, người dân tộc cho 83 người với số tiền 12.201.000 đồng; cấp quà tết cho đối gia đình có công với cách mạng nhân dịp tết năm 2021 cho 75 gia đình với số tiền 44.400.000 đồng; thực hiện 06 hồ sơ chi hỗ trợ mai táng phí, tiếp nhận 02 hồ sơ theo Quyết định 62, 05 hồ sơ Quyết định 49 (đang lập danh sách mua BHYT); lập hồ sơ quản lý 03 đối tượng người có công hưởng trợ cấp 01 lần, lập 01 hồ sơ mai táng phí theo Quyết định 49; cấp tiền điện quý I/2021 cho 15 hộ nghèo, 10 hộ bảo trợ xã hội và 41 hộ dân tộc với số tiền 11.319.000 đồng; phối hợp với bưu điện cấp phát tiền nhân ngày 27/7/2021 cho 78 đối tượng chính sách, người có công bao gồm quà chủ tịch nước 25 phần với số tiền 5.000.000 đồng, quà địa phương 53 phần với số tiền 16.200.000 đồng; phối hợp với Phòng Lao động - TB&XH và HĐND huyện tặng 02 phần quà cho 02 đối tượng chính sách khó khăn với số tiền 1.000.000 đồng.

Xã đã xây dựng kế hoạch thực hiện chính sách đảm bảo an sinh xã hội năm 2021; xây dựng kế hoạch công tác phòng, chống mại dâm, cai nghiện và giải quyết các vấn đề xã hội sau cai nghiện ma túy; tiếp nhận và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về năm 2021; thành lập Ban chỉ đạo công tác gia đình và toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa xã Núi Voi.

Thực hiện Quyết định số 697/QĐ-UBND về việc hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ cho 01 hộ với số tiền 50.000.000 đồng, hiện căn nhà đang xây dựng, đang hoàn thiện hồ sơ gửi về phòng Kinh tế - Hạ tầng thẩm định; thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 9/4/2020 của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính Phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; công văn số 2003/UBND-VX ngày

21/4/2020 của UBND huyện Tịnh Biên về việc rà soát các nhóm đối tượng cần hỗ trợ do ảnh hưởng đại dịch Covid-19 trên địa bàn huyện, UBND xã tiến hành rà soát, xác định đúng đối tượng, bước đầu lập danh sách các nhóm đối tượng, cụ thể như sau: đối tượng người lao động không có giao kết hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương là 190 người (hiện đang chuẩn bị họp xét để rà soát lại), đối tượng hỗ trợ hộ kinh doanh là 04 hộ, đối tượng người có công và gia đình chính sách đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng là 05 người, đối tượng hỗ trợ xã hội đang hưởng trợ cấp hàng tháng là 198 người, đối tượng hộ nghèo là 15 hộ (103 người), đối tượng hộ cận nghèo 69 hộ (289 người).

Thực hiện Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của UBND huyện Tịnh Biên về việc hỗ trợ kinh phí cho UBND các xã, thị trấn thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, UBND xã Núi Voi đã tiến hành chi trả kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng như sau: đối tượng người có công với cách mạng là 5 người với số tiền 7.500.000 đồng, đối tượng bảo trợ xã hội là 198 người với số tiền 295.500.000 đồng, đối tượng người thuộc hộ nghèo là 86 người với số tiền 64.500.000 đồng, đối tượng người thuộc hộ cận nghèo là 267 người với số tiền 200.250.000 đồng. Tính đến thời điểm hiện tại, đã chi trả xong 566.250.000/570.000.000 đồng cho các đối tượng theo quy định, còn dư lại 3.750.000 đồng, hiện đang thực hiện thủ tục để chuyển trả UBND huyện (thông qua phòng Tài chính - Kế hoạch).

Thực hiện Quyết định số 3715/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND huyện Tịnh Biên về việc hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm do đại dịch Covid-19, qua đó hỗ trợ cho 181 đối tượng với số tiền 181.000.000 đồng; thực hiện Quyết định số 3716/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên về việc hỗ trợ hộ kinh doanh cá thể có doanh thu khai thuế dưới 100 triệu đồng/năm tạm ngừng kinh doanh do đại dịch Covid-19 và người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp, qua đó hỗ trợ cho 04 hộ kinh doanh cá thể với số tiền 4.000.000 đồng; thực hiện Quyết định số 3625/QĐ-UBND ngày 21/9/2020 của UBND huyện Tịnh Biên về việc bổ sung hỗ trợ cho các đối tượng: vợ liệt sĩ tái giá (hoặc chồng liệt sĩ lấy vợ khác) đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng trên địa bàn huyện Tịnh Biên gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, qua đó hỗ trợ cho 01 đối tượng vợ liệt sĩ tái giá với số tiền 1.500.000 đồng.

đ) Công tác dân tộc, tôn giáo

Tình hình trong dân tộc, tôn giáo trên địa bàn xã ổn định, không phát sinh tình hình phứt tạp. Bà con đồng bào dân tộc Khmer tổ chức tốt các ngày lễ, tết trên tinh thần “đoàn kết, phấn khởi, an toàn, tiết kiệm”. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp, bảo đảm các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19, không để ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của đồng bào trước, trong và sau lễ.

7. Quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Duy trì nghiêm chế độ trực tại đơn vị trực chỉ huy, trực chiến đảm bảo. Công tác nắm tình hình trên địa bàn ở khu vực 3 ấp thường xuyên, trực SSCĐ thường xuyên 2/3 quân số, cao điểm quân số 100%, duy trì công tác gác đêm tại đơn vị từ 23 giờ đến 05 giờ sáng; tham gia làm nhiệm vụ ngăn chặn, phòng chống dịch Covid-19 tại các chốt đường mòn, lối mở trên tuyến biên giới; phối hợp tuần tra theo nghị định 133/CP giữa lực lượng công an, lực lượng dân quân tổ chức được 283 cuộc với 1.346 lượt đồng chí tham gia. Kết quả giải tán 26 tụ điểm đánh bài tại ấp Voi I và Mỹ Á.

Công tác tuyển quân: xét duyệt NVQS lần 1 tuổi từ 18 đến 27 tổng số 293 người, trong đó miễn gọi nhập ngũ theo thông tư liên tịch số 16 là 3 người, tạm hoãn gọi nhập ngũ và miễn gọi nhập ngũ 83 người, miễn hoãn gọi nhập ngũ với lý do khác 175 người, đủ điều kiện gọi sơ khám sức khỏe NVQS 21 người, xây dựng vào lực lượng dân quân 11 người; tổ chức sơ tuyển sức khỏe NVQS 3/20 người. Số còn lại do lao động ngoài tỉnh không tham gia khám sơ tuyển sức khỏe. Tổ chức bình nghị lần 01 tại 03 ấp với 75 lượt người tham gia, kết quả qua bình nghị có 21 người đủ điều kiện gọi khám sức khỏe và thành lập 03 đoàn trao lệnh gọi khám sức khỏe 21/21 người. Tổ chức bình nghị lần 02 tại 03 ấp với 64 lượt người tham gia, kết quả qua bình nghị có 17 người điều động khám sức khỏe, trong đó đủ điều kiện gọi khám sức khỏe là 8 người, không đủ sức khỏe là 09 người.

Công tác huấn luyện Tập huấn a,b ấp khóm, quân số 5/5, đạt 100%; tham gia lớp huấn luyện chiến sĩ mới cụm 2, quân số tham gia 04 đồng chí; dân quân mới kết nạp cụm 02 quân số 04 đồng chí, dân quân cơ động từ năm thứ 2, 3, 4 quân số 21 đồng chí, dân quân tại chỗ từ năm thứ 2, 3, 4 quân số 21 đồng chí, tập trung tham gia huấn luyện theo kế hoạch của Ban CHQS huyện quân số 12 đồng chí.

Thường xuyên duy trì tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho lực lượng, tổ chức 02 buổi tuyên truyền về Luật DQTV năm 2021, quân số tham gia 55 lượt đồng chí; tổ chức 01 buổi tuyên truyền kỷ niệm 79 năm Cách mạng tháng Tám thành công, Quốc khánh 2/9, quân số tham gia 25 đồng chí; tổ chức cho chiến sĩ xem thời sự cập nhật tình hình thông tin trong nước và quốc tế, đặc biệt tình hình bệnh dịch Covid-19 ngăn ngừa, phòng bệnh. Thường xuyên vệ sinh cơ quan, lau chùi vũ khí, duy trì chế độ sinh hoạt định kỳ. Đảm bảo hậu cần phục vụ sinh hoạt hàng ngày cho cán bộ, chiến sĩ về chế độ ăn, nghỉ đúng quy định.

b) An ninh

Tình hình an ninh trật tự cơ bản ổn định, hoạt động của các đối tượng và trong dân tộc, tôn giáo chưa có vấn đề phức tạp xảy ra. Công tác đấu tranh phòng chống các loại tội phạm đạt kết quả tốt.

Tội phạm hình sự: địa bàn xã xảy ra 02 vụ trộm cắp tài sản tại ấp Mỹ Á, 01 vụ trộm cắp xe mô tô tại ấp Voi I, 01 vụ cố ý gây thương tích liên quan đến 10 đối tượng. Hiện các vụ việc đã bàn giao đội Hình sự công an huyện Tịnh Biên thụ lý theo thẩm quyền.

Tệ nạn xã hội: tổ chức tuần tra, truy quét được 501 cuộc với 2.810 lượt đồng chí tham gia. Kết quả giải tán 75 tụ điểm đánh bài, 08 điểm đá gà, ra quyết định xử

phạt vi phạm hành chính 33 đối tượng với số tiền 59.500.000 đồng; xử phạt 07 đối tượng về hành vi đánh nhau với tổng số tiền 5.000.000 đồng; xảy ra 01 vụ trộm vật tại ấp Núi Voi liên quan 03 đối tượng, 01 vụ trộm tại ấp Voi I là 01 máy chạy xăng và nền máy bằng kim loại trị giá khoảng 8 triệu đồng; xác minh và làm việc với 05 đối tượng liên quan trong vụ trộm cắp thùng karaoke tại ấp Voi I, hiện các vụ việc đã bàn giao cho đội Hình sự công an huyện Tịnh Biên thụ lý hồ sơ theo thẩm quyền; bắt quả tang 01 vụ số lô, số đề tại ấp Voi I, liên quan 01 đối tượng và 01 vụ cho vay lãi nặng, liên quan 01 đối tượng. Qua đó lập hồ sơ đề nghị UBND huyện ra quyết định xử phạt hành chính với tổng số tiền 25.000.000 đồng.

8. Tổ chức hệ thống chính trị

a) Hội đồng nhân dân xã

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026 có 22 người. Trong đó:

- Trình độ đại học là 14 người, chiếm 63,64%; trung cấp là 03 người, chiếm 13,64%.

- Trình độ về lý luận chính trị cao cấp là 01 người, chiếm 4,55%; trung cấp là 15 người, chiếm 68,18%; sơ cấp là 05 người, chiếm 22,73%.

b) Tổng số cán bộ, công chức là 21 người, gồm cán bộ 10 người, công chức 11 người. Trong đó:

- Trình độ thạc sỹ là 01 người, chiếm 4,76%; đại học là 18 người, chiếm 85,71%; trung cấp là 01 người, chiếm 4,76%.

- Trình độ lý luận chính trị cao cấp là 02 người, chiếm 9,52%; trung cấp là 16 người, chiếm 76,19%; sơ cấp 03 người, chiếm 14,29%.

9. Đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thị xã

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; các số liệu thống kê đến 31/12/2020, UBND huyện Tịnh Biên đánh giá 04 tiêu chuẩn thành lập phường đối với xã Núi Voi như sau:

a) Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên.

- Hiện trạng: xã Núi Voi có 5.341 người.

Đánh giá: Đạt

b) Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5 km² trở lên.

- Hiện trạng: xã Núi Voi có 15,20 km².

Đánh giá: Đạt

c) Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: Thu ngân sách trên địa bàn xã Núi Voi năm 2021 đạt 7,846 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 7,626 tỷ đồng.

Cân đối có dư.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm:

Quy định đạt bình quân 3 năm (2019 - 2021) của huyện Tịnh Biên là 1,66% (năm 2019 là 2,26%; năm 2019 là 1,65%; năm 2020 là 1,07%)

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm (2019 - 2021) của xã Núi Voi là 1,54% (năm 2019 là 1,87%; năm 2020 là 1,50%; năm 2021 là 1,26%).

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 70% trở lên.

Hiện trạng: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp của xã Núi Voi đạt 75,22%.

Đánh giá: Đạt.

d) Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của xã Núi Voi đã được Bộ Xây dựng đánh giá, công nhận đạt 12/12 tiêu chuẩn để thành lập phường theo quy định.

Như vậy, phường Núi Voi dự kiến thành lập thuộc thị xã Tịnh Biên đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

VII. HIỆN TRẠNG XÃ THỚI SƠN

1. Lịch sử hình thành

Năm 1832, vua Minh Mạng đổi trấn thành tỉnh. Nam kỳ được chia thành 06 tỉnh, vùng đất xã Thới Sơn ngày nay thuộc thôn Nhơn Hòa, tổng Châu Phú, huyện Tây Xuyên, phủ Tuy Biên, tỉnh An Giang.

Năm 1868, sau khi chiếm xong Nam kỳ, thực dân Pháp tiến hành thiết lập các đơn vị hành chính mới. Ngày 05/01/1876, Pháp bỏ Nam kỳ lục tỉnh, chia thành 4 khu vực: Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long và Bassac. Vùng đất xã Thới Sơn ngày nay nằm trên thôn Nhơn Hòa, hạt Châu Đốc, khu vực Bassac. Ngày 01/01/1900, Toàn quyền Paul Doumer áp dụng Nghị định 20/12/1899, đổi hạt thành tỉnh, xã Thới Sơn được thành lập thuộc tổng Quy Đức, tỉnh Châu Đốc cho đến năm 1954.

Dưới thời chính quyền Sài Gòn, ngày 22/10/1956, tỉnh An Giang được thành lập trên cơ sở hợp nhất hai tỉnh Châu Đốc và Long Xuyên, đổi làng thành xã. Xã

Thới Sơn thuộc tổng Quy Đức, quận Tịnh Biên, tỉnh An Giang, rồi thuộc tỉnh Châu Đốc (năm 1964) cho đến năm 1975.

Ngày 20/12/1975, Bộ Chính trị ra Quyết định thành lập tỉnh An Giang. Thới Sơn thuộc huyện biên giới Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Ngày 11/3/1977, hai huyện Tịnh Biên và Tri Tôn được hợp nhất thành huyện Bảy Núi theo Quyết định 56/CP của Hội đồng Chính phủ. Xã Thới Sơn thuộc huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang.

Ngày 23/8/1979, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 300/CP, huyện Bảy Núi được chia thành hai huyện Tri Tôn và Tịnh Biên. Xã Thới Sơn thuộc huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Do yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, ngày 10/5/1986, Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 56-HĐBT tách 02 ấp Sơn Đông và Thới Hòa của xã Thới Sơn (227,5 ha diện tích tự nhiên với 4.673 nhân khẩu) và một phần xã Nhơn Hưng (311,5 ha diện tích tự nhiên với 2.548 nhân khẩu) thành lập thị trấn Nhà Bàng, là thị trấn huyện lỵ huyện Tịnh Biên. Xã Thới Sơn còn lại 04 ấp, bao gồm: ấp Thới Thuận, ấp Sơn Tây, ấp Núi Két, ấp Đông Thuận và tồn tại cho đến ngày nay.

2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

a) Vị trí địa lý

Xã Thới Sơn nằm ở phía Bắc của huyện Tịnh Biên, cách trung tâm hành chính huyện Tịnh Biên khoảng 05 km về phía Đông bắc, tiếp giáp liền kề với thành phố Châu Đốc.

b) Địa giới hành chính

- Phía Bắc giáp thị trấn Nhà Bàng và xã Nhơn Hưng;
- Phía Đông giáp xã Vĩnh Tế và xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc;
- Phía Nam giáp xã Văn Giáo;
- Phía Tây giáp xã An Phú.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Xã Thới Sơn có diện tích tự nhiên là 2.415,44 ha (gần bằng 24,15 km²) (theo kết quả Thống kê đất đai năm 2021).

Trong đó:

a) Đất phi nông nghiệp là 240,42 ha, bao gồm:

- Đất xây dựng trụ sở là 1,00 ha.
- Đất ở là 83,46 ha.
- Đất quốc phòng là 4,71 ha.
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp là 5,33 ha.
- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp là 0,22 ha.
- Đất có mục đích công cộng là 96,25 ha.

- Đất cơ sở tôn giáo là 6,31 ha.
- Đất cơ sở tín ngưỡng là 0,94 ha.
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ là 4,87 ha.
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 37,33 ha.

b) Đất nông nghiệp là 2.175,02 ha.

4. Dân số, lao động

a) Xã Thới Sơn có quy mô dân số năm 2021 là 7.337 người. Trong đó:

- Dân số thường trú là 6.873 người.
- Dân số tạm trú quy đổi là 464 người.

Thành phần dân cư chủ yếu là người Kinh. Ngoài ra, trên địa bàn còn có một bộ phận người Khmer sinh sống lâu đời tại địa phương.

b) Lao động của xã Thới Sơn có 4.621 người. Trong đó:

- Lao động nông nghiệp là 1.222 người, chiếm 26,44%.
- Lao động phi nông nghiệp là 3.399 người, chiếm 73,56%.

c) Xã Thới Sơn có 04 ấp, gồm: ấp Thới Thuận, ấp Sơn Tây, ấp Núi Két và ấp Đông Thuận.

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

a) Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Năm 2021, mặc dù chịu tác động tiêu cực của dịch Covid-19 đến mọi mặt của đời sống xã hội, dịch tả lợn, dịch lở mồm long móng tái phát,... Tuy nhiên, với nỗ lực lớn, quyết tâm cao vượt qua mọi khó khăn, thách thức để tập trung phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm công tác phòng chống dịch bệnh. Xã Thới Sơn đã xác định rõ trách nhiệm, mục tiêu và quyết tâm hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế đề ra. Kinh tế năm 2021 tiếp tục đạt mức tăng trưởng cao, tổng giá trị sản xuất đạt 675,39 tỷ đồng, tăng 12,57% so với năm 2020. Trong đó, giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ đạt 274,55 tỷ đồng, tăng 12,57%; công nghiệp - xây dựng đạt 169,18 tỷ đồng, tăng 14,06%; nông - lâm - ngư nghiệp đạt 231,66 tỷ đồng, tăng 10,20% so với năm 2020. Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2019 - 2021 đạt 13,50%, trong đó năm 2019 tăng 14,00%, năm 2020 tăng 14,00%, năm 2021 tăng 12,50%.

b) Cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế của xã Thới Sơn chuyển dịch tích cực theo hướng tăng nhanh tỷ trọng thương mại - dịch vụ, công nghiệp - xây dựng và giảm tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp. Năm 2021, xã Thới Sơn có cơ cấu kinh tế như sau: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 53,60%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 18,90% và khu vực nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 27,50%.

c) Phát triển ngành, lĩnh vực

- Thương mại - dịch vụ:

Năm 2021, giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ đạt 274,55 tỷ đồng, tăng 12,57% so với năm 2020, chiếm 53,60% trong cơ cấu kinh tế của xã và có xu hướng ngày một tăng nhanh, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của xã.

Trên địa bàn xã có chợ Lâm Vồ với diện tích 4.443,00 ha là nơi tập trung buôn bán, giao thương, trao đổi hàng hóa, cùng với hàng trăm cửa hàng cửa hiệu phân bố tập trung tại trung tâm xã và dọc các tuyến giao thông quan trọng, đáp ứng nhu cầu mua sắm ngày càng tốt cho người dân tại địa phương và vùng lân cận. Các hoạt động tín dụng, ngân hàng, bưu chính,... đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu của người dân.

Bên cạnh đó, xã còn là nơi có nhiều danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử và các cơ sở thờ tự rất nổi tiếng như: khu du lịch Núi Két, chùa Thới Sơn, chùa Phước Điền, di tích khảo cổ Gò Cây Trung,... hàng năm thu hút hơn 40.000 lượt khách tham quan mà mang lại nguồn thu lớn cho xã trong những năm qua. Công tác duy tu, bảo dưỡng các công trình di tích lịch sử, cơ sở thờ tự luôn được xã chú trọng quan tâm và thực hiện hàng năm, góp phần thay đổi đáng kể diện mạo của xã.

Xã luôn tăng cường công tác quản lý nhà nước về thương mại - dịch vụ trên địa bàn, thường xuyên ra quân, xử lý các hộ mua bán lấn chiếm hành lang lộ giới. Từ đó, trên địa bàn xã không có các tụ điểm kinh doanh tự phát không đúng quy định, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, góp phần nâng cao thu nhập và đời sống của người dân, hướng đến văn minh đô thị.

- Công nghiệp - xây dựng

Năm 2021, giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng của xã đạt 169,18 tỷ đồng, tăng 14,06% so với năm 2020 và chiếm 18,90% trong cơ cấu kinh tế của xã.

Các ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ngày càng phát triển, toàn xã hiện có 82 cơ sở, tăng 23 cơ sở so với năm 2020, chủ yếu tập trung các ngành nghề như: khai thác khoáng sản, chế biến lương thực thực phẩm, cửa xẻ gỗ, làm đường thốt nốt, may gia công,... đã giải quyết việc làm thường xuyên cho hơn 1.000 lao động tại địa phương.

- Nông - lâm nghiệp - ngư nghiệp

Năm 2021, tuy chịu tác động tiêu cực của dịch Covid-19, dịch tả lợn, dịch lở mồm long móng tái phát nhưng với nỗ lực lớn, quyết tâm cao vượt qua mọi khó khăn, thách thức, dưới sự chỉ đạo các cấp ủy Đảng, chính quyền, ngành nông - lâm - ngư nghiệp vẫn đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp của xã đạt 231,66 tỷ đồng, tăng 10,20% so với năm 2020, chiếm 27,50% trong cơ cấu kinh tế của xã.

Trồng trọt:

Xã tập trung lãnh đạo đẩy mạnh chuyển đổi giống lúa có chất lượng thấp sang giống chất lượng cao gắn với ứng dụng khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa trong sản xuất và công nghệ sau thu hoạch, góp phần tăng năng suất, chất lượng và giảm thất thoát sau thu hoạch.

Tổng diện tích lúa xuống giống vụ đông xuân, hè thu và thu đông là 3.150/3.121 ha đạt 101% kế hoạch, năng suất bình quân từ 5,5 - 6,5 tấn/ha, giá bán giao động từ 4.300đ - 4.600đ/kg; diện tích xuống giống rau màu là 28,1 ha, gồm dưa leo, ớt, đậu phộng, đậu xanh, bắp,... Cơ cấu giống: giống IR50404 là 2.882,73 ha chiếm 92,67%, giống OM5451 là 228,22 ha chiếm 7,33%.

Thực hiện chương trình chuyển đổi nông nghiệp bền vững VnSat: trong năm xã đã mở 15 lớp tập huấn “3 giảm 3 tăng” và “1 phải 5 giảm”, 04 mô hình chuyển đổi cây trồng, từng bước chuyển đổi cơ cấu cây trồng thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với thổ nhưỡng ở địa phương và nhu cầu thị trường, nâng cao giá trị phát triển kinh tế nông nghiệp, mang lại nguồn thu ổn định và từng bước nâng cao đời sống người dân.

Chăn nuôi:

Duy trì ổn định đàn gia súc, gia cầm và thực hiện tốt tiêm phòng bệnh dịch, trong đó: cúm H5N1 được 15.000 con vịt, tiêm phòng chó dại được 100 con, tiêm phòng tụ huyết trùng và dịch tả cho heo được 240 con; tiêu độc sát trùng chuồng trại 38 hộ với 38 lít thuốc trên diện tích 114.000 m². Tình hình bệnh dịch tả heo Châu Phi phát hiện 20 hộ có heo mắc bệnh tổng số 344 con với 20.058 kg, đã tổ chức tiêu hủy, tiêu độc và vệ sinh chuồng trại đúng quy định.

Lâm nghiệp:

Tổ chức triển khai phương án bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng năm 2021; phối hợp tuần tra bảo vệ rừng, kiểm tra săn bắt động vật hoang dã, kết quả không phát hiện vi phạm. Thực hiện theo kế hoạch trồng cây phân tán, UBND xã giao cho 19 hộ dân với số lượng 2.855 cây xoài keo để trồng tại đất nhà.

d) Thu chi ngân sách

Công tác thu ngân sách được tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quản lý và khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu. Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã năm 2021 đạt 7,487 tỷ đồng.

Chi ngân sách đã bám sát phân khai của huyện, Nghị quyết của HĐND xã; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng chế độ, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tổng chi ngân sách năm 2021 của xã đạt 7,298 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên đạt 5,693 tỷ đồng.

đ) Thu nhập bình quân đầu người đạt từ 57,60 triệu đồng năm 2019 tăng lên 61,49 triệu đồng/người/năm năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn năm 2021 giảm còn 0,68%; bình quân giai đoạn 2019 - 2021 là 0,94%, thấp hơn bình quân chung của huyện Tịnh Biên.

6. Hiện trạng văn hóa, xã hội

a) Giáo dục

Thực hiện tốt công tác khuyến học, khuyến tài; vận động các mạnh thường quân trong và ngoài địa phương đóng góp nguồn quỹ khuyến học giúp đỡ, hỗ trợ các em học sinh nghèo có hoàn cảnh khó khăn; tuyên dương gia đình hiếu học; thường

xuyên tuyên truyền công tác giáo dục đến từng hộ gia đình, nâng cao nhận thức người dân hiểu thêm về tầm quan trọng khi cho con em đến trường. Từ đó đã đạt chuẩn xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học và THCS mức độ 2 tại Quyết định số 4956/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Tĩnh Biên về việc công nhận các xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trường trung học cơ sở năm 2021. Theo đó, xã Thới Sơn đạt kết quả cụ thể như sau: đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi năm 2021, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2.

Xác định đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển, chính vì thế tranh thủ sự đầu tư của trung ương, tỉnh, huyện đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường lớp đạt chuẩn. Hiện nay trên địa bàn xã có 04 điểm trường (trường mẫu giáo Thới Sơn, Trường tiểu học "A" Thới Sơn, Tiểu học "B" Thới Sơn, Trường trung học cơ sở Đoàn Minh Huyền), trong đó có 03 điểm trường được công nhận công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1. Đội ngũ cán bộ, giáo viên không ngừng được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, từ đó chất lượng giáo dục ngày càng được nâng lên, năm sau cao hơn trước, không có học sinh ngồi nhầm lớp; thực hiện tốt công tác khuyến học, khuyến tài từ đó tỷ lệ học sinh bỏ học hàng năm đều thấp, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở theo học ở các trường trung học phổ thông đạt 81,55% (84/103 em học sinh).

b) Y tế

Cơ sở vật chất về y tế được đầu tư đúng chuẩn, xã có 01 trạm y tế đạt chuẩn quốc gia về y tế, mặt khác theo luật Bảo hiểm xã hội thực hiện khám bệnh thông tuyến từ xã đến huyện, từ đó chất lượng phục vụ khám chữa bệnh cho người dân ngày càng được nâng lên; công tác tuyên truyền vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế của các tổ chức thành viên Mặt trận xã như Đoàn thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội nông dân xã và các đoàn thể áp phát huy tác dụng, từng bước nâng cao nhận thức của người dân về quyền lợi và lợi ích khi tham gia bảo hiểm y tế; vận động những hộ nông, lâm, thủy sản có thu nhập trung bình được nhà nước hỗ trợ 30%, vận động mạnh thường quân trong và ngoài xã mua bảo hiểm cho hộ khó khăn bằng cách hỗ trợ một phần từ đó đã mang lại nhiều kết quả tích cực.

Tổng số nhân khẩu trên địa bàn xã là 7.337 nhân khẩu, trong đó: tổng số người không có ở địa phương trên 06 tháng là 464 người, số nhân khẩu thực tế thường trú tại xã là 6.873 người. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn xã đạt tỷ lệ 96,84%, tăng 8,56% so với năm 2020, trong đó gồm các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, các đối tượng được hỗ trợ, thân nhân của lực lượng vũ trang. Công tác chăm sóc khám và bảo vệ sức khỏe ban đầu cho nhân dân được 19.529 lượt, tiêm chủng thường xuyên từ vòng I đến vòng XI/2021.

Trong năm phối hợp liên ngành xã thực hiện thanh kiểm tra ATTP tổ chức 02 đợt đối với 48 cơ sở. Trong đó 02 cơ sở mới, chưa thực hiện cam kết đảm bảo ATTP. Đoàn đã tiến hành lập biên bản và cho cơ sở thực hiện cam kết trong vòng 7 ngày

kể từ ngày được kiểm tra. Năm 2021, địa bàn xã xảy ra 64 ca bệnh sốt xuất huyết và tay chân miệng 05 ca.

c) Lĩnh vực văn hóa thông tin, thể dục thể thao

Tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền về tổ chức thực hiện có hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết của trung ương, của tỉnh, của huyện về nếp sống văn minh; tuyên truyền học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chuyên đề năm 2021. Làm tốt công tác quản lý di tích lịch sử văn hóa phù hợp với quy định của pháp luật và truyền thống văn hóa của địa phương. Công tác thông tin và truyền thông luôn bám sát các nhiệm vụ chính trị, đảm bảo tốt việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, các quy định của địa phương. Trong năm 2021, các phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng luôn được duy trì và tổ chức tốt. Tổ chức thành công Đại hội TDTT lần VIII và đạt được nhiều thành tích cao trong Đại hội TDTT huyện tổ chức.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, củng cố và nâng chất. Tính đến cuối năm 2021, xã Thới Sơn có 2.038/2.069 hộ được công nhận gia đình văn hóa, chiếm 98,50; 4/4 ấp đạt chuẩn văn hóa được công nhận và giữ vững nhiều năm liền. Công tác thông tin tuyên truyền được đảm bảo truyền tải tất cả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến từng địa bàn dân cư, góp phần thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ.

Trong năm cất dân 78 băng rôn tuyên truyền về ngày pháp luật Việt Nam, mừng Đảng mừng Xuân Kỷ Hợi 2020, ngày thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam 03/02; ngày pháp luật Việt Nam; bảo hiểm xã hội tự nguyện và ngày truyền thống dân quân tự vệ 28/3; 15 cuộc lồng ghép tuyên truyền của Hội Nông dân, Đoàn thanh niên, Hội Phụ nữ tại điểm sinh hoạt văn hóa xã với 821 lượt người tham dự,...

Nhằm từng bước nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của người dân, Đảng ủy và UBND xã luôn quan tâm đầu tư, duy tu, sửa chữa các cơ sở vật phục vụ văn hóa như nhà văn hóa, mặt khác vận động nhân dân xã quan tâm đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa. Thường xuyên tuyên truyền, tổ chức, vận động người dân tham gia các các hoạt động thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe. Loại hình được nhân dân thường xuyên tham gia luyện tập thể thao là môn bóng đá, bóng chuyền, võ Taekwondo,... Xác định thể dục thể thao là nhu cầu cần thiết của nhân dân, nên địa phương chọn mô hình Câu lạc bộ bóng chuyền làm mô hình điểm. Câu lạc bộ bóng chuyền được thành lập từ khi năm 2015 và củng cố, kiện toàn thành viên theo tình hình thực tế từng năm, cụ thể lần gần đây nhất là năm 2021. Cho đến nay, xã đã nhân rộng và phát triển mô hình này lên được 5 câu lạc bộ bóng chuyền hoạt động tại Điểm sinh hoạt văn hóa - thể thao xã và 04 ấp. Các câu lạc bộ còn tham gia giao lưu các giải phong trào với các câu lạc bộ trong và ngoài xã, hoạt động tốt thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia, góp phần làm phong phú thêm đời sống văn hóa tinh thần và phong trào tập luyện thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe ngày càng phát triển.

d) Thực hiện các chính sách an sinh xã hội

Công tác an sinh, phúc lợi xã hội được đảm bảo, triển khai đầy đủ, kịp thời và đúng đối tượng; thường xuyên quan tâm, thăm hỏi, chăm sóc các đối tượng người cao tuổi, người có công, người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người có hoàn cảnh khó khăn, nhất là các dịp lễ, tết; thực hiện tiếp nhận, giải quyết chế độ trợ cấp một lần, hỗ trợ kinh phí mai táng, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định. Tiếp tục kiểm tra, rà soát, lập hồ sơ các hộ người có công với cách mạng đủ điều kiện hỗ trợ về nhà ở trên địa bàn.

Năm 2021, xã chi trả chế độ ưu đãi thường xuyên, quà tết, thờ cúng liệt sĩ, điều dưỡng tại nhà cho đối tượng chính sách với tổng kinh phí 1.526.882.000 đồng; kết hợp các cấp cấp 551 thẻ BHYT cho đối tượng chính sách và đối tượng bảo trợ xã hội; triển khai xây mới 03 căn nhà cho gia đình chính sách theo Quyết định 22 của Chính phủ, xây mới 04 căn từ nguồn vận động và quỹ đền ơn đáp nghĩa của huyện; kết hợp Công ty khai thác và chế biến đá An Giang, Sở LĐTBXH thăm tặng quà và trợ cấp phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Hén; đưa 17 đối tượng chính sách đủ điều kiện đi điều dưỡng tập trung tại thành phố Nha Trang, Côn Đảo, Đà Nẵng,...; lập 22 hồ sơ mai táng phí đối tượng chính sách, bảo trợ xã hội; giới thiệu 14 thân nhân đối tượng chính sách, bảo trợ xã hội từ trần đến phòng LĐTBXH nhận tiền mai táng phí; họp hội đồng xét 33 đối tượng đủ điều kiện hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội.

Kết hợp hội nông dân vận động mở lớp đào tạo nghề (xử lý xoài ra hoa) cho 25 lao động nông thôn; tư vấn cho 280/250 lao động nông thôn đi làm việc trong và ngoài tỉnh, đạt 112% chỉ tiêu giao.

đ) Công tác dân tộc, tôn giáo

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương. Tôn trọng và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Khmer; thực hiện tốt công tác chăm sóc các hộ dân tộc, nhất là các hộ dân tộc nghèo, khó khăn. Thông qua đó, góp phần tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động được nhiều nguồn lực chăm lo các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn.

7. Quốc phòng, an ninh

a) Quốc phòng

Công tác quân sự, quốc phòng được triển khai thực hiện đúng kế hoạch, duy trì lực lượng thực hiện nhiệm vụ phòng, chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn và phòng, chống cháy nổ, cháy rừng; theo dõi nắm chắc tình hình, kịp thời xử lý khi có tình huống xảy ra. Hội đồng nghĩa vụ quân sự xã kiện toàn, đúng, đủ thành phần theo quy định, hoạt động tốt, tổ chức thực hiện đúng quy định; đăng ký, quản lý chặt chẽ từng lứa tuổi thanh niên sẵn sàng gọi nhập ngũ; thực hiện đúng quy định theo phân

cấp. Kết luận cụ thể, chính xác từng thanh niên về công tác sơ tuyển khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự. Công tác xét duyệt và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trong tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định, kết luận chính xác từng trường hợp. Đảm bảo tính công khai dân chủ, công bằng, không có khiếu nại, tiêu cực trong công tác tuyển quân. Hàng năm tổ chức giao quân đúng kế hoạch và đạt 100% chỉ tiêu trên giao.

Hệ thống văn kiện sẵn sàng chiến đấu xã xây dựng đúng, đủ và được phê duyệt đúng quy định. Hàng năm tổ chức thực hiện hoàn thành tốt kế hoạch, chỉ tiêu tập huấn, huấn luyện các đối tượng. Quân số tham gia tập huấn, huấn luyện, diễn tập đạt chỉ tiêu 100% (năm 2019: 7/7 thanh niên, năm 2020: 7/7 thanh niên, năm 2021: 9/9 thanh niên); tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh cho các đối tượng và phổ biến kiến thức quốc phòng an ninh toàn dân được thực hiện đúng kế hoạch, đạt 100% chỉ tiêu. Thường xuyên thực hiện tốt công tác giáo dục quốc phòng toàn dân trên địa bàn, hoạt động có hiệu quả.

b) An ninh

Hàng năm, công an xã đều xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn, tổ chức thực hiện và thường xuyên kiểm tra, đánh giá công việc. Hiện nay, trên địa bàn xã không còn tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội. Đơn vị được nhận bằng khen Bộ công an trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc năm 2021.

Bằng nhiều biện pháp nghiệp vụ trong việc quản lý, công an xã đã tăng cường kiểm danh, kiểm diện các loại đối tượng chính trị trên địa bàn; thường xuyên gặp gỡ, tiếp xúc và tuyên truyền cho các đối tượng hiểu biết về các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Qua đó, nhìn chung các đối tượng đều chấp hành tốt, không có trường hợp nào có hành vi vi phạm pháp luật, không xảy ra hoạt động chống phá Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phá hoại các mục tiêu, công trình kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng; không xảy ra hoạt động tuyên truyền, phát triển đạo trái pháp luật, hoạt động ly khai đòi tự trị, gây rối an ninh, trật tự.

Xây dựng các mô hình tự quản về an ninh như: mô hình tự quản về an toàn giao thông, quy chế địa bàn giáp ranh, củng cố lực lượng nông cốt; mô hình quản lý, giúp đỡ, cảm hóa, giáo dục thanh thiếu niên chậm tiến, vi phạm pháp luật tại cộng đồng dân cư; xây dựng tổ tự quản, đội dân phòng, mô hình “Camera an ninh” phòng chống tội phạm.

Công an xã chủ động tăng cường công an viên phụ trách địa bàn thường xuyên xuống cơ sở nắm bắt tình hình cũng như tâm tư nguyện vọng của người dân, nhằm kịp thời tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, giúp nhân dân an tâm lao động sản xuất, đảm bảo tốt tình hình an ninh trật tự tại địa phương và tạo lòng tin cho người dân đối với lực lượng Công an. Tính đến nay, trên địa bàn xã chưa xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài, gây ra dư luận xấu, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự. Kiểm chế, làm giảm các loại tội phạm, tai nạn, không để xảy ra tội phạm nghiêm trọng và không có công dân của xã phạm tội trên địa bàn từ nghiêm trọng trở lên; không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội.

8. Tổ chức hệ thống chính trị

a) Hội đồng nhân dân xã

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021 - 2026 có 26 người. Trong đó:

- Trình độ đại học là 12 người, chiếm 46,15%; cao đẳng là 01 người, chiếm 3,85%; trung cấp là 11 người, chiếm 42,31%.

- Trình độ về lý luận chính trị cao cấp là 02 người, chiếm 7,69%; trung cấp là 19 người, chiếm 73,08%; sơ cấp là 04 người, chiếm 15,38%.

b) Tổng số cán bộ, công chức là 22 người, gồm cán bộ 9 người, công chức 13 người. Trong đó:

- Trình độ đại học là 15 người, chiếm 68,18%; cao đẳng là 02 người, chiếm 9,09%; trung cấp là 05 người, chiếm 22,73%.

- Trình độ lý luận chính trị cao cấp là 03 người, chiếm 13,64%; trung cấp là 16 người, chiếm 72,73%; sơ cấp 03 người, chiếm 13,64%.

9. Đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thị xã

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; các số liệu thống kê đến 31/12/2020, UBND huyện Tĩnh Biên đánh giá 04 tiêu chuẩn thành lập phường đối với xã Thới Sơn như sau:

a) Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên.

- Hiện trạng: xã Thới Sơn có 7.337 người.

Đánh giá: Đạt

b) Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5 km² trở lên.

- Hiện trạng: xã Thới Sơn có 24,15 km².

Đánh giá: Đạt

c) Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: Thu ngân sách trên địa bàn xã Thới Sơn năm 2021 đạt 7,487 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 7,298 tỷ đồng.

Cân đối có dư.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm:

Quy định đạt bình quân 3 năm (2019 - 2021) của huyện Tịnh Biên là 1,66% (năm 2019 là 2,26%; năm 2020 là 1,65%; năm 2021 là 1,07%)

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm (2019 - 2021) của xã Thới Sơn là 0,94% (năm 2019 là 1,38%; năm 2020 là 0,77%; năm 2021 là 0,68%).

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 70% trở lên.

Hiện trạng: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp của xã Thới Sơn đạt 73,56%.

Đánh giá: Đạt.

d) Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của xã Thới Sơn đã được Bộ Xây dựng đánh giá, công nhận đạt 12/12 tiêu chuẩn để thành lập phường theo quy định.

Như vậy, phường Thới Sơn dự kiến thành lập thuộc thị xã Tịnh Biên đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

Phần thứ ba

PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THỊ XÃ TỊNH BIÊN THUỘC TỈNH AN GIANG VÀ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ TỊNH BIÊN

I. HIỆN TRẠNG TỈNH AN GIANG, HUYỆN TỊNH BIÊN VÀ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN

1. Hiện trạng tỉnh An Giang

Tỉnh An Giang có 3.536,8 km² diện tích tự nhiên và dân số 1.904.532 người; có 11 đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm: thành phố Long Xuyên, thành phố Châu Đốc, thị xã Tân Châu và 08 huyện: An Phú, Châu Phú, Châu Thành, Chợ Mới, Phú Tân, Thoại Sơn, Tri Tôn và Tịnh Biên; 156 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có 21 phường, 19 thị trấn và 116 xã.

Địa giới hành chính tỉnh An Giang: phía Đông giáp tỉnh Đồng Tháp, phía Tây bắc giáp Vương quốc Campuchia với đường biên giới dài 104 km, phía Nam giáp thành phố Cần Thơ và phía Tây nam giáp tỉnh Kiên Giang.

2. Hiện trạng huyện Tịnh Biên

Huyện Tịnh Biên có 354,59 km² diện tích tự nhiên, dân số 143.098 người; 14 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 03 thị trấn: Tịnh Biên, Nhà Bàng, Chi Lăng và 11 xã: An Phú, Nhơn Hưng, Núi Voi, Thới Sơn, Văn Giáo, Vĩnh Trung, An Cư, An Hảo, An Nông, Tân Lập và Tân Lợi; 60 ấp, khóm.

Địa giới hành chính huyện Tịnh Biên: phía Đông giáp huyện Châu Phú, phía Tây giáp Vương quốc Campuchia, phía Nam và Tây nam giáp huyện Tri Tôn và huyện Châu Thành, phía Bắc giáp thành phố Châu Đốc.

3. Các xã, thị trấn dự kiến thành lập phường

a) Thị trấn Tịnh Biên có 21,78 km² diện tích tự nhiên, dân số 16.971 người; có 05 khóm, gồm: khóm Xuân Hòa, khóm Xuân Bình, khóm Xuân Biên, khóm Xuân Phú và khóm Xuân Hiệp.

Địa giới hành chính thị trấn Tịnh Biên: phía Bắc và phía Đông giáp xã An Phú; phía Nam giáp xã An Nông và xã An Cư; phía Tây giáp Vương quốc Campuchia.

b) Thị trấn Nhà Bàng có 6,09 km² diện tích tự nhiên, dân số 24.245 người; có 05 khóm, gồm: khóm Sơn Đông, khóm Hòa Hưng, khóm Hòa Thuận, khóm Trà Sư và khóm Thới Hòa.

Địa giới hành chính thị trấn Nhà Bàng: phía Bắc giáp xã Nhơn Hưng; phía Đông và phía Nam giáp xã Thới Sơn; phía Tây giáp xã An Phú.

c) Thị trấn Chi Lăng có 6,71 km² diện tích tự nhiên, dân số 10.545 người; có 03 khóm, gồm: khóm 1, khóm 2 và khóm 3.

Địa giới hành chính thị trấn Chi Lăng: phía Bắc giáp xã Vĩnh Trung; phía Đông giáp xã Núi Voi; phía Nam giáp xã Tân Lợi; phía Tây giáp xã An Cư.

d) Xã An Phú có 21,56 km² diện tích tự nhiên, dân số 9.688 người; có 04 ấp, gồm: ấp Phú Nhứt, ấp Phú Tâm, ấp Phú Hòa và ấp Phú Hiệp.

Địa giới hành chính xã An Phú: phía Bắc giáp Vương quốc Campuchia và xã Nhơn Hưng; phía Đông giáp thị trấn Nhà Bàng và xã Thới Sơn; phía Nam giáp xã Văn Giáo và xã An Cư; phía Tây giáp thị trấn Tịnh Biên.

đ) Xã Nhơn Hưng có 19,12 km² diện tích tự nhiên, dân số 6.992 người; có 03 ấp, gồm: ấp Đông Hưng, ấp Tây Hưng và ấp Trung Bắc Hưng.

Địa giới hành chính xã Nhơn Hưng: phía Bắc giáp Vương quốc Campuchia; phía Đông giáp xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc; phía Nam giáp xã Thới Sơn và thị trấn Nhà Bàng; phía Tây giáp xã An Phú.

e) Xã Núi Voi có 15,20 km² diện tích tự nhiên, dân số 5.341 người; có 03 ấp, gồm: ấp Mỹ Á, ấp Núi Voi và ấp Voi I.

Địa giới hành chính xã Núi Voi: phía Bắc giáp xã Ô Long Vĩ, huyện Châu Phú và xã Vĩnh Trung; phía Đông giáp xã Đào Hữu Cảnh, huyện Châu Phú; phía Nam giáp xã Tân Lợi; phía Tây giáp thị trấn Chi Lăng.

g) Xã Thới Sơn có 24,15 km² diện tích tự nhiên, dân số 7.337 người; có 04 ấp, gồm: ấp Thới Thuận, ấp Sơn Tây, ấp Núi Két và ấp Đông Thuận.

Địa giới hành chính xã Thới Sơn: phía Bắc giáp thị trấn Nhà Bàng và xã Nhơn Hưng; phía Đông giáp xã Vĩnh Tế và xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc; phía Nam giáp xã Văn Giáo; phía Tây giáp xã An Phú.

II. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG VÀ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ TỊNH BIÊN

1. Thành lập thị xã Tịnh Biên

Thành lập thị xã Tịnh Biên thuộc tỉnh An Giang trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 354,59 km² diện tích tự nhiên, dân số 143.098 người; 14 đơn vị hành chính cấp xã của huyện Tịnh Biên.

a) Tên gọi: thị xã Tịnh Biên thuộc tỉnh An Giang.

Đặt tên thị xã “Tịnh Biên” theo tên huyện “Tịnh Biên” hiện tại.

b) Quy mô thị xã Tịnh Biên: 354,59 km² diện tích tự nhiên, 143.098 người.

c) Địa giới hành chính: phía Đông giáp huyện Châu Phú, phía Tây giáp Vương quốc Campuchia, phía Nam và Tây nam giáp huyện Tri Tôn và huyện Châu Thành, phía Bắc giáp thành phố Châu Đốc.

2. Thành lập 07 phường thuộc thị xã Tịnh Biên

a) Thành lập phường Tịnh Biên trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 21,78 km² diện tích tự nhiên, dân số 16.971 người của thị trấn Tịnh Biên.

Địa giới hành chính phường Tịnh Biên: phía Bắc và phía Đông giáp phường An Phú; phía Nam giáp xã An Nông và xã An Cư; phía Tây giáp Vương quốc Campuchia.

b) Thành lập phường Nhà Bàng trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 6,09 km² diện tích tự nhiên, dân số 24.245 người của thị trấn Nhà Bàng.

Địa giới hành chính phường Nhà Bàng: phía Bắc giáp phường Nhơn Hưng; phía Đông và phía Nam giáp phường Thới Sơn; phía Tây giáp phường An Phú.

c) Thành lập phường Chi Lăng trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 6,71 km² diện tích tự nhiên, dân số 10.545 người của thị trấn Chi Lăng.

Địa giới hành chính phường Chi Lăng: phía Bắc giáp xã Vĩnh Trung; phía Đông giáp phường Núi Voi; phía Nam giáp xã Tân Lợi; phía Tây giáp xã An Cư.

d) Thành lập phường An Phú trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 21,56 km² diện tích tự nhiên, dân số 9.688 người của xã An Phú.

Địa giới hành chính phường An Phú: phía Bắc giáp Vương quốc Campuchia và phường Nhơn Hưng; phía Đông giáp phường Nhà Bàng và phường Thới Sơn; phía Nam giáp xã Văn Giáo và xã An Cư; phía Tây giáp phường Tịnh Biên.

đ) Thành lập phường Nhơn Hưng trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 19,12 km² diện tích tự nhiên, dân số 6.992 người của xã Nhơn Hưng.

Địa giới hành chính phường Nhơn Hưng: phía Bắc giáp Vương quốc Campuchia; phía Đông giáp xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc; phía Nam giáp phường Thới Sơn và phường Nhà Bàng; phía Tây giáp phường An Phú.

e) Thành lập phường Núi Voi trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 15,20 km² diện tích tự nhiên, dân số 5.341 người của xã Núi Voi.

Địa giới hành chính phường Núi Voi: phía Bắc giáp xã Ô Long Vĩ, huyện Châu Phú và xã Vĩnh Trung; phía Đông giáp xã Đào Hữu Cảnh, huyện Châu Phú; phía Nam giáp xã Tân Lợi; phía Tây giáp phường Chi Lăng.

g) Thành lập phường Thới Sơn trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 24,15 km² diện tích tự nhiên, dân số 7.337 người của xã Thới Sơn.

Địa giới hành chính phường Thới Sơn: phía Bắc giáp phường Nhà Bàng và phường Nhơn Hưng; phía Đông giáp xã Vĩnh Tế và xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc; phía Nam giáp xã Văn Giáo; phía Tây giáp phường An Phú.

3. Kết quả sau khi thành lập thị xã Tịnh Biên thuộc tỉnh An Giang và thành lập các phường thuộc thị xã Tịnh Biên

a) Tỉnh An Giang không thay đổi diện tích tự nhiên, dân số và số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, xã. Trong đó:

- Cấp huyện tăng 01 thị xã; giảm 01 huyện;
- Cấp xã tăng 07 phường; giảm 04 xã, 03 thị trấn.

Tỉnh An Giang có 3.536,8 km² diện tích tự nhiên và dân số 1.904.532 người; có 11 đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm: thành phố Long Xuyên, thành phố Châu Đốc, thị xã Tân Châu, thị xã Tịnh Biên và 07 huyện: An Phú, Châu Phú, Châu Thành, Chợ Mới, Phú Tân, Thoại Sơn và Tri Tôn; 156 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có 28 phường, 16 thị trấn và 112 xã.

a) Thị xã Tịnh Biên có 354,59 km² diện tích tự nhiên, dân số 143.098 người; 14 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 07 phường: Tịnh Biên, Nhà Bàng, Chi Lăng, An Phú, Nhơn Hưng, Núi Voi, Thới Sơn và 07 xã: Văn Giáo, Vĩnh Trung, An Cư, An Hào, An Nông, Tân Lập và Tân Lợi; 60 ấp, khóm.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN SAU KHI THÀNH LẬP THỊ XÃ TỊNH BIÊN THUỘC TỈNH AN GIANG VÀ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ TỊNH BIÊN

1. Sắp xếp tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

a) Cơ bản giữ nguyên tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị của huyện Tịnh Biên hiện tại. Tiến hành rà soát, đánh giá, phân loại để tiếp tục bố trí, sử dụng những cán bộ, công chức đủ năng lực chuyên môn; tiến hành đào tạo lại những người chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, những người còn thiếu các tiêu chuẩn theo quy định; thực hiện việc tinh giản biên chế theo quy định của Đảng và Nhà nước.

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân xã, thị trấn thành đại biểu Hội đồng nhân dân phường. Đồng thời, thị xã sẽ mở lớp bồi dưỡng kiến thức về chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân phường, các chuyên đề về đô thị, xây dựng để phát huy tốt hơn nữa vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân.

Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức của các phường mới thành lập thuộc thị xã cơ bản giữ nguyên bộ máy và cán bộ, công chức của các xã, thị trấn hiện

tại. Bố trí lại một số chức danh trong các phường được thành lập cho phù hợp với chức năng đơn vị hành chính thuộc khu vực nội thị. Trong quá trình kiện toàn bộ máy, sẽ xây dựng và bố trí đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực và phẩm chất theo hướng tinh gọn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Lập kế hoạch tổ chức bồi dưỡng kiến thức cho các cán bộ, công chức thuộc các phường mới thành lập về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền phường - chính quyền đô thị; riêng các Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và công chức Địa chính - xây dựng của các phường sẽ bồi dưỡng thêm các nội dung chuyên sâu về quản lý, thực hiện quy hoạch đô thị, quản lý dân cư.

c) Tiến hành rà soát, đánh giá, phân loại để tiếp tục bố trí, sử dụng những cán bộ, công chức đủ năng lực chuyên môn; tiến hành đào tạo lại những người chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, những người còn thiếu các tiêu chuẩn.

2. Phương án tổ chức bộ máy công an thị xã Tịnh Biên

a) Tổ chức bộ máy Công an thị xã

- Công an thị xã do Trưởng Công an thị xã chỉ huy, không quá 04 Phó Trưởng Công an thị xã.

- Tổ chức bộ máy Công an thị xã được giữ nguyên như Công an huyện hiện nay, gồm 11 đội công tác: Đội Tổng hợp; Đội An ninh; Đội Xây dựng phong trào bảo vệ ANTQ; Đội Điều tra tổng hợp; Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội; Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về quản lý kinh tế và chức vụ; Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy; Đội Cảnh sát QLHC về TTXH; Đội Cảnh sát giao thông, trật tự; Đội Cảnh sát PCCC và CNCH; Đội Cảnh sát thi hành án hình sự và HTTP.

- Khi thành lập các phường, Công an tỉnh báo cáo Bộ Công an quyết định giải thể các Đoàn Công an trên địa bàn.

b) Triển khai thành lập Công an các phường thuộc thị xã:

Thành lập Công an phường tại 07 phường dự kiến thành lập với tổng số biên chế là khoảng 145 cán bộ, chiến sỹ do Giám đốc Công an tỉnh ấn định trên cơ sở biên chế được Công an tỉnh An Giang phân bổ cho Công an thị xã Tịnh Biên, với cơ cấu dự kiến như sau:

- Lãnh đạo, chỉ huy gồm Trưởng Công an phường chỉ huy, không quá 03 Phó Trưởng Công an phường.

- Tổ chức bộ máy Công an phường gồm 03 tổ: Tổ Cảnh sát khu vực; Tổ Cảnh sát trật tự; Tổ Cảnh sát phòng, chống tội phạm.

- Biên chế Công an của mỗi phường từ 10 đến 13 cán bộ, chiến sỹ.

c) Trụ sở làm việc

- Trụ sở làm việc của Công an thị xã: Sử dụng trụ sở Công an huyện Tịnh Biên hiện tại.

- Trụ sở làm việc của Công an các phường: Trước mắt tận dụng, cải tạo các phòng làm việc của Công an xã, thị trấn hiện nay; bố trí thêm phòng làm việc trong Công sở phường và xây mới nơi nghỉ, sinh hoạt cho cán bộ, chiến sĩ.

3. Thành lập Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thị xã

Tỉnh An Giang sẽ phối hợp với Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh để báo cáo Chính phủ, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên trên cơ sở kế thừa Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên.

Phần thứ tư

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN SAU KHI ĐƯỢC THÀNH LẬP

A. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG, ẢNH HƯỞNG CỦA ĐỀ ÁN

I. TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THÀNH LẬP THỊ XÃ TỊNH BIÊN

1. Tác động đến phát triển kinh tế - xã hội

a) Mặt tích cực:

Việc thành lập thị xã Tịnh Biên sẽ có tác động mạnh đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động trên địa bàn; góp phần tạo thêm nhiều việc làm, tăng cơ hội lựa chọn của người lao động, đồng thời cũng sẽ thu hút lực lượng lao động chất lượng cao từ địa phương khác đến địa bàn. Địa bàn Tịnh Biên có Quốc lộ 91 chạy qua, có vai trò kết nối với các đô thị lân cận với thành phố Cần Thơ, thành phố Long Xuyên và thành phố Hà Tiên, là một lợi thế phát triển kinh tế.

Sau khi được thành lập, tỉnh An Giang sẽ tiếp tục quan tâm đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội hướng tới đồng bộ, nhất là hệ thống các công trình hạ tầng giao thông, đô thị, y tế, giáo dục. Như vậy, người dân sẽ được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ trong điều kiện thuận lợi hơn, chất lượng tốt hơn. Cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nhiều dự án hợp tác về kinh tế của các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp sẽ tạo ra nhiều cơ hội giải quyết việc làm cho người dân, góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện mức sống của người dân.

b) Mặt tồn tại, hạn chế:

Khi thị xã được thành lập, giá trị đất trên địa bàn sẽ chuyển biến theo hướng tăng cao dẫn đến chi phí giải phóng mặt bằng tăng cao điều này ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư của các doanh nghiệp.

Sau khi thị xã được thành lập, sự phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa sẽ dẫn đến nhiều vấn đề bất cập mới nảy sinh. Trước mắt, công tác quản lý đô thị bước đầu gặp không ít khó khăn, thách thức như: quản lý đất đai, cấp giấy phép

xây dựng nhà ở, giấy phép kinh doanh, đặc biệt là quản lý quy hoạch, quản lý sử dụng tài nguyên đất, thực hiện các dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

2. Tác động đến quản lý hành chính

a) Mặt tích cực:

Thành lập thị xã là điều kiện thuận lợi để Đảng bộ, chính quyền huyện Tịnh Biên thực hiện thắng lợi các mục tiêu mà Nghị quyết đại hội Đảng bộ đã đề ra. Góp phần nâng cao hiệu quả của công tác quản lý hành chính, giảm gánh nặng trong công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, củng cố và tăng cường hiệu quả quản lý và điều hành của chính quyền địa phương. Sau khi thực hiện Kế hoạch đào tạo, nâng cao năng lực nghiệp vụ thì đội ngũ cán bộ, công chức sẽ tiếp tục được thay đổi tích cực để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Bên cạnh đó sẽ thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính, giúp giải quyết công việc nhanh, hiệu quả hơn, giảm áp lực cho các dịch vụ hành chính công.

Khi thành lập thị xã đòi hỏi sự quản lý nhà nước ở mức độ cao, từ đó đội ngũ cán bộ, công chức cũng phải thay đổi để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của địa phương trong tình hình mới.

b) Mặt tồn tại, hạn chế:

Do yêu cầu của quá trình đô thị hóa và đầu tư phát triển dẫn đến số lượng giao dịch hành chính diễn ra trên địa bàn sẽ tăng, nhất là ở những lĩnh vực quản lý đô thị, đất đai, cấp phép xây dựng. Để đáp ứng được yêu cầu đó cần đẩy mạnh cải cách hành chính nhất là cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng và cải tiến lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức trên địa bàn.

3. Tác động đến đời sống nhân dân và môi trường

a) Mặt tích cực:

Thị xã được thành lập sẽ thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tăng nguồn đóng góp cho ngân sách của địa phương để đầu tư vào cơ sở hạ tầng, hệ thống giao thông, các công trình công cộng, trường học, trạm y tế,... từ đó góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, giáo dục và phục vụ đời sống nhân dân.

Thành lập thị xã sẽ hình thành nếp sống văn minh đô thị, góp phần điều chỉnh hành vi. Điều này đặt ra cho nhân dân phải thay đổi cách sinh hoạt hiện nay theo hướng văn minh, tiến bộ hơn, phù hợp với mô hình đô thị hóa.

Thành lập thị xã sẽ là cơ sở để mở rộng không gian phát triển đô thị, phạm vi khu vực nội thị sẽ được mở rộng, tạo điều kiện để tổ chức hợp lý các phân khu chức năng theo quy hoạch được phê duyệt.

Hiện nay, công tác xử lý vệ sinh môi trường ở huyện Tịnh biên cơ bản đã đảm bảo cho yêu cầu sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt. Khi thành lập xã thì công tác xử lý vệ sinh môi trường tiếp tục được duy trì và xử lý tốt hơn do có nhiều nguồn lực đầu tư cho phát triển nói chung và đầu tư cho công tác xử lý vệ sinh môi trường nói riêng. Thị xã Tịnh Biên sẽ được quan tâm đầu tư nhiều thiết bị, máy móc hiện đại

để xử lý tốt hơn các hiện tượng phát sinh làm ảnh hưởng đến môi trường trên địa bàn thị xã và các địa phương lân cận. Công tác quản lý đất đai, cấp giấy phép xây dựng nhà ở, giấy phép kinh doanh, thu gom và xử lý rác thải, đặc biệt là quản lý quy hoạch, quản lý sử dụng tài nguyên đất sẽ được bảo đảm.

b) Mặt tồn tại, hạn chế:

Sau khi thành lập, người dân, doanh nghiệp sẽ phải thay đổi các loại giấy tờ liên quan. Bên cạnh đó, quá trình đô thị hóa sẽ làm tăng lượng khí thải, nước thải ra môi trường, điều này ảnh hưởng đến sự cân bằng sinh thái. Nguồn tài nguyên, nhất là tài nguyên đất bị khai thác nhiều hơn để phục vụ phát triển kinh tế dẫn đến làm giảm diện tích cây xanh và mặt nước, vấn đề ô nhiễm nước mặt và nước ngầm từ nhiều nguồn khác nhau do nước công nghiệp, nước thải sinh hoạt, ao hồ bị san lấp để xây dựng các công trình hạ tầng.

Đô thị hóa làm tăng dòng người di dân từ nông thôn ra thành thị, gây nên áp lực đáng kể về nhà ở, vệ sinh môi trường và bùng nổ giao thông cơ giới gây ô nhiễm môi trường không khí và tiếng ồn. Do vậy, sau khi thành lập cần phải định hướng phát triển đô thị theo hướng bền vững, giải quyết đồng bộ các vấn đề về kinh tế, xã hội và môi trường, xây dựng hệ thống xử lý nước thải, khu xử lý rác thải, chất thải công nghiệp phải được các nhà máy, xí nghiệp xử lý triệt để trước khi thải ra môi trường.

4. Tác động đến quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội

a) Mặt tích cực:

Khi thị xã được thành lập thì lực lượng công an chính quy sẽ được tăng cường, góp phần bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, củng cố khu vực phòng thủ biên giới.

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội và đô thị hóa, cùng với cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật được đầu tư đồng bộ, thu hút các nhà đầu tư, tạo ra nhiều cơ hội việc làm, thu hút lực lượng lao động từ các nơi đổ về góp phần tăng cường khả năng huy động nguồn nhân lực dự bị động viên, dân quân tự vệ trên cơ sở tăng số lượng dân cư.

Các cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật được đầu tư, ý thức và đời sống nhân dân được cải thiện góp phần nâng cao nhận thức của người dân về an ninh - quốc phòng được tốt hơn, không để các thế lực thù địch, các phần tử phản động,... tuyên truyền, lôi kéo, lợi dụng.

b) Mặt tồn tại, hạn chế:

Việc bố trí thêm công an chính quy sẽ dẫn đến nhu cầu về trụ sở làm việc, tăng biên chế lực lượng công an. Lưu lượng người từ các địa phương khác đến hợp tác, làm ăn, sinh sống, làm việc tại địa bàn tăng cao, đòi hỏi lực lượng công an phải tăng cường công tác quản lý trên địa bàn đối với khu vực biên giới, đối với các đối tượng cư trú, lưu trú, đảm bảo an ninh kinh tế, an ninh thông tin, an toàn cho các doanh nghiệp vào đầu tư trên địa bàn. Bên cạnh đó việc thu hút đầu tư sẽ rất mạnh mẽ, số lượng các dự án đầu tư vào địa bàn tăng, liên quan đến công tác thu hồi đất,

giải phóng mặt bằng sẽ tác động đến một số bộ phận nhân dân, từ đó đòi hỏi lực lượng công an phải đủ mạnh, thường xuyên bám sát địa bàn, nắm chắc và xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh liên quan đến an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội.

Hệ thống mạng lưới giao thông được mở rộng, lưu lượng phương tiện tham gia nhiều với tải trọng lớn; các khu công cộng được hình thành nhiều hơn; các cơ sở kinh doanh có điều kiện để phát triển. Từ đó lực lượng công an phải tăng cường công tác bảo đảm an toàn giao thông, trật tự công cộng, quản lý hành chính đối với các dịch vụ kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự.

5. Tác động nguồn vốn đầu tư

a) Mặt tích cực:

Thành lập thị xã trên cơ sở nguyên trạng huyện nên không bổ sung biên chế cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; không mất thêm kinh phí xây dựng thêm trụ sở, mua sắm trang thiết bị và các tài sản mới (trừ bố trí thêm công an chính quy). Trên cơ sở quy hoạch và các dự án đầu tư được phê duyệt trên địa bàn, thị xã sẽ xác định nguồn vốn cụ thể cần phải huy động cho từng thời gian, cho từng dự án. Mặt khác, sau khi thành lập thị xã, khả năng thu hút đầu tư để phát triển kinh tế sẽ tăng nhanh, tạo nguồn thu cho ngân sách địa phương, từ đó có nguồn lực tiếp tục cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp các công trình phúc lợi, các công trình phục vụ hoạt động của bộ máy nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

b) Mặt tồn tại, hạn chế:

Khi thị xã được thành lập, giá trị đất đai tăng cao dưới tác động của việc đầu tư mạnh mẽ từ nguồn lực xã hội hóa. Giá trị đất đai tăng cao đồng nghĩa với việc tăng chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí đầu tư xây dựng, gây khó khăn trong việc đầu tư, đặc biệt là đối với các công trình sử dụng vốn ngân sách.

6. Kiến trúc đô thị và cảnh quan

a) Mặt tích cực:

Trên cơ sở điều chỉnh tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch chung đô thị Tịnh Biên đã được phê duyệt, tỉnh và thị xã sẽ thực hiện đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội nhằm đảm bảo theo tiêu chuẩn thị xã trong thời gian tới; phát triển mạng lưới giao thông theo hướng cải tạo mở rộng lộ giới trên cơ sở kế thừa các quy định, kết hợp xây mới một số tuyến đường tạo thành mạng lưới đường hoàn chỉnh,... Các công trình kiến trúc mới được xây dựng, cải tạo, đặc biệt là các khu vực sinh thái, công viên cây xanh sẽ góp phần nâng cao mỹ quan đô thị, cải thiện chất lượng môi trường sinh thái đô thị.

b) Mặt tồn tại, hạn chế:

Quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa sẽ làm tăng dân số cơ học đòi hỏi chính quyền phải xây dựng thêm các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ nhu cầu dân cư, điều này ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường xung quanh.

II. TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG

1. Kinh tế - xã hội

a) Mặt tích cực:

Việc thành lập 07 phường thuộc thị xã Tịnh Biên xuất phát từ yêu cầu công tác quản lý địa bàn đang trong quá trình đô thị hóa nhanh sẽ tạo động lực, môi trường và điều kiện cho sự phát triển hơn nữa của kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương theo hướng chuyển dịch kinh tế nông - lâm - ngư nghiệp, nông thôn thành kinh tế đô thị với dịch vụ - thương mại, công nghiệp - xây dựng là các ngành chủ đạo, đồng thời đáp ứng tốt hơn về cơ sở hạ tầng cho người dân.

Ngoài thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền đô thị thì các phường sẽ thực hiện công tác quản lý hạ tầng đô thị, quản lý dân cư, quản lý địa bàn về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội,... điều này tăng cường hiệu lực, hiệu quả của bộ máy chính quyền địa phương.

Bên cạnh đó, khi chuyển đổi mô hình từ chính quyền nông thôn sang đô thị thì các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ được hưởng đầy đủ, kịp thời các cơ chế ưu đãi theo pháp luật; chuyển dịch được một số lượng lớn lao động nông nghiệp sang làm việc ở lĩnh vực công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ,... góp phần duy trì và nâng tốc độ tăng trưởng kinh tế theo hướng năm sau cao hơn năm trước. Đồng thời, góp phần huy động các nguồn vốn đầu tư vào hạ tầng đô thị thiết yếu phục vụ đời sống, sinh hoạt của người dân.

Thành lập phường cũng sẽ tạo tác động tích cực đến thu chi ngân sách, thu nhập đầu người, phát triển cơ sở hạ tầng đô thị, thương mại, dịch vụ, thúc đẩy kết nối với khu vực trung tâm và các địa bàn giáp ranh, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa trên địa bàn.

b) Mặt tồn tại, hạn chế:

Thành lập phường tác động không nhỏ đến mục tiêu phát triển cơ cấu kinh tế của địa phương theo hướng tăng nhanh tỷ trọng thương mại - dịch vụ, công nghiệp - xây dựng và từng bước giảm tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp. Vì vậy cần thiết phải điều chỉnh lại mục tiêu tăng trưởng và cơ cấu kinh tế địa phương cho phù hợp.

Kinh tế của các địa phương tăng trưởng nhanh nhưng vẫn chưa khai thác tối đa các tiềm năng, lợi thế sẵn có; cơ sở hạ tầng đô thị tuy đã được đầu tư xây dựng trên một số lĩnh vực nhưng chưa hoàn thiện; thói quen, lối sống về bảo vệ môi trường, trật tự đô thị một số người dân còn chưa cao; nhiều vấn đề bất cập mới nảy sinh như tình trạng gia tăng dân số, lao động, việc làm, chuyển dịch cơ cấu, thành phần dân cư; quản lý kiến trúc cảnh quan và môi trường đô thị; trật tự, an toàn, tệ nạn xã hội, an ninh quốc phòng,... đây là những yêu cầu đặt ra cho chính quyền địa phương cần sớm giải quyết.

2. Quản lý hành chính

a) Mặt tích cực:

Thành lập các phường trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của các xã, thị trấn là yêu cầu tất yếu của quá trình đô thị hóa đang diễn ra

trên địa bàn. Do vậy không làm tác động bất lợi đến quá trình phát triển kinh tế, xã hội, đời sống nhân dân, không làm phát sinh kinh phí hành chính hay tăng chi ngân sách. Về tổ chức bộ máy của các phường sau khi được thành lập hoạt động ổn định không gây xáo trộn đội ngũ cán bộ, công chức. Ngoài ra, sẽ tăng cường một số chức danh phụ trách lĩnh vực quản lý đô thị; lực lượng công an phường sẽ giúp công tác quản lý xã hội, quản lý an ninh, trật tự trên địa bàn ngày càng tốt hơn.

Ngoài một số các nhiệm vụ như chính quyền nông thôn cấp xã hiện nay, sẽ thực hiện nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng, quản lý đất đai theo quy hoạch, quản lý cơ sở hạ tầng đô thị, quản lý dân cư, quản lý địa bàn về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Bộ máy hành chính Nhà nước ở cơ sở sẽ phải phù hợp với phát triển đô thị, đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao đặt ra, góp phần nâng cao trình độ quản lý nhà nước của cán bộ, công chức và cả bộ máy hành chính cơ sở.

b) Mặt tồn tại, hạn chế:

Trước mắt, việc thành lập phường sẽ ảnh hưởng đến công tác giải quyết các thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân; các doanh nghiệp, tổ chức và người dân trên địa bàn phải kê khai thay đổi lại địa chỉ cho phù hợp. Công tác quản lý nhà nước từ mô hình chính quyền nông thôn sang chính quyền đô thị cần phải có thời gian để ổn định; trước mắt đội ngũ cán bộ công chức sẽ lúng túng do sự khác biệt về chức năng, nhiệm vụ giữa hai mô hình quản lý.

3. Tác động về đất đai và môi trường

Các phường thuộc thị xã Tịnh Biên được thành lập sẽ triển khai hoàn chỉnh thực hiện quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng để phát triển kinh tế - xã hội kéo theo đó là sự gia tăng tốc độ tăng dân số cơ học, hình thành các khu, cụm công nghiệp; gia tăng chất thải, rác thải công nghiệp, sinh hoạt gây ra những tác động xấu đến môi trường tự nhiên. Do vậy, vấn đề môi trường đã và đang được thị xã Tịnh Biên quan tâm đúng mức trong việc chỉ đạo thu gom, xử lý rác thải, đảm bảo vệ sinh an toàn môi trường cho người dân.

Tốc độ đô thị hóa nhanh, nhu cầu sử dụng đất của một số ngành công nghiệp, giao thông và các lĩnh vực phi nông nghiệp tăng nhanh khiến diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã sẽ giảm dần gây tác động xấu đến vấn đề an ninh lương thực. Vì vậy, cần xây dựng phương án tổ chức lại sản xuất nông nghiệp và đẩy mạnh các chương trình hỗ trợ tạo việc làm tại chỗ cho người lao động; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá, phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái bền vững; khuyến khích phát triển mạnh các nghề thủ công truyền thống, các nghề phi nông nghiệp ở nông thôn để giải quyết triệt để và hiệu quả việc làm cho khu vực nông thôn và nông dân trên địa bàn.

4. Tác động về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội

a) Mặt tích cực:

Với việc sắp xếp, điều chỉnh bộ máy Nhà nước từ cấp xã, thị trấn thành phường sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước nói chung, trong đó có công tác quản lý Nhà nước về quốc phòng - an ninh.

Kinh tế - xã hội phát triển, đời sống vật chất, tinh thần cũng như nhận thức của người dân không ngừng được nâng lên sẽ góp phần củng cố nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc; hạn chế điều kiện phát sinh tội phạm, củng cố mạnh mẽ khu vực phòng thủ biên giới phía Tây nam.

Hạ tầng giao thông được đầu tư, nâng cấp giúp cho việc đi lại được thuận lợi, góp phần củng cố quốc phòng - an ninh, giảm thiểu tai nạn giao thông.

b) Mặt tồn tại, hạn chế:

Khi thành lập các phường, ngoài các yếu tố thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, sẽ có một số tác động khách quan theo xu hướng chung như: dân số cơ học tăng nhanh, số lượng dân nhập cư nhiều do làm việc ở các khu công nghiệp và các nhà máy, xí nghiệp, công ty nằm ngoài khu công nghiệp và nhân công các cơ sở dịch vụ - thương mại, tình hình lấn chiếm đất công, xây dựng trái phép,... sẽ gây khó khăn hơn trong công tác quản lý Nhà nước và duy trì các hoạt động thuần túy truyền thống.

5. Tác động đến sản xuất, kinh doanh và đời sống sinh hoạt của dân cư trên địa bàn

a) Mặt tích cực:

Phát triển đô thị theo hướng bền vững, có kế hoạch, lộ trình, theo chương trình phát triển đô thị Quốc gia đã được phê duyệt, do đó không ảnh hưởng lớn đến đời sống nhân dân. Sau khi thành lập các thiết chế văn hóa, giáo dục, y tế sẽ được đầu tư, nâng cấp, đáp ứng yêu cầu xây dựng phường văn minh đô thị, từ đó đời sống tinh thần và phúc lợi xã hội của người dân sẽ tốt hơn, hướng đến văn minh, tiến bộ, ý thức người dân được nâng cao, tạo chuyển biến về lối sống, nếp sống nông thôn sang đô thị cho người dân.

Bên cạnh đó với vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên và điều kiện hệ thống hạ tầng xã hội hiện hữu, cùng với sự phát triển sau khi thành lập, các phường sẽ là điều kiện lý tưởng trong việc mời gọi đầu tư, thu hút các nguồn lực, các thành phần kinh tế về địa phương phát triển các hoạt động thương mại - dịch vụ, du lịch; góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế của địa phương, nhờ đó giải quyết nhiều công ăn việc làm, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống của nhân dân, giải quyết vấn đề người dân “ly nông không ly hương”, giữ nguồn nhân lực dồi dào tại địa phương phục vụ phát triển kinh tế ngay tại quê nhà.

b) Mặt tồn tại, hạn chế:

Tốc độ đô thị hóa nhanh, nhu cầu sử dụng đất của một số ngành công nghiệp, giao thông và các lĩnh vực phi nông nghiệp tăng nhanh khiến diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã sẽ giảm dần, về lâu dài sẽ tác động đến vấn đề an ninh lương thực. Vì vậy, cần xây dựng phương án tổ chức lại sản xuất nông nghiệp và đẩy mạnh các chương trình hỗ trợ tạo việc làm tại chỗ cho người lao động; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá, phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái bền vững, sản xuất nông nghiệp sạch; khuyến khích phát triển mạnh các nghề thủ công truyền thống, các nghề phi nông nghiệp ở nông

thôn để giải quyết triệt để và hiệu quả việc làm cho khu vực nông thôn và nông dân trên địa bàn.

6. Kiến trúc đô thị cảnh quan

a) Mặt tích cực:

Tạo điều kiện để rà soát, tổ chức hợp lý các khu chức năng công nghiệp, dịch vụ, khu dân cư, khuôn viên cây xanh,... là tiền đề để đầu tư xây dựng mới các khu chức năng đô thị, từ đó có tác động đến việc thu hút, phân bố lại dân cư, cơ sở kinh doanh theo hướng mở rộng đô thị ra các khu nội thị mới có điều kiện tốt hơn về quỹ đất cũng như đã được đầu tư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật; tạo sự cân đối giữa các khu vực nội thị và giữa khu vực nội thị và ngoại thị.

b) Mặt tồn tại, hạn chế:

Quá trình xây dựng, phát triển các phường gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, tăng quy mô, mật độ dân số, tăng trưởng kinh tế. Môi trường đô thị sẽ ảnh hưởng dưới áp lực của phát triển đô thị. Mặt khác nếu công tác hoạch định, quy hoạch, quản lý đô thị không theo kịp tốc độ phát triển có thể dẫn đến sự thiếu đồng bộ, không thống nhất giữa các phường trong thị xã.

B. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN SAU KHI ĐƯỢC THÀNH LẬP

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm phát triển

Đại hội khóa XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 có ý nghĩa quan trọng cho việc xây dựng huyện Tịnh Biên phát triển nhanh và bền vững, nên cần tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế du lịch gắn với bảo vệ môi trường; đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nông nghiệp vẫn là nền tảng, lấy thương mại, dịch vụ, du lịch làm đột phá; giữ gìn bản sắc văn hóa, đảm bảo quốc phòng - an ninh; phát huy dân chủ, kiện toàn nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Phát triển Tịnh Biên phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long, của tỉnh An Giang, đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với các địa phương trong tỉnh, với các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Phát triển Tịnh Biên thành thị xã có nền kinh tế phát triển năng động với cơ cấu kinh tế hợp lý, lấy phát triển thương mại - du lịch làm động lực cho sự phát triển; ngoài ra, chú trọng phát triển công nghiệp - xây dựng theo hướng hiện đại hóa. Bên cạnh đó, nông nghiệp vẫn là thế mạnh của huyện và còn nhiều tiềm năng phát triển, ít nhất là trong 5 - 10 năm tới.

Xây dựng Tịnh Biên thành vùng động lực, đầu mối giao thương của khu vực biên giới Tây nam của tỉnh An Giang nói riêng và vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói chung dựa trên cơ sở nâng cao chất lượng tăng trưởng, hướng dẫn đến tăng trưởng xanh; chú trọng phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực

chất lượng cao; thường xuyên ứng dụng trình độ khoa học công nghệ hiện đại vào sản xuất; phát triển kinh tế phải gắn với quốc phòng, an ninh. Vận dụng tối đa cơ chế chính sách nhằm khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế, thế mạnh của địa phương để phát triển và hạn chế tác động tiêu cực; gắn phát triển kinh tế với phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới. Phát triển kinh tế phải đi đôi với vấn đề duy trì đời sống văn hóa tinh thần, cũng như xây dựng kỷ cương và văn minh đô thị.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu

Lấy dịch vụ, thương mại và du lịch là khâu đột phá để tác động thúc đẩy và là nguồn lực quyết định phát triển nền kinh tế, trong đó kinh tế biên giới và khu du lịch Núi Cẩm là điểm nhấn; tập trung huy động các nguồn lực, khai thác đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Đô thị hóa phát triển theo trục, lấy đô thị Tịnh Biên là đô thị trung tâm tạo điều kiện phát triển thuận lợi cho tất cả các vùng ven (trọng tâm là trục Quốc lộ 91, tỉnh lộ 948,...).

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp. Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ; tiếp tục cải cách hành chính, tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, xây dựng môi trường đầu tư thông thoáng để thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

b) Các chỉ tiêu chủ yếu

- Giá trị sản xuất (GO) của ngành Nông - lâm - ngư nghiệp:
 - + Theo giá hiện hành: năm 2025 đạt 6.110 tỷ đồng và năm 2030 đạt 9.150 tỷ đồng.
 - + Theo giá so sánh 2010: năm 2025 đạt 3.990 tỷ đồng và năm 2030 đạt 5.530 tỷ đồng.
- Giá trị sản xuất (GO) của ngành Công nghiệp - Xây dựng:
 - + Theo giá hiện hành: năm 2025 đạt 5.120 tỷ đồng và năm 2030 đạt 10.310 tỷ đồng.
 - + Theo giá so sánh 2010: năm 2025 đạt 3.050 tỷ đồng và năm 2030 đạt 5.495 tỷ đồng.
- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ năm 2025 đạt 7.200 tỷ đồng và năm 2030 đạt khoảng 11.500 tỷ đồng.
- Đến năm 2025, giá trị sản xuất nông nghiệp trên 01 ha đất canh tác đạt khoảng 100 - 110 triệu đồng và đến năm 2030 trên 120 triệu đồng.
- Tổng thu ngân sách từ kinh tế địa bàn năm 2025 đạt 800 tỷ đồng và 2030 đạt 1.600 tỷ đồng.
- Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân đạt 60% năm 2025 và trên 75% vào năm 2030.

- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2025 đạt 99% và năm 2030 đạt trên 100%.
- Phần đầu đạt tỷ lệ khoảng 16,26 giường bệnh/10.000 dân vào năm 2025 và 17,8 giường/10.000 dân vào năm 2030.
- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân còn dưới 6,5% vào năm 2025 và dưới 4% vào năm 2030.
- Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi/1.000 trẻ sống đến năm 2025 còn 1,15% và đến năm 2030 là 1,10%.
- Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi/1.000 trẻ sống từ năm 2020 đến 2030 là 0,2%.
- Tỷ lệ học sinh đi học trong độ tuổi bậc trung học cơ sở đạt 90% vào năm 2025 và trên 95% vào năm 2030.
- Tỷ lệ học sinh đi học trong độ tuổi bậc THPT và tương đương năm 2025 đạt 70% và năm 2030 đạt trên 85%.
- Phần đầu đến năm 2025, có 07 xã đạt nông thôn mới, 04 xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí. Đến năm 2030, 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Ngành nông - lâm - ngư nghiệp

Tiếp tục thực hiện chủ trương đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng thâm canh để tăng năng suất, hạ giá thành, tăng giá trị nông sản; từng bước chuyển đổi giống cây trồng đáp ứng yêu cầu thị trường, chủ yếu là thị trường tại chỗ phục vụ du lịch như gạo đặc sản, rau màu, hoa quả,... chuyển một phần vườn tạp kém hiệu quả sang mô hình vườn sinh thái phục vụ du lịch.

Phát triển vùng sản xuất theo mô hình cánh đồng lớn trên địa bàn huyện. Phát triển vùng sản xuất lúa đặc sản/lúa Nàng Nhen. Trên cơ sở các vùng sản xuất lúa Nàng Nhen của huyện trong thời gian qua, tiếp tục duy trì hoạt động và nâng lên một bước mới sản xuất theo hướng hữu cơ đảm bảo gạo đặc sản sạch. Định hướng đến năm 2030, Tịnh Biên phát triển khoảng 200 ha, trong đó, An Hảo - 140 ha, Văn Giáo - 30 ha và thị trấn Tịnh Biên - 30 ha).

Xây dựng khu rừng trà Trà Sư vừa là trung tâm bảo tồn, nghiên cứu nguồn gen động thực vật rừng, vừa là nơi tham quan du lịch sinh thái. Hạn chế việc người dân tự ý chuyển đất rừng sang mục đích khác không theo quy hoạch. Chú trọng đến việc phát triển các cây có giá trị kinh tế, tiếp tục triển khai thực hiện chương trình trồng cây lâm nghiệp phân tán, thực hiện trồng cây phân tán ven các tuyến đê bảo vệ vùng sản xuất nông nghiệp, tuyến lộ nông thôn, công sở, bệnh viện, trường học,... và triển khai trồng cây dược liệu dưới tán rừng.

Trong thời gian tới tiếp tục phát triển thủy sản bằng cách tận dụng diện tích mặt nước ao đìa, mương vườn để nuôi trồng thủy sản, hạn chế việc khai thác thủy sản trên các tuyến kênh, mương. Đồng thời, phát triển nuôi trồng thủy sản trên chân

ruộng vào mùa lũ theo mô hình lúa và cá ở những nơi có điều kiện thích hợp đáp ứng nhu cầu của người dân địa phương. Dự kiến đến năm 2025, diện tích nuôi trồng thủy sản các loại khoảng 25 ha, sản lượng khoảng 3.925 tấn.

2. Ngành công nghiệp - xây dựng

a) Công nghiệp

Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng các ngành áp dụng công nghệ cao phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh; tập trung đầu tư áp dụng công nghệ cao vào một số ngành công nghiệp ưu tiên, mũi nhọn đã được xác định như: dược liệu và rau quả chế biến xuất khẩu.

- *Về ngành cơ khí*: phát triển các cơ sở cơ khí ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa nhằm đáp ứng nhu cầu sửa chữa tại chỗ. Tập trung phục vụ cho các ngành mà thị xã có thế mạnh như: trồng trọt, công nghiệp chế biến.

- *Công nghiệp khai khoáng và sản xuất vật liệu xây dựng*: khai thác tài nguyên khoáng sản gắn chặt với việc bảo vệ môi trường sinh thái và cảnh quan du lịch. Nâng cao chất lượng các sản phẩm vật liệu xây dựng, tăng sức cạnh tranh trên thị trường nội địa và xuất khẩu.

- *Về công nghiệp sản xuất và phân phối điện - nước*: Đảm bảo cung cấp điện, nước đầy đủ, ổn định, an toàn phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của nhân dân; đặc biệt là nguồn điện phục vụ cho hoạt động du lịch tại khu vực Núi cấm và nguồn điện cho các khu, cụm công nghiệp hoạt động ổn định.

- *Về công nghiệp sản xuất gia công hàng may mặc*: khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở thuê, dệt xuất khẩu phát triển thu hút nhiều lao động, kết hợp với công tác dạy nghề cho các lao động, đặc biệt là lao động nữ ở các vùng nông thôn, vùng người dân tộc, từng bước mở rộng thị trường, tăng quy mô sản xuất nhằm phục vụ tốt cho hoạt động du lịch và xuất khẩu.

- *Về ngành chế biến lương thực, thực phẩm, dược liệu*: kêu gọi các doanh nghiệp đổi mới thiết bị công nghệ nhằm nâng cao giá trị hàng hóa, khuyến khích các hộ sản xuất kinh doanh đầu tư đa dạng hóa các sản phẩm chế biến để đáp ứng nhu cầu với chất lượng ngày càng cao phục vụ nhu cầu xuất khẩu. Kêu gọi đầu tư vào các dự án: dự án sản xuất rượu vang Thốt Nốt, nhà máy chế biến nông sản, lúa gạo quy mô 10.000 tấn/năm, nhà máy chế biến các sản phẩm nông, lâm nghiệp quy mô 20.000 tấn sản phẩm/năm (các sản phẩm chủ lực là măng Núi Cấm, nông sản Núi Cấm như: su su, bơ, dâu...).

- *Về các làng nghề truyền thống*: tập trung phát triển các sản phẩm tiêu thủ công nghiệp và nông nghiệp trong và ngoài khu kinh tế cửa khẩu, việc khai thác có hiệu quả nguồn nguyên liệu địa phương, phát triển và quảng bá cho sản phẩm đặc sản của địa phương như: gạo đặc sản Nàng Nhen, đường thốt nốt, tranh lá thốt nốt, dệt thổ cẩm Văn Giáo,.. tạo ra chuỗi giá trị: du lịch - thương mại - dịch vụ - văn hóa. Từng bước đăng ký thương hiệu độc quyền cho các sản phẩm đặc trưng.

- *Về các khu, cụm công nghiệp*: mở rộng khu công nghiệp Xuân Tô lên 140

ha và giữ nguyên diện tích (cụm công nghiệp An Phú 20 ha, cụm công nghiệp An Nông 35 ha, tập trung thu hút đầu tư lấp đầy cụm công nghiệp An Cư 28 ha). Từng bước kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư, phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ lấp đầy các khu, cụm đạt 70%.

b) Xây dựng

Huy động mọi nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng, đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và các hạ tầng kinh tế - xã hội, tập trung phát triển khu vực đô thị trung tâm, trục Quốc lộ 91, Tỉnh lộ 948, khu du lịch Núi Cấm và triển khai thực hiện đầu tư các công trình trọng điểm về: giao thông, kinh tế biên giới, du lịch,...

3. Ngành thương mại - dịch vụ

a) Thương mại

Đẩy mạnh phát triển kinh tế biên giới, phát huy vai trò đầu mối giao thương, xuất nhập khẩu hàng hóa dịch vụ, xúc tiến thương mại, đầu tư, hội chợ triển lãm, phát triển các hoạt động dịch vụ, chủ yếu là dịch vụ vận tải, kho bãi, thanh toán tiền tệ, ngoại hối, dịch vụ lưu trú, ăn uống, các hoạt động vui chơi giải trí, văn hóa thể thao, nhất là địa bàn thị trấn Tịnh Biên.

Phát triển kinh tế cửa khẩu được xác định là một trong những điểm tập trung quan trọng trong việc phát huy lợi thế và tiềm năng vào phát triển kinh tế xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Tịnh Biên cũng như của tỉnh An Giang trong thời gian tới.

Phấn đấu đến năm 2025: hoàn thành chuyển đổi 50% số chợ trên địa bàn tỉnh sang mô hình doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh, khai thác và quản lý chợ; hoàn thành chuyển đổi 70% số chợ do UBND cấp xã quản lý trực tiếp hoặc do tổ quản lý, cá nhân quản lý chợ sang hình thức Ban quản lý chợ hoạt động theo hình thức đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường xuyên, có thể quản lý một hoặc một số chợ trên địa bàn.

b) Phát triển các ngành dịch vụ

- Dịch vụ du lịch

Phát triển du lịch dựa trên cơ sở khai thác có hiệu quả tiềm năng về du lịch sinh thái, văn hóa, tâm linh gắn với phát triển khu kinh tế cửa khẩu; kết nối với các điểm du lịch trong và ngoài tỉnh - sang Campuchia. Trong thời gian tới tiếp tục chỉnh trang và phát triển đô thị gắn liền với phát triển thương mại và dịch vụ; tiếp tục chấn chỉnh và sắp xếp chợ Tịnh Biên, kết nối các điểm khu du lịch, các điểm du lịch trên địa bàn, quản lý khu du lịch Núi Cấm một cách thân thiện hấp dẫn du khách và an toàn thực phẩm, phải làm tốt hơn nữa để thu hút và tạo uy tín với du khách.

Đến năm 2025, dự kiến ngành du lịch huyện Tịnh Biên đón 4,5 triệu lượt khách trong nước và quốc tế với doanh thu khoảng 1.300 tỷ đồng.

- Phát triển dịch vụ vận tải

Phát triển dịch vụ vận tải trên địa bàn thị xã đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội, góp phần lưu thông hàng hóa cũng như tạo sự di chuyển thuận lợi cho hành khách liên vùng, liên tỉnh. Kết cấu hạ tầng giao thông vận tải đường bộ và đường thủy cần được tăng cường đầu tư nâng cấp và mở rộng.

Bến xe Tịnh Biên: di chuyển bến hiện hữu ra gần ranh thị trấn Tịnh Biên - xã An Phú. Quy hoạch đạt tiêu chuẩn bến loại 3 với diện tích 2,6 ha; bến xe Chi Lăng: đến năm 2025 đạt tiêu chuẩn bến xe loại 3.

- Phát triển dịch vụ tài chính ngân hàng

Mở rộng các hình thức và nâng cao chất lượng hoạt động tài chính, tín dụng theo hướng kinh doanh tiên tiến, đa dạng hóa các hình thức huy động vốn; đơn giản hơn các thủ tục hành chính nhằm giảm bớt phiền hà cho khách hàng, nâng cao chất lượng phục vụ, tạo điều kiện cho người nghèo được tiếp cận với nguồn vốn; nâng cao chất lượng quản lý, chất lượng nguồn nhân lực và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động ngân hàng.

4. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng

Định hướng giao thông vận tải phải dựa trên nền tảng Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh An Giang và Quy hoạch phát triển giao thông vận tải của vùng. Đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn trong mọi tình huống, đảm bảo an ninh quốc phòng, bảo đảm môi sinh và môi trường bền vững.

Nhằm kết nối với hệ thống giao thông quốc gia và liên kết với hệ thống giao thông các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long, các địa phương khác trong tỉnh An Giang. Trên cơ sở phát huy nội lực, huy động các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng, đồng thời thu hút đầu tư nước ngoài vào phát triển hạ tầng giao thông của thị xã. Tăng cường công tác cải cách cơ chế chính sách, xúc tiến kêu gọi đầu tư để thu hút các đơn vị, tổ chức đầu tư phát triển hệ thống giao thông trên địa bàn.

5. Phát triển giáo dục đào tạo

Phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất đạt 51,47% (35/68 đơn vị).

Đảm bảo đủ trường, lớp cho bậc học mầm non để đến năm 2025: tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 100%; số trẻ em đi học trong độ tuổi nhà trẻ đạt 380 em, tỷ lệ trẻ từ 3 - 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt trên 96%; tỷ lệ học sinh đi học trong độ tuổi đạt trên 85%.

Đến năm 2025, tỷ lệ phòng học kiên cố là 100%, có đủ phòng học đảm bảo 100% số học sinh được học tập và hoạt động cả ngày ở trường; 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn, tỷ lệ học sinh đi học trong độ tuổi đạt 100%. Đảm bảo 100% học sinh tốt nghiệp tiểu học vào lớp 6; trên 80% học sinh tốt nghiệp THCS vào học THPT, bổ túc THPT, TCCN và trung cấp nghề; tỷ lệ học sinh đi học trong độ tuổi đạt khoảng 90% vào năm 2025. Đảm bảo 100% số trường THPT có đủ các phòng chức năng, trang thiết bị dạy học và có 100% trường đạt chuẩn Quốc gia. Phát triển giáo dục ở mức trên chuẩn, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết

bị dạy học được chuẩn hóa theo hướng hiện đại.

Ưu tiên khuyến khích các cơ sở đào tạo những ngành nghề truyền thống tại các làng nghề trên địa bàn thị xã Tịnh Biên, các ngành nghề phục vụ cho du lịch, thương mại, dịch vụ,... Tăng cường đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ, giáo viên về khả năng ngoại ngữ (tiếng Khmer và tiếng Anh). Tận dụng kinh phí quốc gia về hỗ trợ quan hệ hợp tác với Campuchia.

6. Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Bảo đảm mọi người dân được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, mở rộng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng. Người dân được sống trong cộng đồng an toàn, phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật, nâng cao thể lực, chất lượng sống và tăng tuổi thọ.

Đến năm 2025 tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 6,5%. Phấn đấu tăng giường bệnh công lập lên khoảng 16,26 giường/1 vạn dân vào năm 2025. Tỷ lệ bác sĩ /1 vạn dân đạt 6,5 bác sĩ/1 vạn dân vào năm 2025. Phấn đấu đến năm 2025 có 95% người dân tham gia bảo hiểm y tế.

Duy trì hoạt động đông y tại thị xã một cách hiệu quả, ổn định, tăng cường kêu gọi phát triển nguồn nhân lực y học cổ truyền để tạo thế mạnh riêng phục vụ cho loại hình dịch vụ khám chữa bệnh tại Tịnh Biên.

7. Phát triển văn hóa - thể dục thể thao

Gắn kết chặt chẽ và đồng bộ giữa phát triển văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống văn hóa lành mạnh trong xã hội. Bảo tồn, khai thác, phát huy có hiệu quả văn hóa vật thể và phi vật thể trên địa bàn.

Đẩy mạnh hiệu quả hoạt động phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, đơn vị văn hóa gắn với thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới. Tăng cường quan hệ, giao lưu với địa phương bên nước bạn Campuchia, nhất là trong các dịp lễ hội (truyền thống, đua bò, đua xuồng mùa nước nổi, Tết Nguyên Đán hằng năm).

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thể thao quần chúng, nâng cao hiệu quả phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ”. Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư cho văn hóa, thể dục thể thao; phát triển sự nghiệp thể dục thể thao tương xứng với vị trí, tiềm năng, tốc độ và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

8. Khoa học - công nghệ

Khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao ứng dụng công nghệ tại các doanh nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, hỗ trợ và bảo trợ cho hoạt động khoa học và công nghệ. Quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ, năng động, dễ dàng tiếp cận được và ứng dụng các mô hình quản lý khoa học - công nghệ tiên tiến vào thực tế ở địa bàn thông qua các chương trình đào tạo ngắn hạn trong nước và nước ngoài, nhằm nhanh chóng

đáp ứng nhu cầu phát triển khoa học - công nghệ của thị xã.

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh An Giang giai đoạn 2012 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, tập trung vào các sản phẩm chủ lực của Tịnh Biên như: cây dược liệu, các loại cây ăn quả trồng trên vùng đất cao, rượu vang thốt nốt, rượu hồng quân, tinh dầu trái chúc,... Từng bước đăng ký chỉ dẫn địa lý, bảo hộ thương hiệu cho các sản phẩm đặc trưng này của Tịnh Biên. Phát huy, sở hữu tài sản trí tuệ làm nền tảng cho việc gắn sản xuất kết hợp tham quan du lịch và hình thành nhiều sản phẩm đặc thù, đặc sản để phục vụ và thúc đẩy phát triển công nghiệp nông thôn và du lịch, trong đó việc phát huy giá trị các địa danh để phát triển thương hiệu cho sản phẩm du lịch.

9. Lao động, việc làm và vấn đề xóa đói giảm nghèo

Đẩy mạnh tuyên truyền về công tác giảm nghèo, để người dân có ý thức vươn lên, không trông chờ ỷ lại vào sự trợ giúp của xã hội và nhà nước nhằm hạn chế hộ nghèo phát sinh; tăng cường hỗ trợ tín dụng ưu đãi cho người nghèo, cận nghèo có nhu cầu sản xuất kinh doanh, cho vay làm nhà ở, sử dụng điện, nước sạch,...

Tăng cường biện pháp hỗ trợ an sinh xã hội, ổn định đời sống nhân dân, tiếp tục thực hiện và triển khai đồng bộ nhóm giải pháp đảm bảo an sinh xã hội theo Nghị quyết 30/2008/NQ của Chính phủ. Thực hiện đầy đủ, kịp thời có hiệu quả các chính sách về bảo trợ xã hội. Theo dõi, nắm vững tình hình đời sống nhân dân, thực hiện đầy đủ, kịp thời có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, đặc biệt quan tâm đối với các đối tượng bảo trợ xã hội.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, tư vấn cho nhân dân nhằm nâng cao nhận thức về quyền bình đẳng giới, công tác chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ cho trẻ em từ các chương trình, dự án; tiếp tục xây dựng các tiêu chí xây dựng xã, phường phù hợp với trẻ em.

10. Bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu

Bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu, vừa là chiến lược của phát triển bền vững, đầu tư cho bảo vệ môi trường phòng chống thiên tai là đầu tư phát triển, là nhiệm vụ của toàn xã hội; phương châm là lấy phòng ngừa và hạn chế tác động xấu đối với môi trường là chính, kết hợp với xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái và cải thiện môi trường.

Quản lý tốt quy hoạch, kế hoạch và khai thác sử dụng có hiệu quả và tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên nhất là đất đai, nguồn nước ngầm, tài nguyên rừng,... đảm bảo phát triển bền vững. Nâng cao khả năng phòng tránh và hạn chế tác động xấu của thiên tai, ứng cứu kịp thời các sự cố môi trường. Tăng cường đầu tư phát triển cho việc bảo vệ môi trường, kết hợp xử lý ô nhiễm trên địa bàn.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đổi mới mạnh mẽ trong sản xuất nông nghiệp, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm; thực hiện tốt Chương trình xây dựng nông thôn mới

Hình thành các vùng nông nghiệp quy mô lớn, khép kín; từng bước thu hút, hình thành một số doanh nghiệp nông nghiệp đầu tàu giữ vai trò dẫn dắt quá trình thực hiện chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ hàng hóa nông sản chủ lực trên địa bàn. Hỗ trợ các doanh nghiệp, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm nông sản, tập trung cho nhóm sản phẩm là gạo, cây ăn trái,... gắn với thực hiện chương trình Quốc gia “*Mỗi xã một sản phẩm*”. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp tập trung chủ yếu chuyển đổi cây trồng trên nền đất lúa kém hiệu quả sang trồng rau màu, cây ăn trái gắn với phục vụ du lịch; ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm; tạo thành các vùng chuyên canh cây ăn trái gắn kết với việc hình thành các hợp tác xã, tổ hợp tác kết nối với thị trường trên cơ sở chủ động liên kết với các doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; xây dựng mô hình vườn du lịch gắn với nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết nối vào chuỗi du lịch của tỉnh. Đồng thời, phát huy hiệu quả công trình thủy lợi vùng cao, hệ thống thủy lợi đã, đang đầu tư xây dựng đảm bảo phục vụ sản xuất, trong đó chú ý các sản phẩm có lợi thế như cây dược liệu, cây ăn trái vùng núi.

Đẩy mạnh tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân về xây dựng nông thôn mới cùng tham gia với hệ thống chính trị tại địa phương; huy động nguồn lực từ lồng ghép các chương trình đầu tư và vận động xã hội hóa; phương châm thực hiện dễ làm trước khó làm sau, nỗ lực hoàn thành tốt mục tiêu của chương trình.

2. Phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch

Tiếp tục phát huy lợi thế vị trí đầu mối giao thông và lợi thế so sánh phát triển thương mại, dịch vụ du lịch; kết nối giao thương giữa các vùng trung tâm tỉnh An Giang với Hà Tiên, Phú Quốc tỉnh Kiên Giang và thành phố Hồ Chí Minh; tích cực hỗ trợ doanh nghiệp sớm triển khai thực hiện các dự án về du lịch; đa dạng hóa các loại hình sản phẩm du lịch; nâng cao và cải thiện chất lượng dịch vụ du lịch trên địa bàn; tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá giới thiệu du lịch Tịnh Biên; chủ động đào tạo nguồn nhân lực phục vụ lĩnh vực du lịch. Phát triển hạ tầng khu, cụm công nghiệp trên địa bàn nhằm tạo cơ sở thu hút đầu tư; tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, kêu gọi các dự án phù hợp với điều kiện địa phương. Tiếp tục phát triển mô hình, sản xuất công đoạn, gia công, chế biến góp phần giải quyết việc làm cho lao động địa phương; chọn lọc sản phẩm đặc thù ở địa phương để tác động hỗ trợ cải tiến mẫu mã, bao bì, chất lượng sản phẩm, tập huấn kiến thức, kỹ năng; chuyên giao các tiến bộ khoa học công nghệ, đến cuối năm 2025 có từ 03 sản phẩm đưa vào hệ thống phân phối quốc gia. Thực hiện cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*”.

3. Huy động các nguồn lực, đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nỗ lực thu ngân sách đạt chỉ tiêu

Tổng vốn đầu tư công dự kiến 1.000 tỷ đồng; huy động nguồn lực để hoàn thiện tiêu chí đô thị loại IV và đạt tiêu chuẩn thị xã, trong đó ưu tiên cho trực đô

thị và các trung tâm các đơn vị hành chính cấp xã; phát triển hạ tầng giao thông kết nối các điểm, khu du lịch; liên kết các vùng dân cư tạo thể liên hoàn thuận lợi giao thương và phục vụ du lịch, nhất là tuyến đường liên xã qua các vùng thu hút đông du khách; tác động, phối hợp tỉnh sớm triển khai đầu tư đường tỉnh 945, đường tỉnh 949 và đường tỉnh 948 giai đoạn 2; tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đô thị, tạo bộ mặt khang trang và từng bước hình thành thói quen nếp sống văn minh đô thị.

Tích cực khai thác và nuôi dưỡng các nguồn thu đảm bảo minh bạch, công bằng, đúng pháp luật; thực hiện tốt công tác kê khai, kiểm tra và xử lý nợ đọng thuế để đạt chỉ tiêu thu ngân sách.

4. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Chuẩn bị các điều kiện và tổ chức thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; chủ động giải pháp đột phá lĩnh vực giáo dục để nâng cao chất lượng dạy và học; nâng chất các chuẩn phổ cập giáo dục theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Quan tâm đẩy mạnh công tác phân luồng hướng nghiệp gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chủ yếu một số lĩnh vực bức xúc ở địa phương như chất lượng giáo viên Tiếng Anh, môn Toán (quốc tế); đào tạo y sĩ nha khoa học đường, lĩnh vực công nghệ thông tin cho tuyến cơ sở và nguồn nhân lực phục vụ lĩnh vực du lịch.

Đẩy mạnh công tác đánh giá kiểm định chất lượng; chủ động thực hiện các hồ sơ minh chứng đảm bảo công nhận trường chuẩn quốc gia theo lộ trình; khuyến khích mở rộng các loại hình ngoài công lập, đặc biệt đối với ngành học mầm non; tiếp tục đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa khuyến học, khuyến tài.

Xây dựng kế hoạch mở các lớp đào tạo, tập huấn ngắn hạn, dài hạn tạo nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch trên địa bàn.

5. Về văn hóa, thể thao và thông tin truyền thông

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”, giữ vững, nâng chất danh hiệu văn hóa, tiếp tục nâng cao mức hưởng thụ văn hóa trên cơ sở quan tâm đầu tư các thiết chế văn hóa, thể thao. Tổ chức các sự kiện, lễ, ngày kỷ niệm nghiêm túc, tiết kiệm và hiệu quả thiết thực; đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao; duy trì và phát triển các giải thể thao truyền thống, đặc thù của địa phương (chống xuống mùa nước nổi, leo núi, đua bò, đua ghe ngo trên cạn, đội cà om lấy nước,...).

Về lĩnh vực thông tin - truyền thông: Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào mọi lĩnh vực; đảm bảo 100% xã có bưu điện cung ứng đa dịch vụ (dịch vụ công, dịch vụ bưu chính viễn thông,...); đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đạt tỷ lệ trên 60% và 40% mức độ 4; tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống truyền thanh từ cấp huyện đến cơ sở, đạt tỷ lệ phủ sóng truyền thanh 95%.

6. Nâng cao chất lượng hoạt động y tế và dân số

Hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, đảm bảo 100% trạm y tế đạt chuẩn quốc gia; mở rộng quy mô theo hướng chuyên khoa tại Trung tâm Y tế huyện; tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất nhằm từng bước đáp ứng các nhu cầu thiết yếu phục vụ khám, điều trị bệnh, góp phần nâng cao công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân; cải thiện sức khỏe sinh sản, nâng cao chất lượng dân số, đến năm 2025 phấn đấu hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu chuyên môn. Duy trì ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, quản lý bệnh viện; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ và y đức của cán bộ, nhân viên ngành y tế; cải cách thủ tục về phương thức thanh toán chi phí điều trị không dùng tiền mặt.

Đẩy mạnh công tác truyền thông nâng cao nhận thức và hành động của cộng đồng trong phòng, chống dịch bệnh; tăng cường công tác kiểm tra về an toàn vệ sinh thực phẩm, hoạt động hành nghề dược, y tế tư nhân.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động tham gia bảo hiểm y tế, nhất là số người không còn hưởng chế độ do nhà nước hỗ trợ, gắn với đổi mới thủ tục hành chính và nâng cao thái độ, chất lượng khám, chữa bệnh đối với người có thể bảo hiểm y tế tạo niềm tin trong nhân dân.

7. Về lao động, việc làm, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội và công tác tôn giáo, dân tộc

Tổ chức giới thiệu, tư vấn tạo việc làm cho lao động; chủ động liên kết các cơ sở dịch vụ việc làm, dạy nghề để thuận lợi cho lao động tìm việc làm phù hợp; tích cực đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động trên cơ sở hỗ trợ vay vốn ưu đãi từ ngân sách huyện ủy thác cho ngân hàng Chính sách Xã hội.

Tiếp tục thực hiện công tác giảm nghèo theo hướng bền vững gắn với tạo việc làm ở địa phương; phát huy các mô hình giảm nghèo bền vững và nhân rộng các mô hình phù hợp điều kiện thực tế; lồng ghép các nguồn vốn thích hợp để tạo cơ hội cho hộ nghèo ý thức vươn lên thoát nghèo bền vững; đến năm 2025 thu nhập bình quân đầu người đạt 60 triệu đồng/năm.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời, công bằng, chính xác các chính sách an sinh xã hội, tiếp tục nâng cao nhận thức của xã hội về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em nhất là trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp, chăm sóc để phục hồi, tái hòa nhập có cơ hội phát triển; từng bước có giải pháp tích hợp các chính sách để thực hiện hiệu quả phù hợp quy định hiện hành. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác an sinh xã hội.

Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, tạo thuận lợi tiếp tục nâng cao đời sống vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số; chủ động giải quyết các vụ tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai, cơ sở thờ tự có liên quan đến tôn giáo, dân tộc; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và giải quyết dứt điểm các vụ việc không để phát sinh “Điểm nóng dân tộc, tôn giáo”.

8. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên, môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

Thực hiện chuẩn hóa số liệu quy hoạch sử dụng đất phục vụ người dân có thể truy cập; khai thác tốt nguồn lực từ đất đai, đáp ứng kịp thời việc giao đất, cho thuê đất phục vụ đầu tư khu, cụm công nghiệp, kinh tế cửa khẩu, thương mại dịch vụ du lịch; tăng cường quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản hiệu quả và kiên quyết xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm lĩnh vực đất đai, tài nguyên, khoáng sản. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về công tác bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao nhận thức và hành động của cộng đồng, chủ động ứng phó, hạn chế thấp nhất thiệt hại do ảnh hưởng thời tiết, biến đổi khí hậu; tăng cường giám sát và kiểm soát ô nhiễm, xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, nâng cao chất lượng môi trường đô thị và nông thôn, bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên.

9. Đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc trên từng địa bàn, lĩnh vực. Tập trung mọi nguồn lực giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, sẵn sàng ứng phó trong mọi tình huống, không bị động, bất ngờ, không để xảy ra điểm nóng về an ninh chính trị.

Chủ động nắm chắc tình hình, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; kịp thời ngăn chặn, phản bác những thông tin và luận điệu sai trái, sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin, an ninh mạng.

Tăng cường quản lý nhà nước về quốc phòng - an ninh, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh, đối ngoại, tiếp tục đẩy mạnh xây dựng khu vực phòng thủ theo quy hoạch lộ trình đã xác định nhất là địa bàn trọng điểm, thực hiện tốt công tác đối ngoại quốc phòng và nhân dân, tăng cường mối quan hệ đoàn kết hữu nghị, hợp tác với các địa phương bên kia biên giới nước bạn Campuchia, xây dựng tuyến biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định phát triển tạo hành lang bảo vệ vững chắc các khu vực phòng thủ. Đồng thời, tổ chức diễn tập và hoàn thành công tác huấn luyện để thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược trong giai đoạn mới.

Xây dựng lực lượng quân sự, dân quân tự vệ, dự bị động viên và công an nhân dân trong sạch, vững mạnh toàn diện đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết, của cả hệ thống chính trị thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, an toàn giao thông để đấu tranh hiệu quả, phòng, chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, đảm bảo an toàn giao thông giảm 10% cả 3 tiêu chí.

10. Công tác nội chính, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Duy trì, nâng chất công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ 100% đội ngũ hòa giải viên cơ sở, đảm bảo tỷ lệ hòa giải thành trên 90%.

Triển khai thực hiện các cuộc thanh tra đạt 100% kế hoạch; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo mới phát sinh đạt từ 90% trở lên. Công tác thanh tra, kiểm tra tập trung những lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng như đất đai, tài chính,... Nỗ lực giải quyết nhanh, kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân theo đúng quy định, hạn chế thấp nhất đơn thư tồn đọng; tiếp tục giải quyết dứt điểm đơn thư tồn đọng kéo dài. Triển khai đồng bộ việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, kịp thời ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi vi phạm.

Kiên toàn các cơ quan tư pháp, nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động đảm bảo kịp thời, chính xác, không sai phạm; thực hiện cải cách tư pháp đúng chủ trương, tuân thủ theo pháp luật.

11. Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương

Chủ động nâng cao hiệu quả hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân, đảm bảo quyền lợi chính đáng của cử tri. Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện cải cách hành chính, duy trì chỉ số cải cách hành chính từ hạng 3 trở lên; nâng cao chỉ số hài lòng của người dân thực hiện thủ tục hành chính đạt trên 90%. Xây dựng kỷ luật, kỷ cương hành chính, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Thực hiện tốt công tác lưu trữ tài liệu, xây dựng kho lưu trữ đúng quy cách, an toàn.

Thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông và dịch vụ công trực tuyến; xử lý nghiêm công chức, viên chức những vi phạm, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính. Tích cực hoàn thiện chính quyền điện tử các cấp theo lộ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong đó tập trung phát huy hiệu quả hệ thống trực tuyến, mô hình phòng họp không giấy, trung tâm điều hành thông minh, các phần mềm phục vụ các thủ tục hành chính.

Tiếp tục xây dựng phát triển huyện theo hướng đô thị, hoàn thiện tiêu chí đô thị loại IV. Tiến hành điều tra định kỳ hằng năm về thu nhập bình quân đầu người/năm của hộ gia đình làm cơ sở chỉ đạo và thực hiện giải pháp nâng cao mức sống của dân cư.

Công tác đối ngoại: Tăng cường mối quan hệ hữu nghị, thân thiết với chính quyền, lực lượng phía Campuchia, chủ động trao đổi, phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh trên tuyến biên giới; kịp thời ngăn chặn, xử lý các loại tội phạm, bảo vệ an toàn chủ quyền biên giới, lãnh thổ.

12. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới; phát huy dân chủ ở cơ sở, vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn, đổi mới nội dung, cách làm phù hợp, hiệu quả trong thực hiện chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, kết luận về công tác dân vận, công tác dân vận chính quyền, nhất là ở cấp cơ sở; nâng cao vai trò của các đoàn thể trong công tác giám sát, phản biện và góp ý xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch vững mạnh theo quyết định 217, 218 của Trung ương

(khóa XII); quan tâm chăm lo đời sống nhân dân, hướng đến mục tiêu đồng thuận, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước. Củng cố, nâng chất, phát triển đoàn viên, hội viên đạt 50% dân số trong độ tuổi, tỷ lệ lực lượng nòng cốt đạt 15% so với tổng số đoàn viên, hội viên; Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng năm đạt 90% trở lên.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, khóa XII) trong cán bộ, đảng viên và nhân dân; học tập kinh nghiệm, nâng cao chất lượng thực hiện các phong trào thi đua yêu nước gắn với dân vận khéo và xây dựng nông thôn mới, phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Tăng cường giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao ý thức trách nhiệm đối với cán bộ làm công tác dân vận, mặt trận, tổ chức đoàn thể các cấp và cả hệ thống chính trị, khắc phục xu hướng “*Hành chính hóa*” và bệnh chạy theo thành tích.

13. Xây dựng tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ

a) Công tác giáo dục chính trị tư tưởng:

Đảng bộ xác định công tác giáo dục chính trị tư tưởng là nhiệm vụ quan trọng, hàng đầu của công tác xây dựng Đảng, tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác giáo dục chính trị - tư tưởng. Lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng; đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII). Đấu tranh ngăn chặn suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, đẩy lùi những biểu hiện “*Tự diễn biến*”, “*Tự chuyển hóa*” trong nội bộ; thực hiện tốt các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. Tăng cường công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; kịp thời nắm bắt tư tưởng, dư luận xã hội để định hướng, tuyên truyền, đặc biệt là trên Internet và mạng xã hội, xuất bản và đảm bảo lịch sử Đảng bộ của xã và thị trấn.

b) Công tác tổ chức xây dựng đảng

Tiếp tục kiện toàn hệ thống chính trị, nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy đảng, đổi mới lề lối làm việc của cả hệ thống chính trị; tăng cường hoạt động chất vấn trong sinh hoạt cấp ủy; phát huy mạnh mẽ vai trò giám sát; thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng.

Nâng chất công tác đảng viên, quan tâm phát triển đảng viên trẻ, nữ, người dân tộc Khmer, giáo viên, nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, các nhà doanh nghiệp tư nhân, các vị chức sắc tôn giáo có uy tín và lực lượng dân quân tự vệ; phấn đấu trong nhiệm kỳ phát triển 300 đảng viên mới.

Hằng năm có 95% chi, đảng bộ cơ sở đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; 90% chi bộ dưới cơ sở đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, 95% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Thường xuyên quan tâm công tác quy hoạch cán bộ gắn với việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ về chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị; thực hiện tốt công tác sắp xếp, luân chuyển, điều động cán bộ, tạo điều kiện rèn luyện, thử thách đối với cán bộ trong diện quy hoạch; mạnh dạn đề bạt cán bộ có năng lực, cán bộ trẻ, nữ, dân tộc để tạo nguồn nhân lực mới.

Kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện. Sáp nhập Đài Truyền thanh vào Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện; thành lập Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện.

c) Công tác kiểm tra, giám sát:

Cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch và triển khai thực hiện toàn diện, có hiệu quả các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều 30 và Điều 32 Điều lệ Đảng. Tập trung thực hiện nhiệm vụ kiểm tra đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp và tổ chức đảng khi có dấu hiệu vi phạm, xử lý nghiêm, đúng người, đúng tội; phát hiện và tiến hành kiểm tra các lĩnh vực dễ phát sinh vi phạm; chú trọng kiểm tra, giám sát người đứng đầu. Giải quyết kịp thời đơn thư tố cáo, khiếu nại theo quy định của Điều lệ Đảng đúng thời gian kế hoạch đề ra; kịp thời xem xét những vấn đề nổi cộm, bức xúc phát sinh ở cơ sở; tích cực kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng; hằng năm tiến hành kiểm tra, giám sát 15% tổ chức cơ sở đảng và 100% đảng viên đương chức. Cùng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ kiểm tra; chủ động phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan để tiến hành công tác kiểm tra, giám sát.

Phần thứ năm

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Qua nhiều năm phấn đấu, được sự quan tâm đầu tư của Trung ương, của Tỉnh và sự nỗ lực của Đảng bộ, nhân dân huyện Tịnh Biên trong việc phát huy mọi nguồn lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội, tập trung xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, việc cải tạo chỉnh trang đô thị đã được đẩy mạnh, chất lượng cuộc sống của người dân được cải thiện nâng lên. Thành lập thị xã Tịnh Biên thuộc tỉnh An Giang và thành lập các phường thuộc thị xã Tịnh Biên có ý nghĩa quan trọng về mặt chính trị, đánh dấu bước trưởng thành, phát triển của huyện Tịnh Biên, trong đó có các phường thuộc thị xã Tịnh Biên. Tạo động lực để Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong huyện tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, tinh thần cần cù, sáng tạo trong lao động, sản xuất của địa phương.

Việc thành lập thị xã Tịnh Biên thuộc tỉnh An Giang và thành lập các phường thuộc thị xã Tịnh Biên là cần thiết, phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát

triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đến năm 2020 và Đồ án quy hoạch chung đô thị Tịnh Biên, tỉnh An Giang đến năm 2035. Là bước ngoặt để Tịnh Biên tiếp tục phát triển, phấn đấu, xứng đáng là đô thị cửa khẩu giao thương quốc tế, trung tâm kinh tế, văn hóa, hành chính, thương mại, du lịch, công nghiệp có vai trò thúc đẩy sự phát triển vùng phía Tây tỉnh An Giang, là trung tâm du lịch tâm quốc gia. Đồng thời đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh An Giang nói riêng, vùng đồng bằng sông Cửu Long nói chung.

II. KIẾN NGHỊ

Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết tán thành chủ trương thành lập thị xã Tịnh Biên thuộc tỉnh An Giang và thành lập các phường thuộc thị xã Tịnh Biên./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- UBND huyện Tịnh Biên;
- Lưu: VT, NC-KSTT (Th).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Thành Nhơn